

Số: 45 /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Sơn La;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐDBĐVN.

Handwritten signature and initials

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc

**DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH SƠN LA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45 /2013/TT-BTNMT
ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Sơn La và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP
BẢN ĐỒ TỈNH SƠN LA

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Sơn La gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Sơn La	3
2	Huyện Bắc Yên	9
3	Huyện Mai Sơn	19
4	Huyện Mộc Châu	41
5	Huyện Mường La	52
6	Huyện Phù Yên	64
7	Huyện Quỳnh Nhai	81
8	Huyện Sông Mã	91
9	Huyện Sốp Cộp	111
10	Huyện Thuận Châu	120
11	Huyện Vân Hồ	148
12	Huyện Yên Châu	156

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 3	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 20' 49"	103° 54' 52"					F-48-64-B
tổ 5	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 07"	103° 54' 48"					F-48-64-B
bản Bó	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 34"	103° 53' 42"					F-48-64-B
bản Bó Cón	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 20' 43"	103° 55' 16"					F-48-64-B
bản Bó Phứa	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 20' 23"	103° 55' 58"					F-48-64-B
núi Bôm Huốt	SV	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 08"	103° 55' 56"					F-48-64-B
bản Cá	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 38"	103° 54' 23"					F-48-64-B
bản Cọ	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 20' 42"	103° 54' 45"					F-48-64-B
bản Hải	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 29"	103° 54' 45"					F-48-64-B
bản Hìn	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 20' 19"	103° 53' 15"					F-48-64-B
bản Lá Sắng	DC	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 26"	103° 52' 33"					F-48-64-B
sườn Nậm La	TV	P. Chiềng An	TP. Sơn La			21° 20' 35"	103° 54' 37"	21° 21' 53"	103° 54' 33"	F-48-64-B
hang Tát Tông	SV	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 20"	103° 54' 03"					F-48-64-B
núi Thảm Cọng	SV	P. Chiềng An	TP. Sơn La	21° 21' 53"	103° 54' 15"					F-48-64-B
quốc lộ 6	KX	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La			21° 20' 58"	103° 51' 53"	21° 20' 06"	103° 52' 30"	F-48-64-B
cụm Bôm Huốt	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 20' 51"	103° 51' 00"					F-48-64-B
cụm Bông Phiêng	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 33"	103° 52' 19"					F-48-64-B
pu Cút	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 20' 14"	103° 50' 09"					F-48-64-B
núi Đán Hùn	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 39"	103° 52' 04"					F-48-64-B
bản Dầu	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 17' 52"	103° 49' 19"					F-48-64-B
bản Hóm	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 39"	103° 51' 35"					F-48-64-B
bản Hủa	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 17' 44"	103° 50' 33"					F-48-64-B
bản Hùn	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 04"	103° 52' 06"					F-48-64-B
núi Kham Póm	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 56"	103° 51' 32"					F-48-64-B
bản Muông	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 15"	103° 50' 48"					F-48-64-B
bản Ngoại	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 05"	103° 50' 41"					F-48-64-B
sườn Ôt Giầu	TV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La			21° 17' 59"	103° 48' 59"	21° 18' 19"	103° 51' 17"	F-48-64-B
bản Ôt Luông	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 17' 38"	103° 50' 03"					F-48-64-B
bản Ôt Nội	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 08"	103° 50' 13"					F-48-64-B
Pá Có	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 52"	103° 51' 05"					F-48-64-B
pu Păng	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 04"	103° 49' 59"					F-48-64-B
Phiêng Khoang	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 20' 14"	103° 51' 36"					F-48-64-B
đèo Sơn La	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 20' 06"	103° 52' 29"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ten Pu Hinh	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 17' 43"	103° 48' 34"					F-48-64-B
núi Tre Yếm	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 16"	103° 52' 13"					F-48-64-B
pu Xam Xấu	SV	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 17' 03"	103° 50' 26"					F-48-64-B
tiểu khu 1	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 41"	103° 54' 22"					F-48-64-B
tiểu khu 2	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 50"	103° 54' 54"					F-48-64-B
tiểu khu 3	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 39"	103° 55' 05"					F-48-64-B
tiểu khu 4	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 18"	103° 55' 30"					F-48-64-B
tổ 6	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 09"	103° 55' 35"					F-48-64-B
tổ 7	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 04"	103° 54' 35"					F-48-64-B
tổ 8	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 32"	103° 54' 25"					F-48-64-B
bản Buôn	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 14"	103° 55' 03"					F-48-64-B
bản Coóng Nọi	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 13"	103° 53' 53"					F-48-64-B
bản Lá	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 18' 41"	103° 54' 38"					F-48-64-B
bản Mé Ban	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 15"	103° 54' 45"					F-48-64-B
bản Nà Cọ	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 38"	103° 53' 45"					F-48-64-B
bản Pọt Luồng	DC	P. Chiềng Cọ	TP. Sơn La	21° 19' 01"	103° 54' 45"					F-48-64-B
tổ 1	DC	P. Chiềng Lễ	TP. Sơn La	21° 20' 29"	103° 54' 28"					F-48-64-B
tổ 2	DC	P. Chiềng Lễ	TP. Sơn La	21° 20' 39"	103° 54' 27"					F-48-64-B
tổ 4	DC	P. Chiềng Lễ	TP. Sơn La	21° 21' 02"	103° 54' 30"					F-48-64-B
tổ 6	DC	P. Chiềng Lễ	TP. Sơn La	21° 21' 21"	103° 54' 27"					F-48-64-B
tổ 7	DC	P. Chiềng Lễ	TP. Sơn La	21° 20' 15"	103° 54' 14"					F-48-64-B
tổ 10	DC	P. Chiềng Lễ	TP. Sơn La	21° 20' 07"	103° 54' 05"					F-48-64-B
bản Lầu	DC	P. Chiềng Lễ	TP. Sơn La	21° 20' 19"	103° 54' 30"					F-48-64-B
hồ Noong Luồng	TV	P. Chiềng Lễ	TP. Sơn La	21° 21' 29"	103° 54' 35"					F-48-64-B
tổ 1	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 40"	103° 56' 54"					F-48-64-B
tổ 2	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 17"	103° 57' 44"					F-48-64-B
tổ 3	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 05"	103° 58' 16"					F-48-64-B
tổ 4	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 02"	103° 58' 21"					F-48-64-B
tổ 5	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 42"	103° 58' 26"					F-48-64-B
tổ 6	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 06"	103° 58' 31"					F-48-64-B
quốc lộ 6	KX	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La			21° 16' 02"	103° 58' 30"	21° 15' 25"	103° 59' 31"	F-48-64-B
bản Bàn	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 49"	103° 58' 09"					F-48-64-B
núi Bé Nặm	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 15' 39"	103° 58' 47"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Bó Bả	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 20"	103° 56' 14"					F-48-64-B
bản Cang	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 29"	103° 59' 06"					F-48-64-B
Nhà máy Xi măng Chiềng Sinh	KX	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 29"	103° 58' 30"					F-48-64-B
bản Có	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 00"	103° 57' 59"					F-48-64-B
núi Co Cỏ	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 43"	103° 57' 19"					F-48-64-B
bản Giở	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 52"	103° 57' 15"					F-48-64-B
bản Hay Phiêng	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 52"	103° 58' 03"					F-48-64-B
bản Hợ	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 48"	103° 57' 46"					F-48-64-B
suối Hong Bông	TV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La			21° 16' 08"	103° 58' 17"	21° 15' 25"	103° 59' 42"	F-48-64-B
núi Inh Hêm	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 08"	103° 56' 30"					F-48-64-B
bản Lay	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 33"	103° 58' 01"					F-48-64-B
bản Mạy	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 14"	103° 58' 53"					F-48-64-B
bản Nà Cạn	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 18' 07"	103° 56' 36"					F-48-64-B
núi Ngu Lừm	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 39"	103° 56' 04"					F-48-64-B
bản Nong La	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 15' 38"	103° 59' 46"					F-48-64-B
bản Noong Đức	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 55"	103° 56' 48"					F-48-64-B
bản Phung	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 27"	103° 58' 00"					F-48-64-B
núi Pom Tấu	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 18' 36"	103° 58' 09"					F-48-64-B
núi Pu Mựt	SV	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 28"	103° 57' 20"					F-48-64-B
bản Pù	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 18' 02"	103° 57' 06"					F-48-64-B
bản Sắng	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 16' 08"	103° 59' 20"					F-48-64-B
bản Thẩm	DC	P. Chiềng Sinh	TP. Sơn La	21° 17' 06"	103° 59' 03"					F-48-64-B
tổ 1	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 18' 07"	103° 56' 25"					F-48-64-B
tổ 4	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 18' 11"	103° 56' 50"					F-48-64-B
tổ 7	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 18' 33"	103° 56' 36"					F-48-64-B
tổ 9	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 18' 52"	103° 55' 18"					F-48-64-B
tổ 10	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 19' 08"	103° 55' 13"					F-48-64-B
tổ 11	DC	P. Quyết Tâm	TP. Sơn La	21° 19' 19"	103° 55' 13"					F-48-64-B
tổ 2	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 27"	103° 55' 14"					F-48-64-B
tổ 4	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 28"	103° 54' 57"					F-48-64-B
tổ 5	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 36"	103° 54' 53"					F-48-64-B
tổ 6	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 40"	103° 55' 05"					F-48-64-B
tổ 9	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 59"	103° 55' 16"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 10	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 48"	103° 55' 31"					F-48-64-B
tổ 12	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 39"	103° 55' 32"					F-48-64-B
tổ 13	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 47"	103° 55' 55"					F-48-64-B
tổ 14	DC	P. Quyết Thắng	TP. Sơn La	21° 19' 54"	103° 55' 44"					F-48-64-B
tổ 3	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 20' 12"	103° 54' 35"					F-48-64-B
tổ 4	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 19' 43"	103° 54' 42"					F-48-64-B
tổ 5	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 19' 58"	103° 54' 38"					F-48-64-B
tổ 6	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 20' 08"	103° 54' 23"					F-48-64-B
tổ 9	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 19' 53"	103° 54' 20"					F-48-64-B
bản Hèo	DC	P. Tô Hiệu	TP. Sơn La	21° 20' 04"	103° 54' 40"					F-48-64-B
núi Bôm Bai	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 21' 48"	103° 49' 39"					F-48-64-B
núi Bôm Khua	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 21' 36"	103° 51' 31"					F-48-64-B
bản Bôm Nam	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 24' 26"	103° 51' 42"					F-48-64-B
núi Bôm Quang Thầu	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 21' 36"	103° 50' 49"					F-48-64-B
núi Chiềng Xét	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 23' 44"	103° 48' 22"					F-48-64-B
núi Chút Mỹ	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 22' 17"	103° 49' 32"					F-48-64-B
bản Giàng	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 25' 35"	103° 52' 02"					F-48-64-B
núi Kéo Bông	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 21' 42"	103° 48' 46"					F-48-64-B
bản Lóm Tông	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 24' 23"	103° 49' 25"					F-48-64-B
bản Nam	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 23' 35"	103° 51' 03"					F-48-64-B
bản Nong Bay	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 22' 05"	103° 49' 04"					F-48-64-B
núi Pá Púa	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 25' 43"	103° 53' 36"					F-48-64-B
bản Pàng	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 22' 58"	103° 49' 44"					F-48-64-B
bản Phiềng Nghè	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 23' 21"	103° 52' 41"					F-48-64-B
bản Phiềng Niệu	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 23' 16"	103° 50' 36"					F-48-64-B
bản Phiềng Tam	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 21' 15"	103° 51' 37"					F-48-64-B
núi Pom Cá Lá	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 26' 05"	103° 52' 44"					F-48-64-B
núi Pom Mây Min	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 25' 51"	103° 52' 02"					F-48-64-B
núi Pú Púa	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 25' 46"	103° 53' 46"					F-48-64-B
núi Sur Khẩu Săn Ten	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 26' 29"	103° 50' 34"					F-48-64-B
bản Tam	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 22' 03"	103° 50' 30"					F-48-64-B
núi Táp Cây	SV	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 23' 51"	103° 51' 03"					F-48-64-B
bản Tô Lọ	DC	xã Chiềng Đen	TP. Sơn La	21° 22' 28"	103° 49' 45"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Bai Luông	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 21' 13"	103° 58' 05"					F-48-64-B
bản Cá Láp	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 17' 42"	103° 59' 17"					F-48-64-B
pu Cá Láp	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 17' 34"	103° 59' 59"					F-48-64-B
bản Co Pục	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 19' 38"	103° 56' 52"					F-48-64-B
bản Dữn	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 18' 25"	103° 56' 29"					F-48-64-B
bản Híp	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 19' 23"	103° 57' 08"					F-48-64-B
núi Hua Ngựa	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 21' 28"	103° 59' 54"					F-48-64-B
núi Huổi Đung	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 15' 04"	104° 00' 38"					F-48-65-A
bản Kềm	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 17' 02"	103° 59' 36"					F-48-64-B
núi Keo Ngụ Đuôm	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 18' 55"	103° 57' 48"					F-48-64-B
bản Khoang	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 18' 54"	103° 56' 49"					F-48-64-B
núi Lán Kia	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 16' 30"	104° 00' 47"					F-48-65-A
bản Muống	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 15' 58"	104° 00' 33"					F-48-65-A
bản Nà Lo	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 15' 22"	104° 01' 15"					F-48-65-A
bản Nà Ngựa	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 18' 20"	103° 58' 35"					F-48-64-B
bản Noong La	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 19' 41"	103° 57' 32"					F-48-64-B
thồ Noong La	TV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 19' 36"	103° 57' 39"					F-48-64-B
bản Ô	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 16' 44"	103° 59' 45"					F-48-64-B
bản Pát	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 20' 05"	103° 58' 12"					F-48-64-B
núi Phở Hát	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 17' 47"	104° 00' 16"					F-48-65-A
bản Phường	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 18' 52"	103° 58' 18"					F-48-64-B
bản Púng	DC	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 20' 44"	103° 58' 48"					F-48-64-B
pon Tênh Hươn Noong La	SV	xã Chiềng Ngần	TP. Sơn La	21° 15' 20"	104° 00' 26"					F-48-65-A
bản Ái	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 23' 59"	103° 55' 03"					F-48-64-B
cầu Bản Ái	KX	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 01"	103° 55' 16"					F-48-64-B
núi Bôm Xuân	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 31"	103° 53' 29"					F-48-64-B
đèo Cao Pha	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 13"	103° 56' 44"					F-48-64-B
bản Có	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 39"	103° 54' 17"					F-48-64-B
phố Co Cầm	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 58"	103° 56' 54"					F-48-64-B
bản Dữn	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 57"	103° 53' 30"					F-48-64-B
núi Hùu Bó	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 23' 16"	103° 53' 14"					F-48-64-B
bản Hụm	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 57"	103° 54' 55"					F-48-64-B
bản Là Mường	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 23' 32"	103° 54' 56"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mòn	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 47"	103° 54' 00"					F-48-64-B
suối Nậm La	TV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La			21° 23' 03"	103° 54' 50"	21° 23' 36"	103° 56' 05"	F-48-64-B
núi Pá Sơn Tấu	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 25' 24"	103° 55' 59"					F-48-64-B
bản Pành	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 48"	103° 54' 23"					F-48-64-B
bản Phiềng Hay	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 09"	103° 55' 45"					F-48-64-B
bản Phiềng Ngựa	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 13"	103° 54' 17"					F-48-64-B
pom Pu Hai	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 21' 40"	103° 55' 22"					F-48-64-B
núi Róc Két	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 12"	103° 53' 52"					F-48-64-B
bản Sắng	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 17"	103° 56' 28"					F-48-64-B
núi Thảm Hiếm Giữa	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 24' 21"	103° 57' 35"					F-48-64-B
bản Thê	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 59"	103° 53' 13"					F-48-64-B
núi Tơ Tắm	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 23' 39"	103° 56' 29"					F-48-64-B
bản Tống	DC	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 24"	103° 55' 07"					F-48-64-B
cầu Tống Pành	KX	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 22' 31"	103° 54' 31"					F-48-64-B
pu Xam Sấu	SV	xã Chiềng Xôm	TP. Sơn La	21° 21' 05"	103° 56' 28"					F-48-64-B
hợp tác xã 1	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 24"	103° 55' 42"					F-48-64-B
phủ Bền Xưa	SV	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 33"	103° 50' 35"					F-48-64-B
bản Bó Cầm	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 19"	103° 52' 48"					F-48-64-B
núi Bồng Hịa	SV	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 51"	103° 55' 27"					F-48-64-B
nậm Chanh	TV	xã Hua La	TP. Sơn La			21° 15' 06"	103° 52' 11"	21° 16' 08"	103° 52' 34"	F-48-64-B
bản Cò Phụng	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 20"	103° 52' 04"					F-48-64-B
bản Hịa	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 41"	103° 55' 04"					F-48-64-B
hợp tác xã Hoàng Văn Thụ	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 11"	103° 55' 53"					F-48-64-B
pu Khá Quai	SV	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 15' 27"	103° 53' 55"					F-48-64-B
bản Kham	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 59"	103° 54' 17"					F-48-64-B
nậm La	TV	xã Hua La	TP. Sơn La			21° 16' 08"	103° 52' 34"	21° 18' 37"	103° 54' 27"	F-48-64-B
bản Lụa	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 18' 36"	103° 53' 24"					F-48-64-B
bản Lùn	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 07"	103° 52' 49"					F-48-64-B
bản Mòng	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 17' 30"	103° 53' 54"					F-48-64-B
bản Nam	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 43"	103° 55' 15"					F-48-64-B
bản Nẹ Nưa	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 07"	103° 54' 27"					F-48-64-B
bản Nẹ Tở	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 19"	103° 53' 49"					F-48-64-B
bản Pọng	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 18' 27"	103° 54' 11"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pứa Nhọt	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 04"	103° 52' 20"					F-48-64-B
bản Púng	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 16' 35"	103° 53' 28"					F-48-64-B
bản San	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 15' 13"	103° 52' 55"					F-48-64-B
bản Sàng	DC	xã Hua La	TP. Sơn La	21° 18' 10"	103° 53' 59"					F-48-64-B
tiểu khu 1	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 46"	104° 25' 50"					F-48-65-D
tiểu khu 2	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 48"	104° 25' 25"					F-48-65-D
tiểu khu 3	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 58"	104° 25' 54"					F-48-65-D
tiểu khu 4	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 37"	104° 25' 50"					F-48-65-D
đồi 12 ly 7	SV	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 04"	104° 25' 57"					F-48-65-D
suối Bạ	TV	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên			21° 14' 22"	104° 27' 08"	21° 14' 03"	104° 26' 55"	F-48-65-D
suối Hi	TV	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên			21° 13' 30"	104° 25' 46"	21° 13' 32"	104° 26' 08"	F-48-65-D
bản Mới	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 13' 57"	104° 25' 47"					F-48-65-D
bản Phiên Ban 1	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 55"	104° 26' 25"					F-48-65-D
bản Phiên Ban 3	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 50"	104° 26' 10"					F-48-65-D
bản Văn Ban	DC	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 14' 43"	104° 27' 06"					F-48-65-D
đồi Vũng Trâu Đằm	SV	TT. Bắc Yên	H. Bắc Yên	21° 13' 53"	104° 25' 15"					F-48-65-D
bản Co Muồng	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 04' 11"	104° 29' 08"					F-48-65-D
sông Đà	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 07' 57"	104° 27' 22"	21° 03' 16"	104° 34' 10"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
suối En	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 04' 44"	104° 27' 30"	21° 03' 55"	104° 29' 51"	F-48-65-D
suối Hom	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 02' 53"	104° 30' 15"	21° 03' 47"	104° 29' 58"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
bản Lái Ngải	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 04' 04"	104° 30' 55"					F-48-65-C-c
suối Làng	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 04' 59"	104° 29' 12"	21° 04' 28"	104° 30' 08"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
bản Mồm Bò	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 03' 56"	104° 32' 15"					F-48-65-C-c
suối Mồm Bò	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 02' 48"	104° 31' 37"	21° 03' 51"	104° 32' 30"	F-48-65-C-c
núi Muồng	SV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 04' 04"	104° 27' 50"					F-48-65-D
suối Muồng	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 03' 47"	104° 27' 47"	21° 04' 26"	104° 28' 16"	F-48-65-D
bản Nà Dòn	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 04' 50"	104° 30' 33"					F-48-65-C-c
bản Nậm Lìn	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 02' 15"	104° 30' 00"					F-48-65-C-c
suối Pi	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 03' 37"	104° 28' 24"	21° 03' 49"	104° 29' 30"	F-48-65-D
đồi Quế	SV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 03' 43"	104° 31' 46"					F-48-65-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Suối Ngang	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 02' 18"	104° 31' 56"					F-48-65-C-c
bản Suối Púng	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 01' 18"	104° 31' 47"					F-48-65-C-c
suối Tàng	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 05' 44"	104° 28' 42"	21° 06' 19"	104° 29' 30"	F-48-65-D
bản Tàng Mường	DC	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 06' 16"	104° 29' 40"					F-48-65-D
suối Tào	TV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên			21° 05' 31"	104° 29' 44"	21° 05' 58"	104° 30' 22"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
núi Thấu Po	SV	xã Chiềng Sại	H. Bắc Yên	21° 03' 59"	104° 28' 21"					F-48-65-D
suối Bò Khú	TV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên			21° 15' 55"	104° 20' 48"	21° 14' 53"	104° 20' 30"	F-48-65-B, F-48-65
suối Cải	TV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên			21° 14' 50"	104° 21' 20"	21° 13' 21"	104° 19' 00"	F-48-65-D
bản Cải A	DC	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 14' 50"	104° 21' 10"					F-48-65-D
bản Cải B	DC	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 13' 36"	104° 18' 58"					F-48-65-D
bản Chím Hạ	DC	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 16' 04"	104° 18' 36"					F-48-65-B
bản Chím Thượng	DC	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 17' 02"	104° 16' 33"					F-48-65-B
núi Cồn Hối	SV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 16' 48"	104° 17' 33"					F-48-65-B
sông Đà	TV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên			21° 17' 24"	104° 13' 01"	21° 13' 08"	104° 20' 28"	F-48-65-A, F-48-65-D
suối Đắc Mặn	TV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên			21° 15' 35"	104° 21' 15"	21° 14' 48"	104° 20' 58"	F-48-65-B, F-48-65-D
núi Hìn Tra	SV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 18' 03"	104° 15' 55"					F-48-65-B
Lan Hào	SV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 17' 07"	104° 18' 21"					F-48-65-B
suối Lốt	TV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên			21° 14' 10"	104° 21' 05"	21° 14' 06"	104° 20' 23"	F-48-65-D
bản Nà Phán	DC	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 17' 03"	104° 15' 51"					F-48-65-B
San Luống	SV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 14' 52"	104° 19' 22"					F-48-65-B F-48-65-D
bản Suối Đay	DC	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 14' 26"	104° 21' 56"					F-48-65-D
bản Suối Lẹ	DC	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 15' 54"	104° 20' 28"					F-48-65-B
suối Tồng	TV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên			21° 14' 29"	104° 19' 24"	21° 14' 20"	104° 20' 17"	F-48-65-D
suối Tù	TV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên			21° 15' 40"	104° 19' 44"	21° 15' 58"	104° 18' 48"	F-48-65-B
bản Vàn	DC	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên	21° 15' 20"	104° 16' 57"					F-48-65-B
suối Vàn	TV	xã Chím Vàn	H. Bắc Yên			21° 16' 24"	104° 19' 11"	21° 14' 51"	104° 16' 57"	F-48-65-B
suối Điệp	TV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên			21° 19' 53"	104° 15' 57"	21° 18' 21"	104° 16' 33"	F-48-65-B
bản Hang Chú	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 21' 28"	104° 19' 39"					F-48-65-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
núi Hang Chú	SV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 19' 40"	104° 16' 16"						F-48-65-B
súoi Hang Chú	TV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên			21° 22' 46"	104° 19' 51"	21° 20' 52"	104° 20' 58"		F-48-65-B
núi Hang Cờ	SV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 20' 58"	104° 18' 36"						F-48-65-B
súoi Lương	TV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên			21° 23' 24"	104° 13' 49"	21° 22' 35"	104° 12' 28"		F-48-65-A
bản Nậm Long	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 22' 46"	104° 14' 07"						F-48-65-A
súoi Nậm Lông	TV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên			21° 24' 05"	104° 16' 51"	21° 23' 29"	104° 14' 43"		F-48-65-B, F-48-65-A
súoi Pa Cự Sáng	TV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên			21° 21' 50"	104° 18' 26"	21° 19' 53"	104° 18' 30"		F-48-65-B
bản Pa Cự Sáng A	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 22' 13"	104° 18' 03"						F-48-65-B
bản Pá Đông	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 22' 26"	104° 19' 11"						F-48-65-B
bản Pá Hóc	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 20' 29"	104° 16' 57"						F-48-65-B
núi Pá Hóc	SV	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 21' 31"	104° 15' 46"						F-48-65-B
bản Phênh Hồ	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 22' 05"	104° 21' 03"						F-48-65-B
bản Súoi Lệnh A	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 19' 39"	104° 15' 17"						F-48-65-A
bản Súoi Lệnh B	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 18' 16"	104° 15' 46"						F-48-65-B
bản Súoi Lệnh C	DC	xã Hang Chú	H. Bắc Yên	21° 19' 37"	104° 15' 45"						F-48-65-B
súoi Bẹ	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 20' 36"	104° 33' 18"	21° 16' 06"	104° 32' 23"		F-48-66-A-a, F-48-66-A-c
bản Chổng Tra	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 18' 33"	104° 27' 30"						F-48-65-B
súoi Chổng Tra	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 18' 09"	104° 27' 20"	21° 17' 36"	104° 27' 21"		F-48-65-B
súoi Chu Vang	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 22' 01"	104° 29' 54"	21° 23' 02"	104° 32' 34"		F-48-66-A-c, F-48-66-A-a
súoi Chùa Tủa Trắng	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 21' 31"	104° 30' 56"	21° 20' 26"	104° 32' 35"		F-48-66-A-c
bản Háng Bĩa	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 18' 41"	104° 25' 53"						F-48-65-B
súoi Háng Đồng	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 19' 36"	104° 28' 22"	21° 16' 06"	104° 32' 23"		F-48-65-B, F-48-66-A-c
bản Háng Đồng A	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 18' 26"	104° 29' 12"						F-48-65-B
bản Háng Đồng B	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 17' 57"	104° 30' 32"						F-48-66-A-c
núi Háng Đồng B	SV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 19' 28"	104° 29' 44"						F-48-65-B
bản Háng Đồng C	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 17' 35"	104° 30' 56"						F-48-66-A-c
bản Làng Sáng	DC	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 21' 29"	104° 32' 28"						F-48-66-A-c
súoi Làng Sáng Nhỏ	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 20' 35"	104° 31' 08"	21° 20' 35"	104° 33' 19"		F-48-66-A-c
phủ Lồng Mè	SV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên	21° 22' 44"	104° 30' 10"						F-48-66-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
súoi Păng Đu	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 24' 12"	104° 31' 12"	21° 23' 56"	104° 32' 18"	F-48-66-A-a
súoi Tới Trung	TV	xã Háng Đồng	H. Bắc Yên			21° 21' 55"	104° 32' 05"	21° 21' 54"	104° 33' 38"	F-48-66-A-c
hang A Phũ	SV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 11' 44"	104° 26' 50"					F-48-65-D
súoi Cang	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 11' 31"	104° 26' 35"	21° 12' 44"	104° 28' 24"	F-48-65-D
súoi Cóc	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 10' 04"	104° 28' 29"	21° 10' 14"	104° 30' 15"	F-48-65-D, F-48-66-C-a
bản Đung	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 12' 11"	104° 29' 27"					F-48-65-D
bản Giàng	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 11' 30"	104° 30' 23"					F-48-66-C-a
súoi Háng Bang	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 10' 42"	104° 28' 59"	21° 10' 23"	104° 30' 16"	F-48-65-D, F-48-66-C-a
súoi Háo	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 11' 09"	104° 28' 19"	21° 12' 08"	104° 29' 43"	F-48-65-D
bản Hồng Ngài	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 12' 11"	104° 26' 24"					F-48-65-D
núi Hồng Ngài	SV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 11' 52"	104° 26' 41"					F-48-65-D
bản Lung Tạng	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 07' 39"	104° 30' 33"					F-48-66-C-a
bản Mới	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 13' 10"	104° 25' 33"					F-48-65-D
súoi Sập	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 12' 23"	104° 29' 01"	21° 06' 30"	104° 31' 16"	F-48-65-D
bản Súoi Chận	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 10' 28"	104° 28' 21"					F-48-65-D
bản Súoi Háo	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 10' 54"	104° 27' 53"					F-48-65-D
bản Súoi Ténh	DC	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên	21° 08' 59"	104° 29' 20"					F-48-65-D
súoi Ténh	TV	xã Hồng Ngài	H. Bắc Yên			21° 08' 18"	104° 30' 02"	21° 07' 25"	104° 31' 48"	F-48-65-D, F-48-66-C-a, F-48-66-C-c
quốc lộ 37	KX	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên			21° 11' 35"	104° 15' 23"	21° 11' 14"	104° 13' 31"	F-48-65-C, F-48-65-D
bản Cây Khê A	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 10' 35"	104° 14' 28"					F-48-65-C
bản Cây Khê B	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 11' 04"	104° 14' 49"					F-48-65-D
súoi Chẹn	TV	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên			21° 12' 20"	104° 14' 28"	21° 12' 09"	104° 15' 00"	F-48-65-C, F-48-65-D
huổi Chiến	TV	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên			21° 06' 55"	104° 22' 21"	21° 07' 52"	104° 21' 24"	F-48-65-D
núi Him Phon	SV	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 12' 40"	104° 14' 50"					F-48-65-C
bản Hua Nhân	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 07' 59"	104° 18' 20"					F-48-65-D
bản Kéo Bó A	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 11' 12"	104° 13' 40"					F-48-65-C
bản Kéo Bó B	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 11' 41"	104° 13' 16"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huồi Khê	TV	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên			21° 10' 33"	104° 14' 22"	21° 11' 37"	104° 15' 24"	F-48-65-C, F-48-65-D
bản Khóm Khia	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 08' 49"	104° 20' 11"					F-48-65-D
phủ Mang	SV	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 07' 17"	104° 23' 04"					F-48-65-D
phủ Mọc	SV	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 08' 25"	104° 23' 19"					F-48-65-D
súi Mới	TV	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên			21° 07' 33"	104° 22' 59"	21° 07' 09"	104° 24' 02"	F-48-65-D
huồi Mợi	TV	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên			21° 06' 42"	104° 22' 09"	21° 05' 45"	104° 23' 04"	F-48-65-D
bản Mòn	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 11' 30"	104° 13' 55"					F-48-65-C
bản Nồng Lạnh	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 08' 46"	104° 17' 01"					F-48-65-D
bản Q Á	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 08' 36"	104° 17' 43"					F-48-65-D
bản Pá Khôm	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 06' 10"	104° 22' 23"					F-48-65-D
súi Sáp Việt	TV	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên			21° 05' 26"	104° 22' 46"	21° 06' 41"	104° 24' 03"	F-48-65-D
bản Suối Sắt	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 08' 22"	104° 22' 50"					F-48-65-D
bản Thôn B	DC	xã Hua Nhân	H. Bắc Yên	21° 10' 08"	104° 15' 22"					F-48-65-D
súi Cao	TV	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên			21° 16' 49"	104° 24' 03"	21° 15' 59"	104° 23' 51"	F-48-65-B
bản Cáo A	DC	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 17' 10"	104° 23' 58"					F-48-65-B
bản Cáo B	DC	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 18' 12"	104° 23' 30"					F-48-65-B
bản Châu A	DC	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 17' 35"	104° 21' 33"					F-48-65-B
bản Châu B	DC	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 17' 27"	104° 20' 54"					F-48-65-B
súi Đán	TV	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên			21° 16' 22"	104° 23' 33"	21° 15' 15"	104° 23' 43"	F-48-65-B
súi Đồi Lộng	TV	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên			21° 17' 12"	104° 22' 15"	21° 15' 14"	104° 22' 11"	F-48-65-B
bản Hàng A	DC	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 17' 58"	104° 23' 08"					F-48-65-B
bản Hàng B	DC	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 17' 32"	104° 23' 09"					F-48-65-B
bản Hàng C	DC	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 17' 50"	104° 22' 56"					F-48-65-B
núi Khe Cài	SV	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 17' 01"	104° 24' 58"					F-48-65-B
núi Lăng Châu	SV	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 17' 46"	104° 21' 54"					F-48-65-B
bản Păng Khùa	DC	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 16' 08"	104° 22' 45"					F-48-65-B
súi Păng Khùa	TV	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên			21° 16' 37"	104° 22' 58"	21° 15' 14"	104° 22' 11"	F-48-65-B
bản Suối Lộng	DC	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên	21° 16' 50"	104° 21' 57"					F-48-65-B
súi Viên	TV	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên			21° 16' 40"	104° 20' 48"	21° 16' 25"	104° 19' 11"	F-48-65-B
súi Xim Vàng	TV	xã Lăng Châu	H. Bắc Yên			21° 18' 58"	104° 24' 07"	21° 16' 25"	104° 19' 11"	F-48-65-B
quốc lộ 37	KX	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 59"	104° 20' 17"	21° 11' 48"	104° 15' 06"	F-48-65-C, F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chợ Bàn Khoa	KX	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 11"	104° 19' 33"					F-48-65-D
núi Cầu	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 03"	104° 21' 01"					F-48-65-D
bản Chạng	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 10' 37"	104° 20' 33"					F-48-65-D
súoi Chẹn	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 09"	104° 15' 00"	21° 11' 37"	104° 16' 13"	F-48-65-C, F-48-65-D
bản Chẹn A	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 31"	104° 18' 23"					F-48-65-D
bản Chẹn B	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 50"	104° 15' 42"					F-48-65-D
núi Co Lương	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 27"	104° 16' 46"					F-48-65-D
núi Co Trai	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 10' 31"	104° 19' 16"					F-48-65-D
súoi Cóc	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 26"	104° 18' 10"	21° 11' 40"	104° 18' 20"	F-48-65-D
súoi Cốc Lin	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 10' 03"	104° 15' 01"	21° 11' 47"	104° 15' 55"	F-48-65-D
sông Đà	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 14' 27"	104° 17' 23"	21° 13' 10"	104° 20' 16"	F-48-65-D
súoi Đăm	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 11' 41"	104° 21' 10"	21° 11' 45"	104° 19' 58"	F-48-65-D
núi Đen Đin	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 13' 56"	104° 16' 47"					F-48-65-D
núi Huổi Phấn Hủa	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 07"	104° 17' 43"					F-48-65-D
bản Kháng	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 13' 47"	104° 17' 28"					F-48-65-D
súoi Kháng	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 13' 31"	104° 17' 02"	21° 13' 49"	104° 17' 27"	F-48-65-D
núi Khỉ	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 53"	104° 16' 23"					F-48-65-D
bản Khoa	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 08"	104° 19' 09"					F-48-65-D
súoi Khọc	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 33"	104° 17' 30"	21° 13' 20"	104° 18' 00"	F-48-65-D
bản Khọc A	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 13' 19"	104° 18' 06"					F-48-65-D
bản Khọc B	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 36"	104° 17' 20"					F-48-65-D
huổi Muồng	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 10' 00"	104° 18' 13"	21° 11' 34"	104° 18' 16"	F-48-65-D
núi Pá Khôm	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 34"	104° 20' 31"					F-48-65-D
bản Pá Nó A	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 55"	104° 15' 44"					F-48-65-D
bản Pá Nó B	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 13' 16"	104° 15' 27"					F-48-65-D
huổi Phá	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 10' 05"	104° 16' 50"	21° 11' 11"	104° 17' 12"	F-48-65-D
súoi Phiêng Pốt	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 07"	104° 17' 15"	21° 11' 48"	104° 17' 39"	F-48-65-D
bản Phở	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 43"	104° 19' 19"					F-48-65-D
núi Phu Luồng	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 58"	104° 18' 45"					F-48-65-D
bản Phúc	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 38"	104° 19' 03"					F-48-65-D
bản Pốt	DC	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 48"	104° 17' 43"					F-48-65-D
núi Pu Hẻ	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 07"	104° 18' 46"					F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Són	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 06"	104° 16' 11"	21° 11' 37"	104° 16' 13"	F-48-65-D
súi Sợ	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 12' 53"	104° 18' 11"	21° 13' 20"	104° 18' 04"	F-48-65-D
núi Thà Lin	SV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 56"	104° 15' 56"					F-48-65-D
huổi Thón	TV	xã Mường Khoa	H. Bắc Yên			21° 10' 16"	104° 15' 54"	21° 11' 19"	104° 16' 35"	F-48-65-D
súi Ai	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 21' 04"	104° 12' 47"	21° 20' 07"	104° 11' 34"	F-48-65-A
bản Ấng	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 19' 19"	104° 13' 25"					F-48-65-A
bản Bưóc	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 19' 57"	104° 12' 41"					F-48-65-A
sông Đà	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 21' 50"	104° 10' 11"	21° 17' 24"	104° 13' 01"	F-48-65-A
súi Đông Sừa	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 21' 38"	104° 12' 57"	21° 21' 08"	104° 11' 21"	F-48-65-A
súi E Hành	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 20' 11"	104° 14' 24"	21° 18' 46"	104° 13' 47"	F-48-65-A
súi Hìn Phá	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 22' 56"	104° 11' 48"	21° 21' 53"	104° 10' 17"	F-48-65-A
núi Huổi Ngựa	SV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 51"	104° 11' 03"					F-48-65-A
súi Lay	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 21' 02"	104° 13' 12"	21° 18' 34"	104° 12' 37"	F-48-65-A
súi Lùm	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 22' 03"	104° 12' 41"	21° 19' 50"	104° 10' 48"	F-48-65-A
bản Lùm Hạ	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 19' 50"	104° 10' 39"					F-48-65-A
bản Lùm Thượng A	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 31"	104° 11' 46"					F-48-65-A
bản Lùm Thượng B	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 41"	104° 11' 25"					F-48-65-A
bản Lùm Thượng C	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 45"	104° 11' 09"					F-48-65-A
bản Nà Phai	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 20' 10"	104° 11' 36"					F-48-65-A
bản Nà Sài	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 18' 57"	104° 14' 01"					F-48-65-A
súi Nà Sài	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 19' 24"	104° 15' 23"	21° 18' 35"	104° 12' 35"	F-48-65-A
súi Ngà	TV	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên			21° 21' 06"	104° 14' 35"	21° 19' 35"	104° 12' 40"	F-48-65-A
bản Noong Cóc	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 00"	104° 11' 52"					F-48-65-A
bản Pắc Ngà	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 18' 43"	104° 12' 49"					F-48-65-A
bản Tà Lũ	DC	xã Pắc Ngà	H. Bắc Yên	21° 21' 30"	104° 10' 37"					F-48-65-A
đường tỉnh 112	KX	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 00"	104° 30' 29"	21° 14' 23"	104° 23' 42"	F-48-65-D, F-48-66-C-a
súi Ban	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 03"	104° 26' 55"	21° 13' 22"	104° 27' 14"	F-48-65-D
súi Bè	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 18"	104° 27' 47"	21° 14' 06"	104° 28' 37"	F-48-65-D
núi Bẹ	SV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 44"	104° 28' 10"					F-48-65-B
bản Bụa A	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 52"	104° 27' 28"					F-48-65-B
bản Bụa B	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 11"	104° 28' 09"					F-48-65-B
bản Cang	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 12' 46"	104° 28' 44"					F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
súoi Cánh	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 11"	104° 28' 24"	21° 12' 57"	104° 28' 14"	F-48-65-D
bản Cao Đa 1	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 36"	104° 24' 25"					F-48-65-D
bản Cao Đa 2	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 42"	104° 23' 29"					F-48-65-D
súoi Co Họ	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 18"	104° 30' 07"	21° 13' 59"	104° 30' 14"	F-48-66-C-a
súoi Co Lắc	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 15"	104° 28' 39"	21° 12' 45"	104° 28' 30"	F-48-65-D
bản Hí	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 13' 07"	104° 27' 51"					F-48-65-D
súoi Kén	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 51"	104° 23' 08"	21° 14' 37"	104° 23' 34"	F-48-65-D
súoi Khe Cài	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 16' 07"	104° 24' 35"	21° 15' 39"	104° 23' 53"	F-48-65-D
bản Lào Lay	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 30"	104° 28' 04"					F-48-65-D
súoi Lin	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 31"	104° 27' 45"	21° 13' 06"	104° 27' 41"	F-48-65-D
súoi Lượng	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 27"	104° 24' 36"	21° 14' 17"	104° 23' 51"	F-48-65-D
bản Mòn	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 13' 54"	104° 29' 37"					F-48-65-D
pu Ngán	SV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 29"	104° 28' 54"					F-48-65-B
súoi Ông	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 15' 59"	104° 25' 18"	21° 14' 41"	104° 25' 04"	F-48-65-D
đồi Ông Chổng	SV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 13' 55"	104° 26' 34"					F-48-65-D
súoi Pao	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 21"	104° 29' 37"	21° 13' 54"	104° 29' 32"	F-48-65-D
đèo Phiêng Ban	SV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 32"	104° 27' 38"					F-48-65-D
bản Phiêng Ban A	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 46"	104° 26' 10"					F-48-65-B
bản Phiêng Ban B	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 15' 45"	104° 25' 30"					F-48-65-B
bản Pu Nhi	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 13' 51"	104° 27' 40"					F-48-65-D
núi Pu Nhi	SV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 13' 54"	104° 28' 02"					F-48-65-D
súoi Pu Nhi	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 36"	104° 28' 50"	21° 13' 10"	104° 29' 21"	F-48-65-D
bản Rừng Tre	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 31"	104° 27' 32"					F-48-65-D
cầu Súoi Sập	KX	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 00"	104° 30' 29"					F-48-66-C-a
bản Súoi Thán	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 50"	104° 28' 47"					F-48-65-D
bản Súoi Ứn	DC	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên	21° 14' 44"	104° 29' 45"					F-48-65-D
súoi Tắc Tẹ	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 56"	104° 26' 17"	21° 13' 32"	104° 26' 18"	F-48-65-D
súoi Tao	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 22"	104° 25' 25"	21° 14' 27"	104° 24' 36"	F-48-65-D
súoi Thán	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 15' 12"	104° 29' 35"	21° 13' 58"	104° 29' 09"	F-48-65-D
súoi Thanh	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 13' 08"	104° 28' 50"	21° 12' 40"	104° 28' 44"	F-48-65-D
súoi Trám Pọ	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 53"	104° 22' 30"	21° 14' 51"	104° 23' 08"	F-48-65-D
súoi Trám Pọ	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 15' 02"	104° 28' 19"	21° 14' 06"	104° 28' 37"	F-48-65-D
súoi Ứn	TV	xã Phiêng Ban	H. Bắc Yên			21° 14' 48"	104° 29' 48"	21° 13' 48"	104° 29' 40"	F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 113	KX	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 14' 23"	104° 23' 42"	21° 12' 30"	104° 22' 18"	F-48-65-D
bản Chanh	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 11' 46"	104° 23' 59"					F-48-65-D
suối Chanh	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 11' 26"	104° 26' 15"	21° 11' 42"	104° 23' 12"	F-48-65-D
cửa Chanh	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 11' 46"	104° 23' 20"					F-48-65-D
sông Đà	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 13' 08"	104° 20' 28"	21° 05' 53"	104° 30' 45"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
bản En	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 04' 58"	104° 26' 54"					F-48-65-D
núi Hang Nậm	SV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 06' 07"	104° 23' 55"					F-48-65-D
suối Hồ	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 04' 29"	104° 25' 45"	21° 04' 15"	104° 26' 49"	F-48-65-D
núi Hồng Ngai	SV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 12' 29"	104° 25' 38"					F-48-65-D
suối Lạnh	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 13' 48"	104° 24' 44"	21° 14' 07"	104° 23' 50"	F-48-65-D
bản Liếm Xiên	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 11' 14"	104° 26' 22"					F-48-65-D
suối Liếm Xiên	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 10' 29"	104° 26' 51"	21° 09' 37"	104° 25' 34"	F-48-65-D
suối Lọc	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 13' 36"	104° 24' 53"	21° 13' 39"	104° 23' 46"	F-48-65-D
suối Lượng	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 13' 50"	104° 22' 29"	21° 13' 13"	104° 23' 16"	F-48-65-D
bản Mới A	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 13' 24"	104° 25' 12"					F-48-65-D
bản Mong	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 08' 23"	104° 27' 21"					F-48-65-D
suối Mong	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 04' 28"	104° 23' 48"	21° 05' 28"	104° 22' 49"	F-48-65-D
bản Ngậm	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 06' 38"	104° 29' 55"					F-48-65-D, F-48-66-C-c
bản Nguồn	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 09' 35"	104° 25' 33"					F-48-65-D
suối Nguồn	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 10' 40"	104° 25' 21"	21° 09' 55"	104° 25' 06"	F-48-65-D
bản Nhèm	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 05' 04"	104° 24' 13"					F-48-65-D
suối Nhèm	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 05' 05"	104° 24' 23"	21° 05' 48"	104° 23' 18"	F-48-65-D
bản Pe	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 13' 09"	104° 23' 10"					F-48-65-D
bản Phù	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 06' 22"	104° 25' 19"					F-48-65-D
suối Quốc Ngoại	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 09' 08"	104° 28' 29"	21° 08' 47"	104° 27' 38"	F-48-65-D
suối Quốc Trong	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 09' 41"	104° 28' 06"	21° 08' 53"	104° 27' 36"	F-48-65-D
suối Song	TV	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên			21° 13' 47"	104° 21' 18"	21° 12' 58"	104° 21' 25"	F-48-65-D
bản Suối Chanh	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 11' 54"	104° 26' 04"					F-48-65-D
bản Suối Quốc	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 14' 09"	104° 22' 29"					F-48-65-D
bản Suối Song	DC	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 13' 51"	104° 21' 33"					F-48-65-D
phà Tạ Khoa	KX	xã Phiêng Cón	H. Bắc Yên	21° 12' 30"	104° 22' 04"					F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tăng	DC	xã Phiêng Cồn	H. Bắc Yên	21° 05' 52"	104° 28' 06"					F-48-65-D
núi U Bô	SV	xã Phiêng Cồn	H. Bắc Yên	21° 12' 44"	104° 25' 12"					F-48-65-D
súoi Vang	TV	xã Phiêng Cồn	H. Bắc Yên			21° 12' 35"	104° 24' 07"	21° 12' 44"	104° 23' 26"	F-48-65-D
súoi Báy	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 06' 29"	104° 27' 01"	21° 06' 46"	104° 27' 40"	F-48-65-D
bản Co Muồng	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 09' 51"	104° 20' 53"					F-48-65-D
bản Co Mỹ	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 08' 57"	104° 21' 17"					F-48-65-D
bản Cong Khẩu	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 07' 50"	104° 18' 56"					F-48-65-D
sông Đà	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 13' 10"	104° 20' 16"	21° 07' 57"	104° 27' 22"	F-48-65-D
núi Khảm Cang	SV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 07' 30"	104° 19' 15"					F-48-65-D
súoi Lay Mỏ	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 08' 47"	104° 23' 08"	21° 09' 30"	104° 22' 46"	F-48-65-D
súoi Nhạn	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 09' 03"	104° 18' 53"	21° 09' 31"	104° 22' 48"	F-48-65-D
bản Nhạn Cường	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 09' 47"	104° 20' 13"					F-48-65-D
bản Nhạn Nọc	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 09' 47"	104° 23' 03"					F-48-65-D
bản Nong Q B	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 10' 30"	104° 21' 41"					F-48-65-D
bản Noóng Pát	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 07' 05"	104° 19' 50"					F-48-65-D
bản Pá Đồng	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 07' 30"	104° 19' 25"					F-48-65-D
phủ Sang	SV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 08' 58"	104° 20' 04"					F-48-65-D
bản Sập Việt	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 08' 42"	104° 24' 57"					F-48-65-D
súoi Sát	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 08' 17"	104° 21' 24"	21° 09' 31"	104° 22' 48"	F-48-65-D
bản Súoi Hẹ	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 10' 02"	104° 19' 21"					F-48-65-D
bản Tà Đò A	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 11' 34"	104° 21' 42"					F-48-65-D
bản Tà Đò B	DC	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 24"	104° 21' 57"					F-48-65-D
cầu Tạ Khoa	KX	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên	21° 12' 30"	104° 22' 04"					F-48-65-D
súoi Táo	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 10' 49"	104° 22' 04"	21° 10' 31"	104° 23' 31"	F-48-65-D
súoi Tra	TV	xã Tạ Khoa	H. Bắc Yên			21° 07' 19"	104° 25' 55"	21° 08' 25"	104° 25' 08"	F-48-65-D
bản Bẹ	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 15' 57"	104° 28' 17"					F-48-65-B
súoi Bẹ	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 16' 59"	104° 28' 23"	21° 16' 56"	104° 29' 17"	F-48-65-B
bản Chung Trính	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 17' 43"	104° 25' 09"					F-48-65-B
súoi Chung Trính	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 17' 34"	104° 25' 10"	21° 17' 56"	104° 26' 16"	F-48-65-B
súoi Hàng Bì	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 18' 51"	104° 25' 48"	21° 17' 57"	104° 26' 14"	F-48-65-B
súoi Hàng Là	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 17' 07"	104° 26' 29"	21° 17' 36"	104° 27' 01"	F-48-65-B
bản Khe Cài	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 16' 44"	104° 24' 44"					F-48-65-B
bản Mống Vàng	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 16' 24"	104° 26' 30"					F-48-65-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tà Sùa A	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 16' 53"	104° 25' 30"					F-48-65-B
bản Tà Sùa C	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 17' 12"	104° 25' 46"					F-48-65-B
suối Tà Xùa	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 17' 07"	104° 25' 44"	21° 17' 56"	104° 26' 16"	F-48-65-B
suối Trà Lon	TV	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên			21° 15' 21"	104° 29' 40"	21° 14' 27"	104° 30' 41"	F-48-65-B, F-48-66-C-a
bản Trô A	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 15' 30"	104° 29' 50"					F-48-65-B
bản Trô B	DC	xã Tà Sùa	H. Bắc Yên	21° 15' 36"	104° 28' 48"					F-48-65-B
đường mòn 133	KX	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên			21° 24' 13"	104° 22' 58"	21° 20' 13"	104° 21' 48"	F-48-65-B
suối Chim	TV	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên			21° 19' 43"	104° 20' 41"	21° 17' 25"	104° 16' 43"	F-48-65-B
bản Cúa Mang	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 20' 10"	104° 21' 54"					F-48-65-B
núi Giang Tô	SV	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 21' 19"	104° 25' 40"					F-48-65-B
bản Hàng Gò Bua	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 19' 58"	104° 22' 31"					F-48-65-B
bản Hàng Tàu	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 19' 55"	104° 21' 45"					F-48-65-B
bản Pá Ông A	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 17' 59"	104° 18' 21"					F-48-65-B
bản Pá Ông B	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 18' 39"	104° 19' 02"					F-48-65-B
bản Sông Chông	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 19' 14"	104° 24' 29"					F-48-65-B
bản Xím Vàng	DC	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên	21° 19' 45"	104° 22' 43"					F-48-65-B
suối Xím Vàng	TV	xã Xím Vàng	H. Bắc Yên			21° 18' 58"	104° 24' 07"	21° 16' 24"	104° 19' 11"	F-48-65-B
tiểu khu 1	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 06"	104° 06' 56"					F-48-65-C
tiểu khu 2	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 23"	104° 06' 35"					F-48-65-C
tiểu khu 3	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 34"	104° 06' 23"					F-48-65-C
tiểu khu 4	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 43"	104° 06' 04"					F-48-65-C
tiểu khu 5	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 02"	104° 05' 57"					F-48-65-C
tiểu khu 6	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 13"	104° 05' 53"					F-48-65-C
quốc lộ 6	KX	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn			21° 12' 11"	104° 04' 14"	21° 10' 25"	104° 07' 35"	F-48-65-C
tiểu khu 7	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 01"	104° 05' 44"					F-48-65-C
tiểu khu 8	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 32"	104° 05' 26"					F-48-65-C
tiểu khu 9	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 12"	104° 05' 35"					F-48-65-C
tiểu khu 10	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 34"	104° 05' 09"					F-48-65-C
tiểu khu 11	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 08"	104° 04' 46"					F-48-65-C
tiểu khu 13	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 55"	104° 05' 28"					F-48-65-C
tiểu khu 14	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 48"	104° 05' 33"					F-48-65-C
tiểu khu 15	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 00"	104° 05' 40"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu 18	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 17"	104° 06' 07"					F-48-65-C
tiểu khu 19	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 15"	104° 06' 31"					F-48-65-C
tiểu khu 20	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 52"	104° 06' 19"					F-48-65-C
tiểu khu 21	DC	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 33"	104° 06' 37"					F-48-65-C
cầu Hát Lót	KX	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 07"	104° 05' 52"					F-48-65-C
núi He	SV	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 06"	104° 07' 41"					F-48-65-C
núi Kỳ Đài	SV	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 05"	104° 06' 34"					F-48-65-C
núi Múng Bưng	SV	TT. Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 15"	104° 05' 47"					F-48-65-C
hợp tác xã 2	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 16' 02"	103° 56' 56"					F-48-64-B
hợp tác xã 3	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 48"	103° 57' 09"					F-48-64-B
đường tỉnh 105	KX	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn			21° 13' 57"	103° 57' 38"	21° 12' 41"	103° 57' 44"	F-48-64-D
tiểu khu 6-1	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 12' 55"	103° 57' 34"					F-48-64-D
pu An Mạ	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 39"	103° 54' 05"					F-48-64-D
bản Áng	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 13' 30"	103° 57' 17"					F-48-64-D
núi Co Phay	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 44"	103° 57' 04"					F-48-64-D
bản Cũ 1	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 01"	103° 56' 19"					F-48-64-D
bản Cũ 2	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 21"	103° 56' 30"					F-48-64-D
bản Cũ 3	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 09"	103° 56' 06"					F-48-64-D
bản Cũ 4	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 26"	103° 56' 10"					F-48-64-D
huổi Dên	TV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn			21° 12' 21"	103° 57' 24"	21° 12' 09"	103° 57' 07"	F-48-64-D
núi Đan Đạt	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 16' 21"	103° 54' 53"					F-48-64-B
bản Hoa Mai	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 22"	103° 57' 12"					F-48-64-D
bản Huổi Khoang	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 46"	103° 56' 15"					F-48-64-D
bản Kéo	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 13' 36"	103° 56' 43"					F-48-64-D
pu Lóm	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 16' 34"	103° 55' 49"					F-48-64-B
hợp tác xã Mai Tiên	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 45"	103° 56' 16"					F-48-64-B
bản Nà Che	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 22"	103° 54' 47"					F-48-64-B
bản Nà Mạn	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 36"	103° 55' 47"					F-48-64-D
bản Nong Nura	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 55"	103° 55' 14"					F-48-64-D
núi Noọng Xam Kha	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 49"	103° 57' 54"					F-48-64-B
bản Ốt	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 47"	103° 55' 28"					F-48-64-D
bản Pát	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 04"	103° 55' 43"					F-48-64-B
bản Phiêng Quai	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 36"	103° 56' 40"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pom Pá	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 24"	103° 57' 37"					F-48-64-D
suối Púng Cù	TV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn			21° 13' 53"	103° 55' 16"	21° 13' 48"	103° 56' 39"	F-48-64-D
suối Púng Ưng	TV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn			21° 13' 24"	103° 56' 28"	21° 13' 35"	103° 57' 00"	F-48-64-D
bản Sàng	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 13"	103° 55' 19"					F-48-64-B
pu Thăm Giắt	SV	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 13' 57"	103° 55' 05"					F-48-64-D
bản Thày	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 13' 04"	103° 57' 17"					F-48-64-D
bản Thộ	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 57"	103° 55' 56"					F-48-64-D
bản Tin Tóc	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 14' 11"	103° 56' 33"					F-48-64-D
bản Tong Chỉnh	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 16' 09"	103° 55' 34"					F-48-64-B
bản Ưng	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 13' 22"	103° 56' 54"					F-48-64-D
hợp tác xã Văn Tiên	DC	xã Chiềng Ban	H. Mai Sơn	21° 15' 16"	103° 56' 58"					F-48-64-B
đường tỉnh 109	KX	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 17' 39"	104° 05' 59"	21° 14' 59"	104° 06' 45"	F-48-65-A, F-48-65-C
núi Bó Cóp Nọi	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 32"	104° 05' 48"					F-48-65-A
bản Bó pháy	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 16' 54"	104° 06' 28"					F-48-65-A
bản Cầu Đường	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 16' 03"	104° 07' 03"					F-48-65-A
đội Cầu Đường	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 19"	104° 06' 18"					F-48-65-A
nậm Chan	TV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 17' 10"	104° 08' 16"	21° 18' 58"	104° 10' 02"	F-48-65-A
bản Chiềng	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 19' 32"	104° 09' 42"					F-48-65-A
bản Chiềng Đen	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 14"	104° 06' 57"					F-48-65-A
núi Co Hen	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 18"	104° 06' 05"					F-48-65-A
núi Co Hiền	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 43"	104° 06' 56"					F-48-65-A
núi Cỏm Đồng	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 08"	104° 07' 29"					F-48-65-A
sông Đà	TV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 22' 07"	104° 10' 08"	21° 18' 52"	104° 11' 10"	F-48-65-A
bản Kiếng	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 21' 28"	104° 10' 08"					F-48-65-A
suối Léch Phay	TV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 14' 34"	104° 08' 32"	21° 17' 01"	104° 08' 07"	F-48-65-A, F-48-65-C
núi Ma Cỏm	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 28"	104° 07' 06"					F-48-65-A
núi Ma Nọi	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 09"	104° 06' 55"					F-48-65-A
bản Na Hùn	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 16' 50"	104° 07' 55"					F-48-65-A
bản Na Phường	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 16' 14"	104° 07' 47"					F-48-65-A
bản Nậm Luông	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 37"	104° 09' 43"					F-48-65-A
núi Pá Ó	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 21' 46"	104° 09' 02"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sườn Phát	TV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 18' 39"	104° 08' 14"	21° 18' 58"	104° 10' 02"	F-48-65-A
núi Pù Hừa	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 18' 06"	104° 08' 29"					F-48-65-A
núi Pù Lán Lụ	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 38"	104° 07' 14"					F-48-65-A
bản Sài Lương	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 17' 09"	104° 07' 58"					F-48-65-A
huồi Săn	TV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn			21° 21' 24"	104° 08' 44"	21° 21' 32"	104° 10' 10"	F-48-65-A
bản Si	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 20' 27"	104° 09' 22"					F-48-65-A
bản Tà Chan	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 19' 07"	104° 10' 11"					F-48-65-A
núi Thăm Dương	SV	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 19' 04"	104° 08' 00"					F-48-65-A
bản Tông Tái A	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 32"	104° 09' 04"					F-48-65-A
bản Tông Tái B	DC	xã Chiềng Chăn	H. Mai Sơn	21° 15' 55"	104° 08' 54"					F-48-65-A
Trạm Thủy văn Bản Mây	KX	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 14' 04"	103° 52' 55"					F-48-64-D
núi Búa Quang	SV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 14' 49"	103° 52' 41"					F-48-64-D
núi Đông Bề	SV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 11' 54"	103° 54' 14"					F-48-64-D
bản Hạm	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 13' 31"	103° 53' 44"					F-48-64-D
sườn Huồi Ham	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 12' 32"	103° 54' 44"	21° 13' 52"	103° 52' 50"	F-48-64-D
sườn Huồi Ít	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 11' 42"	103° 51' 32"	21° 12' 37"	103° 52' 14"	F-48-64-D
sườn Huồi Mé	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 12' 20"	103° 50' 36"	21° 12' 59"	103° 52' 02"	F-48-64-D
sườn Huồi Nam	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 10' 34"	103° 54' 32"	21° 12' 05"	103° 54' 43"	F-48-64-D
sườn Huồi Pời	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 10' 15"	103° 53' 35"	21° 12' 05"	103° 54' 43"	F-48-64-D
sườn Huồi Quài	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 10' 08"	103° 53' 08"	21° 11' 41"	103° 52' 41"	F-48-64-D
bản Ít Hò	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 10' 48"	103° 51' 09"					F-48-64-D
bản Khoa	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 43"	103° 54' 04"					F-48-64-D
núi Lán Lanh	SV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 13' 48"	103° 54' 59"					F-48-64-D
bản Mây	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 13' 51"	103° 53' 04"					F-48-64-D
bản Mé	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 14' 11"	103° 51' 40"					F-48-64-D
bản Men	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 20"	103° 54' 30"					F-48-64-D
bản Nam	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 06"	103° 54' 50"					F-48-64-D
sườn Nậm Tầu	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 15' 00"	103° 53' 28"	21° 13' 52"	103° 52' 50"	F-48-64-D
bản Nghiêu	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 32"	103° 54' 59"					F-48-64-D
bản Ngòi	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 19"	103° 55' 33"					F-48-64-D
sườn Sam Cù	TV	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn			21° 13' 51"	103° 51' 19"	21° 13' 32"	103° 52' 20"	F-48-64-D
bản Sam Ta	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 10' 27"	103° 52' 33"					F-48-64-D
bản Ten	DC	xã Chiềng Chung	H. Mai Sơn	21° 12' 56"	103° 54' 31"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pom Bía	SV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 57"	103° 57' 22"					F-48-64-D
bản Châm Biên	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 57"	103° 56' 39"					F-48-64-D
bản Cọ	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 31"	103° 58' 05"					F-48-64-D
pom Co Hinh	SV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 57"	103° 57' 57"					F-48-64-D
bản Dè	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 06"	103° 57' 51"					F-48-64-D
nậm Dong	TV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn			21° 10' 31"	103° 56' 59"	21° 12' 04"	103° 58' 30"	F-48-64-D
suối Hong Liêng	TV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn			21° 10' 04"	103° 54' 26"	21° 10' 31"	103° 56' 59"	F-48-64-D
bản Khoáng	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 24"	103° 56' 29"					F-48-64-D
bản Liêng	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 10' 44"	103° 56' 51"					F-48-64-D
pom Liu	SV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 12' 07"	103° 58' 14"					F-48-64-D
bản Lò Um	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 25"	103° 56' 57"					F-48-64-D
huối Luông	TV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn			21° 09' 25"	103° 56' 27"	21° 09' 50"	103° 56' 57"	F-48-64-D
huối Mảnh	TV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn			21° 09' 41"	103° 55' 35"	21° 10' 13"	103° 56' 51"	F-48-64-D
bản Nà Khoang	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 10' 27"	103° 57' 06"					F-48-64-D
bản Nghịu	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 11' 39"	103° 58' 26"					F-48-64-D
suối Pa Păn	TV	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn			21° 09' 11"	103° 57' 06"	21° 09' 50"	103° 56' 57"	F-48-64-D
bản Pắc Ngăn	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 09' 46"	103° 55' 25"					F-48-64-D
bản Pha Đin	DC	xã Chiềng Dong	H. Mai Sơn	21° 08' 31"	103° 56' 39"					F-48-64-D
quốc lộ 4	KX	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn			21° 07' 40"	104° 00' 06"	21° 11' 25"	103° 58' 37"	F-48-64-D, F-48-65-C
bản Buốt	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 09' 45"	103° 58' 11"					F-48-64-D
bản Cọ	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 10' 19"	103° 58' 56"					F-48-64-D
huối Hút	TV	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn			21° 07' 39"	103° 59' 37"	21° 08' 49"	103° 59' 53"	F-48-64-D
bản Nà Kéo	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 11' 24"	103° 59' 04"					F-48-64-D
bản Nà Lon	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 11' 19"	103° 58' 35"					F-48-64-D
bản Nà Viên	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 08' 57"	103° 59' 27"					F-48-64-D
núi Pa Xăng	SV	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 07' 20"	103° 58' 45"					F-48-64-D
bản Páng Xăng	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 07' 49"	103° 58' 32"					F-48-64-D
núi Páng Xăng	SV	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 08' 12"	103° 57' 46"					F-48-64-D
pom Phắc Cạn	SV	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 10' 36"	103° 58' 12"					F-48-64-D
bản Tinh	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 10' 52"	103° 58' 52"					F-48-64-D
bản Tô Văn	DC	xã Chiềng Kheo	H. Mai Sơn	21° 09' 15"	103° 58' 38"					F-48-64-D
bản Búa Bón	DC	xã Chiềng Lương	H. Mai Sơn	21° 03' 32"	104° 05' 51"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Buồm Hầm	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 02' 28"	104° 08' 34"					F-48-65-C
bản Buồm Khoang	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 02' 56"	104° 08' 55"					F-48-65-C
nậm Cha	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 04' 56"	104° 08' 21"	21° 05' 44"	104° 09' 15"	F-48-65-C
bản Chăn Nười	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 03' 35"	104° 06' 09"					F-48-65-C
bản Chi	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 04' 32"	104° 10' 24"					F-48-65-C
nậm Chi	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 01' 48"	104° 09' 07"	21° 04' 24"	104° 10' 23"	F-48-65-C
núi Co Hạ	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 06' 13"	104° 09' 13"					F-48-65-C
núi Co Lường	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 04' 36"	104° 10' 38"					F-48-65-C
huối Huối Tằng	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 02' 48"	104° 07' 31"	21° 04' 41"	104° 08' 15"	F-48-65-C
bản In	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 06' 52"	104° 07' 17"					F-48-65-C
núi Kéo Kìa	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 05' 13"	104° 09' 57"					F-48-65-C
bản Kéo Lồm	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 04' 06"	104° 04' 45"					F-48-65-C
huối La	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 03' 32"	104° 06' 44"	21° 04' 56"	104° 08' 21"	F-48-65-C
bản Lan	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 04' 43"	104° 09' 31"					F-48-65-C
núi Lán Lán Tay	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 08' 12"	104° 04' 27"					F-48-65-C
núi Lầu Ôm	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 05' 11"	104° 09' 42"					F-48-65-C
bản Lù	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 06' 57"	104° 06' 06"					F-48-65-C
huối Lù	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 06' 13"	104° 05' 30"	21° 07' 04"	104° 06' 18"	F-48-65-C
huối Lức	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 05' 53"	104° 05' 03"	21° 06' 13"	104° 05' 30"	F-48-65-C
bản Lục Sáng	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 04' 47"	104° 08' 51"					F-48-65-C
núi Ma Này	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 04' 52"	104° 10' 39"					F-48-65-C
bản Mật	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 06' 29"	104° 08' 07"					F-48-65-C
bản Mòn	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 05' 20"	104° 07' 02"					F-48-65-C
nậm Mòn	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 04' 50"	104° 05' 53"	21° 05' 24"	104° 08' 04"	F-48-65-C
huối Mưóng	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 03' 53"	104° 04' 56"	21° 04' 50"	104° 05' 53"	F-48-65-C
bản Nà Cường	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 06' 59"	104° 08' 33"					F-48-65-C
bản Nà Lẩn	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 07' 59"	104° 03' 37"					F-48-65-C
bản Nà Nhảm	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 01' 53"	104° 09' 17"					F-48-65-C
núi Nhà Nhung	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 08' 29"	104° 03' 19"					F-48-65-C
núi Nhung Quỏi	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 02' 55"	104° 09' 28"					F-48-65-C
bản Oi	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 06' 01"	104° 04' 49"					F-48-65-C
núi Oi	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 05' 23"	104° 04' 10"					F-48-65-C
huối Oi	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 05' 02"	104° 04' 08"	21° 05' 50"	104° 04' 57"	F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pá Khôm	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 08' 00"	104° 05' 16"					F-48-65-C
núi Pắc Cờ	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 06' 23"	104° 05' 11"					F-48-65-C
nằm Pàn	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 03' 54"	104° 11' 05"	21° 09' 05"	104° 06' 32"	F-48-65-C
bản Phú Lương	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 03' 57"	104° 10' 54"					F-48-65-C
bản Pó	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 07' 11"	104° 06' 58"					F-48-65-C
nằm Pó	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 07' 04"	104° 06' 18"	21° 07' 26"	104° 07' 16"	F-48-65-C
nằm Sang	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 05' 24"	104° 08' 04"	21° 06' 36"	104° 08' 11"	F-48-65-C
bản Sàng	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 05' 36"	104° 08' 25"					F-48-65-C
núi Sút	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 05' 29"	104° 06' 33"					F-48-65-C
núi Tam Nọi	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 02' 32"	104° 10' 10"					F-48-65-C
bản Tăng	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 03' 50"	104° 08' 05"					F-48-65-C
núi Thăm Bông	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 02' 11"	104° 08' 57"					F-48-65-C
bản Thăm Phẳng	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 03' 11"	104° 06' 42"					F-48-65-C
núi Thăm Thán	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 05' 06"	104° 10' 16"					F-48-65-C
núi Thầu Khệt	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 06' 41"	104° 08' 33"					F-48-65-C
huổi Thín	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 04' 19"	104° 05' 37"	21° 04' 50"	104° 05' 53"	F-48-65-C
bản Tra	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 05' 12"	104° 08' 40"					F-48-65-C
huổi Tủa	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 05' 03"	104° 04' 36"	21° 05' 53"	104° 05' 03"	F-48-65-C
núi Xan Póm	SV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 05' 28"	104° 09' 20"					F-48-65-C
bản Ý Lường	DC	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn	21° 04' 33"	104° 08' 04"					F-48-65-C
huổi Ý Lường	TV	xã Chiềng Lường	H. Mai Sơn			21° 02' 44"	104° 07' 19"	21° 04' 41"	104° 08' 15"	F-48-65-C
bản Bàn	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 34"	103° 58' 50"					F-48-64-D
bản Bón	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 24"	103° 58' 05"					F-48-64-D
bản Cây Tón	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 59"	104° 00' 34"					F-48-65-C
sườn Chiềng Mai	TV	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn			21° 12' 19"	103° 58' 32"	21° 11' 34"	104° 00' 28"	F-48-64-D, F-48-65-C
bản Cọ Sầu	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 15"	103° 59' 37"					F-48-64-D
bản Cuôm 2	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 09"	103° 59' 13"					F-48-64-D
bản Cúp	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 13' 03"	103° 58' 28"					F-48-64-D
bản Dám	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 40"	103° 59' 46"					F-48-64-D
núi Đán Sang	SV	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 14' 06"	103° 57' 55"					F-48-64-D
bản Hoa Sơn 1	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 55"	103° 59' 34"					F-48-64-D
bản Hoa Sơn 2	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 29"	104° 00' 17"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi My	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 13' 54"	103° 58' 03"					F-48-64-D
bản Lọng Mạn	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 41"	103° 59' 15"					F-48-64-D
bản Lọng Và	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 33"	104° 00' 10"					F-48-65-C
bản Mé	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 19"	103° 59' 21"					F-48-64-D
nậm Mụa	TV	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn			21° 12' 39"	103° 57' 46"	21° 12' 19"	103° 58' 32"	F-48-64-D
bản Nà Đốc	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 04"	104° 00' 51"					F-48-65-C
bản Nà Dong	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 14"	103° 58' 41"					F-48-64-D
tiểu khu Ngà Ba	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 37"	103° 58' 20"					F-48-64-D
núi Nô Khá	SV	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 13' 16"	103° 58' 57"					F-48-64-D
bản Pôn	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 13' 25"	103° 57' 42"					F-48-64-D
bản Puôn	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 11' 49"	104° 00' 52"					F-48-65-C
bản Tái Ban	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 34"	103° 59' 03"					F-48-64-D
bản Thủy Lợi	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 13' 35"	103° 58' 13"					F-48-64-D
bản Vút	DC	xã Chiềng Mai	H. Mai Sơn	21° 12' 20"	103° 58' 27"					F-48-64-D
hợp tác xã 2	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 32"	103° 58' 25"					F-48-64-D
hợp tác xã 4	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 10"	103° 58' 20"					F-48-64-B
hợp tác xã 6	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 41"	103° 58' 36"					F-48-64-B
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn			21° 15' 26"	103° 59' 31"	21° 12' 48"	104° 02' 29"	F-48-65-A, F-48-64-B, F-48-65-C
hợp tác xã 7	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 07"	103° 58' 00"					F-48-64-B
đường tỉnh 105	KX	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn			21° 14' 17"	103° 57' 49"	21° 15' 52"	103° 58' 35"	F-48-64-B, F-48-64-D
bản Ba Vi	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 12' 39"	104° 01' 44"					F-48-65-C
suối Bô Hạ	TV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn			21° 14' 38"	103° 58' 39"	21° 14' 28"	104° 00' 46"	F-48-64-D, F-48-65-C
bản Bôm Cưa	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 27"	104° 01' 01"					F-48-65-C
núi Boong Xung	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 40"	104° 01' 06"					F-48-65-C
bản Co Mị	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 04"	103° 59' 37"					F-48-64-D
bản Cừ Nhừn	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 11' 57"	104° 02' 04"					F-48-65-C
bản Cưởm	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 12' 52"	104° 01' 18"					F-48-65-C
bản Đức	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 43"	104° 00' 43"					F-48-65-C
bản Hân	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 22"	104° 00' 13"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hời	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 20"	104° 00' 56"					F-48-65-C
núi Huổi Đung	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 53"	104° 00' 46"					F-48-65-A
bản Kẹ	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 12' 15"	104° 01' 58"					F-48-65-C
núi Kéo Hợ	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 38"	103° 58' 03"					F-48-64-B
núi Lan Na Phát	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 57"	103° 59' 20"					F-48-64-D
bản Lầu	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 07"	104° 00' 59"					F-48-65-C
bản Lo	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 23"	104° 00' 44"					F-48-65-C
bản Mạt	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 40"	103° 58' 00"					F-48-64-D
bản Nà Hạ 1	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 44"	104° 00' 17"					F-48-65-C
bản Nà Hạ 2	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 14"	103° 59' 48"					F-48-64-B
bản Nà Nội	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 17"	103° 58' 40"					F-48-64-D
tiểu khu Nà Sắn	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 11"	104° 01' 52"					F-48-65-C
sân bay Nà Sắn	KX	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 00"	104° 01' 49"					F-48-65-C
bản Nà Sang	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 03"	104° 01' 08"					F-48-65-C
bản Nong Phụ	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 26"	104° 02' 06"					F-48-65-C
bản Noong Nải	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 12"	103° 59' 30"					F-48-64-D
bản Phát	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 40"	104° 00' 39"					F-48-65-C
núi Phiêng Sáng	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 42"	104° 00' 56"					F-48-65-C
núi Phòng Không	SV	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 15' 09"	103° 58' 59"					F-48-64-B
bản Xum 1	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 13' 44"	104° 00' 20"					F-48-65-C
bản Xum 2	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 12"	103° 59' 48"					F-48-65-C
bản Xum 3	DC	xã Chiềng Mung	H. Mai Sơn	21° 14' 12"	104° 00' 18"					F-48-65-C
bản Báng Ban	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 10' 37"	103° 44' 07"					F-48-64-C
bản Cho Cong	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 09' 14"	103° 49' 20"					F-48-64-D
súoi Cho Cong	TV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn			21° 10' 40"	103° 49' 20"	21° 09' 13"	103° 49' 05"	F-48-64-D
bản Co Hỉnh	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 08' 04"	103° 45' 59"					F-48-64-D
huổi Do	TV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn			21° 09' 46"	103° 51' 51"	21° 08' 19"	103° 50' 30"	F-48-64-D
núi Đán Đàm	SV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 07' 51"	103° 45' 45"					F-48-64-D
núi Đông Bai	SV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 10' 29"	103° 51' 26"					F-48-64-D
núi Đông Ne	SV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 08' 07"	103° 48' 04"					F-48-64-D
bản Hua Pư	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 13' 23"	103° 45' 35"					F-48-64-D
súoi Hua Pư	TV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn			21° 13' 28"	103° 45' 51"	21° 14' 19"	103° 44' 00"	F-48-64-C, F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Do	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 08' 27"	103° 50' 55"					F-48-64-D
pu Huổi Lai	SV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 08' 25"	103° 45' 31"					F-48-64-D
bản Huổi Sàng	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 10' 56"	103° 43' 19"					F-48-64-C
suối Két	TV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn			21° 07' 47"	103° 50' 57"	21° 09' 25"	103° 48' 23"	F-48-64-D
bản Nà Phặng	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 13' 42"	103° 43' 09"					F-48-64-C
bản Nhụng Dưới	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 10' 38"	103° 45' 59"					F-48-64-D
bản Nhụng Trên	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 10' 12"	103° 46' 45"					F-48-64-D
bản Pá Hóc	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 11' 34"	103° 48' 38"					F-48-64-D
bản Phé	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 09' 00"	103° 49' 51"					F-48-64-D
huổi Phé	TV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn			21° 09' 48"	103° 50' 45"	21° 08' 41"	103° 49' 50"	F-48-64-D
bản Phiêng Khá	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 11' 27"	103° 42' 21"					F-48-64-C
bản Phiêng Khôm	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 13' 01"	103° 43' 35"					F-48-64-C
nậm Quôet	TV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn			21° 09' 25"	103° 48' 23"	21° 11' 48"	103° 41' 44"	F-48-64-C, F-48-64-D
núi Sa Lâm	SV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 10' 53"	103° 41' 58"					F-48-64-C
huổi Sài	TV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn			21° 09' 11"	103° 45' 58"	21° 10' 28"	103° 46' 00"	F-48-64-D
bản Sài Khao	DC	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 11' 40"	103° 44' 03"					F-48-64-C
pu Thẳm Mạ	SV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 12' 06"	103° 49' 14"					F-48-64-D
nậm Ty	TV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn			21° 15' 25"	103° 44' 42"	21° 11' 48"	103° 41' 44"	F-48-64-A, F-48-64-C
pu Xa Nêm	SV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 14' 84"	103° 45' 342"					F-48-64-D
núi Xen Hìn	SV	xã Chiềng Nọi	H. Mai Sơn	21° 10' 02"	103° 44' 05"					F-48-64-C
đường tỉnh 109	KX	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn			21° 19' 49"	104° 04' 24"	21° 17' 39"	104° 05' 59"	F-48-65-A
bản Bãi Tắm	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 17' 05"	104° 04' 50"					F-48-65-A
bản Bản Bó	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 27"	104° 06' 23"					F-48-65-A
bản Bản Phát	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 37"	104° 07' 05"					F-48-65-A
bản Bó Lý	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 21' 26"	104° 02' 26"					F-48-65-A
bản Búc A	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 37"	104° 04' 33"					F-48-65-A
bản Búc B	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 50"	104° 04' 26"					F-48-65-A
bản Cà Nam	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 14"	104° 07' 48"					F-48-65-A
bản Cang A	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 58"	104° 04' 19"					F-48-65-A
bản Cang B	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 55"	104° 04' 09"					F-48-65-A
bản Cao Sơn	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 21' 14"	104° 03' 53"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chạm Càng	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 06"	104° 05' 32"					F-48-65-A
bản Co Chai	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 13"	104° 04' 57"					F-48-65-A
bản Co Hát	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 21' 41"	104° 01' 58"					F-48-65-A
bản Hòa Bình	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 23"	104° 05' 26"					F-48-65-A
bản Nà Chạy	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 20' 07"	104° 03' 45"					F-48-65-A
bản Nà Lầu	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 20' 52"	104° 02' 48"					F-48-65-A
bản Nong Chồ	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 33"	104° 05' 29"					F-48-65-A
bản Nong Sơn	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 21' 02"	104° 04' 02"					F-48-65-A
bản Pá Cu	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 22' 31"	104° 02' 11"					F-48-65-A
bản Tà Đứng	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 22' 10"	104° 02' 31"					F-48-65-A
bản Tân Lập	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 19' 24"	104° 04' 46"					F-48-65-A
bản Thông Nhất	DC	xã Chiềng Sung	H. Mai Sơn	21° 18' 37"	104° 06' 17"					F-48-65-A
núi Cồn Táng	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 30"	104° 01' 47"					F-48-65-C
núi Đán Na Pông	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 22"	104° 00' 46"					F-48-65-C
bản Đồng Vai	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 07' 45"	104° 01' 41"					F-48-65-C
suối Huổi Hút	TV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn			21° 08' 52"	103° 59' 54"	21° 08' 29"	104° 01' 35"	F-48-64-D, F-48-65-C
suối Huổi Lường	TV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn			21° 07' 42"	104° 02' 29"	21° 08' 00"	104° 02' 03"	F-48-65-C
bản Khiếng	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 08' 22"	104° 02' 11"					F-48-65-C
núi Mạ Con Voi	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 06"	104° 02' 45"					F-48-65-C
bản Mè Dưới	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 01"	104° 00' 49"					F-48-65-C
bản Mè Trên	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 20"	104° 00' 28"					F-48-65-C
núi Pom Khen Công	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 10' 47"	104° 00' 11"					F-48-65-C
bản Púng	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 10' 25"	104° 00' 08"					F-48-65-C
bản Sươn	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 08' 47"	104° 01' 23"					F-48-65-C
bản Thăm	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 07' 02"	104° 03' 31"					F-48-65-C
núi Thăm Phẳng	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 10' 04"	104° 01' 22"					F-48-65-C
núi Thỏ Lỏ	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 17"	104° 02' 10"					F-48-65-C
bản Tô Vương	DC	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 09' 39"	103° 59' 50"					F-48-64-D
núi Tư Cúp	SV	xã Chiềng Ve	H. Mai Sơn	21° 08' 19"	104° 02' 49"					F-48-65-C
tiểu khu 1	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 55"	104° 09' 54"					F-48-65-C
tiểu khu 2	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 47"	104° 09' 31"					F-48-65-C
tiểu khu 3	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 14"	104° 09' 13"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu 4	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 05"	104° 10' 32"					F-48-65-C
quốc lộ 6	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 10' 25"	104° 07' 35"	21° 08' 15"	104° 12' 02"	F-48-65-C
đường tỉnh 37	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 10' 49"	104° 12' 55"	21° 08' 24"	104° 11' 36"	F-48-65-C
đường tỉnh 103	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 07' 50"	104° 09' 32"	21° 04' 28"	104° 11' 35"	F-48-65-C
tiểu khu 3-2	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 01"	104° 07' 43"					F-48-65-C
tiểu khu 26-3	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 52"	104° 09' 57"					F-48-65-C
tiểu khu 19-5	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 56"	104° 08' 30"					F-48-65-C
núi Ba Chi	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 15"	104° 11' 56"					F-48-65-C
núi Bản Cọ	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 12' 13"	104° 10' 06"					F-48-65-C
tiểu khu Bình Minh	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 11"	104° 10' 18"					F-48-65-C
pon Bó Đức	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 48"	104° 09' 23"					F-48-65-C
bản Bó Hạc	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 05' 14"	104° 11' 57"					F-48-65-C
bản Bó Ngoa	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 22"	104° 11' 37"					F-48-65-C
núi Buộc Mú	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 13"	104° 11' 50"					F-48-65-C
đèo Chiềng Đông	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 22"	104° 11' 56"					F-48-65-C
núi Chư Muội	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 55"	104° 09' 25"					F-48-65-C
núi Cò Nhôm	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 46"	104° 07' 58"					F-48-65-C
bản Cò Nòi	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 19"	104° 11' 09"					F-48-65-C
hang Đán Tộc	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 10"	104° 08' 38"					F-48-65-C
Nhà máy Đường Sơn La	KX	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 08"	104° 07' 36"					F-48-65-C
núi Hiện Kịch	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 34"	104° 11' 17"					F-48-65-C
núi Hìn Kề	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 37"	104° 09' 08"					F-48-65-C
bản Hìn Thuối	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 04"	104° 10' 59"					F-48-65-C
núi Hua Huối	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 08"	104° 07' 45"					F-48-65-C
bản Hua Nong	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 18"	104° 11' 23"					F-48-65-C
bản Hua Tát	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 09' 06"	104° 11' 12"					F-48-65-C
tiểu khu Huối Dương	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 58"	104° 11' 49"					F-48-65-C
núi Huối Khếp	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 52"	104° 08' 01"					F-48-65-C
pu Huối Thuối	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 20"	104° 09' 27"					F-48-65-C
núi Khốp Ma	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 56"	104° 08' 55"					F-48-65-C
núi Khum Đin	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 44"	104° 11' 51"					F-48-65-C
bản Kim Sơn	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 04' 41"	104° 11' 41"					F-48-65-C
núi Lán Cây	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 26"	104° 08' 30"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lán In	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 09' 14"	104° 07' 06"					F-48-65-C
núi Lầu Đan	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 46"	104° 08' 57"					F-48-65-C
bản Léch	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 22"	104° 09' 05"					F-48-65-C
khau Lối Nội	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 16"	104° 11' 49"					F-48-65-C
bản Mai Thuận	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 05' 59"	104° 10' 08"					F-48-65-C
bản Mé Léch	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 07' 58"	104° 08' 57"					F-48-65-C
bản Môn	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 22"	104° 10' 29"					F-48-65-C
bản Mu Kít	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 09' 05"	104° 07' 24"					F-48-65-C
bản Nà Cang	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 42"	104° 09' 44"					F-48-65-C
bản Nhạp	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 41"	104° 08' 37"					F-48-65-C
bản Nong Môn	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 05' 41"	104° 10' 09"					F-48-65-C
bản Nong Te	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 06' 39"	104° 12' 08"					F-48-65-C
huổi Phách	TV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 09' 35"	104° 07' 24"	21° 09' 39"	104° 06' 38"	F-48-65-C
bản Phiêng Hỳ	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 10' 56"	104° 09' 08"					F-48-65-C
bản Phiêng Nặm	DC	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 08' 03"	104° 10' 16"					F-48-65-C
núi Pù Huốt	SV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn	21° 11' 02"	104° 08' 30"					F-48-65-C
huổi Púng	TV	xã Cò Nòi	H. Mai Sơn			21° 08' 26"	104° 10' 28"	21° 08' 15"	104° 10' 03"	F-48-65-C
huổi Pung	TV	xã Cò Núi	H. Mai Sơn			21° 10' 07"	104° 07' 07"	21° 09' 05"	104° 08' 17"	F-48-65-C
huổi Pút	TV	xã Cò Núi	H. Mai Sơn			21° 10' 17"	104° 12' 39"	21° 11' 08"	104° 11' 44"	F-48-65-C
tiểu khu Quyết Thắng	DC	xã Cò Núi	H. Mai Sơn	21° 06' 37"	104° 10' 36"					F-48-65-C
núi Sáy Nhọc	SV	xã Cò Núi	H. Mai Sơn	21° 09' 04"	104° 06' 55"					F-48-65-C
núi Sọt	SV	xã Cò Núi	H. Mai Sơn	21° 10' 56"	104° 08' 03"					F-48-65-C
núi Ta Nghè	SV	xã Cò Núi	H. Mai Sơn	21° 11' 43"	104° 10' 58"					F-48-65-C
bản Tân Quế	DC	xã Cò Núi	H. Mai Sơn	21° 10' 48"	104° 11' 00"					F-48-65-C
núi Tha Lay	SV	xã Cò Núi	H. Mai Sơn	21° 08' 28"	104° 07' 33"					F-48-65-C
tiểu khu Thống Nhất	DC	xã Cò Núi	H. Mai Sơn	21° 06' 03"	104° 11' 13"					F-48-65-C
nông trường Tô Hiệu	KX	xã Cò Núi	H. Mai Sơn	21° 07' 33"	104° 10' 06"					F-48-65-C
núi Ứng Hắc	SV	xã Cò Núi	H. Mai Sơn	21° 11' 52"	104° 10' 22"					F-48-65-C
bản Xuân Quế	DC	xã Cò Núi	H. Mai Sơn	21° 10' 37"	104° 11' 48"					F-48-65-C
tiểu khu 10	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 10"	104° 03' 46"					F-48-65-C
tiểu khu 12	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 39"	104° 04' 46"					F-48-65-C
đường tỉnh 110	KX	xã Hát Lót	H. Mai Sơn			21° 14' 41"	104° 06' 36"	21° 12' 57"	104° 09' 25"	F-48-65-C
bản 428	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 40"	104° 05' 57"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bà Cũ	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 24"	104° 02' 20"					F-48-65-C
núi Bà Pao	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 22"	104° 05' 41"					F-48-65-C
nằm Bàn	TV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn			21° 10' 47"	104° 05' 43"	21° 11' 49"	104° 05' 45"	F-48-65-C
núi Bằng Puốc	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 08' 36"	104° 05' 32"					F-48-65-C
yên ngựa Bồng Hòa	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 28"	104° 01' 00"					F-48-65-C
núi Bông Nọt	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 15"	104° 01' 08"					F-48-65-C
núi Chai Ngỏ	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 58"	104° 08' 54"					F-48-65-C
núi Công Trình	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 21"	104° 07' 06"					F-48-65-C
bản Dồm	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 16"	104° 06' 45"					F-48-65-C
núi Đung Lang	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 06"	104° 03' 33"					F-48-65-C
núi Hìn Mong	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 14' 08"	104° 08' 23"					F-48-65-C
bản Huổi Búng	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 10"	104° 04' 03"					F-48-65-C
núi Huổi Búng	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 45"	104° 04' 22"					F-48-65-C
núi Huổi Ở	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 22"	104° 09' 07"					F-48-65-C
núi Kéo Cong	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 08' 15"	104° 04' 56"					F-48-65-C
nằm Kiềng	TV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn			21° 08' 58"	104° 03' 09"	21° 10' 47"	104° 05' 43"	F-48-65-C
bản Long Khoang	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 20"	104° 04' 33"					F-48-65-C
bản Lót	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 46"	104° 02' 15"					F-48-65-C
núi Mạ Con	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 08' 30"	104° 05' 21"					F-48-65-C
bản Nà Ban	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 42"	104° 05' 16"					F-48-65-C
bản Nà Hạ	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 25"	104° 03' 41"					F-48-65-C
bản Nà Hén	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 41"	104° 02' 03"					F-48-65-C
bản Nà Nghè	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 12"	104° 02' 29"					F-48-65-C
tiểu khu Nà Săn	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 14"	104° 03' 00"					F-48-65-C
bản Nà Sắng	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 59"	104° 05' 54"					F-48-65-C
bản Nà Sy	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 11"	104° 02' 30"					F-48-65-C
bản Nậm Lạ	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 52"	104° 05' 22"					F-48-65-C
núi Nậm Tam	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 12"	104° 05' 54"					F-48-65-C
bản Nong Xôm	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 22"	104° 03' 37"					F-48-65-C
núi Pá Vạ	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 54"	104° 06' 32"					F-48-65-C
núi Pha Đuron	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 01"	104° 02' 48"					F-48-65-C
bản Phiêng Lộp	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 50"	104° 04' 50"					F-48-65-C
bản Phiêng Sây	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 09' 06"	104° 04' 26"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pó Tông	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 13' 44"	104° 08' 48"					F-48-65-C
bản Pù Ngổ	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 10' 55"	104° 01' 38"					F-48-65-C
phủ Sang	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 39"	104° 07' 02"					F-48-65-C
phủ Sung	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 51"	104° 06' 46"					F-48-65-C
hồ Tiên Phong	TV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 36"	104° 03' 13"					F-48-65-C
tiểu khu Tiên Phong 1	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 57"	104° 02' 21"					F-48-65-C
tiểu khu Tiên Phong 2	DC	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 12' 56"	104° 02' 43"					F-48-65-C
núi Tô Hiệu	SV	xã Hát Lót	H. Mai Sơn	21° 11' 43"	104° 02' 47"					F-48-65-C
bản Bàng	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 21"	104° 02' 06"					F-48-65-A
bản Bó	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 15' 18"	104° 02' 11"					F-48-65-A
suối Bó Họ	TV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn			21° 14' 37"	104° 01' 37"	21° 15' 46"	104° 02' 56"	F-48-65-A, F-48-65-C
bản Cáp	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 14' 53"	104° 01' 40"					F-48-65-C
bản Chu Văn Thịnh	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 13"	104° 02' 29"					F-48-65-A
núi Co Muống	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 15' 17"	104° 02' 55"					F-48-65-A
bản Co Trại	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 58"	104° 03' 07"					F-48-65-A
núi Đán Đanh	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 18' 23"	104° 04' 02"					F-48-65-A
núi Đán Xi	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 22' 00"	104° 00' 56"					F-48-65-A
bản Giản	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 16"	104° 03' 47"					F-48-65-A
bản Hào	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 18' 19"	104° 01' 55"					F-48-65-A
bản Hín Hụm	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 19' 00"	104° 02' 42"					F-48-65-A
núi Huồi Mỏ	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 52"	104° 00' 36"					F-48-65-A
bản Ít Có	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 20' 24"	104° 01' 03"					F-48-65-A
núi Lán Khôn	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 19' 58"	103° 59' 25"					F-48-64-B
núi Lán Lầm	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 14' 44"	104° 02' 13"					F-48-65-C
bản Liềng	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 45"	104° 01' 43"					F-48-65-A
bản Lương	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 59"	104° 00' 42"					F-48-65-A
bản Mai Châu	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 16' 16"	104° 03' 29"					F-48-65-A
bản Mạt	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 18' 43"	104° 00' 11"					F-48-65-A
bản Mé	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 28"	104° 01' 09"					F-48-65-A
bản Mòi	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 11"	104° 00' 30"					F-48-65-A
bản Nà Hoi	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 43"	104° 02' 25"					F-48-65-A
bản Nà Ó	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 11"	104° 02' 50"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nậm Pàn	TV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn			21° 15' 21"	104° 03' 25"	21° 21' 26"	104° 00' 17"	F-48-65-A
bản Nong Bon	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 38"	104° 03' 27"					F-48-65-A
núi Nong Phầm	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 15' 46"	104° 01' 29"					F-48-65-A
núi Pha Man	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 34"	103° 59' 59"					F-48-65-A
bản Phang	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 19' 49"	104° 01' 46"					F-48-65-A
bản Sắng	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 15' 05"	104° 01' 36"					F-48-65-A
bản Tẩn Pẩu	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 15' 05"	104° 02' 19"					F-48-65-A
núi Tre Xá	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 17' 17"	104° 00' 20"					F-48-65-A
núi Xen Đình	SV	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 19' 13"	103° 59' 50"					F-48-64-B
bản Xúm	DC	xã Mường Bằng	H. Mai Sơn	21° 19' 26"	104° 01' 04"					F-48-65-A
tiểu khu 16	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 21"	104° 05' 15"					F-48-65-C
đường tỉnh 671	KX	xã Mường Bon	H. Mai Sơn			21° 13' 02"	104° 05' 23"	21° 14' 14"	104° 04' 49"	F-48-65-C
núi Bá Pao	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 59"	104° 06' 00"					F-48-65-A
bản Bó Định	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 55"	104° 03' 33"					F-48-65-C
núi Bó Họ	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 02"	104° 01' 41"					F-48-65-C
núi Bó Hum	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 16"	104° 03' 35"					F-48-65-A
bản Bon	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 03"	104° 02' 59"					F-48-65-C
núi Cang Chung	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 59"	104° 03' 17"					F-48-65-C
núi Chén Hường	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 12"	104° 03' 08"					F-48-65-C
núi Cò Mười	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 35"	104° 04' 48"					F-48-65-C
núi Cò Ngoa	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 16' 18"	104° 05' 58"					F-48-65-A
núi Đen Đin	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 36"	104° 02' 35"					F-48-65-C
bản Đoàn Kết	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 47"	104° 02' 52"					F-48-65-C
suối Hóm Tát	TV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn			21° 16' 07"	104° 04' 55"	21° 15' 13"	104° 03' 58"	F-48-65-A
núi Huổi Ban	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 56"	104° 02' 14"					F-48-65-C
núi Huổi Đư	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 57"	104° 04' 44"					F-48-65-C
núi Huổi Mè	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 22"	104° 02' 53"					F-48-65-C
núi Khinh Cánh	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 13"	104° 04' 35"					F-48-65-A
núi Lắc Cờ	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 49"	104° 01' 52"					F-48-65-C
bản Lăm Cút	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 31"	104° 02' 41"					F-48-65-C
bản Mai Tiên	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 39"	104° 03' 31"					F-48-65-C
bản Mè	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 18"	104° 03' 35"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Hường	TV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn			21° 14' 27"	104° 06' 14"	21° 16' 07"	104° 04' 55"	F-48-65-A F-48-65-C
bản Nà Viên	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 46"	104° 04' 53"					F-48-65-C
bản Ô	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 32"	104° 03' 23"					F-48-65-C
nậm Pàn	TV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn			21° 12' 57"	104° 05' 08"	21° 15' 21"	104° 03' 25"	F-48-65-C
bản Rừng Thông	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 33"	104° 05' 12"					F-48-65-A
suối Tà Mường	TV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn			21° 13' 44"	104° 02' 06"	21° 14' 43"	104° 04' 09"	F-48-65-C
bản Ta Sinh	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 13"	104° 02' 32"					F-48-65-C
bản Tà Xa	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 00"	104° 04' 13"					F-48-65-A
phủ Tắc Cờ	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 43"	104° 04' 56"					F-48-65-C
bản Tiên Xa	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 15' 32"	104° 03' 54"					F-48-65-A
bản Tra	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 14' 13"	104° 03' 58"					F-48-65-C
núi U Nỗ	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 02"	104° 03' 12"					F-48-65-C
bản Un	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 59"	104° 03' 46"					F-48-65-C
bản Xa Cẩn	DC	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 25"	104° 04' 04"					F-48-65-C
núi Xăm Luận	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 12' 48"	104° 03' 35"					F-48-65-C
núi Yai Nọi	SV	xã Mường Bon	H. Mai Sơn	21° 13' 30"	104° 02' 47"					F-48-65-C
Trạm Thủy văn Bản Đen	KX	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 07"	103° 51' 43"					F-48-64-B
bản Bó Luồng	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 34"	103° 50' 59"					F-48-64-D
bản Bông	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 30"	103° 49' 30"					F-48-64-B
bản Cang Mường	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 53"	103° 50' 42"					F-48-64-D
bản Chằm	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 34"	103° 50' 46"					F-48-64-B
nậm Chanh	TV	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn			21° 12' 37"	103° 49' 19"	21° 15' 06"	103° 52' 11"	F-48-64-D, F-48-64-B
bản Đen	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 45"	103° 51' 19"					F-48-64-D
bản Hịa	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 48"	103° 50' 05"					F-48-64-D
bản Hòm	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 16' 04"	103° 50' 02"					F-48-64-B
bản Lọng Nậm	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 17"	103° 49' 51"					F-48-64-B
bản Lọng Nghịu	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 11"	103° 51' 40"					F-48-64-D
bản Lọng Trạng	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 53"	103° 50' 56"					F-48-64-D
bản Nà Cà	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 36"	103° 50' 05"					F-48-64-B
bản Nong Ke	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 43"	103° 51' 27"					F-48-64-D
bản Nong Ten	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 14' 40"	103° 50' 38"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phúc Lợi	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 52"	103° 50' 21"					F-48-64-B
bản Pom Săn	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 23"	103° 50' 19"					F-48-64-B
bản Pon	DC	xã Mường Chanh	H. Mai Sơn	21° 15' 15"	103° 51' 02"					F-48-64-B
đường tỉnh 110	KX	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 13' 05"	104° 06' 37"	21° 13' 29"	104° 11' 46"	F-48-65-A, F-48-65-C
tiểu khu 7 Sông Lô	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 42"	104° 06' 31"					F-48-65-C
tiểu khu 8 Nà Bó	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 01"	104° 08' 45"					F-48-65-C
núi Cài Nhương	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 14' 30"	104° 08' 48"					F-48-65-C
súoi Cầm	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 13' 48"	104° 09' 49"	21° 13' 32"	104° 11' 47"	F-48-65-C
bản Cáp Na	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 14' 31"	104° 10' 14"					F-48-65-C
đèo Chẹn	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 11' 13"	104° 13' 30"					F-48-65-C
núi Chôm Xe	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 12' 42"	104° 10' 07"					F-48-65-C
bản Hong Săn	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 25"	104° 09' 28"					F-48-65-C
bản Huổi Cao	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 14' 47"	104° 10' 46"					F-48-65-C
súoi Huổi Dăng	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 11' 08"	104° 12' 13"	21° 11' 33"	104° 11' 40"	F-48-65-C
bản Huổi Dương	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 10' 56"	104° 11' 52"					F-48-65-C
núi Lạc Ken	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 11' 33"	104° 13' 01"					F-48-65-C
núi Long	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 00"	104° 09' 51"					F-48-65-C
bản Nà Bó	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 32"	104° 08' 31"					F-48-65-C
hồ Nà Bó	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 13"	104° 08' 33"					F-48-65-C
bản Nà Ca	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 19"	104° 07' 58"					F-48-65-C
bản Nà Đuối	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 09"	104° 09' 05"					F-48-65-C
bản Nà Hường	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 50"	104° 06' 57"					F-48-65-C
súoi Nà Hường	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 12' 37"	104° 08' 02"	21° 14' 27"	104° 06' 14"	F-48-65-C
bản Nà Pát	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 12' 55"	104° 07' 56"					F-48-65-C
súoi Nà Sắng	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 09' 06"	104° 06' 32"	21° 10' 47"	104° 05' 43"	F-48-65-C
súoi Nậm Săn	TV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn			21° 11' 17"	104° 11' 45"	21° 13' 04"	104° 12' 16"	F-48-65-C
núi Noi Uất	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 14' 06"	104° 08' 53"					F-48-65-C
bản Pá Đông	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 03"	104° 10' 02"					F-48-65-C
núi Pù Tền	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 14' 53"	104° 10' 19"					F-48-65-A
bản Săn	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 12' 17"	104° 11' 49"					F-48-65-C
bản Thành Công	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 13' 10"	104° 08' 23"					F-48-65-C
bản Tong Tãi	DC	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 15' 28"	104° 09' 15"					F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ứng Hạc	SV	xã Nà Bó	H. Mai Sơn	21° 12' 41"	104° 10' 57"					F-48-65-C
quốc lộ 4G	KX	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn			21° 07' 40"	104° 00' 06"	21° 01' 03"	103° 58' 46"	F-48-64-D, F-48-65-C
huối A Lằng	TV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn			21° 05' 00"	103° 58' 27"	21° 03' 59"	103° 58' 15"	F-48-64-D
núi Co Cang	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 05' 18"	103° 56' 24"					F-48-64-D
phủ Co Vay	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 06' 36"	104° 01' 58"					F-48-65-C
bản Hát Sét	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 01' 54"	103° 58' 47"					F-48-64-D
bản Hin Đôn	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 06' 11"	104° 01' 01"					F-48-65-C
bản Huối Kẹt	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 01' 38"	103° 58' 01"					F-48-64-D
núi Huối Nhương	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 05' 30"	103° 55' 06"					F-48-64-D
huối Kẹt	TV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn			21° 00' 54"	103° 57' 38"	21° 01' 12"	103° 58' 44"	F-48-64-D
nậm Lanh	TV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn			21° 05' 17"	103° 57' 10"	21° 04' 16"	103° 57' 40"	F-48-64-D
nậm Lẹ	TV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn			21° 04' 48"	104° 00' 32"	21° 01' 54"	103° 58' 46"	F-48-64-D, F-48-65-C
huối Lu Bung	TV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn			21° 02' 53"	104° 00' 46"	21° 02' 54"	104° 00' 01"	F-48-65-C
bản Lụng Cuông	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 03' 17"	103° 54' 19"					F-48-64-D
bản Nà Hạ	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 03' 40"	104° 00' 08"					F-48-65-C
bản Nà Ôt	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 02' 47"	103° 59' 53"					F-48-64-D
bản Nà Un Trong	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 01' 12"	104° 00' 15"					F-48-65-C
bản Nậm Lanh	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 04' 43"	103° 57' 39"					F-48-64-D
bản Q Lọ	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 04' 52"	104° 00' 36"					F-48-65-C
núi Ông Thợ	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 04' 08"	104° 01' 08"					F-48-65-C
bản Pá Khoang	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 07' 00"	103° 59' 51"					F-48-64-D
phủ Pá Lau	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 05' 23"	103° 55' 29"					F-48-64-D
núi Pá Pau	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 04' 20"	103° 54' 35"					F-48-64-D
phủ Pao	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 08' 31"	103° 55' 36"					F-48-64-D
núi Pom Huối Luông	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 07' 00"	104° 01' 49"					F-48-65-C
núi Púng Cọ	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 05' 36"	103° 58' 06"					F-48-64-D
sườn Sà Vít	TV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn			21° 04' 16"	103° 56' 04"	21° 03' 49"	103° 58' 15"	F-48-64-D
bản Sum Hom	DC	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 05' 56"	103° 59' 38"					F-48-64-D
núi Sum Hom	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 06' 06"	103° 59' 04"					F-48-64-D
phủ Sút	SV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn	21° 01' 47"	104° 00' 30"					F-48-65-C
nậm Sút	TV	xã Nà Ôt	H. Mai Sơn			21° 02' 11"	104° 02' 14"	21° 01' 09"	104° 00' 12"	F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Thảm Cọ	SV	xã Nà Ốt	H. Mai Sơn	21° 08' 12"	103° 48' 50"					F-48-64-D
bản Trạm Cọ	DC	xã Nà Ốt	H. Mai Sơn	21° 06' 56"	104° 00' 35"					F-48-65-C
huối Xà Kia	TV	xã Nà Ốt	H. Mai Sơn			21° 04' 58"	103° 59' 10"	21° 03' 35"	103° 58' 37"	F-48-64-D
bản Xà Kia	DC	xã Nà Ốt	H. Mai Sơn	21° 04' 07"	103° 58' 46"					F-48-64-D
bản Xà Vịt	DC	xã Nà Ốt	H. Mai Sơn	21° 04' 25"	103° 55' 58"					F-48-64-D
pu Xám Sầu	SV	xã Nà Ốt	H. Mai Sơn	21° 05' 51"	103° 58' 22"					F-48-64-D
bản An Mạ	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 03' 39"	103° 53' 19"					F-48-64-D
núi An Mạ	SV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 03' 31"	103° 53' 25"					F-48-64-D
huối Báo Sao	TV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn			21° 08' 28"	103° 55' 18"	21° 06' 49"	103° 56' 02"	F-48-64-D
bản Bon Chồ	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 03' 24"	103° 53' 42"					F-48-64-D
súoi Bon Chồ	TV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn			21° 03' 04"	103° 54' 01"	21° 04' 04"	103° 53' 52"	F-48-64-D
bản Co Muồng	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 06' 51"	103° 56' 32"					F-48-64-D
pu Co Vay	SV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 03' 14"	103° 53' 38"					F-48-64-D
bản Cù	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 06' 04"	103° 51' 14"					F-48-64-D
huối Cù	TV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn			21° 05' 53"	103° 51' 09"	21° 07' 08"	103° 50' 55"	F-48-64-D
pu Đông Bai	SV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 09' 57"	103° 53' 52"					F-48-64-D
bản Hua Nà	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 07' 34"	103° 52' 35"					F-48-64-D
súoi Hua Nà	TV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn			21° 08' 25"	103° 53' 22"	21° 07' 34"	103° 51' 30"	F-48-64-D
bản Huối Nhả	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 05' 36"	103° 48' 57"					F-48-64-D
bản Huối Nhả Thái	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 07' 07"	103° 50' 26"					F-48-64-D
pu Huối Phỉ	SV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 03' 50"	103° 53' 08"					F-48-64-D
bản Huối Thùng	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 05' 22"	103° 56' 47"					F-48-64-D
bản Huối Thườn Hơ Mông	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 07' 16"	103° 53' 50"					F-48-64-D
núi Kéo Cưa	SV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 07' 00"	103° 59' 07"					F-48-64-D
súoi Két	TV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn			21° 06' 52"	103° 59' 02"	21° 07' 34"	103° 51' 30"	F-48-64-D
huối Khỉ Linh	TV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn			21° 07' 19"	103° 55' 01"	21° 06' 14"	103° 55' 08"	F-48-64-D
huối Khon Kén	TV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn			21° 07' 28"	103° 56' 22"	21° 05' 59"	103° 55' 44"	F-48-64-D
bản Là Va	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 05' 48"	103° 53' 27"					F-48-64-D
súoi Lọ Mọ	TV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn			21° 04' 04"	103° 53' 52"	21° 06' 24"	103° 53' 51"	F-48-64-D
bản Lọng Ban	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 06' 17"	103° 47' 17"					F-48-64-D
bản Lọng Hòm	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 03' 47"	103° 52' 09"					F-48-64-D
bản Long Nghiu	DC	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 06' 02"	103° 55' 26"					F-48-64-D
núi Long Nguru	SV	xã Phiêng Cầm	H. Mai Sơn	21° 07' 44"	103° 49' 56"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Mạt	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 09' 49"	103° 52' 24"	21° 07' 51"	103° 52' 34"	F-48-64-D
bản Nậm Pút	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 04' 09"	103° 50' 49"					F-48-64-D
huổi Nhà	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 04' 57"	103° 49' 53"	21° 07' 04"	103° 50' 34"	F-48-64-D
huổi Nhạp	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 04' 15"	103° 52' 56"	21° 05' 52"	103° 54' 06"	F-48-64-D
bản Nong Nghè	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 05"	103° 49' 45"					F-48-64-D
bản Nong Tàu Mông	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 04' 30"	103° 49' 31"					F-48-64-D
núi Pá Pau	SV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 08' 13"	103° 52' 02"					F-48-64-D
bản Pá Po	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 03' 45"	103° 51' 40"					F-48-64-D
bản Phiêng Mụ	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 07' 39"	103° 51' 21"					F-48-64-D
súoi Phiêng Phụ	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 06' 08"	103° 48' 23"	21° 07' 11"	103° 49' 40"	F-48-64-D
bản Phiêng Phụ B	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 01"	103° 48' 34"					F-48-64-D
bản Pú Tật	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 08' 18"	103° 54' 17"					F-48-64-D
huổi Púa	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 03' 56"	103° 52' 29"	21° 06' 45"	103° 53' 03"	F-48-64-D
bản Tăng Lương	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 14"	103° 55' 02"					F-48-64-D
bản Thăm Hưn	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 05' 30"	103° 54' 10"					F-48-64-D
núi Thăm Xưa	SV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 02' 48"	103° 53' 06"					F-48-64-D
huổi Thúng	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 07' 27"	103° 57' 28"	21° 05' 56"	103° 57' 26"	F-48-64-D
bản Tong Chính	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 04' 05"	103° 51' 43"					F-48-64-D
bản Xá Liệt	DC	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn	21° 06' 53"	103° 47' 17"					F-48-64-D
huổi Xá Liệt	TV	xã Phiêng Cằm	H. Mai Sơn			21° 06' 59"	103° 46' 35"	21° 07' 08"	103° 50' 55"	F-48-64-D
bản Bom Bít	DC	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	21° 03' 56"	104° 03' 16"					F-48-65-C
phủ Cau	SV	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	21° 00' 34"	104° 05' 08"					F-48-65-C
núi Chau Mây	SV	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	21° 03' 58"	104° 04' 25"					F-48-65-C
phủ Chi	SV	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	21° 00' 41"	104° 01' 07"					F-48-65-C
bản Co Hầy	DC	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	21° 04' 32"	104° 02' 15"					F-48-65-C
núi Co Hóc	SV	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	20° 59' 52"	104° 07' 24"					F-48-77-A
núi Cỏ Tong	SV	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	21° 05' 43"	104° 03' 26"					F-48-65-C
bản Đen	DC	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	20° 58' 41"	104° 06' 49"					F-48-77-A
bản Hua Bó	DC	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	21° 03' 17"	104° 04' 37"					F-48-65-C
huổi Hua Pó	TV	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn			21° 03' 41"	104° 03' 31"	21° 02' 55"	104° 04' 44"	F-48-65-C
phủ Huổi Lót	SV	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	21° 05' 54"	104° 02' 04"					F-48-65-C
bản Kết Hay	DC	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	21° 04' 34"	104° 03' 00"					F-48-65-C
bản Kết Nà	DC	xã Phiêng Pắn	H. Mai Sơn	21° 02' 26"	104° 04' 31"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Két Nà	TV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn			21° 02' 24"	104° 04' 34"	21° 02' 06"	104° 04' 18"	F-48-65-C
núi Luông	SV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 04' 36"	104° 01' 15"					F-48-65-C
bản Nà Hiên	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 00' 10"	104° 06' 29"					F-48-65-C
bản Nà Môn	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 02' 40"	104° 05' 51"					F-48-65-C
bản Nà Phụng Dưới	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 01' 23"	104° 04' 00"					F-48-65-C
bản Nà Pồng	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 02' 37"	104° 02' 35"					F-48-65-C
bản Nhung Trên	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 01' 39"	104° 04' 11"					F-48-65-C
bản Pà Ban	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 03' 15"	104° 03' 22"					F-48-65-C
huổi Pá Hò	TV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn			21° 05' 37"	104° 02' 15"	21° 05' 10"	104° 00' 59"	F-48-65-C
bản Pá Liêng	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 04' 20"	104° 03' 55"					F-48-65-C
bản Pá Nỏ	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 05' 42"	104° 02' 13"					F-48-65-C
bản Pá Pò	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 03' 32"	104° 02' 39"					F-48-65-C
bản Pá Tông	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 02' 41"	104° 03' 38"					F-48-65-C
huổi Pao	TV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn			21° 04' 12"	104° 03' 01"	21° 04' 34"	104° 03' 01"	F-48-65-C
bản Pên	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 00' 13"	104° 02' 48"					F-48-65-C
bản Phiêng Khang	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 02' 00"	104° 06' 51"					F-48-65-C
bản Púng	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 02' 04"	104° 03' 30"					F-48-65-C
huổi Sờ Dương	TV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn			20° 58' 19"	104° 03' 11"	20° 59' 14"	104° 02' 28"	F-48-77-A
nậm Sút	TV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn			21° 02' 41"	104° 02' 30"	21° 02' 11"	104° 02' 14"	F-48-65-C
bản Ta Lúc	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	20° 59' 13"	104° 06' 36"					F-48-77-A
súoi Ta Lúc	TV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn			20° 59' 15"	104° 06' 01"	20° 58' 24"	104° 04' 12"	F-48-77-A
bản Ta Vắt	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 01' 26"	104° 05' 33"					F-48-65-C
súoi Ta Vắt	TV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn			21° 00' 45"	104° 07' 04"	20° 59' 14"	104° 02' 28"	F-48-65-C, F-48-77-A
núi Thẩm Phẳng	SV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 02' 24"	104° 05' 57"					F-48-65-C
bản Thẩm Tau	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 03' 06"	104° 04' 57"					F-48-65-C
huổi Thẩm Tau	TV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn			21° 03' 94"	104° 04' 58"	21° 02' 24"	104° 04' 34"	F-48-65-C
bản Thân	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 00' 35"	104° 04' 35"					F-48-65-C
phụ Tùng	SV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 03' 53"	104° 04' 42"					F-48-65-C
bản Vít	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 00' 22"	104° 05' 02"					F-48-65-C
núi Xá Au	SV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 03' 00"	104° 06' 26"					F-48-65-C
bản Xá Cảnh	DC	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 03' 46"	104° 03' 48"					F-48-65-C
phụ Xam Xấu	SV	xã Phiêng Pần	H. Mai Sơn	21° 01' 04"	104° 02' 48"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 110	KX	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 13' 29"	104° 11' 46"	21° 16' 43"	104° 13' 26"	F-48-65-A, F-48-65-C
bản Bơ	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 17' 04"	104° 10' 03"					F-48-65-A
suoối Cầm	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 13' 32"	104° 11' 47"	21° 13' 31"	104° 12' 26"	F-48-65-C
sông Đà	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 18' 52"	104° 11' 10"	21° 14' 28"	104° 17' 24"	F-48-65-A, F-48-65-B, F-48-65-D
núi Hạc	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 16' 12"	104° 12' 57"					F-48-65-A
huối Hạc	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 15' 49"	104° 12' 15"	21° 17' 02"	104° 12' 46"	F-48-65-A
bản Hèo	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 14' 58"	104° 16' 24"					F-48-65-D
bản Hộc	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 15' 15"	104° 13' 21"					F-48-65-A
dãy Huối Luông	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 11' 55"	104° 13' 23"					F-48-65-C
núi Lan Áo	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 17' 45"	104° 10' 42"					F-48-65-A
bản Luồn	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 14' 29"	104° 16' 47"					F-48-65-D
bản Mòng	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 13' 41"	104° 13' 09"					F-48-65-C
suoối Nậm Mòng	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 12' 00"	104° 12' 41"	21° 13' 32"	104° 13' 06"	F-48-65-C
bản Pá Hóc	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 15' 38"	104° 11' 09"					F-48-65-A
núi Pá Kẹ	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 17' 34"	104° 09' 53"					F-48-65-A
bản Pá Nỏ A	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 13' 45"	104° 13' 50"					F-48-65-D
bản Pơn	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 17' 50"	104° 12' 05"					F-48-65-A
núi Pù Ho	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 16' 51"	104° 09' 11"					F-48-65-A
núi Pù Nà	SV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 18' 01"	104° 10' 59"					F-48-65-A
bản Pù Tền	DC	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 15' 38"	104° 11' 45"					F-48-65-A
suoối Tà Hộc	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 13' 31"	104° 12' 26"	21° 16' 40"	104° 13' 33"	F-48-65-A, F-48-65-C
cảng Tà Hộc	KX	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 16' 43"	104° 13' 30"					F-48-65-A
chợ Tà Hộc	KX	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn	21° 16' 38"	104° 13' 38"					F-48-65-A
suoối Tà Pơn	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 17' 20"	104° 10' 49"	21° 17' 56"	104° 12' 09"	F-48-65-A
suoối Tạ Pung	TV	xã Tà Hộc	H. Mai Sơn			21° 13' 10"	104° 15' 43"	21° 14' 41"	104° 16' 54"	F-48-65-D
tiểu khu 2	TT.	Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 50' 32"	104° 38' 29"					F-48-78-A
tiểu khu 4	DC	TT.	Mộc Châu	20° 50' 52"	104° 38' 19"					F-48-78-A
tiểu khu 5	DC	TT.	Mộc Châu	20° 50' 29"	104° 37' 56"					F-48-78-A
tiểu khu 6	DC	TT.	Mộc Châu	20° 50' 34"	104° 38' 10"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu 7	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 50' 46"	104° 37' 56"					F-48-78-A
tiểu khu 8	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 50' 57"	104° 37' 42"					F-48-78-A
tiểu khu 9	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 04"	104° 37' 46"					F-48-78-A
tiểu khu 10	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 10"	104° 37' 18"					F-48-78-A
tiểu khu 11	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 09"	104° 37' 03"					F-48-78-A
tiểu khu 12	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 08"	104° 36' 53"					F-48-78-A
tiểu khu 13	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 35"	104° 36' 20"					F-48-78-A
tiểu khu 14	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 52' 07"	104° 35' 22"					F-48-78-A
tiểu khu Bản Mòn	DC	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 02"	104° 37' 24"					F-48-78-A
hang Dơi	TV	TT. Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 04"	104° 38' 16"					F-48-78-A
tiểu khu 84-85	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 51' 38"	104° 42' 26"					F-48-78-A
tiểu khu Bản Ôn	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 53' 02"	104° 42' 30"					F-48-78-A
tiểu khu Chờ Lồng	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 52' 41"	104° 41' 14"					F-48-78-A
tiểu khu Cờ Đỏ	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 52' 25"	104° 41' 42"					F-48-78-A
núi Cù Quàng Khăm	SV	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 52' 57"	104° 43' 05"					F-48-78-A
tiểu khu Mía Đường	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 53' 11"	104° 40' 52"					F-48-78-A
tiểu khu Pa Khen 1	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 54' 09"	104° 40' 31"					F-48-78-A
tiểu khu Pa Khen 3	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 53' 52"	104° 40' 12"					F-48-78-A
núi Păng Chồ Mường	SV	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 54' 11"	104° 42' 35"					F-48-78-A
sườn Phiêng Cành	TV	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu			20° 52' 46"	104° 39' 45"	20° 53' 59"	104° 38' 33"	F-48-78-A
tiểu khu Tà Loạng	DC	TT. Nông trường Mộc Châu	H. Mộc Châu	20° 54' 34"	104° 40' 40"					F-48-78-A
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu			20° 52' 38"	104° 35' 13"	20° 55' 12"	104° 28' 39"	F-48-78-A, F-48-77-B
sườn Cà Rào	TV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu			20° 52' 53"	104° 34' 05"	20° 53' 24"	104° 33' 18"	F-48-78-A
bản Chiềng Păn	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 54' 17"	104° 29' 56"					F-48-77-B
bản Cò Liu	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 52"	104° 31' 32"					F-48-78-A
núi Hang Chưông	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 52' 34"	104° 33' 06"					F-48-78-A
núi Hay Năm	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 57' 05"	104° 30' 15"					F-48-78-A
núi Kéo Lý	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 52' 16"	104° 33' 40"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khay Chè	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 56' 18"	104° 33' 57"					F-48-78-A
núi Ngựa Ranh Giới	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 57' 03"	104° 30' 42"					F-48-78-A
bản Pá Phang	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 27"	104° 33' 48"					F-48-78-A
núi Pha Môn	SV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 52' 52"	104° 29' 28"					F-48-77-B
suoối Phay	TV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu			20° 54' 39"	104° 28' 26"	20° 54' 59"	104° 28' 47"	F-48-77-B
bản Piềng Lán	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 09"	104° 33' 13"					F-48-78-A
suoối Sập	TV	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu			20° 53' 24"	104° 33' 18"	20° 55' 10"	104° 28' 40"	F-48-78-A, F-48-77-B
bản Ta Niết	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 54' 05"	104° 30' 59"					F-48-78-A
bản Tả Sồ	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 56' 36"	104° 33' 14"					F-48-78-A
bản Tán Thuật	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 54' 47"	104° 29' 21"					F-48-77-B
bản Tái Ngoảng	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 07"	104° 34' 16"					F-48-78-A
bản Tây Hưng	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 54"	104° 33' 16"					F-48-78-A
bản Tong Hán	DC	xã Chiềng Hắc	H. Mộc Châu	20° 53' 34"	104° 32' 57"					F-48-78-A
bản Cang	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 06"	104° 27' 13"					F-48-77-B
bản Càng Ty	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 47' 19"	104° 28' 02"					F-48-77-B
suoối Co Păm	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 50' 53"	104° 30' 46"	20° 50' 50"	104° 32' 08"	F-48-78-A
suoối Đan	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 47' 24"	104° 28' 09"	20° 49' 02"	104° 28' 50"	F-48-77-B
núi Đầy Hùn	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 51' 51"	104° 30' 58"					F-48-78-A
núi Đin Tách	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 51' 07"	104° 30' 59"					F-48-78-A
suoối Đon	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 49' 02"	104° 28' 50"	20° 50' 04"	104° 27' 17"	F-48-77-B
suoối Giảng	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 48' 02"	104° 25' 17"	20° 49' 57"	104° 27' 03"	F-48-77-B
pu Khem	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 51' 51"	104° 31' 34"					F-48-78-A
suoối Khừa	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 50' 04"	104° 27' 17"	20° 50' 58"	104° 30' 36"	F-48-77-B, F-48-78-A
bản Khừa	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 18"	104° 27' 18"					F-48-77-B
suoối Khừa	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 49' 57"	104° 26' 31"	20° 49' 57"	104° 27' 03"	F-48-77-B
pa Mương	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 52' 17"	104° 30' 26"					F-48-78-A
bản Ông Lý	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 52' 09"	104° 29' 30"					F-48-77-B
núi Pa Chiềng	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 30"	104° 28' 04"					F-48-77-B
núi Pa Trán	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 49' 57"	104° 31' 58"					F-48-78-A
núi Pa Xăng	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 49"	104° 26' 13"					F-48-77-B
bản Phách	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 03"	104° 26' 32"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Sa Lố	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 48' 22"	104° 28' 06"	20° 48' 26"	104° 28' 41"	F-48-77-B
suối Sắng	TV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu			20° 50' 19"	104° 25' 27"	20° 49' 57"	104° 26' 31"	F-48-77-B
núi Ten Phách	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 49' 50"	104° 27' 06"					F-48-77-B
núi Tiên Pan	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 53' 06"	104° 28' 24"					F-48-77-B
bản Tông	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 50' 31"	104° 27' 16"					F-48-77-B
bản Trọng	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 48' 04"	104° 25' 23"					F-48-77-B
bản Xa Lú	DC	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 52' 35"	104° 27' 54"					F-48-77-B
núi Xe Tẻ Pan	SV	xã Chiềng Khừa	H. Mộc Châu	20° 53' 08"	104° 27' 56"					F-48-77-B
tiểu khu 1	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 46' 17"	104° 35' 24"					F-48-78-A
tiểu khu 2	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 52"	104° 35' 13"					F-48-78-A
tiểu khu 3	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 52"	104° 35' 44"					F-48-78-A
tiểu khu 4	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 35"	104° 36' 00"					F-48-78-A
tiểu khu 5	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 14"	104° 35' 54"					F-48-78-A
tiểu khu 6	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 07"	104° 36' 26"					F-48-78-A
tiểu khu 7	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 52"	104° 36' 53"					F-48-78-C
tiểu khu 8	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 00"	104° 38' 01"					F-48-78-C
tiểu khu 9	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 43' 51"	104° 39' 01"					F-48-78-C
tiểu khu 10	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 46' 15"	104° 35' 34"					F-48-78-A
quốc lộ 43	KX	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu			20° 47' 34"	104° 35' 00"	20° 45' 57"	104° 32' 46"	F-48-78-A
tiểu khu 3-2	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 41"	104° 34' 25"					F-48-78-A
tiểu khu 30-4	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 23"	104° 36' 01"					F-48-78-A
tiểu khu 1-5	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 35"	104° 34' 05"					F-48-78-A
tiểu khu 19-5	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 46' 58"	104° 34' 55"					F-48-78-A
tiểu khu 2-9	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 59"	104° 35' 36"					F-48-78-C
núi Cổng Trời	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 45' 34"	104° 37' 58"					F-48-78-A
bản Hin Pén	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 33"	104° 35' 04"					F-48-78-C
núi Khu Mèn	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 48' 38"	104° 33' 55"					F-48-78-A
dốc Nà Tén	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 44' 15"	104° 37' 10"					F-48-78-C
núi Pa Lay	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 47' 07"	104° 35' 30"					F-48-78-A
bản Pha Luông	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 43' 33"	104° 35' 53"					F-48-78-C
núi Pha Luông	SV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 41' 20"	104° 37' 50"					F-48-78-C
suối Quanh	TV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu			20° 43' 39"	104° 37' 46"	20° 43' 39"	104° 39' 13"	F-48-78-C
suối Sập	TV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu			20° 45' 58"	104° 32' 46"	20° 47' 35"	104° 34' 59"	F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Suối Thín	DC	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu	20° 43' 24"	104° 36' 48"					F-48-78-C
suối Thín	TV	xã Chiềng Sơn	H. Mộc Châu			20° 41' 13"	104° 35' 59"	20° 43' 39"	104° 37' 46"	F-48-78-C
quốc lộ 6	KX	xã Đông Sang	H. Mộc Châu			20° 50' 51"	104° 39' 28"	20° 50' 46"	104° 38' 57"	F-48-78-A
tiểu khu 34	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 40"	104° 37' 54"					F-48-78-A
bản Áng 1	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 23"	104° 37' 24"					F-48-78-A
bản Áng 2	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 32"	104° 37' 36"					F-48-78-A
bản Áng 3	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 41"	104° 37' 45"					F-48-78-A
bản Búa	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 04"	104° 38' 38"					F-48-78-A
bản Châm Cháy	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 34"	104° 39' 03"					F-48-78-A
núi Co Muống	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 24"	104° 37' 39"					F-48-78-A
núi Co Phay	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 59"	104° 36' 27"					F-48-78-A
bản Co Xung	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 18"	104° 39' 13"					F-48-78-A
bản Cóc	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 45' 54"	104° 39' 50"					F-48-78-A
suối Môn	TV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu			20° 50' 30"	104° 39' 22"	20° 49' 48"	104° 38' 10"	F-48-78-A
bản Pa Phách 1	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 12"	104° 40' 08"					F-48-78-A
bản Pa Phách 2	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 23"	104° 41' 10"					F-48-78-A
núi Pha Xánh	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 45' 29"	104° 39' 49"					F-48-78-A
núi Pu Huốt	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 48' 29"	104° 37' 45"					F-48-78-A
núi Sơ Linh	SV	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 14"	104° 41' 56"					F-48-78-A
bản Tự Nhiên	DC	xã Đông Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 01"	104° 38' 04"					F-48-78-A
quốc lộ 43	KX	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 54' 33"	104° 45' 13"	20° 52' 29"	104° 46' 53"	F-48-78-B
núi Ba Hoi	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 56' 59"	104° 46' 47"					F-48-78-B
bản Bó Hiềng	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 06"	104° 47' 14"					F-48-78-B
núi Cây Nhân	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 18"	104° 46' 56"					F-48-78-B
bản Chiềng Cang	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 06"	104° 45' 21"					F-48-78-B
suối Đồn	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 53' 24"	104° 45' 19"	20° 54' 34"	104° 45' 14"	F-48-78-B
suối Giảng	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 52' 31"	104° 47' 39"	20° 55' 43"	104° 44' 28"	F-48-78-B, F-48-78-A
suối Huộc	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 56' 08"	104° 47' 37"	20° 54' 57"	104° 45' 08"	F-48-78-B
xóm Huổi Hiềng	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 36"	104° 44' 06"					F-48-78-A
bản Km 16	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 45"	104° 46' 30"					F-48-78-B
xóm Lòng Hồ	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 52"	104° 44' 12"					F-48-78-A
bản Nà Bó 1	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 23"	104° 44' 35"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Bó 2	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 49"	104° 44' 00"					F-48-78-A
bản Nà Sài	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 18"	104° 44' 52"					F-48-78-A
bản Pa Đì	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 20"	104° 48' 22"					F-48-78-B
bản Pá Láy	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 54' 47"	104° 45' 11"					F-48-78-B
núi Pu Tén	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 53' 40"	104° 48' 40"					F-48-78-B
mỏm Sán Co Pang	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 25"	104° 48' 55"					F-48-78-B
núi Si Lì	SV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 56' 12"	104° 45' 32"					F-48-78-B
bản Sỏi	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 55' 44"	104° 48' 04"					F-48-78-B
bản Suối Ba	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 53' 35"	104° 46' 05"					F-48-78-B
bản Suối Đôn	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 53' 36"	104° 45' 01"					F-48-78-B
bản Suối Ngõa	DC	xã Hua Păng	H. Mộc Châu	20° 52' 20"	104° 47' 06"					F-48-78-B
suối Vừng	TV	xã Hua Păng	H. Mộc Châu			20° 53' 47"	104° 48' 27"	20° 55' 20"	104° 46' 17"	F-48-78-B
quốc lộ 43	KX	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 45' 57"	104° 32' 46"	20° 43' 55"	104° 30' 50"	F-48-78-A, F-48-78-C
bản A Lá	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 44' 52"	104° 29' 45"					F-48-77-D
suối A Má	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 47' 19"	104° 31' 08"	20° 46' 58"	104° 33' 56"	F-48-78-A
bản A Má 1	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 30"	104° 31' 53"					F-48-78-A
bản A Má 2	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 23"	104° 32' 11"					F-48-78-A
suối Bó Ngong	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 46' 39"	104° 31' 21"	20° 46' 30"	104° 32' 56"	F-48-78-A
bản Bó Sập	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 44' 30"	104° 31' 28"					F-48-78-C
núi Buốc Mụ	SV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 46' 56"	104° 32' 20"					F-48-78-A
bản Buốc Quạng	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 25"	104° 29' 18"					F-48-77-B
bản Cọ Cháy	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 45' 53"	104° 30' 36"					F-48-78-A
núi Đương Đồng	SV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 49' 05"	104° 32' 00"					F-48-78-A
bản Hóng Húa	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 46' 42"	104° 29' 45"					F-48-77-B
suối Hóng Húa	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 47' 08"	104° 28' 13"	20° 47' 19"	104° 31' 08"	F-48-77-B, F-48-78-A
bản Mường Bó	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 46' 53"	104° 32' 11"					F-48-78-A
bản Phạ Đoán	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 48' 39"	104° 29' 48"					F-48-77-B
bản Phạ Nhên	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 44' 32"	104° 29' 50"					F-48-77-D
bản Phát	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 45' 03"	104° 32' 12"					F-48-78-A
bản Phiệng Cai	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 43' 10"	104° 30' 03"					F-48-78-C
bản Pu Nhan	DC	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 45' 45"	104° 29' 39"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nằm Sập	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 43' 29"	104° 32' 48"	20° 44' 56"	104° 32' 13"	F-48-78-C
núi Suối Ôm	SV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu	20° 47' 41"	104° 33' 29"					F-48-78-A
suối Ưng	TV	xã Lóng Sập	H. Mộc Châu			20° 48' 25"	104° 30' 15"	20° 48' 08"	104° 32' 29"	F-48-78-A
tiểu khu 1	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 35"	104° 35' 34"					F-48-78-A
tiểu khu 2	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 03"	104° 35' 53"					F-48-78-A
quốc lộ 6	KX	xã Mường Sang	H. Mộc Châu			20° 52' 20"	104° 35' 19"	20° 52' 38"	104° 35' 13"	F-48-78-A
quốc lộ 43	KX	xã Mường Sang	H. Mộc Châu			20° 51' 02"	104° 36' 47"	20° 47' 34"	104° 35' 00"	F-48-78-A
bản An Thái	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 57"	104° 35' 52"					F-48-78-A
bản Bãi Sậy	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 56"	104° 35' 45"					F-48-78-A
núi Cọ Bần	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 30"	104° 32' 29"					F-48-78-A
núi Hìn Cáp	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 10"	104° 35' 38"					F-48-78-A
núi Khụ Mền	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 48' 21"	104° 34' 50"					F-48-78-A
bản Là Ngà 1	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 19"	104° 36' 27"					F-48-78-A
bản Là Ngà 2	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 11"	104° 35' 32"					F-48-78-A
bản Lùn	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 11"	104° 35' 06"					F-48-78-A
núi Mu Náu	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 52' 04"	104° 38' 20"					F-48-78-A
suối Nà Bó	TV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu			20° 50' 13"	104° 35' 54"	20° 49' 24"	104° 35' 30"	F-48-78-A
bản Nà Bó 1	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 54"	104° 36' 23"					F-48-78-A
bản Nà Bó 2	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 44"	104° 36' 45"					F-48-78-A
núi Nhúng	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 13"	104° 38' 06"					F-48-78-A
núi Pa Kén	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 51"	104° 34' 18"					F-48-78-A
núi Pá Púoc	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 19"	104° 35' 36"					F-48-78-A
núi Pha Ché	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 46' 10"	104° 37' 41"					F-48-78-A
núi Pha Đang	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 50' 23"	104° 37' 05"					F-48-78-A
núi Sạn Nóc Kéch	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 51' 15"	104° 36' 02"					F-48-78-A
suối Sập	TV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu			20° 47' 35"	104° 34' 59"	20° 51' 15"	104° 34' 02"	F-48-78-A
bản Sò Lườn	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 47' 36"	104° 36' 17"					F-48-78-A
bản Thái Hưng	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 48' 30"	104° 35' 59"					F-48-78-A
bản Vật	DC	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 49' 12"	104° 35' 53"					F-48-78-A
núi Yên Ngựa	SV	xã Mường Sang	H. Mộc Châu	20° 55' 19"	104° 34' 41"					F-48-78-A
tiểu khu 3	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 57' 14"	104° 43' 05"					F-48-78-A
quốc lộ 37	KX	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 59' 35"	104° 42' 15"	20° 56' 55"	104° 43' 09"	F-48-78-A
bản Đoàn Kết	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 57' 45"	104° 44' 34"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (đo, phút, giây)	Kinh độ (đo, phút, giây)	Vĩ độ (đo, phút, giây)	Kinh độ (đo, phút, giây)	Vĩ độ (đo, phút, giây)	Kinh độ (đo, phút, giây)	
suối Đôn	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 55' 04"	104° 43' 53"	20° 55' 56"	104° 43' 59"	F-48-78-A
suối Giảng	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 55' 43"	104° 44' 28"	20° 59' 39"	104° 42' 49"	F-48-78-A
bản Kê Tèo	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 57' 39"	104° 42' 42"					F-48-78-A
Công ty Lâm nghiệp Mộc Sơn	KX	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 53"	104° 42' 37"					F-48-78-A
bản Nà Mường 1	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 21"	104° 43' 42"					F-48-78-A
bản Nà Mường 2	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 00"	104° 43' 51"					F-48-78-A
bản Pa Lay	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 38"	104° 42' 55"					F-48-78-A
bản Phiêng Tòng	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 58' 14"	104° 42' 59"					F-48-78-A
bản Pua Pài	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 55' 45"	104° 43' 58"					F-48-78-A
bản Sầm Nặm	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 59' 08"	104° 42' 16"					F-48-78-A
bản Si Li	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 56' 21"	104° 44' 36"					F-48-78-A
suối Sý Hỳ	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 56' 22"	104° 44' 45"	20° 55' 59"	104° 44' 19"	F-48-78-A
bản Tân Ca	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 59' 15"	104° 42' 58"					F-48-78-A
suối Ténh	TV	xã Nà Mường	H. Mộc Châu			20° 58' 38"	104° 44' 33"	20° 58' 40"	104° 43' 05"	F-48-78-A
Thống Nhất	DC	xã Nà Mường	H. Mộc Châu	20° 55' 50"	104° 44' 22"					F-48-78-A
tiểu khu 32	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 50' 31"	104° 39' 32"					F-48-78-A
tiểu khu 40	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 50' 10"	104° 40' 39"					F-48-78-A
quốc lộ 43	KX	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu			20° 49' 22"	104° 43' 39"	20° 50' 49"	104° 47' 07"	F-48-78-A, F-48-78-B
tiểu khu 64	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 48' 59"	104° 43' 32"					F-48-78-A
tiểu khu 66	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 49' 50"	104° 42' 02"					F-48-78-A
tiểu khu 67	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 49' 39"	104° 43' 43"					F-48-78-A
tiểu khu 68	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 49' 47"	104° 42' 47"					F-48-78-A
tiểu khu 69	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 49' 24"	104° 41' 19"					F-48-78-A
tiểu khu 70	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 49' 56"	104° 40' 25"					F-48-78-A
tiểu khu 77	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 50' 46"	104° 40' 22"					F-48-78-A
tiểu khu 1-5	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 49' 28"	104° 42' 25"					F-48-78-A
tiểu khu 19-5	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 50' 37"	104° 40' 42"					F-48-78-A
tiểu khu 26-7	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 50' 28"	104° 42' 58"					F-48-78-A
tiểu khu 19-8	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 50' 15"	104° 41' 08"					F-48-78-A
cầu Bản Muống	KX	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 49' 29"	104° 43' 30"					F-48-78-A
tiểu khu Bệnh Viện 1	DC	xã Phiêng Luống	H. Mộc Châu	20° 50' 22"	104° 39' 56"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tiểu khu Bệnh Viện 2	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 24"	104° 40' 19"					F-48-78-A
tiểu khu Bó Bun	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 07"	104° 39' 38"					F-48-78-A
tiểu khu Cáp 3	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 49"	104° 40' 55"					F-48-78-A
tiểu khu Chè Đen 1	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 55"	104° 41' 17"					F-48-78-A
tiểu khu Chè Đen 2	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 08"	104° 41' 27"					F-48-78-A
bản Chiềng Đì	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 48' 41"	104° 41' 56"					F-48-78-A
tiểu khu Hoa Ban	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 06"	104° 42' 46"					F-48-78-A
tiểu khu Khì Tạng	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 01"	104° 40' 47"					F-48-78-A
núi Mây Lơi	SV	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 52' 00"	104° 45' 07"					F-48-78-B
nông trường Mộc Châu	KX	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 51"	104° 39' 40"					F-48-78-A
bản Muồng	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 19"	104° 44' 25"					F-48-78-A
tiểu khu Nhà Nghỉ	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 39"	104° 39' 55"					F-48-78-A
bản Pa Hóc	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 51' 38"	104° 46' 07"					F-48-78-B
tiểu khu Phiêng Hạ	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 48' 41"	104° 44' 22"					F-48-78-A
bản Phiêng Tiến	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 48' 46"	104° 43' 56"					F-48-78-A
bản Phiêng Sáng	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 51' 21"	104° 45' 07"					F-48-78-B
tiểu khu S 89	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 51"	104° 42' 15"					F-48-78-A
bản Suối Khem	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 43"	104° 45' 58"					F-48-78-B
bản Tám Ba	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 57"	104° 45' 01"					F-48-78-B
tiểu khu Thảo Nguyên	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 21"	104° 43' 40"					F-48-78-A
núi Thơm Pồn	SV	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 51' 46"	104° 45' 50"					F-48-78-B
núi Thung Quế	SV	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 51' 16"	104° 44' 15"					F-48-78-A
tiểu khu Tiền Tiến	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 49' 10"	104° 41' 44"					F-48-78-A
tiểu khu Vườn Đào	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 48' 52"	104° 40' 51"					F-48-78-A
bản Xóm Lôm	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 05"	104° 44' 02"					F-48-78-A
tiểu khu Xường Sừ	DC	xã Phiêng Luông	H. Mộc Châu	20° 50' 34"	104° 40' 56"					F-48-78-A
quốc lộ 37	KX	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu			21° 03' 18"	104° 42' 34"	20° 59' 35"	104° 42' 15"	F-48-66-C-d, F-48-78-A
bản Bón Trai	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 02' 31"	104° 42' 29"					F-48-66-C-d
bản Bó Giàng	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 15"	104° 44' 40"					F-48-66-C-d
bản Bó Hoi	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	20° 57' 37"	104° 46' 16"					F-48-78-B
bản Chiềng Khoàng	DC	xã Quy Hướng	H. Mộc Châu	21° 01' 38"	104° 42' 26"					F-48-66-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đà	TV	xã Quy Hương	H. Mộc Châu			21° 02' 57"	104° 41' 46"	21° 02' 49"	104° 45' 47"	F-48-66-C-d, F-48-66-D-c
bản Đồng Giảng	DC	xã Quy Hương	H. Mộc Châu	21° 02' 51"	104° 44' 34"					F-48-66-C-d
suối Giảng	TV	xã Quy Hương	H. Mộc Châu			20° 58' 46"	104° 44' 20"	21° 02' 26"	104° 43' 59"	F-48-78-A, F-48-66-C-d
suối Giảng	TV	xã Quy Hương	H. Mộc Châu			20° 59' 39"	104° 42' 49"	21° 02' 26"	104° 43' 59"	F-48-78-A, F-48-66-C-d
suối Mát	TV	xã Quy Hương	H. Mộc Châu			21° 00' 14"	104° 41' 44"	21° 00' 52"	104° 42' 53"	F-48-66-C-d
bản Nà Cung	DC	xã Quy Hương	H. Mộc Châu	21° 01' 01"	104° 44' 51"					F-48-66-C-d
bản Nà Đưa	DC	xã Quy Hương	H. Mộc Châu	21° 01' 00"	104° 45' 09"					F-48-66-C-d
bản Nà Giảng 1	DC	xã Quy Hương	H. Mộc Châu	21° 00' 32"	104° 44' 51"					F-48-66-C-d
bản Nà Quên	DC	xã Quy Hương	H. Mộc Châu	21° 01' 57"	104° 44' 00"					F-48-66-C-d
bản Suối Giảng 1	DC	xã Quy Hương	H. Mộc Châu	21° 00' 00"	104° 42' 53"					F-48-66-C-d
bản Suối Giảng 2	DC	xã Quy Hương	H. Mộc Châu	21° 01' 28"	104° 43' 00"					F-48-66-C-d
núi Táng Nhắng	SV	xã Quy Hương	H. Mộc Châu	21° 01' 45"	104° 45' 32"					F-48-66-D-c
suối Trại	TV	xã Quy Hương	H. Mộc Châu			21° 02' 04"	104° 42' 24"	21° 03' 09"	104° 42' 18"	F-48-66-C-d
phà Vạn Yên	KX	xã Quy Hương	H. Mộc Châu	21° 03' 28"	104° 42' 24"					F-48-66-C-d
bản Vàng Khoài	DC	xã Quy Hương	H. Mộc Châu	21° 00' 25"	104° 42' 50"					F-48-66-C-d
bản C-5	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 15"	104° 40' 22"					F-48-78-A
núi Kè Tèo	SV	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 59' 14"	104° 41' 22"					F-48-78-A
bản Lòng Hồ	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 01"	104° 41' 15"					F-48-78-A
suối Mỏ	TV	xã Tà Lại	H. Mộc Châu			20° 56' 44"	104° 41' 03"	20° 57' 31"	104° 41' 42"	F-48-78-A
bản Nà Cạn	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 58' 18"	104° 39' 36"					F-48-78-A
bản Nong Cụt	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 27"	104° 39' 28"					F-48-78-A
bản Pải Mỏ	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 58' 05"	104° 39' 54"					F-48-78-A
bản Suối Mỏ	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 56' 59"	104° 42' 00"					F-48-78-A
suối Tà Lại	TV	xã Tà Lại	H. Mộc Châu			20° 58' 11"	104° 39' 12"	20° 57' 20"	104° 42' 32"	F-48-78-A
bản Tà Lọt	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 58' 07"	104° 40' 03"					F-48-78-A
bản Tháng 5	DC	xã Tà Lại	H. Mộc Châu	20° 57' 43"	104° 40' 33"					F-48-78-A
suối Bưng	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 00' 49"	104° 35' 10"	21° 02' 48"	104° 36' 05"	F-48-66-C-c
bản Cà Đặc	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 34"	104° 34' 02"					F-48-66-C-c
sông Đà	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 03' 14"	104° 34' 05"	21° 02' 57"	104° 41' 46"	F-48-66-C-c, F-48-66-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
súoi Hò	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 03' 19"	104° 33' 24"	21° 03' 14"	104° 34' 05"	F-48-66-C-c
bản Lũng Mú	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 02' 33"	104° 33' 27"					F-48-66-C-c
súoi Lũng Mú	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 02' 20"	104° 32' 52"	21° 03' 14"	104° 34' 05"	F-48-66-C-c
bản Nà Mí	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 45"	104° 37' 51"					F-48-66-C-d
bản Nà Mường	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 11"	104° 36' 42"					F-48-66-C-c
bản Nà Sánh	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	20° 59' 37"	104° 37' 44"					F-48-78-A
bản Pơ Nang	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 01' 50"	104° 35' 16"					F-48-66-C-c
bản Sam Kha	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 53"	104° 36' 29"					F-48-66-C-c
bản Sao Tua	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 00' 45"	104° 40' 49"					F-48-66-C-d
bản Súoi Chanh	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 01' 12"	104° 38' 01"					F-48-66-C-d
bản Súoi Khoang	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	20° 59' 19"	104° 35' 53"					F-48-78-A
bản Súoi Xáy	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	21° 02' 02"	104° 37' 15"					F-48-66-C-c
bản Tầm Phế	DC	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu	20° 59' 11"	104° 38' 44"					F-48-78-A
súoi Vua	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 00' 11"	104° 39' 38"	21° 01' 36"	104° 38' 15"	F-48-66-C-d
súoi Xáy	TV	xã Tân Hợp	H. Mộc Châu			21° 01' 57"	104° 36' 52"	21° 02' 05"	104° 37' 07"	F-48-66-C-c
tiểu khu 9	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 55' 55"	104° 36' 43"					F-48-78-A
tiểu khu 12	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 56' 47"	104° 37' 14"					F-48-78-A
tiểu khu 34	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 54' 26"	104° 38' 16"					F-48-78-A
bản Co Phay	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 55"	104° 35' 37"					F-48-78-A
bản Dọi	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 57' 20"	104° 38' 11"					F-48-78-A
núi Hai Cầu Thang	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 32"	104° 31' 21"					F-48-78-A
bản Hang Cọp	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 55' 21"	104° 37' 27"					F-48-78-A
bản Hoa 1	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 56' 33"	104° 37' 47"					F-48-78-A
bản Hoa 2	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 56' 36"	104° 36' 10"					F-48-78-A
núi Keo Co Xe	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 50"	104° 31' 52"					F-48-78-A
bản Khe Pòng	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 42"	104° 33' 18"					F-48-78-A
bản Lóng Cóc	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 38"	104° 34' 07"					F-48-78-A
bản Nà	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 51"	104° 33' 49"					F-48-78-A
bản Nà Pháy	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 59' 09"	104° 34' 14"					F-48-78-A
núi Ông Bơ	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 54' 43"	104° 38' 43"					F-48-78-A
núi Pha Canh	SV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 55' 19"	104° 36' 02"					F-48-78-A
súoi Phiêng	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu			20° 55' 04"	104° 38' 48"	20° 59' 05"	104° 35' 20"	F-48-78-A
bản Phiêng Cảnh	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 54' 28"	104° 37' 31"					F-48-78-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
súoi Phiêng Cánh	TV	xã Tân Lập	H. Mộc Châu							F-48-78-A
bản Phiêng Đón	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 57' 31"	104° 36' 34"	20° 53' 58"	104° 37' 59"	20° 56' 46"	104° 35' 16"	F-48-78-A
bản Tà Phênh 1	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 04"	104° 34' 22"					F-48-78-A
bản Tà Phênh 2	DC	xã Tân Lập	H. Mộc Châu	20° 58' 14"	104° 33' 55"					F-48-78-A
đường tỉnh 106	KX	TT. Ít Ong	H. Mường La			21° 31' 21"	104° 01' 24"	21° 28' 42"	104° 01' 38"	F-48-53-C
bản Chiềng Tè	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 30"	103° 57' 22"					F-48-52-D
bản Co Bay	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 05"	104° 00' 39"					F-48-53-C
bản Cu Liu	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 30' 53"	104° 00' 41"					F-48-53-C
sông Đà	TV	TT. Ít Ong	H. Mường La			21° 31' 27"	103° 55' 39"	21° 26' 55"	104° 03' 28"	F-48-52-D F-48-64-B F-48-65-A
bản Hua Ít	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 06"	104° 01' 28"					F-48-53-C
bản Hua Nà	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 01"	103° 58' 04"					F-48-52-D
bản Ít Bon	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 28"	104° 00' 23"					F-48-53-C
bản Nà Lơ	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 31' 02"	104° 00' 49"					F-48-53-C
bản Nà Lốc	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 30' 43"	104° 01' 37"					F-48-53-C
bản Nà Nong	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 30' 44"	104° 01' 10"					F-48-53-C
bản Nà Tông	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 29' 56"	103° 59' 09"					F-48-64-B
nậm Păm	TV	TT. Ít Ong	H. Mường La			21° 31' 14"	104° 01' 09"	21° 29' 51"	104° 00' 35"	F-48-53-C F-48-65-A
bản Tín	DC	TT. Ít Ong	H. Mường La	21° 29' 31"	104° 01' 35"					F-48-65-A
súoi Tín	TV	TT. Ít Ong	H. Mường La			21° 29' 56"	104° 03' 34"	21° 28' 49"	104° 01' 36"	F-48-65-A
súoi Háng Tạng	TV	xã Chiềng Ân	H. Mường La			21° 29' 06"	104° 09' 25"	21° 29' 08"	104° 10' 39"	F-48-65-A
bản Háng Trạng	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 30' 07"	104° 10' 30"					F-48-53-C
núi Háng Xi	SV	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 33' 44"	104° 15' 23"					F-48-53-D
núi Huổi Chông	SV	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 28' 17"	104° 09' 03"					F-48-65-A
bản Nong Bông	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 29' 14"	104° 09' 22"					F-48-65-A
bản Nong Hoi Dưới	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 28' 57"	104° 09' 31"					F-48-65-A
bản Nong Hoi Trên	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 29' 09"	104° 09' 22"					F-48-65-A
bản Pá Xá Hồng	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 27' 12"	104° 10' 25"					F-48-65-A
núi Tà Chì Nhù	SV	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 33' 06"	104° 16' 29"					F-48-53-D
bản Tà Pủ Trử	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 32' 03"	104° 14' 43"					F-48-65-A
súoi Tích To	TV	xã Chiềng Ân	H. Mường La			21° 29' 11"	104° 08' 34"	21° 28' 29"	104° 10' 58"	F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Xá	TV	xã Chiềng Ân	H. Mường La			21° 30' 53"	104° 17' 31"	21° 26' 37"	104° 09' 34"	F-48-65-A
bản Xạ Súng	DC	xã Chiềng Ân	H. Mường La	21° 30' 48"	104° 11' 33"					F-48-65-A
suoí Chè Đồng	TV	xã Chiềng Cống	H. Mường La			21° 23' 29"	104° 14' 43"	21° 23' 24"	104° 13' 49"	F-48-65-A
bản Chông Dũ Tầu	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 28' 05"	104° 14' 22"					F-48-65-A
núi Co Sủ	SV	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 25' 41"	104° 11' 58"					F-48-65-A
bản Co Sủ Dưới	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 26' 23"	104° 12' 10"					F-48-65-A
bản Co Sủ Trên	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 26' 02"	104° 11' 52"					F-48-65-A
núi Đán Đanh	SV	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 23' 43"	104° 11' 50"					F-48-65-A
bản Đin Lanh	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 26' 21"	104° 11' 20"					F-48-65-A
bản Hán Cà Thịnh	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 29' 57"	104° 14' 08"					F-48-65-A
nậm Hồng	TV	xã Chiềng Cống	H. Mường La			21° 25' 47"	104° 14' 53"	21° 27' 12"	104° 10' 28"	F-48-65-A
bản Kéo Hòm	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 24' 55"	104° 12' 18"					F-48-65-A
bản Kho Lao Dưới	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 28' 19"	104° 11' 04"					F-48-65-A
bản Kho Lao Trên	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 28' 45"	104° 11' 52"					F-48-65-A
bản Lọng Bó	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 23' 28"	104° 12' 49"					F-48-65-A
bản Mạo	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 24' 18"	104° 12' 12"					F-48-65-A
bản Mới	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 27' 05"	104° 13' 47"					F-48-65-A
bản Nậm Hồng	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 27' 38"	104° 11' 39"					F-48-65-A
núi Nậm Hun	SV	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 22' 51"	104° 12' 08"					F-48-65-A
bản Nong Hùn	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 26' 32"	104° 10' 05"					F-48-65-A
bản Pá Chè	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 23' 56"	104° 13' 54"					F-48-65-A
suoí Tả	TV	xã Chiềng Cống	H. Mường La			21° 24' 17"	104° 13' 14"	21° 24' 39"	104° 10' 33"	F-48-65-A
bản Tảo Ván	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 26' 01"	104° 13' 31"					F-48-65-A
suoí Tin Nông	TV	xã Chiềng Cống	H. Mường La			21° 25' 44"	104° 12' 51"	21° 27' 17"	104° 13' 08"	F-48-65-A
bản Tóc Tắt Dưới	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 28' 05"	104° 13' 29"					F-48-65-A
bản Tóc Tắt Trên	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 28' 41"	104° 12' 47"					F-48-65-A
suoí Tông Sư	TV	xã Chiềng Cống	H. Mường La			21° 25' 46"	104° 13' 26"	21° 26' 52"	104° 14' 03"	F-48-65-A
bản Trung Khùa	DC	xã Chiềng Cống	H. Mường La	21° 30' 41"	104° 14' 40"					F-48-65-C
nậm Xá	TV	xã Chiềng Cống	H. Mường La			21° 30' 53"	104° 17' 31"	21° 26' 37"	104° 09' 34"	F-48-65-A
bản Ấng	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 33"	104° 09' 21"					F-48-65-A
núi Cáp Mường	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 27' 29"	104° 06' 45"					F-48-65-A
núi Châm Cọ	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 26"	104° 06' 05"					F-48-65-A
suoí Chan	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 23' 39"	104° 11' 01"	21° 23' 07"	104° 09' 22"	F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
bản Chông	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 26' 56"	104° 07' 39"						F-48-65-A
sông Đà	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 26' 21"	104° 06' 22"	21° 21' 50"	104° 10' 11"		F-48-65-A
súoi Đán Kỳ	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 28' 09"	104° 07' 27"	21° 28' 03"	104° 07' 01"		F-48-65-A
bản Hát Hay	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 34"	104° 07' 34"						F-48-65-A
bản Hìn Phá	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 22' 03"	104° 10' 19"						F-48-65-A
súoi Hìn Phá	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 22' 56"	104° 11' 48"	21° 21' 53"	104° 10' 17"		F-48-65-A
huối Hổ	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 24' 07"	104° 10' 19"	21° 23' 29"	104° 09' 11"		F-48-65-A
núi Huối Luông	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 28' 46"	104° 08' 29"						F-48-65-A
bản Huối Pù	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 33"	104° 08' 02"						F-48-65-A
bản Huối Xưa	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 43"	104° 09' 13"						F-48-65-A
bản Lay	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 25' 49"	104° 08' 32"						F-48-65-A
bản Nà Cưa	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 26' 06"	104° 08' 28"						F-48-65-A
bản Nà Lửa	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 21"	104° 10' 23"						F-48-65-A
bản Nà Nghiu	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 44"	104° 08' 59"						F-48-65-A
bản Nà Sàng	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 02"	104° 09' 31"						F-48-65-A
núi Nàn Phái	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 21' 55"	104° 06' 29"						F-48-65-A
bản Nong É	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 17"	104° 05' 44"						F-48-65-A
bản Nong Quang	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 53"	104° 09' 16"						F-48-65-A
bản Nong Sắn	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 27' 54"	104° 07' 36"						F-48-65-A
bản Pha Xe	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 41"	104° 10' 24"						F-48-65-A
bản Pháy Hươn	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 22' 46"	104° 10' 57"						F-48-65-A
núi Phú Quang	SV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 25' 53"	104° 09' 51"						F-48-65-A
bản Pía	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 25' 46"	104° 08' 27"						F-48-65-A
nậm Pía	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 25' 57"	104° 08' 32"	21° 25' 25"	104° 07' 23"		F-48-65-A
súoi Sáng	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 26' 42"	104° 06' 52"	21° 26' 21"	104° 06' 22"		F-48-65-A
bản Tả	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 24' 20"	104° 08' 27"						F-48-65-A
súoi Tả	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 24' 39"	104° 10' 33"	21° 24' 17"	104° 07' 42"		F-48-65-A
bản Tả Lành	DC	xã Chiềng Hoa	H. Mường La	21° 23' 52"	104° 07' 19"						F-48-65-A
súoi Tả Lành	TV	xã Chiềng Hoa	H. Mường La			21° 22' 58"	104° 06' 08"	21° 23' 56"	104° 07' 29"		F-48-65-A
bản Cùn	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 00"	103° 54' 35"						F-48-52-D
pu Hen	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 20"	103° 51' 36"						F-48-52-D
súoi Huối Chèo	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 40' 45"	103° 49' 51"	21° 40' 21"	103° 49' 16"		F-48-52-D
núi Huối Chiếu	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 41' 28"	103° 49' 18"						F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
súoi Huổi Chứa	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 38' 28"	103° 55' 54"	21° 37' 42"	103° 55' 14"	F-48-52-D
bản Huổi Hệu	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 01"	103° 52' 10"					F-48-52-D
súoi Huổi Hệu	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 35' 32"	103° 52' 53"	21° 36' 33"	103° 54' 08"	F-48-52-D
súoi Huổi La	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 38' 46"	103° 57' 06"	21° 36' 11"	103° 55' 51"	F-48-52-D
súoi Huổi Lém	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 37' 34"	103° 56' 17"	21° 36' 41"	103° 55' 42"	F-48-52-D
súoi Huổi Ngàn	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 38' 31"	103° 55' 38"	21° 37' 53"	103° 55' 06"	F-48-52-D
súoi Huổi Páng	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 38' 40"	103° 56' 49"	21° 36' 47"	103° 55' 05"	F-48-52-D
súoi Huổi Quảng	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 42' 09"	103° 53' 16"	21° 41' 31"	103° 53' 06"	F-48-52-D
bản Huổi Tóng	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 28"	103° 51' 37"					F-48-52-D
bản Lán Ến	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 41' 29"	103° 50' 25"					F-48-52-D
núi Lán Ến	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 42' 07"	103° 50' 30"					F-48-52-D
bản Léch	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 47"	103° 53' 46"					F-48-52-D
bản Mạ	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 59"	103° 53' 19"					F-48-52-D
bản Nà Cường	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 14"	103° 53' 13"					F-48-52-D
bản Nà Léch 1	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 28"	103° 53' 45"					F-48-52-D
bản Nà Léch 2	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 13"	103° 53' 43"					F-48-52-D
bản Nà Léch 3	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 04"	103° 53' 51"					F-48-52-D
súoi Nậm Mạ	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 39' 02"	103° 50' 48"	21° 39' 51"	103° 51' 11"	F-48-52-D
súoi Nậm Mu	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 41' 46"	103° 52' 46"	21° 36' 08"	103° 56' 18"	F-48-52-D
súoi Nậm Sầm	TV	xã Chiềng Lao	H. Mường La			21° 37' 27"	103° 52' 44"	21° 37' 02"	103° 54' 59"	F-48-52-D
bản Nhạp	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 38' 31"	103° 54' 09"					F-48-52-D
bản Pá Sóng	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 34' 56"	103° 52' 44"					F-48-52-D
núi Pác Cắc	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 40' 14"	103° 49' 53"					F-48-52-D
bản Pẩu	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 37' 19"	103° 53' 13"					F-48-52-D
núi Phao Ứng	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 40' 16"	103° 55' 55"					F-48-52-D
bản Phiềng Cại	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 49"	103° 55' 46"					F-48-52-D
bản Phiềng Phả	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 48"	103° 50' 18"					F-48-52-D
núi Phiềng Phả	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 39' 14"	103° 49' 22"					F-48-52-D
bản Tà Sài	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 36' 22"	103° 55' 59"					F-48-52-D
bản Tàng Khê	DC	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 40' 55"	103° 53' 10"					F-48-52-D
núi Tàng Khê	SV	xã Chiềng Lao	H. Mường La	21° 41' 45"	103° 54' 09"					F-48-52-D
bản Cát Linh	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 32' 07"	104° 09' 03"					F-48-53-C
súoi Cát Linh	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 32' 08"	104° 09' 50"	21° 32' 41"	104° 07' 21"	F-48-53-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Chiến	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 35' 13"	104° 08' 16"	21° 29' 37"	104° 05' 19"	F-48-53-C F-48-65-A
suối Háng Đệ Tra	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 33' 19"	104° 10' 44"	21° 33' 14"	104° 08' 20"	F-48-53-C
núi Hát Xi	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 34' 58"	104° 10' 06"					F-48-53-C
bản Hua Chiến	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 42"	104° 08' 05"					F-48-53-C
bản Hua Đán	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 32' 15"	104° 07' 26"					F-48-53-C
bản Hua Kim	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 18"	104° 09' 10"					F-48-53-C
huối Huối Muồng	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 30' 03"	104° 07' 04"	21° 30' 24"	104° 05' 40"	F-48-53-C
núi Khau Phong	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 33"	104° 04' 05"					F-48-53-C
suối Lúc	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 29' 39"	104° 08' 12"	21° 28' 02"	104° 06' 39"	F-48-65-A
suối Nậm Kim	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 30' 59"	104° 10' 02"	21° 31' 04"	104° 06' 00"	F-48-53-C
bản Nong Quài	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 30' 04"	104° 06' 03"					F-48-53-C
bản Pá Kim	DC	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 31' 14"	104° 06' 48"					F-48-53-C
suối Tát Phạ	TV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La			21° 29' 19"	104° 08' 14"	21° 28' 16"	104° 06' 40"	F-48-65-A
núi Trường Sa	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 29' 24"	104° 08' 15"					F-48-65-A
núi Xanh Xa	SV	xã Chiềng Muôn	H. Mường La	21° 28' 58"	104° 07' 53"					F-48-65-A
bản Chiến	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 40"	104° 04' 25"					F-48-65-A
suối Chiến	TV	xã Chiềng San	H. Mường La			21° 29' 37"	104° 05' 19"	21° 28' 18"	104° 01' 59"	F-48-65-A
núi Kéo U'ót	SV	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 27' 56"	104° 06' 42"					F-48-65-A
bản Lâm	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 44"	104° 03' 37"					F-48-65-A
pu Lán Bực	SV	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 29' 27"	104° 06' 38"					F-48-65-A
suối Lúc	TV	xã Chiềng San	H. Mường La			21° 28' 02"	104° 06' 39"	21° 28' 32"	104° 04' 40"	F-48-65-A
bản Luồng	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 22"	104° 05' 04"					F-48-65-A
bản Nong	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 27' 56"	104° 05' 33"					F-48-65-A
bản Pá Chiến	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 42"	104° 02' 22"					F-48-65-A
bản Trung San	DC	xã Chiềng San	H. Mường La	21° 28' 14"	104° 02' 17"					F-48-65-A
bản Ái Ngựa	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 34' 49"	103° 59' 27"					F-48-52-D
bản Đông	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 52"	103° 58' 55"					F-48-52-D
huối Hồng	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 39' 30"	104° 02' 54"	21° 40' 23"	104° 01' 29"	F-48-53-C
bản Huối Cườm	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 33"	103° 57' 50"					F-48-52-D
núi Huối Lót	SV	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 15"	104° 03' 54"					F-48-53-C
bản Huối Nạ	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 41"	103° 59' 46"					F-48-52-D
nậm Khít	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 39' 55"	103° 58' 05"	21° 38' 40"	103° 58' 53"	F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nằm Khốt	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 37' 09"	104° 04' 08"	21° 37' 31"	104° 01' 01"	F-48-53-C F-48-52-D
bản Lê	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 34"	103° 58' 58"					F-48-52-D
bản Lọng Bon	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 57"	104° 00' 15"					F-48-53-C
huổi Lót	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 39' 05"	104° 01' 51"	21° 39' 31"	104° 00' 13"	F-48-53-C
bản Mến	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 26"	103° 58' 21"					F-48-52-D
huổi Múa	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 36' 25"	104° 01' 09"	21° 37' 31"	104° 01' 01"	F-48-53-C
bản Nà Hoi	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 22"	103° 58' 13"					F-48-52-D
bản Nà Lòi	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 46"	103° 58' 09"					F-48-52-D
bản Nà Săn	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 15"	103° 58' 22"					F-48-52-D
bản Nà Tông	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 05"	103° 58' 23"					F-48-52-D
bản Nậm Khít	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 39' 48"	103° 58' 04"					F-48-52-D
huổi Ngòi	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 35' 24"	104° 00' 30"	21° 36' 29"	103° 58' 15"	F-48-53-C, F-48-52-D
bản Ô	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 38"	103° 58' 19"					F-48-52-D
bản Pá Han	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 27"	104° 00' 21"					F-48-53-C
bản Pá Múa	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 19"	104° 00' 50"					F-48-53-C
bản Phiêng Hoi	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 38' 19"	103° 58' 46"					F-48-52-D
bản Phiêng Phé	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 36' 46"	103° 58' 24"					F-48-52-D
bản Po	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 37' 47"	103° 58' 12"					F-48-52-D
bản Thẩm Cọng	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 35' 50"	104° 00' 22"					F-48-53-C
nằm Trai	TV	xã Hua Trai	H. Mường La			21° 40' 22"	104° 01' 28"	21° 36' 26"	103° 57' 50"	F-48-52-D, F-48-53-C
bản Xuân Cuối	DC	xã Hua Trai	H. Mường La	21° 34' 44"	104° 00' 16"					F-48-53-C
tiểu khu 1	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 52"	104° 00' 54"					F-48-65-A
tiểu khu 2	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 02"	104° 01' 13"					F-48-65-A
tiểu khu 3	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 09"	104° 01' 12"					F-48-65-A
quốc lộ 106	KX	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 28' 42"	104° 01' 38"	21° 24' 07"	103° 58' 12"	F-48-65-A
suối Bản Sang	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 26' 05"	103° 57' 26"	21° 25' 56"	103° 58' 43"	F-48-64-B
bản Báng Phệt	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 45"	103° 59' 28"					F-48-64-B
bản Bó Cốp	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 23' 51"	104° 01' 34"					F-48-65-A
núi Bó Cốp	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 23' 09"	104° 01' 32"					F-48-65-A
nằm Bú	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 24' 20"	103° 58' 38"	21° 25' 50"	104° 02' 06"	F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bùng	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 26' 38"	104° 00' 28"					F-48-65-A
bản Chón	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 22' 55"	104° 00' 21"					F-48-65-A
Cóp Te	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 27' 40"	103° 58' 15"					F-48-64-B
bản Cúp	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 37"	104° 02' 50"					F-48-65-A
bản Gián	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 01"	104° 00' 29"					F-48-65-A
bản Hín Đẹp	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 27' 40"	103° 57' 22"					F-48-64-B
bản Hua Bó	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 26"	103° 59' 05"					F-48-64-B
súoi Huổi Luông	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 27' 29"	103° 57' 00"	21° 25' 04"	103° 59' 51"	F-48-64-B
bản Huổi Phay	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 04"	104° 01' 32"					F-48-65-A
núi Kẹo Nhặt	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 39"	104° 03' 32"					F-48-65-A
phủ Khô	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 20"	104° 02' 57"					F-48-65-A
núi Lệnh Định	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 52"	103° 57' 33"					F-48-64-B
núi Long Na	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 22' 25"	104° 01' 38"					F-48-65-A
nậm Ma	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 26' 26"	103° 56' 28"	21° 26' 05"	103° 57' 26"	F-48-64-B
bản Mường Bú	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 53"	104° 00' 16"					F-48-65-A
bản Nà Có	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 32"	103° 59' 51"					F-48-64-B
bản Nà Nong	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 26"	104° 01' 52"					F-48-65-A
bản Nà Xi	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 22' 31"	104° 00' 27"					F-48-65-A
cầu Nậm Pán	KX	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 28"	103° 59' 29"					F-48-64-B
bản Nang Phai	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 52"	103° 59' 38"					F-48-64-B
bản Ngoạng	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 35"	103° 59' 03"					F-48-64-B
bản Pá Tong	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 23' 40"	104° 01' 02"					F-48-65-A
nậm Pan	TV	xã Mường Bù	H. Mường La			21° 21' 26"	104° 00' 17"	21° 24' 29"	103° 59' 27"	F-48-64-B
bản Pú Luông	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 26' 03"	103° 56' 53"					F-48-64-B
bản Sang	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 58"	103° 57' 42"					F-48-64-B
bản Ta Mo	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 25' 03"	104° 00' 48"					F-48-65-A
núi Tóng Nộc	SV	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 26' 28"	104° 02' 00"					F-48-65-A
bản Văn Minh	DC	xã Mường Bù	H. Mường La	21° 24' 48"	104° 00' 40"					F-48-65-A
bản Co Tông	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 19' 35"	104° 05' 55"					F-48-65-A
bản Cuồng Mường	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 42"	104° 05' 29"					F-48-65-A
núi Hín Non	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 47"	104° 07' 40"					F-48-65-A
bản Hồng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 11"	104° 08' 27"					F-48-65-A
súoi Hồng	TV	xã Mường Chùm	H. Mường La			21° 19' 45"	104° 05' 34"	21° 23' 02"	104° 08' 34"	F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Hiếu	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 07"	104° 07' 26"					F-48-65-A
bản Huổi Lừu 1	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 20"	104° 05' 23"					F-48-65-A
bản Huổi Lừu 2	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 07"	104° 05' 36"					F-48-65-A
dãy Huổi Săn	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 45"	104° 09' 02"					F-48-65-A
bản Huổi Săn 1	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 21"	104° 09' 42"					F-48-65-A
bản Huổi Săn 2	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 02"	104° 09' 55"					F-48-65-A
núi Kéo Hồm	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 18"	104° 04' 53"					F-48-65-A
bản Luồng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 15"	104° 07' 12"					F-48-65-A
bản Nà Chang	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 19"	104° 05' 45"					F-48-65-A
bản Nà Kham	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 55"	104° 05' 03"					F-48-65-A
bản Nà Lửa	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 00"	104° 06' 06"					F-48-65-A
bản Nà Nong	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 27"	104° 04' 54"					F-48-65-A
bản Nà Thươn	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 05"	104° 02' 43"					F-48-65-A
bản Nà Tông	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 13"	104° 04' 26"					F-48-65-A
bản Nong Chạy	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 44"	104° 03' 48"					F-48-65-A
bản Pá Hồng	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 09"	104° 08' 44"					F-48-65-A
bản Pàn	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 19' 46"	104° 07' 06"					F-48-65-A
bản Pật	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 26"	104° 04' 51"					F-48-65-A
bản Péc Chai	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 20' 22"	104° 06' 49"					F-48-65-A
bản Pha Hìn	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 22' 08"	104° 07' 32"					F-48-65-A
bản Ta Lư	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 21' 05"	104° 05' 19"					F-48-65-A
Ten Đông	SV	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 19' 50"	104° 07' 29"					F-48-65-A
bản Ún 1	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 29"	104° 04' 04"					F-48-65-A
bản Ún 2	DC	xã Mường Chùm	H. Mường La	21° 23' 17"	104° 04' 06"					F-48-65-A
huổi Ban	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 34' 18"	103° 53' 59"	21° 33' 25"	103° 55' 08"	F-48-52-D
bản Búng Cuồng	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 29"	103° 56' 31"					F-48-52-D
bản Cang Mường	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 48"	103° 56' 53"					F-48-52-D
sông Đà	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 32' 50"	103° 52' 57"	21° 31' 27"	103° 55' 39"	F-48-52-D
bản Hìn Hòn	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 32' 15"	103° 55' 33"					F-48-52-D
bản Hua Mường	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 39"	103° 57' 12"					F-48-52-D
bản Hua Nà	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 48"	103° 57' 03"					F-48-52-D
bản Huổi Ban	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 58"	103° 54' 12"					F-48-52-D
bản Huổi Muôn 1	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 24"	103° 55' 19"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Muôn 2	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 36"	103° 55' 44"					F-48-52-D
bản Kia Mòn	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 37"	103° 55' 26"					F-48-52-D
huổi Luông	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 34' 17"	103° 57' 14"	21° 34' 18"	103° 56' 24"	F-48-52-D
nậm Mu	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 36' 08"	103° 56' 18"	21° 31' 27"	103° 55' 39"	F-48-52-D
bản Nà Hựa	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 35' 22"	103° 56' 25"					F-48-52-D
bản Nôm	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 12"	103° 55' 10"					F-48-52-D
bản Pá Ban	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 33' 31"	103° 55' 07"					F-48-52-D
bản Phiêng Ban	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 36' 31"	103° 57' 19"					F-48-52-D
bản Phiêng Phưong	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 23"	103° 56' 06"					F-48-52-D
núi Pu Páng	SV	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 59"	103° 54' 23"					F-48-52-D
bản Tra	DC	xã Mường Trai	H. Mường La	21° 34' 04"	103° 55' 53"					F-48-52-D
nậm Trai	TV	xã Mường Trai	H. Mường La			21° 36' 26"	103° 57' 50"	21° 36' 03"	103° 56' 17"	F-48-52-D
huổi Bát	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 33' 19"	103° 53' 07"	21° 32' 50"	103° 52' 57"	F-48-52-D
bản Co Có	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 37"	103° 48' 47"					F-48-52-D
sông Đà	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 34' 14"	103° 48' 19"	21° 32' 50"	103° 52' 57"	F-48-52-D
bản Đen Đin	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 35' 16"	103° 52' 11"					F-48-52-D
nậm Giôn	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 40' 56"	103° 45' 18"	21° 34' 14"	103° 48' 19"	F-48-52-D
huổi Há	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 42' 30"	103° 49' 50"	21° 40' 41"	103° 48' 05"	F-48-52-D
huổi Hóc	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 35' 25"	103° 51' 17"	21° 36' 27"	103° 49' 47"	F-48-52-D
huổi Hợp	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 38' 39"	103° 50' 25"	21° 38' 19"	103° 49' 15"	F-48-52-D
bản Huổi Chà	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 01"	103° 50' 28"					F-48-52-D
bản Huổi Chèo	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 39' 38"	103° 49' 00"					F-48-52-D
bản Huổi Hóc	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 35' 39"	103° 51' 12"					F-48-52-D
bản Huổi Lẹ	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 33' 09"	103° 51' 45"					F-48-52-D
bản Huổi Ngán	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 40' 34"	103° 48' 09"					F-48-52-D
bản Huổi Pưoi	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 39' 23"	103° 47' 10"					F-48-52-D
bản Huổi Săn	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 37' 23"	103° 48' 06"					F-48-52-D
bản Huổi Tao	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 36' 31"	103° 49' 48"					F-48-52-D
huổi Lẹ	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 34' 44"	103° 53' 12"	21° 32' 38"	103° 51' 36"	F-48-52-D
bản Nậm Cùm	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 42' 43"	103° 47' 56"					F-48-52-D
huổi Ngán	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 43' 54"	103° 49' 35"	21° 39' 57"	103° 48' 06"	F-48-52-D
bản Pá Dôn	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 36"	103° 48' 38"					F-48-52-D
bản Pá Hợp	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 38' 10"	103° 49' 23"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pà Mông	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 35' 04"	103° 49' 31"					F-48-52-D
bản Pà Pù	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 34' 38"	103° 49' 13"					F-48-52-D
bản Púng Ngựa	DC	xã Nậm Giôn	H. Mường La	21° 41' 57"	103° 47' 44"					F-48-52-D
huổi Săn	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 39' 57"	103° 48' 06"	21° 39' 29"	103° 47' 57"	F-48-52-D
huổi Tàng Mạ	TV	xã Nậm Giôn	H. Mường La			21° 42' 26"	103° 47' 37"	21° 40' 47"	103° 45' 26"	F-48-52-D
huổi Băn	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 32' 17"	104° 03' 27"	21° 32' 00"	104° 01' 33"	F-48-53-C
bản Bấu	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 34' 36"	104° 04' 38"					F-48-53-C
huổi Ca Trắng	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 36' 27"	104° 05' 06"	21° 36' 05"	104° 06' 57"	F-48-53-C
huổi Cản	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 32' 16"	104° 04' 21"	21° 33' 19"	104° 03' 12"	F-48-53-C
suối Chiến	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 34' 49"	104° 08' 14"	21° 32' 15"	104° 05' 48"	F-48-53-C
núi Co Mư	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 35"	104° 03' 21"					F-48-53-C
bản Hốc	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 52"	104° 03' 42"					F-48-53-C
bản Hua Nậm	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 04"	104° 01' 51"					F-48-53-C
bản Hua Piêng	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 05"	104° 01' 36"					F-48-53-C
bản Huổi Có	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 00"	104° 04' 34"					F-48-53-C
bản Huổi Hốc	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 59"	104° 04' 28"					F-48-53-C
bản Ỉt	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 34' 45"	104° 05' 16"					F-48-53-C
núi Khau Phong	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 06"	104° 05' 12"					F-48-53-C
núi Lân Té	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 37"	104° 01' 25"					F-48-53-C
huổi Lát	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 36' 49"	104° 03' 42"	21° 35' 30"	104° 03' 36"	F-48-53-C
bản Liêng	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 33' 14"	104° 03' 10"					F-48-53-C
bản Nong Bấu	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 32' 25"	104° 03' 53"					F-48-53-C
nậm Păm	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 34' 43"	104° 04' 37"	21° 31' 14"	104° 01' 09"	F-48-53-C
bản Piêng	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 34' 50"	104° 04' 33"					F-48-53-C
nậm Piêng	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 35' 52"	104° 02' 10"	21° 34' 43"	104° 04' 37"	F-48-53-C
bản Púng Quai	DC	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 30' 42"	104° 03' 32"					F-48-53-C
núi Sam Síp	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 35' 08"	104° 07' 14"					F-48-53-C
huổi Sỏi	TV	xã Nậm Păm	H. Mường La			21° 35' 46"	104° 04' 27"	21° 34' 51"	104° 04' 17"	F-48-53-C
núi Sưa Té	SV	xã Nậm Păm	H. Mường La	21° 36' 50"	104° 04' 53"					F-48-53-C
bản Chạm Pộng	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 37' 23"	104° 14' 05"					F-48-53-C
nậm Chiến	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 34"	104° 17' 23"	21° 39' 17"	104° 16' 58"	F-48-53-D
suối Chiến	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 55"	104° 15' 56"	21° 35' 13"	104° 08' 16"	F-48-53-D, F-48-53-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chom Khâu	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 35' 39"	104° 07' 37"					F-48-53-C
nậm Dề	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 57"	104° 13' 08"	21° 39' 17"	104° 14' 23"	F-48-53-C
núi Đán Đét	SV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 31"	104° 15' 34"					F-48-53-D
núi Đán Háy	SV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 33' 43"	104° 11' 06"					F-48-53-C
bản Đồng Suông	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 37' 56"	104° 12' 45"					F-48-53-C
bản Giàng Phủng	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 06"	104° 16' 41"					F-48-53-D
súoi Háng Pả La	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 35' 11"	104° 16' 03"	21° 34' 53"	104° 14' 57"	F-48-53-D
bản Huổi Ngựa	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 35' 47"	104° 09' 37"					F-48-53-C
bản Kề	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 08"	104° 07' 56"					F-48-53-C
nậm Kề	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 36' 59"	104° 05' 37"	21° 36' 00"	104° 07' 12"	F-48-53-C
bản Khau Vai	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 28"	104° 09' 18"					F-48-53-C
nậm Khoa	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 37' 09"	104° 07' 21"	21° 36' 15"	104° 08' 59"	F-48-53-C
nậm Khốt	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 38' 58"	104° 10' 26"	21° 36' 50"	104° 10' 23"	F-48-53-C
bản Lọng Cang	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 38"	104° 11' 26"					F-48-53-C
bản Lướt	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 54"	104° 13' 59"					F-48-53-C
bản Mường Chiến	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 39' 18"	104° 16' 01"					F-48-53-D
bản Nà Bá	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 08"	104° 12' 58"					F-48-53-C
bản Nà Tàu	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 56"	104° 15' 58"					F-48-53-D
súoi Nậm Béo	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 37' 03"	104° 15' 58"	21° 38' 32"	104° 14' 08"	F-48-53-C
bản Nậm Nghiệp	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 35' 42"	104° 14' 46"					F-48-53-C
nậm Nghệp	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 34' 53"	104° 14' 57"	21° 36' 28"	104° 09' 42"	F-48-53-C
bản Pá Te	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 36' 00"	104° 07' 54"					F-48-53-C
súoi Phan Bua Tua Rua	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 34' 22"	104° 15' 43"	21° 34' 53"	104° 14' 57"	F-48-53-D
bản Phầy	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 12"	104° 13' 23"					F-48-53-C
nậm Phầy	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 39' 21"	104° 12' 13"	21° 38' 37"	104° 13' 28"	F-48-53-C
bản Pú Dánh	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 36"	104° 17' 47"					F-48-53-D
súoi Pú Dãnh	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 38' 40"	104° 17' 28"	21° 39' 28"	104° 16' 04"	F-48-53-D
nậm Sáng	TV	xã Ngọc Chiến	H. Mường La			21° 37' 45"	104° 08' 28"	21° 36' 25"	104° 09' 28"	F-48-53-C
bản Sô Lông	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 38' 38"	104° 10' 16"					F-48-53-C
bản Tư Ngổng	DC	xã Ngọc Chiến	H. Mường La	21° 39' 34"	104° 15' 57"					F-48-53-D
huổi Bó	TV	xã Pí Toong	H. Mường La			21° 32' 18"	103° 58' 43"	21° 33' 10"	103° 59' 30"	F-48-52-D
bản Cang	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 32' 34"	104° 00' 17"					F-48-53-C
bản Hua Nà	DC	xã Pí Toong	H. Mường La	21° 33' 16"	103° 58' 59"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đãy núi Kho Mường	SV	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 32' 38"	103° 58' 22"					F-48-52-D
núi Lán Luồng	SV	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 34' 14"	103° 59' 33"					F-48-52-D
bản Lửa Luồng	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 33' 03"	103° 59' 24"					F-48-52-D
bản Nà Bướm	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 32' 50"	103° 59' 54"					F-48-53-C
bản Nà Nôm	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 33' 00"	103° 59' 11"					F-48-52-D
bản Nà Núa	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 33' 53"	103° 58' 53"					F-48-52-D
bản Nà Phia	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 33' 35"	103° 59' 10"					F-48-52-D
núi Nà Po	SV	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 33' 27"	103° 57' 28"					F-48-52-D
bản Nà Trò	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 33' 50"	103° 58' 38"					F-48-52-D
bản Nong Pì	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 33' 24"	103° 59' 35"					F-48-52-D
huổi Pán	TV	xã Pì Toong	H. Mường La			21° 33' 03"	103° 58' 07"	21° 33' 27"	103° 59' 15"	F-48-52-D
bản Phiêng	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 32' 29"	103° 59' 57"					F-48-53-C
bản Pì	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 33' 15"	104° 00' 19"					F-48-53-C
bản Ten	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 32' 07"	104° 00' 13"					F-48-53-C
bản Tong	DC	xã Pì Toong	H. Mường La	21° 33' 30"	103° 58' 52"					F-48-52-D
nậm Toong	TV	xã Pì Toong	H. Mường La			21° 33' 49"	103° 58' 51"	21° 31' 43"	104° 00' 41"	F-48-52-D
đường tỉnh 106	KX	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 28' 42"	104° 01' 38"	21° 25' 47"	104° 02' 06"	F-48-65-A
bản Bắc	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 20"	104° 05' 09"					F-48-65-A
suối Bắc	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 24' 11"	104° 05' 16"	21° 26' 12"	104° 05' 15"	F-48-65-A
nậm Bú	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 25' 50"	104° 02' 06"	21° 27' 07"	104° 03' 09"	F-48-65-A
bản Búng	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 46"	104° 03' 32"					F-48-65-A
bản Buối	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 25' 00"	104° 04' 34"					F-48-65-A
bản Chom Cọ	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 24' 58"	104° 06' 02"					F-48-65-A
pu Cọ	SV	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 24' 56"	104° 05' 44"					F-48-65-A
sông Đà	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 29' 51"	103° 59' 32"	21° 25' 25"	104° 07' 23"	F-48-65-A
huổi Hịa	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 28' 39"	103° 59' 17"	21° 29' 49"	103° 59' 33"	F-48-65-A
bản Két	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 28' 15"	104° 01' 45"					F-48-65-A
bản Mòn	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 26"	104° 02' 56"					F-48-65-A
bản Noong Phự	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 28' 18"	103° 59' 02"					F-48-64-B
suối Noong Phự	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 27' 40"	104° 00' 01"	21° 28' 10"	104° 01' 51"	F-48-65-A
bản Pá Tong	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 28' 31"	104° 00' 17"					F-48-65-A
bản Pẩu	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 25' 48"	104° 06' 52"					F-48-65-A
suối Pẩu	TV	xã Tạ Bú	H. Mường La			21° 25' 14"	104° 06' 42"	21° 25' 22"	104° 07' 18"	F-48-65-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pét	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 59"	104° 04' 25"					F-48-65-A
bản Tạ Bú	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 27' 38"	104° 02' 29"					F-48-65-A
bản Thẩm Hòn	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 29' 00"	104° 00' 02"					F-48-65-A
bản Tôm	DC	xã Tạ Bú	H. Mường La	21° 26' 31"	104° 05' 58"					F-48-65-A
bản Bắc Bân	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 13"	104° 36' 02"					F-48-66-C-c
suối Bắc Bân	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 05' 00"	104° 38' 15"	21° 02' 39"	104° 36' 25"	F-48-66-C-d, F-48-66-C-c
suối Bái	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 04' 37"	104° 40' 03"	21° 02' 44"	104° 39' 48"	F-48-66-C-d
bản Bãi Con	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 02' 41"	104° 40' 37"					F-48-66-C-d
bản Bó Mỹ	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 04"	104° 41' 30"					F-48-66-C-d
bản Bó Vá	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 24"	104° 37' 05"					F-48-66-C-c
bản Bura Đa	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 04' 06"	104° 37' 13"					F-48-66-C-c
sông Đà	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 03' 08"	104° 35' 49"	21° 03' 13"	104° 42' 19"	F-48-66-C-d
bản Đá Phở	DC	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 23"	104° 38' 21"					F-48-66-C-d
núi Hang	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 03' 47"	104° 40' 58"					F-48-66-C-d
suối Mòi	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 03' 57"	104° 38' 31"	21° 02' 45"	104° 38' 51"	F-48-66-C-d
núi Pa	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 05' 40"	104° 37' 51"					F-48-66-C-d
suối Sen	TV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên			21° 04' 02"	104° 39' 12"	21° 03' 03"	104° 39' 35"	F-48-66-C-d
núi Suối Cù	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 04' 30"	104° 39' 36"					F-48-66-C-d
núi Tiểu	SV	xã Bắc Phong	H. Phù Yên	21° 04' 02"	104° 36' 39"					F-48-66-C-c
bản Bãi Sại	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 22"	104° 31' 28"					F-48-66-C-c
núi Biền	SV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 33"	104° 34' 44"					F-48-66-C-c
bản Bông Lau	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 44"	104° 35' 00"					F-48-66-C-c
bản Bông Sen	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 01"	104° 34' 08"					F-48-66-C-c
bản Cửa Sập	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 51"	104° 30' 58"					F-48-66-C-c
sông Đà	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 05' 53"	104° 30' 45"	21° 03' 08"	104° 35' 49"	F-48-66-C-c
bản Đá Đỏ	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 52"	104° 33' 59"					F-48-66-C-c
suối Đá Đỏ	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 06' 15"	104° 34' 15"	21° 05' 04"	104° 33' 43"	F-48-66-C-c
núi Đồn Ngõ	SV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 05' 58"	104° 32' 02"					F-48-66-C-c
nậm Nậm Phoi	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 05' 31"	104° 36' 04"	21° 04' 37"	104° 34' 06"	F-48-66-C-c
suối On	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 07' 14"	104° 33' 19"	21° 05' 09"	104° 32' 58"	F-48-66-C-c
suối Sập	TV	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên			21° 07' 23"	104° 31' 51"	21° 05' 53"	104° 30' 45"	F-48-66-C-c
bản Suối Tiểu	DC	xã Đá Đỏ	H. Phù Yên	21° 04' 08"	104° 36' 16"					F-48-66-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tang Nang	DC	xã Đá Đỏ	H. Phú Yên	21° 03' 33"	104° 34' 57"					F-48-66-C-c
núi Ten Luông	SV	xã Đá Đỏ	H. Phú Yên	21° 05' 46"	104° 35' 04"					F-48-66-C-c
súoi Tiểu	TV	xã Đá Đỏ	H. Phú Yên			21° 04' 07"	104° 36' 05"	21° 03' 32"	104° 35' 43"	F-48-66-C-c
bản Vàng A	DC	xã Đá Đỏ	H. Phú Yên	21° 04' 48"	104° 32' 28"					F-48-66-C-c
bản Vàng B	DC	xã Đá Đỏ	H. Phú Yên	21° 05' 13"	104° 32' 54"					F-48-66-C-c
quốc lộ 37	KX	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 13' 07"	104° 32' 50"	21° 12' 06"	104° 36' 33"	F-48-66-C-a
cầu Bán Chát	KX	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 11' 43"	104° 36' 21"					F-48-66-C-a
cầu Bán Nhọt	KX	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 54"	104° 33' 28"					F-48-66-C-a
súoi Búa	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 12' 53"	104° 33' 27"	21° 11' 48"	104° 36' 41"	F-48-66-C-a
bán Chát	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 11' 40"	104° 35' 55"					F-48-66-C-a
súoi Chát	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 10' 48"	104° 35' 32"	21° 11' 49"	104° 36' 28"	F-48-66-C-a
súoi Công	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 13' 27"	104° 35' 53"	21° 11' 48"	104° 36' 41"	F-48-66-C-a
súoi Dinh	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 13' 41"	104° 33' 16"	21° 13' 06"	104° 33' 08"	F-48-66-C-a
súoi Đường	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 11' 50"	104° 33' 57"	21° 12' 35"	104° 34' 22"	F-48-66-C-a
súoi Hòn Nao	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 13' 31"	104° 33' 45"	21° 12' 59"	104° 33' 41"	F-48-66-C-a
núi Khưn Huột	SV	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 13' 45"	104° 35' 27"					F-48-66-C-a
bản Lá	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 07"	104° 36' 27"					F-48-66-C-a
bản Lin	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 17"	104° 34' 52"					F-48-66-C-a
súoi Lin	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 11' 43"	104° 34' 32"	21° 12' 26"	104° 34' 57"	F-48-66-C-a
súoi Luồn	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 13' 32"	104° 34' 55"	21° 12' 25"	104° 35' 08"	F-48-66-C-a
phổ Mới	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 11' 30"	104° 36' 37"					F-48-66-C-a
bản Nà Khăm 1	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 11' 52"	104° 35' 58"					F-48-66-C-a
bản Nà Khăm 2	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 11' 43"	104° 35' 50"					F-48-66-C-a
bản Nà Mạc 1	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 18"	104° 36' 12"					F-48-66-C-a
bản Nà Mạc 2	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 22"	104° 36' 21"					F-48-66-C-a
phổ Ngã Ba	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 11' 48"	104° 36' 09"					F-48-66-C-a
núi Ngọn Súoi Tường	SV	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 14' 13"	104° 34' 17"					F-48-66-C-a
đèo Nhọt	SV	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 13' 20"	104° 32' 06"					F-48-66-C-a
súoi Nhọt	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 12' 16"	104° 33' 01"	21° 12' 53"	104° 33' 27"	F-48-66-C-a
bản Nhọt 1	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 49"	104° 33' 42"					F-48-66-C-a
bản Nhọt 2	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 38"	104° 34' 06"					F-48-66-C-a
súoi Nôm	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 13' 08"	104° 32' 11"	21° 13' 07"	104° 32' 49"	F-48-66-C-a
súoi Tắc Cầm	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên			21° 13' 23"	104° 34' 13"	21° 12' 43"	104° 34' 04"	F-48-66-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Tân Lập	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 08"	104° 36' 08"					F-48-66-C-a
bản Tạo 1	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 00"	104° 35' 22"					F-48-66-C-a
bản Tạo 2	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 00"	104° 35' 41"					F-48-66-C-a
hồ Thổ Cồn	TV	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 11' 20"	104° 36' 27"					F-48-66-C-a
núi Tô	SV	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 13' 50"	104° 32' 32"					F-48-66-C-a
bản Vi	DC	xã Gia Phú	H. Phú Yên	21° 12' 11"	104° 35' 15"					F-48-66-C-a
bản Dêm Hạ	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 13"	104° 37' 40"					F-48-66-A-d
bản Dêm Thượng	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 42"	104° 37' 26"					F-48-66-A-c
suối Khang	TV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên			21° 17' 22"	104° 37' 08"	21° 16' 33"	104° 36' 50"	F-48-66-A-c
bản Kim Tân	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 15"	104° 38' 11"					F-48-66-A-d
suối Làng	TV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên			21° 17' 04"	104° 36' 03"	21° 15' 08"	104° 37' 55"	F-48-66-A-c
núi Lím	SV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 48"	104° 35' 20"					F-48-66-A-c
núi Lũng Khoai	SV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 17' 27"	104° 36' 34"					F-48-66-A-c
bản Nà Phái	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 40"	104° 38' 03"					F-48-66-A-d
núi Nong Cốp	SV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 14' 48"	104° 36' 20"					F-48-66-C-a
bản Phai Làng	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 48"	104° 37' 37"					F-48-66-A-d
lâm trường Phú Bắc Yên	KX	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 16' 39"	104° 37' 05"	21° 20' 57"	103° 35' 39"	21° 25' 04"	103° 40' 28"	F-48-66-A-c
núi Pu Khệ	SV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 46"	104° 36' 34"					F-48-66-A-c
bản Sáy Tú	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 14' 28"	104° 34' 39"					F-48-66-C-a
bản Suối Làng	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 52"	104° 38' 09"					F-48-66-A-d
núi Tọ	SV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 59"	104° 34' 22"					F-48-66-A-c
suối Tọ	TV	xã Huy Bắc	H. Phú Yên			21° 15' 02"	104° 35' 33"	21° 14' 51"	104° 37' 23"	F-48-66-A-c
bản Tọ Thượng	DC	xã Huy Bắc	H. Phú Yên	21° 15' 23"	104° 37' 09"					F-48-66-A-c
đường tỉnh 114	KX	xã Huy Hạ	H. Phú Yên			21° 14' 44"	104° 38' 15"	21° 13' 12"	104° 38' 47"	F-48-66-C-b
bản Bó 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 14' 18"	104° 37' 44"					F-48-66-C-b
bản Bó 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 14' 01"	104° 37' 37"					F-48-66-C-b
suối Bốc	TV	xã Huy Hạ	H. Phú Yên			21° 13' 48"	104° 40' 18"	21° 13' 14"	104° 39' 00"	F-48-66-C-b
suối Cạn	TV	xã Huy Hạ	H. Phú Yên			21° 13' 13"	104° 38' 37"	21° 14' 01"	104° 38' 41"	F-48-66-C-b
bản Đồng Cù	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 14' 18"	104° 38' 04"					F-48-66-C-b
Đồng Đa	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 15' 16"	104° 38' 14"					F-48-66-A-d
bản Đồng Lương	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 14' 31"	104° 37' 22"					F-48-66-C-b
bản Đồng Lý	DC	xã Huy Hạ	H. Phú Yên	21° 14' 25"	104° 38' 21"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Làng	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 15' 08"	104° 37' 55"	21° 14' 22"	104° 38' 04"	F-48-66-C-b
bản Nà Liu 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 41"	104° 38' 40"					F-48-66-C-b
bản Nà Liu 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 07"	104° 38' 44"					F-48-66-C-b
bản Nà Lò 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 49"	104° 38' 53"					F-48-66-C-b
bản Nà Lò 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 34"	104° 38' 49"					F-48-66-C-b
bản Nà Lò 3	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 58"	104° 38' 52"					F-48-66-C-b
núi Nà Mọn	SV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 13' 16"	104° 37' 59"					F-48-66-C-b
suối Ngọt	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 15' 08"	104° 38' 17"	21° 14' 39"	104° 38' 14"	F-48-66-C-b
suối Phầy	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 14' 23"	104° 36' 25"	21° 14' 07"	104° 37' 40"	F-48-66-C-b, F-48-66-C-a
núi Suối Cù	SV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 13' 17"	104° 41' 04"					F-48-66-C-b
cầu Suối Làng	KX	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 35"	104° 38' 02"					F-48-66-C-b
bản Suối Nhúng	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 12' 29"	104° 40' 40"					F-48-66-C-b
suối Tắc	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 15' 02"	104° 39' 04"	21° 13' 55"	104° 37' 32"	F-48-66-C-b
suối Tọ	TV	xã Huy Hạ	H. Phù Yên			21° 14' 51"	104° 37' 23"	21° 14' 15"	104° 37' 51"	F-48-66-C-b
bản Tọ 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 53"	104° 37' 34"					F-48-66-C-b
bản Tọ 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 43"	104° 37' 42"					F-48-66-C-b
bản Xà 1	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 57"	104° 37' 51"					F-48-66-C-b
bản Xà 2	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 54"	104° 37' 55"					F-48-66-C-b
bản Xưởng Đường	DC	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 13' 56"	104° 37' 22"					F-48-66-C-a
trại cải tạo Yên Hạ	KX	xã Huy Hạ	H. Phù Yên	21° 14' 28"	104° 38' 40"					F-48-66-C-b
hồ Bản Lầm	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 45"	104° 41' 28"					F-48-66-A-d
suối Cù	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên			21° 13' 59"	104° 41' 17"	21° 15' 26"	104° 39' 54"	F-48-66-C-b, F-48-66-A-d
bản Cù 1	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 08"	104° 40' 27"					F-48-66-A-d
bản Cù 2	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 26"	104° 40' 06"					F-48-66-A-d
bản Giáo 1	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 15"	104° 39' 31"					F-48-66-A-d
bản Giáo 2	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 55"	104° 39' 32"					F-48-66-C-b
bản Giáo 3	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 58"	104° 39' 54"					F-48-66-C-b
bản Kim Thượng	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 48"	104° 40' 21"					F-48-66-A-d
bản Lầm	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 44"	104° 41' 46"					F-48-66-A-d
suối Lầm	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên			21° 15' 48"	104° 41' 26"	21° 15' 28"	104° 39' 31"	F-48-66-A-d
núi Pù Pầu	SV	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 34"	104° 42' 00"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Puôi 1	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 36"	104° 40' 13"					F-48-66-A-d
bản Puôi 2	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 54"	104° 40' 07"					F-48-66-A-d
bản Puôi 3	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 43"	104° 39' 39"					F-48-66-A-d
bản Suối Cù	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 13' 32"	104° 41' 44"					F-48-66-C-b
suối Tắc	TV	xã Huy Tân	H. Phù Yên			21° 16' 06"	104° 39' 32"	21° 15' 02"	104° 39' 04"	F-48-66-A-d
bản Tân Giáo	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 03"	104° 39' 22"					F-48-66-A-d
núi Tạng Pan	SV	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 14' 26"	104° 39' 54"					F-48-66-C-b
bản Thượng Phong	DC	xã Huy Tân	H. Phù Yên	21° 15' 59"	104° 40' 47"					F-48-66-A-d
quốc lộ 37	KX	xã Huy Thượng	H. Phù Yên			21° 17' 31"	104° 41' 12"	21° 16' 48"	104° 39' 46"	F-48-66-A-d
đèo Ban	SV	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 17' 29"	104° 41' 10"					F-48-66-A-d
suối Ban	TV	xã Huy Thượng	H. Phù Yên			21° 17' 25"	104° 41' 08"	21° 16' 13"	104° 40' 23"	F-48-66-A-d
bản Ban 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 33"	104° 40' 36"					F-48-66-A-d
bản Ban 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 22"	104° 40' 32"					F-48-66-A-d
bản Chải 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 15' 59"	104° 40' 20"					F-48-66-A-d
bản Chải 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 17"	104° 40' 06"					F-48-66-A-d
bản Kiu 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 12"	104° 39' 38"					F-48-66-A-d
bản Kiu 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 07"	104° 39' 40"					F-48-66-A-d
núi Năm Tấn	SV	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 17' 27"	104° 40' 31"					F-48-66-A-d
bản Núi Hồng	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 13"	104° 42' 54"					F-48-66-A-d
Tân Ban	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 40"	104° 40' 51"					F-48-66-A-d
bản Ün 1	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 47"	104° 39' 57"					F-48-66-A-d
bản Ün 2	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 39"	104° 40' 23"					F-48-66-A-d
bản Ün 3	DC	xã Huy Thượng	H. Phù Yên	21° 16' 32"	104° 39' 45"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Lương	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 46"	104° 38' 51"					F-48-66-C-b
bản Cóng	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 12"	104° 39' 05"					F-48-66-C-b
núi Dao	SV	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 23"	104° 42' 30"					F-48-66-C-b
suối Hòm	TV	xã Huy Tường	H. Phù Yên			21° 12' 02"	104° 39' 44"	21° 11' 02"	104° 40' 12"	F-48-66-C-b
bản Muổng Thượng	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 24"	104° 38' 53"					F-48-66-C-b
bản Nà Lương	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 13' 06"	104° 38' 39"					F-48-66-C-b
suối Nhúng	TV	xã Huy Tường	H. Phù Yên			21° 12' 26"	104° 40' 40"	21° 11' 36"	104° 40' 04"	F-48-66-C-b
bản Nong Púng	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 11' 51"	104° 39' 31"					F-48-66-C-b
hồ Suối Hòm	TV	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 12' 07"	104° 39' 37"					F-48-66-C-b
bản Tân Lương 1	DC	xã Huy Tường	H. Phù Yên	21° 11' 50"	104° 39' 12"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
bản Tân Lương 2	DC	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 11' 34	104° 38' 56"						F-48-66-C-b
bản Tân Tiến	DC	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 13' 03"	104° 38' 50"						F-48-66-C-b
núi Tráng Cặp	SV	xã Huy Tường	H. Phú Yên	21° 12' 16"	104° 38' 20"						F-48-66-C-b
suối Bắc Bàn	TV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên			21° 05' 33"	104° 37' 42"	21° 04' 21"	104° 37' 08"		F-48-66-C-d, F-48-66-C-c
suối Cóc	TV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên			21° 07' 50"	104° 36' 49"	21° 08' 08"	104° 37' 45"		F-48-66-C-a, F-48-66-C-b
bản Đá Đỏ	DC	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 07' 54"	104° 35' 55"						F-48-66-C-a
suối Đá Đỏ	TV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên			21° 08' 35"	104° 34' 43"	21° 06' 30"	104° 34' 38"		F-48-66-C-a, F-48-66-C-c
suối Dẫn	TV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên			21° 08' 47"	104° 35' 30"	21° 08' 48"	104° 36' 45"		F-48-66-C-a
bản Dẫn A	DC	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 08' 56"	104° 35' 32"						F-48-66-C-a
bản Dẫn B	DC	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 08' 08"	104° 36' 39"						F-48-66-C-a
núi Đen	SV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 06' 50"	104° 37' 56"						F-48-66-C-d
núi Khoa	SV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 09' 27"	104° 34' 38"						F-48-66-C-a
bản Kim Bôn	DC	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 06' 59"	104° 36' 39"						F-48-66-C-c
núi On	SV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 07' 59"	104° 34' 16"						F-48-66-C-a
suối On	TV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên			21° 07' 53"	104° 34' 12"	21° 07' 14"	104° 33' 19"		F-48-66-C-a, F-48-66-C-c
suối Pa	TV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên			21° 06' 06"	104° 38' 08"	21° 06' 11"	104° 38' 39"		F-48-66-C-d
nậm Phọi	TV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên			21° 06' 31"	104° 37' 04"	21° 05' 31"	104° 36' 04"		F-48-66-C-c
nậm Phọt	TV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên			21° 05' 36"	104° 37' 16"	21° 05' 34"	104° 36' 06"		F-48-66-C-c
suối Pụn	TV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên			21° 09' 00"	104° 34' 37"	21° 08' 44"	104° 33' 59"		F-48-66-C-a
bản Suối Bương	DC	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 05' 29"	104° 38' 38"						F-48-66-C-d
bản Suối Cối	DC	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 05' 39"	104° 37' 41"						F-48-66-C-d
bản Suối Lệt	DC	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 07' 07"	104° 34' 01"						F-48-66-C-c
bản Suối On	DC	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 08' 34"	104° 34' 58"						F-48-66-C-a
bản Suối Pa	DC	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 05' 57"	104° 37' 03"						F-48-66-C-d
bản Suối Vạch	DC	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 05' 06"	104° 38' 55"						F-48-66-C-d
núi Tàng	SV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 05' 35"	104° 39' 00"						F-48-66-C-d
núi Vạch	SV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên	21° 05' 21"	104° 39' 13"						F-48-66-C-d
suối Vạch	TV	xã Kim Bôn	H. Phú Yên			21° 04' 47"	104° 39' 42"	21° 05' 08"	104° 39' 37"		F-48-66-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 114	KX	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 23"	104° 43' 49"	21° 08' 51"	104° 46' 43"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Bang	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 18"	104° 48' 00"					F-48-66-D-c
núi Bến Cang	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 16"	104° 46' 22"					F-48-66-D-a
bản Cãi	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 40"	104° 44' 48"					F-48-66-C-b
bản Chè Mè	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 27"	104° 48' 31"					F-48-66-D-a
núi Chim	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 27"	104° 52' 03"					F-48-66-D-a
bản Chủng	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 50"	104° 47' 11"					F-48-66-D-a
súoi Chủng	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 09"	104° 49' 04"	21° 07' 57"	104° 47' 09"	F-48-66-D-a
súoi Dinh	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 06' 56"	104° 53' 12"	21° 06' 19"	104° 51' 17"	F-48-66-D-d, F-48-66-D-c
súoi Do	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 08' 51"	104° 46' 44"	21° 05' 41"	104° 49' 36"	F-48-66-D-a, F-48-66-D-c
súoi Gà	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 39"	104° 50' 34"	21° 04' 39"	104° 51' 03"	F-48-66-D-a, F-48-66-D-c
bản Lao	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 28"	104° 50' 08"					F-48-66-D-c
đồi Lạp	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 06' 22"	104° 47' 30"					F-48-66-D-c
núi Lươn	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 49"	104° 49' 17"					F-48-66-D-a
đồi Mường	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 01"	104° 50' 01"					F-48-66-D-a
bản Sọc	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 32"	104° 46' 12"					F-48-66-D-a
súoi Sọc	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 08' 50"	104° 44' 42"	21° 08' 25"	104° 46' 24"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Súoi Dinh	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 07' 02"	104° 53' 00"					F-48-66-D-d
bản Súoi Gà	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 09' 28"	104° 50' 50"					F-48-66-D-a
bản Súoi Khoáng	DC	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 04' 44"	104° 51' 04"					F-48-66-D-c
núi Tô	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 11' 10"	104° 43' 57"					F-48-66-C-b
núi Tre Bút	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 10' 40"	104° 45' 04"					F-48-66-D-a
súoi Ua	TV	xã Mường Bang	H. Phù Yên			21° 09' 14"	104° 49' 51"	21° 07' 00"	104° 48' 04"	F-48-66-D-a, F-48-66-D-c
núi Voi	SV	xã Mường Bang	H. Phù Yên	21° 08' 51"	104° 51' 39"					F-48-66-D-a
quốc lộ 37	KX	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 20' 50"	104° 45' 30"	21° 17' 23"	104° 42' 38"	F-48-66-A-d, F-48-66-B-c
núi Âm	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 16' 42"	104° 46' 35"					F-48-66-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bàn	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 31"	104° 43' 14"					F-48-66-A-d
bản Bàu	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 20' 12"	104° 44' 20"					F-48-66-A-d
suối Bàu	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 21' 20"	104° 44' 13"	21° 19' 52"	104° 44' 20"	F-48-66-A-d
bản Béo Bàn	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 18"	104° 42' 42"					F-48-66-A-d
núi Chè	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 07"	104° 43' 57"					F-48-66-A-d
bản Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 59"	104° 45' 04"					F-48-66-B-c
suối Cơi	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 19' 52"	104° 44' 20"	21° 18' 53"	104° 44' 44"	F-48-66-A-d
đèo Dại	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 20' 01"	104° 45' 41"					F-48-66-B-c
bản Éch	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 39"	104° 44' 16"					F-48-66-A-d
núi Hồng	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 16' 48"	104° 46' 05"					F-48-66-B-c
bản Kiêng	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 42"	104° 45' 45"					F-48-66-B-c
suối Lèo	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 18' 00"	104° 46' 49"	21° 18' 24"	104° 47' 43"	F-48-66-B-c
đèo Lũng Lô	SV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 20' 46"	104° 45' 24"					F-48-66-B-c
bản Nà Mới	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 03"	104° 47' 07"					F-48-66-B-c
bản Nghĩa Hưng	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 19' 49"	104° 44' 35"					F-48-66-A-d
bản Sỏ	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 41"	104° 46' 49"					F-48-66-B-c
bản Suối Bì	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 17"	104° 45' 19"					F-48-66-B-c
bản Suối Bực	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 19' 25"	104° 43' 01"					F-48-66-A-d
bản Suối Cốc	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 21' 14"	104° 43' 50"					F-48-66-A-d
bản Tân Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 51"	104° 45' 28"					F-48-66-B-c
bản Tường Ban	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 19' 42"	104° 43' 34"					F-48-66-A-d
bản Tường Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 34"	104° 45' 20"					F-48-66-B-c
suối Vá	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 17' 27"	104° 45' 22"	21° 17' 59"	104° 46' 49"	F-48-66-B-c
bản Văn Cơi	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 17' 58"	104° 46' 07"					F-48-66-B-c
suối Văn Cơi	TV	xã Mường Cơi	H. Phù Yên			21° 18' 13"	104° 46' 08"	21° 18' 00"	104° 46' 49"	F-48-66-B-c
bản Văn Tân	DC	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 12"	104° 45' 32"					F-48-66-B-c
cầu Xương Chè	KX	xã Mường Cơi	H. Phù Yên	21° 18' 00"	104° 46' 50"					F-48-66-B-c
đường tỉnh 114B	KX	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 13' 56"	104° 44' 22"	21° 09' 23"	104° 43' 49"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Bãi Lươn	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 21"	104° 49' 17"					F-48-66-D-a
núi Ban	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 25"	104° 45' 07"					F-48-66-D-a
bản Bồng Sỏi	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 41"	104° 44' 24"					F-48-66-C-b
núi Cẩn	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 56"	104° 49' 38"					F-48-66-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Cổng Trời	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 11"	104° 46' 29"					F-48-66-D-a
núi Dai	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 54"	104° 43' 00"					F-48-66-C-b
suoối Do	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 11' 40"	104° 46' 01"	21° 08' 51"	104° 46' 44"	F-48-66-D-a
bản Do 1	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 22"	104° 47' 02"					F-48-66-D-a
bản Do 2	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 20"	104° 46' 54"					F-48-66-D-a
dãy Đồng An	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 25"	104° 46' 40"					F-48-66-D-a
đồi Khi	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 01"	104° 44' 49"					F-48-66-C-b
bản Kiếng	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 40"	104° 45' 25"					F-48-66-D-a
suoối Kiếng	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 11' 08"	104° 44' 09"	21° 11' 40"	104° 46' 01"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Lăn	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 58"	104° 46' 05"					F-48-66-D-a
suoối Lang	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 12' 29"	104° 42' 56"	21° 13' 55"	104° 44' 24"	F-48-66-C-b
núi Lanh	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 34"	104° 49' 40"					F-48-66-D-a
suoối Lồng	TV	xã Mường Do	H. Phù Yên			21° 10' 14"	104° 50' 04"	21° 10' 43"	104° 47' 09"	F-48-66-D-a
núi Mường	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 11"	104° 43' 34"					F-48-66-C-b
bản Páp	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 13' 09"	104° 45' 07"					F-48-66-D-a
bản Suối Han 1	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 07"	104° 47' 08"					F-48-66-D-a
bản Suối Han 2	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 11' 55"	104° 48' 05"					F-48-66-D-a
bản Suối Han 3	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 19"	104° 49' 07"					F-48-66-D-a
dãy Suối Lang	SV	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 55"	104° 42' 31"					F-48-66-C-b
bản Suối Lồng	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 10' 46"	104° 48' 29"					F-48-66-D-a
bản Tân Do	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 12' 33"	104° 44' 47"					F-48-66-C-b
bản Tường Do	DC	xã Mường Do	H. Phù Yên	21° 09' 44"	104° 47' 06"					F-48-66-D-a
núi Bãi Hát	SV	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 09"	104° 44' 10"					F-48-66-C-b
bản Chiềng	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 41"	104° 46' 23"					F-48-66-D-a
bản Đung	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 15' 10"	104° 46' 13"					F-48-66-B-c
bản Kếm	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 54"	104° 45' 07"					F-48-66-D-a
suoối Lang	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 13' 55"	104° 44' 24"	21° 14' 36"	104° 47' 02"	F-48-66-C-b, F-48-66-D-a
bản Manh	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 30"	104° 47' 20"					F-48-66-D-a
suoối Múra	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 15' 02"	104° 45' 09"	21° 15' 02"	104° 46' 08"	F-48-66-B-c
sông Múra	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 15' 02"	104° 46' 08"	21° 16' 59"	104° 50' 21"	F-48-66-B-c, F-48-66-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nguồn	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 14' 23"	104° 46' 24"					F-48-66-D-a
bản Thượng Lang	DC	xã Mường Lang	H. Phù Yên	21° 13' 57"	104° 48' 06"					F-48-66-D-a
súoi Vang	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 12' 34"	104° 48' 53"	21° 13' 58"	104° 48' 26"	F-48-66-D-a
súoi Vơ	TV	xã Mường Lang	H. Phù Yên			21° 12' 40"	104° 47' 30"	21° 14' 05"	104° 48' 22"	F-48-66-D-a
bản Chiểu	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 20' 23"	104° 41' 17"					F-48-66-A-d
súoi Chiểu	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 21' 46"	104° 42' 09"	21° 19' 39"	104° 40' 23"	F-48-66-A-d
súoi Don	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 22' 18"	104° 40' 50"	21° 21' 23"	104° 42' 03"	F-48-66-A-d
núi Đồi Mèo	SV	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 20' 20"	104° 40' 30"					F-48-66-A-d
súoi Khả	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 18' 07"	104° 42' 03"	21° 17' 30"	104° 41' 13"	F-48-66-A-d
dãy núi Khau Li	SV	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 21' 52"	104° 40' 59"					F-48-66-A-d
bản Khe Lành	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 22' 42"	104° 42' 46"					F-48-66-A-b
bản Khoai Lang	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 21' 26"	104° 42' 30"					F-48-66-A-d
súoi Lạt	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 20' 57"	104° 39' 22"	21° 20' 17"	104° 41' 02"	F-48-66-A-d
súoi Lạt Con	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 22' 17"	104° 39' 32"	21° 20' 33"	104° 40' 28"	F-48-66-A-d
bản Phúc Yên	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 17' 34"	104° 42' 35"					F-48-66-A-d
súoi Sang	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 19' 06"	104° 41' 25"	21° 18' 46"	104° 40' 45"	F-48-66-A-d
núi Súoi Chơn	SV	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 18' 38"	104° 43' 03"					F-48-66-A-d
bản Súoi Quốc	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 19' 37"	104° 42' 27"					F-48-66-A-d
bản Súoi Tàu	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 20' 09"	104° 41' 52"					F-48-66-A-d
núi Tạng Ngát	SV	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 19' 42"	104° 41' 42"					F-48-66-A-d
súoi Tàu	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 20' 19"	104° 42' 00"	21° 20' 22"	104° 41' 32"	F-48-66-A-d
súoi Thái	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 18' 38"	104° 42' 27"	21° 19' 30"	104° 41' 51"	F-48-66-A-d
bản Thái Hạ	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 19' 17"	104° 41' 09"					F-48-66-A-d
bản Thái Thượng	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 18' 45"	104° 41' 26"					F-48-66-A-d
bản Văn Yên	DC	xã Mường Thái	H. Phù Yên	21° 17' 56"	104° 41' 36"					F-48-66-A-d
súoi Vôi	TV	xã Mường Thái	H. Phù Yên			21° 22' 18"	104° 41' 24"	21° 22' 23"	104° 42' 18"	F-48-66-A-d
sông Đà	TV	xã Nam Phong	H. Phù Yên			21° 03' 23"	104° 43' 55"	21° 01' 50"	104° 51' 55"	F-48-66-D-c
núi Đá Bạc	SV	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 06' 28"	104° 45' 03"					F-48-66-D-c
súoi Đá Mài	TV	xã Nam Phong	H. Phù Yên			21° 04' 39"	104° 48' 21"	21° 03' 11"	104° 46' 53"	F-48-66-D-c
bản Đá Mài 1	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 49"	104° 47' 10"					F-48-66-D-c
bản Đá Mài 2	DC	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 05"	104° 47' 02"					F-48-66-D-c
núi Gia Long	SV	xã Nam Phong	H. Phù Yên	21° 03' 30"	104° 49' 20"					F-48-66-D-c
súoi Khoáng	TV	xã Nam Phong	H. Phù Yên			21° 03' 46"	104° 51' 18"	21° 01' 50"	104° 51' 55"	F-48-66-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pin	DC	xã Nam Phong	H. Phú Yên	21° 03' 08"	104° 51' 14"					F-48-66-D-c
bản Suối Kê	DC	xã Nam Phong	H. Phú Yên	21° 05' 08"	104° 45' 53"					F-48-66-D-c
bản Suối Lúa 1	DC	xã Nam Phong	H. Phú Yên	21° 05' 08"	104° 45' 30"					F-48-66-D-c
bản Suối Lúa 2	DC	xã Nam Phong	H. Phú Yên	21° 03' 24"	104° 44' 37"					F-48-66-D-c
bản Suối Vê	DC	xã Nam Phong	H. Phú Yên	21° 05' 34"	104° 45' 24"					F-48-66-D-c
bản Bó Hốc	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 15' 24"	104° 39' 19"					F-48-66-A-d
bản Búc	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 15' 43"	104° 39' 03"					F-48-66-A-d
bản Cang	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 16' 12"	104° 39' 30"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Hạ 1	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 15' 35"	104° 38' 42"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Thượng	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 15' 30"	104° 39' 02"					F-48-66-A-d
bản Chiềng Trung	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 15' 34"	104° 39' 05"					F-48-66-A-d
bản Co Nga	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 15' 14"	104° 39' 05"					F-48-66-A-d
súoi Đò	TV	xã Quang Huy	H. Phú Yên			21° 20' 52"	104° 36' 59"	21° 20' 28"	104° 37' 28"	F-48-66-A-c
bản Gióng	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 18' 20"	104° 38' 43"					F-48-66-A-d
súoi Gióng	TV	xã Quang Huy	H. Phú Yên			21° 18' 29"	104° 37' 59"	21° 17' 55"	104° 38' 54"	F-48-66-A-d
núi Khau Rùa	SV	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 19' 21"	104° 38' 53"					F-48-66-A-d
núi Lũng Trâu	SV	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 17' 27"	104° 40' 31"					F-48-66-A-d
bản Mo 2	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 15' 51"	104° 38' 51"					F-48-66-A-d
bản Mo 3	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 16' 07"	104° 38' 50"					F-48-66-A-d
bản Mo 4	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 16' 18"	104° 38' 56"					F-48-66-A-d
bản Mo Nghè 1	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 16' 30"	104° 39' 18"					F-48-66-A-d
bản Mo Nghè 2	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 16' 40"	104° 39' 30"					F-48-66-A-d
bản Mo Nghè 3	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 16' 26"	104° 39' 09"					F-48-66-A-d
bản Nà Xá 1	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 16' 59"	104° 39' 43"					F-48-66-A-d
bản Nà Xá 2	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 16' 52"	104° 39' 39"					F-48-66-A-d
súoi Ngang	TV	xã Quang Huy	H. Phú Yên			21° 20' 17"	104° 37' 01"	21° 20' 28"	104° 37' 28"	F-48-66-A-c
súoi Ó	TV	xã Quang Huy	H. Phú Yên			21° 19' 31"	104° 39' 27"	21° 19' 00"	104° 40' 26"	F-48-66-A-d
lâm trường Phú Bắc Yên	KX	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 17' 03"	104° 37' 52"					F-48-66-A-d
phủ Pu Khâm	SV	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 18' 23"	104° 37' 41"					F-48-66-A-d
bản Suối Gióng 1	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 19' 02"	104° 38' 12"					F-48-66-A-d
bản Suối Gióng 2	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 18' 53"	104° 38' 59"					F-48-66-A-d
bản Suối Ngang	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 20' 35"	104° 37' 25"					F-48-66-A-c
bản Suối Ó 1	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 19' 08"	104° 39' 23"					F-48-66-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
bản Suối Ô 2	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 19' 44"	104° 39' 00"						F-48-66-A-d
suối Tắc	TV	xã Quang Huy	H. Phú Yên			21° 19' 39"	104° 40' 23"	21° 15' 02"	104° 39' 04"		F-48-66-A-d
bản Tường Quang	DC	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 16' 37"	104° 38' 59"						F-48-66-A-d
núi Vàng Cường	SV	xã Quang Huy	H. Phú Yên	21° 19' 41"	104° 40' 54"						F-48-66-A-d
suối Đăm	TV	xã Sập Xa	H. Phú Yên			21° 08' 16"	104° 33' 03"	21° 08' 29"	104° 31' 56"		F-48-66-C-a
bản Giăng	DC	xã Sập Xa	H. Phú Yên	21° 11' 34"	104° 30' 43"						F-48-66-C-a
bản Keo Lán	DC	xã Sập Xa	H. Phú Yên	21° 10' 04"	104° 30' 38"						F-48-66-C-a
bản Nà Lạy	DC	xã Sập Xa	H. Phú Yên	21° 09' 12"	104° 31' 40"						F-48-66-C-a
suối Nà Lạy	TV	xã Sập Xa	H. Phú Yên			21° 10' 18"	104° 32' 16"	21° 09' 17"	104° 31' 13"		F-48-66-C-a
bản Phiêng Lương	DC	xã Sập Xa	H. Phú Yên	21° 08' 16"	104° 32' 10"						F-48-66-C-a
bản Pưn	DC	xã Sập Xa	H. Phú Yên	21° 09' 48"	104° 33' 09"						F-48-66-C-a
suối Pưn On	TV	xã Sập Xa	H. Phú Yên			21° 09' 10"	104° 33' 41"	21° 09' 40"	104° 32' 00"		F-48-66-C-a
suối Sập	TV	xã Sập Xa	H. Phú Yên			21° 11' 40"	104° 30' 22"	21° 07' 23"	104° 31' 51"		F-48-66-C-a
suối Thín	TV	xã Sập Xa	H. Phú Yên			21° 11' 40"	104° 31' 06"	21° 11' 27"	104° 30' 33"		F-48-66-C-a
núi Tin Tộc	SV	xã Sập Xa	H. Phú Yên	21° 07' 51"	104° 33' 06"						F-48-66-C-a
bản Xa	DC	xã Sập Xa	H. Phú Yên	21° 09' 52"	104° 30' 41"						F-48-66-C-a
bản Chát A	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 10' 36"	104° 33' 55"						F-48-66-C-a
bản Chèo A	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 11' 09"	104° 34' 05"						F-48-66-C-a
bản Chèo B	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 10' 42"	104° 34' 26"						F-48-66-C-a
suối Hiền	TV	xã Suối Bau	H. Phú Yên			21° 12' 36"	104° 32' 10"	21° 13' 07"	104° 32' 47"		F-48-66-C-a
núi Luông	SV	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 13' 03"	104° 30' 19"						F-48-66-C-a
suối Sập	TV	xã Suối Bau	H. Phú Yên			21° 14' 00"	104° 30' 29"	21° 11' 40"	104° 30' 22"		F-48-66-C-a, F-48-65-D
bản Suối Bau	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 11' 13"	104° 33' 24"						F-48-66-C-a
bản Suối Cây	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 13' 18"	104° 31' 58"						F-48-66-C-a
bản Suối Cây B	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 13' 07"	104° 31' 06"						F-48-66-C-a
bản Suối Giăng	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 11' 31"	104° 32' 20"						F-48-66-C-a
núi Suối Giăng	SV	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 11' 51"	104° 32' 10"						F-48-66-C-a
bản Suối Hiền A	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 12' 30"	104° 32' 09"						F-48-66-C-a
bản Thịnh A	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 12' 34"	104° 31' 15"						F-48-66-C-a
bản Thịnh B	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 12' 27"	104° 31' 34"						F-48-66-C-a
bản Thịnh C	DC	xã Suối Bau	H. Phú Yên	21° 13' 12"	104° 30' 13"						F-48-66-C-a
suối Trà	TV	xã Suối Bau	H. Phú Yên			21° 10' 11"	104° 34' 09"	21° 10' 32"	104° 33' 29"		F-48-66-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 113	KX	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 14' 00"	104° 30' 29"	21° 13' 21"	104° 32' 04"	F-48-66-C-a
suối Búc	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 16' 32"	104° 35' 17"	21° 17' 04"	104° 36' 03"	F-48-66-A-c
bản Chỏ	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 19' 10"	104° 37' 18"					F-48-66-A-c
suối Đá Mài 1	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 13' 52"	104° 32' 11"	21° 13' 34"	104° 31' 47"	F-48-66-C-a
suối Đá Mài 2	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 14' 00"	104° 31' 48"	21° 13' 41"	104° 31' 33"	F-48-66-C-a
suối Dề Can Tha	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 23' 44"	104° 33' 59"	21° 22' 43"	104° 33' 41"	F-48-66-A-a
suối Đổ	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 21' 48"	104° 36' 00"	21° 21' 02"	104° 37' 26"	F-48-66-A-c
suối Khang	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 19' 38"	104° 36' 13"	21° 18' 10"	104° 37' 03"	F-48-66-C-a
núi Làng Nhì	SV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 24' 41"	104° 32' 53"					F-48-66-A-a
suối Làng Sáng	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 21' 34"	104° 33' 52"	21° 20' 36"	104° 33' 18"	F-48-66-A-c
suối Làng Sáng To	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 22' 58"	104° 33' 00"	21° 22' 43"	104° 33' 41"	F-48-66-A-a
suối Lạt	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 24' 49"	104° 35' 31"	21° 20' 57"	104° 39' 22"	F-48-66-A-a, F-48-66-A-d
suối Lịch Trơ	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 21' 54"	104° 34' 31"	21° 21' 34"	104° 33' 52"	F-48-66-A-c
bản Lũng Khoài A	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 18' 38"	104° 36' 10"					F-48-66-A-c
bản Lũng Khoài B	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 18' 13"	104° 35' 37"					F-48-66-A-c
suối Ngang	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 20' 08"	104° 36' 32"	21° 20' 17"	104° 37' 01"	F-48-66-A-c
suối Nhỏ	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 22' 38"	104° 38' 25"	21° 21' 49"	104° 38' 35"	F-48-66-A-a, F-48-66-A-d
bản Pác Bẹ A	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 14' 55"	104° 32' 39"					F-48-66-C-a
bản Pác Bẹ B	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 15' 05"	104° 33' 37"					F-48-66-C-a
bản Pác Bẹ C	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 14' 11"	104° 31' 32"					F-48-66-C-a
Pai Trỏ	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 20' 50"	104° 34' 43"					F-48-66-A-c
suối Pai Trỏ	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 21' 05"	104° 34' 49"	21° 19' 22"	104° 33' 49"	F-48-66-A-c
suối Sập	TV	xã Suối Tọ	H. Phú Yên			21° 16' 05"	104° 32' 23"	21° 14' 00"	104° 30' 29"	F-48-66-A-c, F-48-C-a
bản Suối Dinh	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 14' 19"	104° 33' 15"					F-48-66-C-a
bản Suối Khang	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 19' 45"	104° 36' 23"					F-48-66-A-c
bản Suối Tọ	DC	xã Suối Tọ	H. Phú Yên	21° 17' 25"	104° 34' 17"					F-48-66-A-c
quốc lộ 32B	KX	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 17' 56"	104° 47' 34"	21° 17' 15"	104° 50' 24"	F-48-66-B-c
bản Bãi Đu	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 17' 36"	104° 48' 24"					F-48-66-B-c
cầu Bãi Đu	KX	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 17' 33"	104° 48' 30"					F-48-66-B-c
khu Bãi Hát	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 14' 28"	104° 44' 36"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
đồi Bụt	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 48"	104° 49' 53"						F-48-66-B-c
bán Cà	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 37"	104° 44' 40"						F-48-66-A-d
núi Cam Co	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 19' 42"	104° 48' 46"						F-48-66-B-c
núi Chum	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 57"	104° 45' 11"						F-48-66-B-c
đèo Dệt	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 14' 51"	104° 42' 24"						F-48-66-C-b
bán Diệt	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 07"	104° 44' 04"						F-48-66-A-d
núi Gà Con	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 59"	104° 44' 43"						F-48-66-A-d
núi Hồng	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 10"	104° 43' 25"						F-48-66-A-d
đèo Kén	SV	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 43"	104° 46' 01"						F-48-66-B-c
bán Khén	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 02"	104° 46' 09"						F-48-66-B-c
sườn Lèo	TV	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 18' 24"	104° 47' 43"	21° 17' 25"	104° 50' 24"		F-48-66-B-c
bán Mỏ	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 52"	104° 44' 39"						F-48-66-A-d
sườn Mưa	TV	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 13' 16"	104° 42' 09"	21° 14' 56"	104° 44' 41"		F-48-66-C-b
sườn Nửa	TV	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 18' 49"	104° 47' 48"	21° 18' 24"	104° 47' 44"		F-48-66-B-c
bán Sông Mưa	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 19"	104° 44' 20"						F-48-66-A-d
bán Suối Lèo	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 18' 01"	104° 48' 03"						F-48-66-B-c
bán Tân Tường	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 32"	104° 44' 29"						F-48-66-A-d
bán Thịnh Lang 1	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 18"	104° 47' 11"						F-48-66-B-c
bán Thịnh Lang 2	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 09"	104° 46' 29"						F-48-66-B-c
bán Tiên Lang	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 59"	104° 45' 43"						F-48-66-B-c
bán Vường	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 35"	104° 47' 41"						F-48-66-B-c
sườn Vường	TV	xã Tân Lang	H. Phú Yên			21° 16' 34"	104° 47' 31"	21° 17' 14"	104° 48' 10"		F-48-66-B-c
bán Yên Thịnh 1	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 15' 58"	104° 47' 34"						F-48-66-B-c
bán Yên Thịnh 2	DC	xã Tân Lang	H. Phú Yên	21° 16' 14"	104° 48' 38"						F-48-66-B-c
sườn Bông	TV	xã Tân Phong	H. Phú Yên			21° 06' 37"	104° 42' 55"	21° 04' 42"	104° 42' 37"		F-48-66-C-d
bán Bông 1	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 05' 39"	104° 42' 46"						F-48-66-C-d
bán Bông 2	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 06' 03"	104° 43' 03"						F-48-66-C-d
núi Canh	SV	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 04' 17"	104° 44' 24"						F-48-66-C-d
núi Cỏ Phách	SV	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 04' 28"	104° 44' 03"						F-48-66-C-d
sườn Đà	TV	xã Tân Phong	H. Phú Yên			21° 03' 13"	104° 42' 19"	21° 03' 23"	104° 43' 55"		F-48-66-C-d
bán Đồng Mã	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 05' 22"	104° 42' 07"						F-48-66-C-d
bán In	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 04' 46"	104° 43' 35"						F-48-66-C-d
bán Liếm	DC	xã Tân Phong	H. Phú Yên	21° 03' 37"	104° 42' 12"						F-48-66-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mùng	DC	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 04' 48"	104° 41' 50"					F-48-66-C-d
suối Mùng	TV	xã Tân Phong	H. Phù Yên			21° 04' 38"	104° 40' 52"	21° 04' 57"	104° 41' 38"	F-48-66-C-d
suối Nánh	TV	xã Tân Phong	H. Phù Yên			21° 04' 07"	104° 41' 11"	21° 04' 37"	104° 41' 46"	F-48-66-C-d
bản Vạn	DC	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 04' 12"	104° 42' 04"					F-48-66-C-d
chợ Vạn Yên	KX	xã Tân Phong	H. Phù Yên	21° 04' 08"	104° 42' 14"					F-48-66-C-d
cầu Bản Cóc	KX	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 34"	104° 38' 32"					F-48-66-C-b
cầu Bản Dăn	KX	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 29"	104° 37' 37"					F-48-66-C-b
cầu Bản Đen	KX	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 07' 54"	104° 39' 08"					F-48-66-C-b
suối Cóc	TV	xã Tường Hạ	H. Phù Yên			21° 08' 08"	104° 37' 45"	21° 08' 32"	104° 38' 24"	F-48-66-C-b
bản Cóc 1	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 41"	104° 38' 23"					F-48-66-C-b
bản Cóc 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 34"	104° 38' 14"					F-48-66-C-b
bản Cóc 3	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 26"	104° 38' 19"					F-48-66-C-b
bản Cóc 4	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 20"	104° 38' 34"					F-48-66-C-b
bản Dăn 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 29"	104° 37' 36"					F-48-66-C-b
núi Đản Bồng	SV	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 51"	104° 37' 50"					F-48-66-C-b
bản Đen	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 07' 58"	104° 39' 08"					F-48-66-C-b
suối Đen	TV	xã Tường Hạ	H. Phù Yên			21° 07' 10"	104° 38' 18"	21° 07' 54"	104° 39' 08"	F-48-66-C-b
hồ Đồng Liên	TV	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 49"	104° 38' 26"					F-48-66-C-b
bản Khảo 1	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 22"	104° 37' 54"					F-48-66-C-b
bản Khảo 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 13"	104° 38' 05"					F-48-66-C-b
bản Ốc 1	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 14"	104° 38' 44"					F-48-66-C-b
bản Ốc 2	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 08' 09"	104° 38' 53"					F-48-66-C-b
bản Són	DC	xã Tường Hạ	H. Phù Yên	21° 09' 01"	104° 38' 15"					F-48-66-C-b
suối Tắc	TV	xã Tường Hạ	H. Phù Yên			21° 09' 53"	104° 37' 34"	21° 08' 08"	104° 39' 23"	F-48-66-C-b
đường tỉnh 114	KX	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 07' 36"	104° 40' 37"	21° 09' 23"	104° 43' 49"	F-48-66-C-b
bản Bèo	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 06' 24"	104° 41' 41"					F-48-66-C-d
suối Bồng	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 07' 39"	104° 44' 00"	21° 06' 37"	104° 42' 55"	F-48-66-C-b
suối Đà	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 06' 57"	104° 43' 42"	21° 06' 28"	104° 43' 02"	F-48-66-C-d
núi Đanh	SV	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 08' 34"	104° 41' 05"					F-48-66-C-b
bản Hạ Lương	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 07' 33"	104° 41' 20"					F-48-66-C-b
suối Kén	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 05' 35"	104° 39' 47"	21° 06' 11"	104° 40' 31"	F-48-66-C-d
núi Liền	SV	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 07' 36"	104° 43' 01"					F-48-66-C-b
suối Lóm	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 07' 59"	104° 42' 35"	21° 08' 22"	104° 41' 37"	F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Suối Lóm	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 08' 04"	104° 42' 29"					F-48-66-C-b
bản Suối Tre	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 08' 10"	104° 41' 28"					F-48-66-C-b
suối Tắc	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 07' 30"	104° 40' 33"	21° 05' 24"	104° 41' 34"	F-48-66-C-d
suối Tre	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 10' 14"	104° 42' 38"	21° 07' 03"	104° 40' 52"	F-48-66-C-b, F-48-66-C-d
bản Văm	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 05' 39"	104° 41' 10"					F-48-66-C-d
suối Văm	TV	xã Tường Phong	H. Phù Yên			21° 05' 18"	104° 40' 40"	21° 05' 39"	104° 41' 14"	F-48-66-C-d
bản Xanh Vàng	DC	xã Tường Phong	H. Phù Yên	21° 06' 45"	104° 40' 25"					F-48-66-C-d
quốc lộ 37	KX	xã Tường Phù	H. Phù Yên			21° 13' 51"	104° 37' 15"	21° 12' 06"	104° 36' 33"	F-48-66-C-a
suối Bùa	TV	xã Tường Phù	H. Phù Yên			21° 11' 48"	104° 36' 41"	21° 11' 50"	104° 37' 23"	F-48-66-C-a
bản Bùa Chung 1	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 52"	104° 37' 05"					F-48-66-C-a
bản Bùa Chung 2	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 34"	104° 37' 10"					F-48-66-C-a
bản Bùa Chung 3	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 31"	104° 37' 22"					F-48-66-C-a
bản Bùa Hạ 1	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 08"	104° 37' 33"					F-48-66-C-a
bản Bùa Hạ 2	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 03"	104° 37' 47"					F-48-66-C-a
bản Bùa Thượng 1	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 13"	104° 36' 52"					F-48-66-C-a
bản Bùa Thượng 2	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 33"	104° 36' 40"					F-48-66-C-a
bản Bùa Thượng 3	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 20"	104° 36' 36"					F-48-66-C-a
núi Co Hạ	SV	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 13' 30"	104° 36' 39"					F-48-66-C-a
bản Đông 1	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 13' 25"	104° 37' 14"					F-48-66-C-a
bản Đông 2	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 13' 03"	104° 37' 06"					F-48-66-C-a
núi Keo Leo	SV	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 11' 29"	104° 37' 02"					F-48-66-C-a
bản Nà Lê 1	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 16"	104° 37' 27"					F-48-66-C-a
bản Nà Lê 2	DC	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 12' 19"	104° 37' 44"					F-48-66-C-a
núi Pom Lanh	SV	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 14' 04"	104° 36' 32"					F-48-66-C-a
núi Pom Pau	SV	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 14' 17"	104° 35' 29"					F-48-66-C-a
núi Pom Sọc	SV	xã Tường Phù	H. Phù Yên	21° 13' 43"	104° 35' 59"					F-48-66-C-a
suối Tắc	TV	xã Tường Phù	H. Phù Yên			21° 13' 55"	104° 37' 32"	21° 11' 36"	104° 37' 29"	F-48-66-C-a, F-48-66-C-b
quốc lộ 43	KX	xã Tường Thượng	H. Phù Yên			21° 11' 18"	104° 36' 39"	21° 09' 46"	104° 37' 27"	F-48-66-C-a
cầu Bản Chân	KX	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 10' 11"	104° 37' 15"					F-48-66-C-a
cầu Bản Khoa	KX	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 11' 02"	104° 36' 47"					F-48-66-C-a
bản Cãi	DC	xã Tường Thượng	H. Phù Yên	21° 09' 55"	104° 37' 21"					F-48-66-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cha 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 52"	104° 38' 25"					F-48-66-C-a
bản Cha 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 36"	104° 38' 20"					F-48-66-C-a
súoi Chăn	TV	xã Tường Thượng	H. Phú Yên			21° 09' 41"	104° 36' 06"	21° 10' 10"	104° 37' 17"	F-48-66-C-a
bản Chăn 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 16"	104° 36' 55"					F-48-66-C-b
bản Chăn 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 28"	104° 37' 01"					F-48-66-C-b
bản Churor	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 26"	104° 37' 44"					F-48-66-C-b
núi Đông Bắc	SV	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 34"	104° 37' 22"					F-48-66-C-a
núi Đông Héo	SV	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 54"	104° 37' 17"					F-48-66-C-a
Đồng La 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 11"	104° 38' 01"					F-48-66-C-b
Đồng La 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 07"	104° 38' 20"					F-48-66-C-b
bản Khoa 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 55"	104° 36' 55"					F-48-66-C-a
bản Khoa 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 10' 54"	104° 36' 23"					F-48-66-C-a
bản Khoa 3	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 04"	104° 36' 40"					F-48-66-C-a
súoi Tắc	TV	xã Tường Thượng	H. Phú Yên			21° 11' 36"	104° 37' 29"	21° 09' 53"	104° 37' 34"	F-48-66-C-a
bản Thon 1	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 34"	104° 37' 54"					F-48-66-C-b
bản Thon 2	DC	xã Tường Thượng	H. Phú Yên	21° 11' 32"	104° 38' 04"					F-48-66-C-b
quốc lộ 37	KX	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 07' 54"	104° 39' 08"	21° 07' 13"	104° 40' 25"	F-48-66-C-b, F-48-66-C-d
đường tỉnh 114	KX	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 10' 49"	104° 40' 10"	21° 07' 36"	104° 40' 37"	F-48-66-C-b
núi Bương	SV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 06' 40"	104° 38' 28"					F-48-66-C-d
bản Co Pục	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 07' 58"	104° 39' 20"					F-48-66-C-b
bản Cột Mốc	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 10' 18"	104° 41' 56"					F-48-66-C-b
núi Hang Lai	SV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 09' 37"	104° 39' 36"					F-48-66-C-b
bản Hua Nà	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 07' 46"	104° 39' 34"					F-48-66-C-b
súoi Lạt	TV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 10' 31"	104° 42' 06"	21° 10' 24"	104° 40' 31"	F-48-66-C-b
bản Pa	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 07' 06"	104° 40' 02"					F-48-66-C-d
súoi Pa	TV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 06' 11"	104° 38' 39"	21° 07' 09"	104° 40' 05"	F-48-66-C-d
súoi Pưng	TV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 10' 24"	104° 40' 31"	21° 08' 44"	104° 40' 27"	F-48-66-C-b
bản Súoi Pai	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 11' 59"	104° 42' 18"					F-48-66-C-b
súoi Tắc	TV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên			21° 08' 08"	104° 39' 23"	21° 07' 30"	104° 40' 33"	F-48-66-C-b
bản Tắt	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 08' 02"	104° 40' 13"					F-48-66-C-b
núi Thín	SV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 09' 11"	104° 39' 53"					F-48-66-C-b
bản Thín 1	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 09' 59"	104° 40' 15"					F-48-66-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thín 2	DC	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 08' 54"	104° 40' 25"					F-48-66-C-b
núi U Bò	SV	xã Tường Tiến	H. Phú Yên	21° 10' 07"	104° 39' 28"					F-48-66-C-b
đường tỉnh 107	KX	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 58' 56"	103° 32' 53"	21° 52' 24"	103° 33' 32"	F-48-52-A
núi Búa Hiếu	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 51"	103° 31' 44"					F-48-52-A
bản Cà Nàng	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 55' 46"	103° 33' 00"					F-48-52-A
sườn Cà Nàng	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 59' 09"	103° 31' 56"	21° 52' 53"	103° 32' 51"	F-48-52-A
bản Co Cù	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 34"	103° 33' 54"					F-48-52-A
huối Cúp	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 59' 54"	103° 34' 13"	21° 59' 02"	103° 33' 31"	F-48-52-A
sông Đà	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 57' 22"	103° 30' 14"	21° 52' 15"	103° 33' 12"	F-48-52-A
núi Đán Hâu	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 46"	103° 33' 19"					F-48-52-A
bản Giang Lò	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 58"	103° 33' 44"					F-48-52-A
nậm Hinh	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 57' 17"	103° 33' 57"	21° 56' 47"	103° 32' 41"	F-48-52-A
núi Huối Hàn	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 57' 27"	103° 31' 48"					F-48-52-A
núi Huối Pạ	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 01"	103° 36' 29"					F-48-52-A
bản Huối Pha	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 58' 30"	103° 29' 51"					F-48-51-B
bản Huối Pho	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 57' 59"	103° 30' 37"					F-48-52-A
núi Huối Phương	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 43"	103° 33' 17"					F-48-52-A
bản Huối Suồng	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 58' 09"	103° 32' 17"					F-48-52-A
bản Li Pháy	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 59' 46"	103° 32' 51"					F-48-52-A
nậm Lò	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 53' 52"	103° 35' 28"	21° 53' 47"	103° 33' 37"	F-48-52-A
núi Nà Sàng	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 07"	103° 33' 41"					F-48-52-A
sườn Nà Sàng	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 52' 49"	103° 33' 59"	21° 52' 29"	103° 33' 05"	F-48-52-A
bản Nậm Lò	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 41"	103° 33' 51"					F-48-52-A
bản Pạ	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 30"	103° 33' 33"					F-48-52-A
nậm Pạ	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 55' 28"	103° 35' 39"	21° 54' 18"	103° 33' 32"	F-48-52-A
bản Phát	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 55' 17"	103° 33' 08"					F-48-52-A
nậm Phay	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 55' 56"	103° 34' 24"	21° 55' 02"	103° 33' 10"	F-48-52-A
huối Pho	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 58' 23"	103° 30' 46"	21° 57' 47"	103° 30' 10"	F-48-52-A
bản Phương	DC	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 46"	103° 32' 47"					F-48-52-A
huối Súng	TV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai			21° 59' 49"	103° 33' 14"	21° 59' 27"	103° 32' 32"	F-48-52-A
núi Vai Luồng	SV	xã Cà Nàng	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 40"	103° 36' 21"					F-48-52-A
đường tỉnh 107	KX	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 28"	103° 38' 41"	21° 36' 10"	103° 39' 24"	F-48-52-C
bản Bung	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 37"	103° 39' 29"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bung	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 57"	103° 39' 24"	21° 38' 32"	103° 39' 45"	F-48-52-C
bản Cán	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 17"	103° 40' 02"					F-48-52-C
bản Canh	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 35"	103° 40' 26"					F-48-52-C
bản Chạ	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 04"	103° 40' 08"					F-48-52-C
suối Chạy	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 17"	103° 41' 04"	21° 39' 45"	103° 40' 35"	F-48-52-C
suối Cọ	SV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 40"	103° 39' 40"	21° 37' 02"	103° 40' 07"	F-48-52-C
núi Dăn	SV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 29"	103° 40' 14"					F-48-52-C
bản Đán Cán	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 43"	103° 39' 28"					F-48-52-C
suối Dồn	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 14"	103° 39' 08"	21° 38' 15"	103° 39' 46"	F-48-52-C
bản Ên	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 48"	103° 39' 47"					F-48-52-C
suối Hà	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 31"	103° 41' 32"	21° 38' 57"	103° 40' 07"	F-48-52-C
núi Hóc Luông	SV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 53"	103° 40' 19"					F-48-52-C
suối Kềm	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 23"	103° 40' 55"	21° 38' 23"	103° 40' 01"	F-48-52-C
bản Khoan	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 35"	103° 40' 01"					F-48-52-C
huổi Lạ	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 27"	103° 39' 19"	21° 36' 03"	103° 40' 44"	F-48-52-C
núi Lán Cu	SV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 59"	103° 38' 31"					F-48-52-C
núi Lán Lanh	SV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 46"	103° 41' 13"					F-48-52-C
bản Lóng	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 14"	103° 40' 29"					F-48-52-C
bản Lọng Đán	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 34"	103° 39' 22"					F-48-52-C
suối Lu	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 50"	103° 37' 58"	21° 40' 04"	103° 38' 48"	F-48-52-C
suối Muội	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 50"	103° 39' 56"	21° 39' 50"	103° 40' 01"	F-48-52-C
bản Nà Huổi	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 48"	103° 41' 16"					F-48-52-C
suối Nà Pín	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 05"	103° 42' 15"	21° 39' 45"	103° 41' 55"	F-48-52-C
bản Ngáy	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 29"	103° 39' 46"					F-48-52-C
bản Phiêng Luông	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 35"	103° 40' 18"					F-48-52-C
suối Pín	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 15"	103° 40' 41"	21° 38' 20"	103° 39' 59"	F-48-52-C
bản Pom Sinh	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 04"	103° 38' 17"					F-48-52-C
núi Pù Khoan	SV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 20"	103° 39' 09"					F-48-52-C
núi Pú Niều	SV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 53"	103° 40' 16"					F-48-52-C
bản Púa	DC	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 16"	103° 38' 12"					F-48-52-C
suối Púa	TV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 00"	103° 38' 43"	21° 39' 30"	103° 39' 37"	F-48-52-C
núi Tang Mỏ	SV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 18"	103° 37' 44"					F-48-52-C
núi Thăm Hiêm	SV	xã Chiềng Bàng	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 48"	103° 39' 25"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Ủn	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 19"	103° 41' 53"					F-48-52-C
suối Vía Cườn	TV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 36"	103° 39' 29"	21° 38' 01"	103° 39' 44"	F-48-52-C
bản Xe	DC	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 07"	103° 38' 20"					F-48-52-C
núi Yên Ngựa	SV	xã Chiềng Bằng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 03"	103° 38' 01"					F-48-52-C
núi Cầm Hối	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 57"	103° 39' 39"					F-48-52-A
bản Có Luồng	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 08"	103° 40' 08"					F-48-52-A
bản Có Nội	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 14"	103° 39' 15"					F-48-52-A
bản Co Que	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 56"	103° 41' 34"					F-48-52-A
núi Đông Phi Luồng	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 39"	103° 38' 07"					F-48-52-A
nậm Giòn	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 50' 10"	103° 41' 01"	21° 49' 53"	103° 39' 23"	F-48-52-A
núi Huổi Tau	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 13"	103° 36' 05"					F-48-52-A
bản Í Ta Bót	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 16"	103° 40' 35"					F-48-52-A
nậm Khăn	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 56' 56"	103° 37' 24"	21° 58' 40"	103° 39' 26"	F-48-52-A
bản Khẩu Pùm	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 01"	103° 40' 51"					F-48-52-A
bản Lọng Ó	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 05"	103° 39' 05"					F-48-52-A
bản Nà Mùn	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 41"	103° 37' 35"					F-48-52-A
bản Nậm Ngựa	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 54' 08"	103° 39' 56"					F-48-52-A
núi Nậm Ngựa	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 56' 39"	103° 40' 12"					F-48-52-A
bản Nậm Tấu	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 25"	103° 42' 31"					F-48-52-A
núi Nậm Tong	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 16"	103° 42' 01"					F-48-52-A
nậm Ngựa	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 52' 39"	103° 40' 22"	21° 56' 29"	103° 41' 13"	F-48-52-A
nậm Pát	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 54' 39"	103° 41' 06"	21° 54' 19"	103° 42' 05"	F-48-52-A
núi Pha Mó	SV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 59' 34"	103° 38' 59"					F-48-52-A
bản Phiêng Bay	DC	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 42"	103° 39' 22"					F-48-52-A
huổi Tau	TV	xã Chiềng Khay	H. Quỳnh Nhai			21° 58' 09"	103° 36' 31"	21° 57' 20"	103° 36' 43"	F-48-52-A
bản Ca	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 56"	103° 41' 29"					F-48-52-C
bản Cang	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 42"	103° 41' 30"					F-48-52-C
núi Có	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 00"	103° 40' 55"					F-48-52-C
núi Co Bả	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 11"	103° 42' 27"					F-48-52-C
bản Đông	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 52"	103° 40' 49"					F-48-52-C
bản Hán A	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 02"	103° 41' 45"					F-48-52-C
bản Hán B	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 51"	103° 41' 42"					F-48-52-C
bản Hậu	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 20"	103° 41' 03"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản He	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 22"	103° 40' 54"					F-48-52-C
bản Hua Lỳ	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 44"	103° 38' 22"					F-48-52-C
bản Hua Mường	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 28"	103° 41' 15"					F-48-52-C
núi Khau Tú	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 41"	103° 39' 26"					F-48-52-C
bản Khoang	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 37"	103° 41' 10"					F-48-52-C
núi Là Cầm	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 56"	103° 39' 17"					F-48-52-C
núi Là Lồm	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 14"	103° 38' 08"					F-48-52-C
núi Lồm Púa	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 31"	103° 38' 46"					F-48-52-C
bản Lỳ	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 54"	103° 38' 45"					F-48-52-C
bản Nà Hỷ	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 38"	103° 40' 27"					F-48-52-C
bản Nà Pát	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 42"	103° 41' 49"					F-48-52-C
núi Nậm Mây	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 36"	103° 40' 30"					F-48-52-C
bản Nang Cẩu	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 53"	103° 41' 06"					F-48-52-C
núi Pha Chiên	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 11"	103° 38' 47"					F-48-52-C
bản Phiang Tầu	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 22"	103° 39' 31"					F-48-52-C
núi Pom Bó	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 32"	103° 43' 20"					F-48-52-C
núi Pom Diên	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 22"	103° 39' 41"					F-48-52-C
núi Pú Hờa	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 10"	103° 41' 45"					F-48-52-C
núi Pú Lầu	SV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 53"	103° 40' 10"					F-48-52-C
bản Sắn	DC	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 04"	103° 38' 04"					F-48-52-C
nậm Sắn	TV	xã Chiềng Khoang	H. Quỳnh Nhai			21° 34' 09"	103° 38' 07"	21° 33' 25"	103° 39' 27"	F-48-52-C
quốc lộ 279	KX	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai			21° 43' 29"	103° 37' 36"	21° 40' 25"	103° 37' 24"	F-48-52-C
bản Ái	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 15"	103° 37' 12"					F-48-52-C
suoối Bàng	TV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai			21° 39' 02"	103° 46' 30"	21° 38' 26"	103° 45' 38"	F-48-52-C
núi Bồng Ngựa	SV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 45"	103° 41' 20"					F-48-52-C
sông Đà	TV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 20"	103° 35' 18"	21° 34' 14"	103° 48' 19"	F-48-52-C
núi Đá Mài	SV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 44' 35"	103° 36' 49"					F-48-52-C
núi Đá Đỏ	SV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 02"	103° 40' 01"					F-48-52-C
huối Đường	SV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 55"	103° 45' 47"					F-48-52-D
bản Hát Cù	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 01"	103° 38' 21"					F-48-52-C
bản Hát Lay	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 36"	103° 37' 48"					F-48-52-C
bản Kéo Pịa	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 15"	103° 38' 03"					F-48-52-C
suoối Khinh	TV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai			21° 41' 13"	103° 42' 17"	21° 39' 54"	103° 42' 41"	F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Léch	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 42"	103° 36' 10"					F-48-52-C
núi Loong Lầu	SV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 52"	103° 39' 36"					F-48-52-C
huối Mả	TV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai			21° 42' 28"	103° 40' 40"	21° 40' 11"	103° 40' 57"	F-48-52-C
suoối Mèo	TV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 08"	103° 47' 43"	21° 36' 57"	103° 46' 26"	F-48-52-C
núi Nam Pang	SV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 48"	103° 47' 42"					F-48-52-D
bản Nậm Uôn	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 13"	103° 37' 32"					F-48-52-C
núi Tát Ai	SV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 51"	103° 36' 53"					F-48-52-C
bản Van Pán	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 01"	103° 39' 55"					F-48-52-C
suoối Xe	TV	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai			21° 42' 13"	103° 39' 40"	21° 41' 04"	103° 38' 33"	F-48-52-C
bản Xe Ngoài	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 29"	103° 38' 51"					F-48-52-C
bản Xe Trong	DC	xã Chiềng Ôn	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 18"	103° 38' 33"					F-48-52-C
bản Bon	DC	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 25"	103° 34' 59"					F-48-52-A
núi Đán Cầu	SV	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 53' 03"	103° 35' 33"					F-48-52-A
núi Đán Luống	SV	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 56"	103° 35' 41"					F-48-52-A
bản Hé	DC	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 00"	103° 35' 04"					F-48-52-A
núi Hua Huối Nậm	SV	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 39"	103° 38' 48"					F-48-52-A
núi Huối Mu Lóng	SV	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 50' 19"	103° 38' 53"					F-48-52-A
suoối Nậm Chiến	TV	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai			21° 50' 21"	103° 34' 34"	21° 50' 21"	103° 33' 30"	F-48-52-A
suoối Nậm Nghi	TV	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai			21° 50' 12"	103° 37' 14"	21° 50' 21"	103° 34' 34"	F-48-52-A
núi Nậm Sắt	SV	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 46"	103° 34' 48"					F-48-52-A
suoối Nậm Sắt	TV	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai			21° 53' 01"	103° 35' 52"	21° 52' 10"	103° 34' 43"	F-48-52-A
bản Quyển	DC	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 51' 40"	103° 34' 37"					F-48-52-A
núi Tào Thạch	SV	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 41"	103° 34' 24"					F-48-52-A
núi Tung Chát	SV	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 52' 32"	103° 33' 59"					F-48-52-A
bản Tung Tầu	DC	xã Mường Chiến	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 46"	103° 35' 25"					F-48-52-A
đường tỉnh 107	KX	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai			21° 40' 25"	103° 37' 24"	21° 37' 50"	103° 38' 20"	F-48-52-C
bản Ai	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 27"	103° 34' 44"					F-48-52-C
bản Bùng	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 55"	103° 37' 36"					F-48-52-C
núi Chúng Cua	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 27"	103° 35' 01"					F-48-52-C
huối Có	TV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 59"	103° 35' 31"	21° 39' 20"	103° 36' 10"	F-48-52-C
bản Co Chai	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 46"	103° 36' 46"					F-48-52-C
bản Co Phát	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 00"	103° 36' 10"					F-48-52-C
bản Co Sắn	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 33"	103° 36' 36"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Da Lan	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 24"	103° 36' 03"					F-48-52-C
núi Da Lan	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 05"	103° 35' 49"					F-48-52-C
núi Đán Bông	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 51"	103° 36' 34"					F-48-52-C
bản Hóc	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 34"	103° 36' 05"					F-48-52-C
bản Hua Tát	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 43"	103° 37' 01"					F-48-52-C
núi Huổi Cuối	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 21"	103° 38' 29"					F-48-52-C
núi Huổi Cườm	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 00"	103° 33' 19"					F-48-52-C
pu Lao	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 20"	103° 36' 42"					F-48-52-C
núi Lặt	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 56"	103° 38' 25"					F-48-52-C
bản Lồm Khiêu A	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 53"	103° 33' 56"					F-48-52-C
bản Lồm Khiêu B	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 54"	103° 33' 52"					F-48-52-C
núi Lọng Co Gia	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 41"	103° 35' 16"					F-48-52-C
núi Mỏ Ten	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 11"	103° 37' 14"					F-48-52-C
Nậm Cươt	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 40"	103° 37' 11"					F-48-52-C
núi Năng Lương	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 56"	103° 34' 31"					F-48-52-C
bản Pắc Uôn	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 25"	103° 37' 27"					F-48-52-C
bản Phiêng Ban	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 30"	103° 34' 46"					F-48-52-C
bản Phiêng Bông	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 41' 46"	103° 40' 18"					F-48-52-C
bản Phiêng Lanh	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 30"	103° 37' 53"					F-48-52-C
bản Phiêng Nền 1	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 18"	103° 36' 46"					F-48-52-C
núi Phiêng Xía	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 13"	103° 37' 20"					F-48-52-C
huổi Phiêng Xía	TV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 02"	103° 36' 01"	21° 39' 25"	103° 36' 40"	F-48-52-C
núi Phổng Khen Hắc	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 32"	103° 35' 36"					F-48-52-C
bản Pôm Bề	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 31"	103° 35' 23"					F-48-52-C
bản Pôm Luồng	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 11"	103° 36' 07"					F-48-52-C
bản Pôm Mường	DC	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 04"	103° 35' 59"					F-48-52-C
núi Quan Đầu	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 09"	103° 34' 00"					F-48-52-C
núi Tai Tôm	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 30"	103° 35' 40"					F-48-52-C
núi Tạng Sơn	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 27"	103° 34' 03"					F-48-52-C
núi Thẩm Ến	SV	xã Mường Giàng	H. Quỳnh Nhai	21° 40' 47"	103° 36' 15"					F-48-52-C
quốc lộ 279	KX	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 48' 36"	103° 43' 47"	21° 44' 43"	103° 38' 55"	F-48-52-A
bản Báng Khoang	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 34"	103° 43' 16"					F-48-52-C
bản Bơ	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 45' 56"	103° 40' 09"					F-48-52-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Cáp Na	SV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 29"	103° 43' 40"					F-48-52-A
bản Cha Có	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 44' 48"	103° 43' 25"					F-48-52-C
huổi Co Ban	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 40"	103° 42' 40"	21° 44' 59"	103° 43' 28"	F-48-52-C
bản Co Liu	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 44' 01"	103° 40' 48"					F-48-52-C
huổi Co Phay	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 45' 42"	103° 44' 47"	21° 43' 55"	103° 43' 52"	F-48-52-A, F-48-52-C
bản Cút	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 45' 17"	103° 39' 30"					F-48-52-A
bản Giôn	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 47' 26"	103° 39' 49"					F-48-52-A
huổi Hát	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 43' 58"	103° 40' 26"	21° 44' 14"	103° 40' 47"	F-48-52-C
bản Huổi Mạn	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 11"	103° 43' 53"					F-48-52-C
bản Huổi Ngà	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 57"	103° 46' 36"					F-48-52-D
bản Huổi Tèo	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 40"	103° 41' 00"					F-48-52-A
bản Huổi Văn	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 47"	103° 45' 39"					F-48-52-D
huổi Ít Luông	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 45' 42"	103° 46' 16"	21° 44' 35"	103° 44' 47"	F-48-52-B
huổi Ít Nọi	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 45' 31"	103° 45' 03"	21° 44' 35"	103° 44' 47"	F-48-52-B
bản Kéo Ca	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 45' 40"	103° 47' 00"					F-48-52-B
núi Kéo Ca	SV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 47"	103° 38' 27"					F-48-52-A
huổi Khôm	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 42' 29"	103° 42' 27"	21° 42' 37"	103° 42' 54"	F-48-52-C
bản Khốp	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 10"	103° 39' 20"					F-48-52-A
bản Lọng Mới	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 39"	103° 40' 18"					F-48-52-C
huổi Mạn	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 14"	103° 40' 47"	21° 44' 24"	103° 41' 44"	F-48-52-C
huổi Mạn	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 35"	103° 44' 47"	21° 43' 01"	103° 44' 02"	F-48-52-C
huổi Mi	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 26"	103° 42' 37"	21° 44' 40"	103° 43' 21"	F-48-52-C
bản Nà Mạt	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 51"	103° 42' 22"					F-48-52-C
suối Nặm Giôn	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 49' 44"	103° 41' 25"	21° 40' 56"	103° 45' 18"	F-48-52-A, F-48-52-C
huổi Ngà	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 53"	103° 47' 48"	21° 42' 06"	103° 44' 37"	F-48-52-D, F-48-52-C
bản Pá Ngà	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 42' 21"	103° 44' 13"					F-48-52-C
bản Phiêng Mứt	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 47' 57"	103° 41' 50"					F-48-52-A
huổi Sái Luông	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 43' 17"	103° 47' 22"	21° 41' 25"	103° 45' 15"	F-48-52-D
huổi Ta Xăng	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 45' 47"	103° 44' 11"	21° 44' 18"	103° 43' 44"	F-48-52-A, F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Tra	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 46' 34"	103° 44' 34"	21° 43' 55"	103° 43' 52"	F-48-52-A
huổi Tung	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 47' 21"	103° 42' 51"	21° 45' 06"	103° 43' 38"	F-48-52-A
bản Tung Ngọng	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 25"	103° 41' 44"					F-48-52-C
huổi Văn	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 53"	103° 46' 35"	21° 42' 24"	103° 44' 08"	F-48-52-D, F-48-52-C
bản Xa	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 47' 58"	103° 39' 29"					F-48-52-A
bản Xanh	DC	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai	21° 46' 32"	103° 41' 23"					F-48-52-A
huổi Xanh	TV	xã Mường Giôn	H. Quỳnh Nhai			21° 48' 19"	103° 41' 12"	21° 45' 50"	103° 41' 28"	F-48-52-A
bản Ca	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 52"	103° 41' 04"					F-48-52-C
huổi Ca	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 55"	103° 41' 14"	21° 37' 38"	103° 40' 22"	F-48-52-C
bản Co Sắn	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 54"	103° 45' 03"					F-48-52-D
suối Còi	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 43"	103° 42' 42"	21° 37' 22"	103° 40' 31"	F-48-52-C
bản Còi A	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 08"	103° 41' 08"					F-48-52-C
bản Còi B	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 59"	103° 41' 17"					F-48-52-C
bản Hát Dọ A	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 25"	103° 42' 56"					F-48-52-C
bản Hát Dọ B	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 43"	103° 43' 02"					F-48-52-C
huổi Hòm	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 59"	103° 44' 36"	21° 38' 41"	103° 45' 01"	F-48-52-C
pu Hòn Cây	SV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 03"	103° 41' 45"					F-48-52-C
bản Huổi Tăm	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 30"	103° 44' 30"					F-48-52-C
bản Lì A	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 47"	103° 41' 01"					F-48-52-C
bản Lì B	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 56"	103° 40' 50"					F-48-52-C
bản Lái	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 32"	103° 40' 38"					F-48-52-C
huổi Mạ	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 43"	103° 42' 50"	21° 39' 25"	103° 43' 25"	F-48-52-C
bản Mãi	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 38"	103° 41' 04"					F-48-52-C
bản Muôn A	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 36"	103° 41' 10"					F-48-52-C
bản Muôn B	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 28"	103° 41' 19"					F-48-52-C
bản Muôn Sây	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 53"	103° 42' 40"					F-48-52-C
bản Nà Phi	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 59"	103° 44' 25"					F-48-52-C
bản Nhà Sây	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 40"	103° 42' 46"					F-48-52-C
bản Om	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 39"	103° 40' 51"					F-48-52-C
bản Pá Báng	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 39' 21"	103° 43' 14"					F-48-52-D
núi Sắn Trạng	SV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 38' 41"	103° 42' 22"					F-48-52-C
huổi Sô	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 15"	103° 42' 55"	21° 39' 16"	103° 43' 50"	F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tầm	SV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 57"	103° 44' 39"					F-48-52-D
huổi Tầm	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 28"	103° 44' 28"	21° 37' 07"	103° 46' 26"	F-48-52-C, F-48-52-D
núi Tôm	SV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 36"	103° 46' 53"					F-48-52-D
huổi Tôm	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 37' 21"	103° 44' 35"	21° 37' 24"	103° 46' 22"	F-48-52-C, F-48-52-D
bản Tôm A	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 30"	103° 44' 07"					F-48-52-C
bản Tôm B	DC	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai	21° 37' 14"	103° 44' 11"					F-48-52-C
huổi Trạng	TV	xã Mường Sại	H. Quỳnh Nhai			21° 38' 50"	103° 42' 36"	21° 39' 56"	103° 42' 17"	F-48-52-C
bản Bó Ún	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 32"	103° 47' 01"					F-48-52-D
bản Cà	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 15"	103° 42' 36"					F-48-52-C
bản Co	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 21"	103° 43' 44"					F-48-52-C
huổi Cùm	TV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai			21° 35' 45"	103° 45' 55"	21° 36' 55"	103° 46' 22"	F-48-52-D
bản Dọ A	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 08"	103° 42' 59"					F-48-52-C
bản Dọ B	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 34"	103° 42' 54"					F-48-52-C
nậm É	TV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai			21° 36' 10"	103° 42' 39"	21° 34' 03"	103° 48' 24"	F-48-52-C, F-48-52-D
bản Giảng	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 57"	103° 42' 48"					F-48-52-C
bản Hào	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 12"	103° 47' 19"					F-48-52-D
súổi Hòn	TV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai			21° 33' 49"	103° 43' 14"	21° 33' 49"	103° 42' 22"	F-48-52-C
núi Huổi Hòn	SV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 35"	103° 43' 36"					F-48-52-C
súổi Huổi Nọt	TV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai			21° 32' 54"	103° 47' 16"	21° 33' 06"	103° 47' 12"	F-48-52-D
núi Ít Quăn	SV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 22"	103° 42' 58"					F-48-52-C
Kéo Bấu	SV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 33"	103° 46' 44"					F-48-52-D
núi Kéo Hà	SV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 23"	103° 42' 13"					F-48-52-C
núi Khôm Kheo	SV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 18"	103° 42' 54"					F-48-52-C
huổi Làn	TV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai			21° 32' 34"	103° 46' 38"	21° 33' 11"	103° 46' 46"	F-48-52-D
bản Lạn	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 50"	103° 41' 48"					F-48-52-C
bản Lãng	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 17"	103° 47' 36"					F-48-52-D
huổi Lầu	TV	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai			21° 35' 41"	103° 46' 24"	21° 36' 09"	103° 46' 58"	F-48-52-D
bản Lốm	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 09"	103° 47' 25"					F-48-52-D
bản Lút	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 34"	103° 42' 06"					F-48-52-C
bản Muống	DC	xã Nậm É	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 06"	103° 44' 10"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nà Huổi	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 36' 12"	103° 42' 22"					F-48-52-C
núi Nà Phi	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 34"	103° 45' 12"					F-48-52-D
bản Nong	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 42"	103° 44' 44"					F-48-52-C
núi Nong Sam Tạng	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 11"	103° 44' 02"					F-48-52-C
bản Pá Ét	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 08"	103° 47' 37"					F-48-52-D
Pha Rào	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 07"	103° 45' 35"					F-48-52-D
núi Phòng Không	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 34"	103° 40' 36"					F-48-52-C
bản Pom Hân	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 10"	103° 46' 08"					F-48-52-D
sườn Pom Hân	TV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai			21° 35' 11"	103° 46' 37"	21° 35' 42"	103° 47' 28"	F-48-52-D
bản Pồng	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 35' 00"	103° 43' 08"					F-48-52-C
Pù Bàu	SV	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 32' 49"	103° 45' 19"					F-48-52-D
bản Săn	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 34' 04"	103° 38' 04"					F-48-52-C
bản Tôm	DC	xã Nậm Ét	H. Quỳnh Nhai	21° 33' 22"	103° 46' 24"					F-48-52-D
quốc lộ 279	KX	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 44' 43"	103° 38' 55"	21° 43' 29"	103° 37' 36"	F-48-52-C
nậm Ấm	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 46' 37"	103° 38' 25"	21° 45' 35"	103° 35' 28"	F-48-52-A
huổi Cồn	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 47' 03"	103° 35' 14"	21° 46' 05"	103° 35' 02"	F-48-52-A
sông Đà	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 46' 03"	103° 34' 56"	21° 44' 20"	103° 35' 18"	F-48-52-A
huổi Đón	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 43' 45"	103° 39' 01"	21° 43' 18"	103° 38' 08"	F-48-52-A
huổi Hề	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 42' 49"	103° 39' 18"	21° 43' 18"	103° 38' 08"	F-48-52-A
nậm Huổi Luông	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 49' 19"	103° 36' 27"	21° 46' 58"	103° 34' 22"	F-48-52-A
núi Huổi Ngu Hâu	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 06"	103° 34' 06"					F-48-52-A
pom Kẹm Tánh	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 26"	103° 37' 12"					F-48-52-A
pom Kéo Lý	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 49"	103° 36' 30"					F-48-52-A
sườn Khem	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 46' 51"	103° 37' 37"	21° 46' 59"	103° 36' 39"	F-48-52-A
bản Khoang	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 46' 58"	103° 35' 21"					F-48-52-A
bản Khừm	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 44' 23"	103° 38' 21"					F-48-52-C
bản Kịch	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 05"	103° 34' 53"					F-48-52-A
nậm Kịch	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 48' 30"	103° 36' 31"	21° 48' 03"	103° 34' 35"	F-48-52-A
bản Le	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 45' 28"	103° 36' 39"					F-48-52-A
sườn Le	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 45' 31"	103° 38' 01"	21° 45' 32"	103° 36' 13"	F-48-52-A
bản Máng	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 29"	103° 34' 54"					F-48-52-A
bản Pác Ma	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 46' 06"	103° 36' 07"					F-48-52-A
núi đá Pha Khinh	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 46' 13"	103° 34' 16"					F-48-52-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ôm Pù Tăng	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 49' 27"	103° 34' 49"					F-48-52-A
bản Pùm	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 38"	103° 34' 40"					F-48-52-A
phiêng Púng Càng	SV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 48' 20"	103° 36' 20"					F-48-52-A
súi Sàng	TV	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai			21° 46' 59"	103° 36' 39"	21° 45' 34"	103° 35' 20"	F-48-52-A
bản Tậu	DC	xã Pá Ma Pha Khinh	H. Quỳnh Nhai	21° 43' 43"	103° 37' 47"					F-48-52-C
tổ dân phố 1	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 2	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 3	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 4	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 10	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 11	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
tổ dân phố 12	DC	TT. Sông Mã	H. Sông Mã							
đường tỉnh 115	KX	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 16' 18"	103° 28' 02"	21° 14' 07"	103° 30' 21"	F-48-64-C; F-48-63-D
bản Bàng Mòn	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 14' 45"	103° 29' 25"					F-48-63-D
bản Bó Kheo	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 16' 59"	103° 28' 10"					F-48-63-B
bản Bó Sinh	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 18' 14"	103° 27' 15"					F-48-63-B
súi Bó Sinh	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 18' 14"	103° 28' 43"	21° 18' 01"	103° 27' 22"	F-48-63-B
bản Dạ	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 15' 51"	103° 28' 13"					F-48-63-B
pu Dạ	SV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 20' 51"	103° 26' 33"					F-48-63-B
bản Hìn Hụ	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 14' 14"	103° 30' 17"					F-48-64-C
pu Hìn Hụ	SV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 14' 42"	103° 30' 52"					F-48-64-C
súi Hìn Hụ	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 15' 09"	103° 30' 50"	21° 14' 12"	103° 30' 14"	F-48-64-A, F-48-64-C
pu Hòm	SV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 19' 39"	103° 25' 06"					F-48-63-B
súi Hua Dấu	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 16' 09"	103° 29' 57"	21° 15' 48"	103° 28' 57"	F-48-63-B
bản Huổi Tinh	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 20' 21"	103° 26' 37"					F-48-63-B
sông Mã	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 19' 37"	103° 25' 53"	21° 13' 15"	103° 31' 25"	F-48-63-B, F-48-64-A, F-48-63-D; F-48-64-C
bản Nà Niêng	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 17' 57"	103° 28' 57"					F-48-63-B
súi Nậm Hay	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 19' 44"	103° 28' 19"	21° 19' 53"	103° 27' 42"	F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sườn Nậm Tinh	TV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã			21° 20' 36"	103° 28' 39"	21° 19' 53"	103° 27' 42"	F-48-63-B
bản Ngáy	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 14' 03"	103° 30' 55"					F-48-64-C
bản Nong	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 13' 52"	103° 27' 54"					F-48-63-D
bản Pá Khoang	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 14' 03"	103° 32' 17"					F-48-64-C
Pác Ma	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 18' 52"	103° 26' 08"					F-48-63-B
bản Pát	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 13' 57"	103° 28' 47"					F-48-63-D
pu Pha Hay	SV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 19' 17"	103° 28' 10"					F-48-63-B
bản Phổng 1	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 15' 45"	103° 28' 53"					F-48-63-B
bản Phổng 2	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 15' 15"	103° 28' 58"					F-48-63-B
bản Thảm Sét	DC	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 19' 03"	103° 27' 43"					F-48-63-B
pu Tông Lạ	SV	xã Bó Sinh	H. Sông Mã	21° 18' 14"	103° 26' 21"					F-48-63-B
quốc lộ 4G	KX	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			20° 59' 17"	103° 49' 01"	20° 56' 29"	103° 55' 12"	F-48-64-D
bản Anh Dũng	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 34"	103° 51' 03"					F-48-76-B+D
bản Anh Trung	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 07"	103° 51' 22"					F-48-76-B+D
bản Bằng Lặc	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 45"	103° 53' 04"					F-48-76-B+D
núi Bia Lỗ	SV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 47"	103° 53' 52"					F-48-64-D
bản Bó Bon	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 03"	103° 52' 45"					F-48-76-B+D
bản Bó Lạ	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 59' 14"	103° 52' 37"					F-48-76-B+D
bản Cang	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 43"	103° 55' 33"					F-48-76-B+D
bản Chiềng Cang	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 16"	103° 52' 46"					F-48-76-B+D
bản Chiềng Xôm	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 02"	103° 54' 32"					F-48-76-B+D
sườn Chiềng Xôm	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			20° 59' 49"	103° 55' 38"	20° 57' 44"	103° 54' 46"	F-48-76-B+D
bản Có	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 59' 19"	103° 55' 38"					F-48-76-B+D
bản Co Tông	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 59' 03"	103° 57' 18"					F-48-76-B+D
bản Cù	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 02"	103° 55' 27"					F-48-76-B+D
huổi Dáng	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 02' 27"	103° 54' 11"	21° 00' 47"	103° 55' 49"	F-48-64-D
bản Hán	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 00' 06"	103° 52' 31"					F-48-64-D
bản Hát Sét	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 55"	103° 50' 35"					F-48-76-B+D
bản Hin Phôn	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 13"	103° 53' 02"					F-48-76-B+D
bản Hong Ngáy	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 56' 52"	103° 54' 54"					F-48-76-B+D
bản Hua Tát	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 01' 40"	103° 52' 14"					F-48-64-D
huổi Hua Tát	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 02' 32"	103° 53' 12"	21° 01' 37"	103° 52' 08"	F-48-64-D
bản Huổi Cướng	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 28"	103° 50' 11"					F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Dáng	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 34"	103° 54' 27"					F-48-64-D
suối Huổi Mỏ	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 00' 32"	103° 54' 22"	20° 57' 44"	103° 54' 46"	F-48-64-D, F-48-76-B+D
bản Huổi Sô	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 25"	103° 54' 36"					F-48-76-B+D
bản Huổi Tào	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 00' 20"	103° 57' 01"					F-48-64-D
núi Huổi Tào	SV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 45"	103° 56' 18"					F-48-64-D
bản Lì Lót	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 32"	103° 51' 55"					F-48-64-D
bản Kiến Lâm	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 01"	103° 52' 08"					F-48-76-B+D
bản Lầu Mường	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 10"	103° 54' 20"					F-48-76-B+D
bản Mỏ	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 03"	103° 54' 54"					F-48-76-B+D
bản Nà Bon	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 59' 45"	103° 52' 22"					F-48-76-B+D
bản Nà Cù	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 59' 26"	103° 52' 23"					F-48-76-B+D
bản Nà Hỳ	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 15"	103° 53' 02"					F-48-76-B+D
bản Nà Khún	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 35"	103° 52' 45"					F-48-76-B+D
bản Nà Tỷ	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 05"	103° 54' 33"					F-48-76-B+D
bản Nhạp	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 53"	103° 49' 41"					F-48-76-B+D
huổi Nhọt Có	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 01' 18"	103° 53' 57"	20° 59' 54"	103° 52' 13"	F-48-64-D, F-48-76-B+D
pu Nhọt Dáng	SV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 50"	103° 54' 36"					F-48-64-D
bản Pá Nỏ	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 02' 36"	103° 53' 46"					F-48-64-D
bản Ta Tạng	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 46"	103° 54' 43"					F-48-76-B+D
huổi Tào	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 02' 41"	103° 56' 59"	21° 00' 47"	103° 55' 49"	F-48-64-D
bản Thôn	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 00' 24"	103° 55' 41"					F-48-64-D
bản Tiên Cang	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 20"	103° 54' 44"					F-48-76-B+D
bản Tin Tát	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 01' 06"	103° 52' 02"					F-48-64-D
bản Tre	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 00' 31"	103° 52' 14"					F-48-64-D
huổi Tre	TV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã			21° 01' 37"	103° 52' 08"	20° 56' 51"	103° 53' 06"	F-48-64-D, F-48-76-B+D
bản Trung Châu	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 58' 42"	103° 50' 01"					F-48-76-B+D
bản Trung Dống	DC	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	20° 57' 50"	103° 50' 46"					F-48-76-B+D
núi Xi Lô	SV	xã Chiềng Cang	H. Sông Mã	21° 00' 28"	103° 50' 25"					F-48-64-D
đường tỉnh 115	KX	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 14' 07"	103° 30' 21"	21° 12' 21"	103° 32' 49"	F-48-64-C
huổi Cang	TV	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 11' 19"	103° 31' 50"	21° 11' 46"	103° 31' 18"	F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Co Muông	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 13' 29"	103° 29' 38"					F-48-63-D
bản Co Tông	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 13' 01"	103° 29' 17"					F-48-63-D
bản Hua Lũng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 10' 28"	103° 29' 19"					F-48-63-D
bản Hua Pát	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 08"	103° 26' 36"					F-48-63-D
bản Huổi Ến	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 39"	103° 32' 31"					F-48-64-C
bản Huổi Pàn	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 04"	103° 32' 21"					F-48-64-C
bản Huổi Púng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 13' 02"	103° 30' 25"					F-48-63-D
pu Lọc Cốc	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 10' 27"	103° 27' 19"					F-48-63-D
bản Lọng Sây	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 32"	103° 27' 33"					F-48-63-D
bản Lũng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 43"	103° 30' 33"					F-48-64-C
bản Mới	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 09"	103° 31' 43"					F-48-64-C
bản Nà Bó	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 43"	103° 26' 38"					F-48-63-D
bản Nà Lằng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 51"	103° 31' 26"					F-48-64-C
súoi Nậm Lằng	TV	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 13' 32"	103° 32' 42"	21° 12' 38"	103° 32' 00"	F-48-64-C
súoi Nậm Lũng	TV	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 10' 39"	103° 28' 15"	21° 12' 27"	103° 32' 05"	F-48-64-C, F-48-63-D
súoi Nậm Pát	TV	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 10' 45"	103° 26' 33"	21° 13' 32"	103° 27' 03"	F-48-63-D
huổi Ngá	TV	xã Chiềng En	H. Sông Mã			21° 12' 01"	103° 29' 51"	21° 11' 33"	103° 30' 31"	F-48-64-C, F-48-63-D
pu Pa Khóm Bom	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 06"	103° 28' 08"					F-48-63-D
bản Pá Lũng	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 27"	103° 32' 01"					F-48-64-C
bản Pá Ni	DC	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 48"	103° 32' 01"					F-48-64-C
núi Phả Vi	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 01"	103° 26' 30"					F-48-63-D
pu Pú Bó	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 12' 17"	103° 30' 47"					F-48-64-C
pu Sang Lớn	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 13' 36"	103° 32' 07"					F-48-64-C
pu Sang Nhỏ	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 13' 30"	103° 32' 57"					F-48-64-C
núi Xen Lạt	SV	xã Chiềng En	H. Sông Mã	21° 11' 25"	103° 28' 45"					F-48-63-D
đường tỉnh 105	KX	xã Chiềng Khoang	H. Sông Mã			21° 02' 00"	103° 45' 19"	20° 59' 17"	103° 49' 01"	F-48-64-D, F-48-76-B+D
bản Bó Chạy	DC	xã Chiềng Khoang	H. Sông Mã	21° 02' 58"	103° 50' 44"					F-48-64-D
bản Bon	DC	xã Chiềng Khoang	H. Sông Mã	21° 02' 09"	103° 48' 24"					F-48-64-D
bản Búa Cóp	DC	xã Chiềng Khoang	H. Sông Mã	21° 03' 11"	103° 49' 21"					F-48-64-D
bản Bướm Ô	DC	xã Chiềng Khoang	H. Sông Mã	21° 03' 46"	103° 48' 23"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lâm trường C1	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 58' 55"	103° 48' 29"					F-48-76-B+D
lâm trường C2	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 39"	103° 49' 13"					F-48-64-D
lâm trường C4	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 31"	103° 47' 56"					F-48-64-D
bản Cang Nưa	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 21"	103° 47' 32"					F-48-64-D
bản Chiên	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 14"	103° 48' 03"					F-48-64-D
bản Co Bay	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 57' 34"	103° 48' 00"					F-48-76-B+D
bản Co Hay	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 57' 43"	103° 48' 11"					F-48-76-B+D
bản Co Pô	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 50"	103° 46' 30"					F-48-64-D
bản Hải Sơn 1	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 16"	103° 46' 00"					F-48-64-D
bản Hải Sơn 2	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 00"	103° 46' 03"					F-48-64-D
bản Hát Lay	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 28"	103° 46' 03"					F-48-64-D
bản Hoàng Mã	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 21"	103° 46' 48"					F-48-64-D
bản Hồng Nam	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 59' 25"	103° 48' 44"					F-48-76-B+D
bản Hua Na	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 15"	103° 46' 57"					F-48-64-D
bản Huổi Bô	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 37"	103° 48' 33"					F-48-64-D
sước Huổi Hào	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 02' 57"	103° 50' 53"	21° 00' 51"	103° 47' 48"	F-48-64-D
bản Huổi Hào	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 03"	103° 50' 03"					F-48-64-D
bản Huổi Mòn	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 59' 23"	103° 45' 11"					F-48-76-B+D
bản Huổi Nóng	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 09"	103° 46' 45"					F-48-64-D
bản ít Lốc	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 52"	103° 49' 23"					F-48-64-D
bản Khoong Tợ	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 45"	103° 46' 44"					F-48-64-D
bản Lê	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 50"	103° 48' 07"					F-48-64-D
bản Liên Phương	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 54"	103° 47' 21"					F-48-64-D
bản Lướt	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 40"	103° 47' 36"					F-48-64-D
sông Mã	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 02' 06"	103° 45' 18"	20° 58' 56"	103° 48' 58"	F-48-64-D, F-48-76-B+D
bản Mé Lười	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 35"	103° 46' 36"					F-48-64-D
bản Mòi	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 59' 33"	103° 48' 15"					F-48-76-B+D
sước Mòn	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			20° 58' 48"	103° 46' 06"	20° 59' 11"	103° 48' 27"	F-48-76-B+D
bản Na Mền	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 21"	103° 46' 33"					F-48-64-D
bản Nà Ngập	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 03' 46"	103° 50' 34"					F-48-64-D
bản Nậm Soi	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 58' 23"	103° 48' 58"					F-48-76-B+D
bản Nộc Kỳ	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 03' 47"	103° 48' 58"					F-48-64-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pá Ban	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 07"	103° 46' 02"					F-48-64-D
bản Pá Có	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 49"	103° 46' 38"					F-48-64-D
bản Pá Khôm	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 53"	103° 49' 51"					F-48-64-D
bản Pá Luông	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 30"	103° 47' 01"					F-48-64-D
bản Phiêng Xim	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 32"	103° 47' 41"					F-48-64-D
bản Pin	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	20° 59' 42"	103° 48' 36"					F-48-76-B+D
núi Pu Sô	SV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 05' 02"	103° 47' 56"					F-48-64-D
bản Púng	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 02' 02"	103° 47' 04"					F-48-64-D
súoi Púng	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 03' 58"	103° 47' 46"	21° 02' 01"	103° 46' 49"	F-48-64-D
bản Púng Kiềng	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 36"	103° 47' 05"					F-48-64-D
súoi Sỏi	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			20° 57' 23"	103° 47' 39"	20° 58' 52"	103° 48' 48"	F-48-76-B+D
bản Ta Hay	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 03' 26"	103° 48' 25"					F-48-64-D
bản Tân Hưng	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 16"	103° 48' 24"					F-48-64-D
bản Xi Lô	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 00' 49"	103° 50' 16"					F-48-64-D
súoi Xim	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 03' 35"	103° 49' 38"	21° 00' 51"	103° 47' 48"	F-48-64-D
huối Xôm	TV	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã			21° 00' 04"	103° 49' 37"	20° 59' 41"	103° 48' 26"	F-48-76-B+D, F-48-64-D
bản Xong Phan	DC	xã Chiềng Khoong	H. Sông Mã	21° 01' 34"	103° 47' 01"					F-48-64-D
Đồn Biên phòng 457	KX	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 18"	103° 58' 08"					F-48-76-B+D
đường tỉnh 4G	KX	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 56' 29"	103° 55' 12"	20° 57' 03"	104° 00' 10"	F-48-77-A, F-48-76-B+D
bản Bó	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 56' 10"	103° 55' 20"					F-48-76-B+D
bản Búa	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 01"	103° 57' 52"					F-48-76-B+D
bản Chiềng Khương	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 54' 59"	103° 58' 49"					F-48-76-B+D
cửa khẩu Chiềng Khương	KX	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 02"	103° 58' 24"					F-48-76-B+D
bản Cỏ	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 08"	103° 57' 27"					F-48-76-B+D
núi Co Mun	KX	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 54' 13"	103° 56' 15"					F-48-76-B+D
bản Híp	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 19"	103° 56' 28"					F-48-76-B+D
bản Hưng Hà	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 48"	103° 57' 10"					F-48-76-B+D
súoi Huối Bó	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 55' 50"	103° 54' 26"	20° 56' 25"	103° 55' 10"	F-48-76-B+D
súoi Huối Híp	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 58' 00"	103° 56' 58"	20° 55' 12"	103° 56' 18"	F-48-76-B+D
súoi Huối La	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 55' 06"	103° 54' 26"	20° 55' 33"	103° 55' 54"	F-48-76-B+D
súoi Huối Mo	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 56' 05"	104° 02' 18"	20° 55' 55"	104° 00' 08"	F-48-77-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
bản Huổi Nương	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 58"	103° 58' 08"						F-48-76-B+D
suối Huổi Nương	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 58' 03"	103° 57' 37"	20° 55' 07"	103° 57' 33"		F-48-76-B+D
suối Huổi Pốp	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 56' 42"	104° 01' 58"	20° 56' 51"	104° 00' 14"		F-48-77-A
mường Hữu Nghị	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 54' 43"	103° 58' 48"	20° 54' 50"	103° 59' 20"		F-48-76-B+D
núi Kéo Càn	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 58' 15"	103° 57' 06"						F-48-76-B+D
dãy núi Kéo Càn	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 57' 45"	103° 56' 28"						F-48-76-B+D
bản Khương Tiên	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 23"	103° 58' 09"						F-48-76-B+D
bản Là	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 33"	103° 55' 34"						F-48-76-B+D
bản Liên Hồng	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 56' 55"	104° 00' 17"						F-48-77-A
sông Mã	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 56' 25"	103° 55' 10"	20° 54' 42"	103° 58' 26"		F-48-76-B+D
bản Mo	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 59"	104° 00' 03"						F-48-76-B+D
suối Nậm Lẹ	TV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã			20° 57' 07"	104° 00' 16"	20° 54' 42"	103° 58' 26"		F-48-77-A, F-48-76-B+D
núi Pá Nỏ	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 56' 09"	103° 54' 14"						F-48-76-B+D
bản Phụ	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 17"	103° 56' 48"						F-48-76-B+D
núi Pom Tọ	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 28"	103° 56' 41"						F-48-76-B+D
núi Pu Huổi Púng	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 56' 50"	103° 58' 59"						F-48-76-B+D
núi Pu Nhen	SV	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 56' 49"	103° 55' 25"						F-48-76-B+D
bản Pục	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 28"	103° 59' 22"						F-48-76-B+D
bản Puông	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 05"	103° 56' 28"						F-48-76-B+D
bản Quyết Thắng	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 11"	103° 57' 16"						F-48-76-B+D
bản Tân Lập	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 27"	103° 58' 00"						F-48-76-B+D
bản Thống Nhất	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 21"	103° 56' 38"						F-48-76-B+D
bản Tiến Sơn	DC	xã Chiềng Khương	H. Sông Mã	20° 55' 43"	103° 56' 02"						F-48-76-B+D
núi Biều Đò	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 32"	103° 34' 41"						F-48-64-A
bản Bú	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 58"	103° 35' 00"						F-48-64-C
bản Chéo	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 25"	103° 34' 39"						F-48-64-A
dãy núi Cò Châu	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 18"	103° 34' 55"						F-48-64-C
bản Co Khương	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 22"	103° 35' 29"						F-48-64-C
bản Cú Bú	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 48"	103° 35' 14"						F-48-64-C
bản Hua Và	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 29"	103° 33' 45"						F-48-64-A
suối Huổi Ban	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 17' 10"	103° 38' 11"	21° 15' 14"	103° 37' 26"		F-48-64-A
bản Huổi Lầy	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 13' 57"	103° 38' 31"						F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Huổi Ngập	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 18' 33"	103° 35' 31"	21° 17' 14"	103° 35' 40"	F-48-64-A
suối Huổi Tằng	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 15' 56"	103° 39' 38"	21° 15' 16"	103° 38' 03"	F-48-64-A
bản Huổi Tư	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 55"	103° 34' 28"					F-48-64-A
núi Kéo Co Ban	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 17' 16"	103° 34' 40"					F-48-64-A
núi Lán Lanh	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 43"	103° 38' 55"					F-48-64-C
bản Nà Lạt	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 17"	103° 37' 23"					F-48-64-A
bản Nà Sáng	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 03"	103° 37' 40"					F-48-64-C
suối Nậm Kim	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 17' 34"	103° 36' 17"	21° 17' 00"	103° 35' 51"	F-48-64-A
suối Nậm Lạt	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 16' 16"	103° 38' 47"	21° 15' 16"	103° 38' 03"	F-48-64-A
suối Nậm Pìn	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 17' 11"	103° 34' 23"	21° 16' 19"	103° 36' 00"	F-48-64-A
suối Nậm Và	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 17' 13"	103° 32' 57"	21° 15' 28"	103° 34' 32"	F-48-64-A
bản Nong Xỏ	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 45"	103° 38' 47"					F-48-64-C
bản Nuốt	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 34"	103° 35' 56"					F-48-64-A
bản Pà Trá	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 07"	103° 36' 25"					F-48-64-C
bản Phiềng Chiềng	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 53"	103° 36' 16"					F-48-64-A
hang Phiềng Chiềng	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 57"	103° 36' 09"					F-48-64-A
bản Pìn	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 17"	103° 36' 27"					F-48-64-A
núi Pu Che	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 18"	103° 36' 25"					F-48-64-C
núi Pu Luông	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 37"	103° 36' 44"					F-48-64-A
núi Pu Mây	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 59"	103° 35' 12"					F-48-64-A
núi Pu Nghịu	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 54"	103° 37' 41"					F-48-64-C
núi Sam Sầu	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 13' 33"	103° 36' 03"					F-48-64-C
bản Sòng Cờn	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 17' 11"	103° 35' 34"					F-48-64-A
núi Tát Ten	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 46"	103° 34' 29"					F-48-64-A
núi Tau Cay	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 14' 48"	103° 34' 24"					F-48-64-C
bản Ten	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 49"	103° 36' 01"					F-48-64-A
núi Thăm Hinh	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 17' 26"	103° 38' 06"					F-48-64-A
hồ Thăm Lồm	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 17' 13"	103° 35' 07"					F-48-64-A
núi Trống Chùa Ta	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 17' 29"	103° 32' 57"					F-48-64-A
núi Trụ Khẩu	SV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 15' 53"	103° 34' 11"					F-48-64-A
bản Vàng	DC	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã	21° 16' 22"	103° 36' 44"					F-48-64-A
suối Xỏ Cỏ	TV	xã Chiềng Phung	H. Sông Mã			21° 17' 56"	103° 35' 45"	21° 17' 14"	103° 35' 40"	F-48-64-A
đường tỉnh 115	KX	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 09' 10"	103° 36' 53"	21° 06' 57"	103° 40' 42"	F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bon	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 27"	103° 37' 26"					F-48-64-C
bản Còng	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 21"	103° 38' 01"					F-48-64-C
huổi Địn	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 07' 15"	103° 36' 37"	21° 07' 24"	103° 37' 48"	F-48-64-C
bản Đưa	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 05"	103° 37' 52"					F-48-64-C
huổi Hịa	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 07' 28"	103° 37' 52"	21° 08' 08"	103° 38' 12"	F-48-64-C
bản Huổi Cát	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 06' 50"	103° 37' 55"					F-48-64-C
bản Huổi Hịa	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 06' 24"	103° 37' 00"					F-48-64-C
pu Huổi Luẩn	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 05' 53"	103° 39' 29"					F-48-64-C
nậm Khoa	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 06' 06"	103° 36' 56"	21° 07' 28"	103° 37' 52"	F-48-64-C
huổi Luẩn	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 06' 02"	103° 39' 13"	21° 07' 28"	103° 39' 18"	F-48-64-C
bản Luẩn 1	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 43"	103° 38' 32"					F-48-64-C
bản Luẩn 2	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 53"	103° 38' 58"					F-48-64-C
sông Mã	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 09' 12"	103° 36' 55"	21° 07' 02"	103° 40' 49"	F-48-64-C
pu Má Bầu Nội	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 36"	103° 36' 45"					F-48-64-C
pu Má Bầu Ồ	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 04"	103° 36' 28"					F-48-64-C
bản Măm	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 49"	103° 38' 17"					F-48-64-C
bản Nà Cản 1	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 00"	103° 39' 32"					F-48-64-C
bản Nà Cản 2	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 06' 40"	103° 39' 35"					F-48-64-C
bản Nà Lốc	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 09' 40"	103° 37' 25"					F-48-64-C
bản Nà Sặng	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 23"	103° 40' 36"					F-48-64-C
bản Nà Tọ	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 06' 56"	103° 40' 26"					F-48-64-C
pu Nôm	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 54"	103° 39' 59"					F-48-64-C
huổi Phạ	TV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã			21° 08' 04"	103° 37' 18"	21° 08' 20"	103° 37' 46"	F-48-64-C
bản Phiềng Pe	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 09' 09"	103° 37' 23"					F-48-64-C
bản Phiềng Xa	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 20"	103° 38' 46"					F-48-64-C
bản Quảng Tiến	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 55"	103° 37' 07"					F-48-64-C
bản Sài Lương 1	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 05' 48"	103° 37' 22"					F-48-64-C
bản Sài Lương 2	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 05' 44"	103° 37' 03"					F-48-64-C
bản Tân Tiến	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 28"	103° 37' 56"					F-48-64-C
bản Ten Ủ	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 27"	103° 40' 24"					F-48-64-C
núi Ten Ủ	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 09' 03"	103° 40' 29"					F-48-64-C
núi Ten Ủ Dưới	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 08' 13"	103° 40' 46"					F-48-64-C
pu Thẩm Tông	SV	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 09' 18"	103° 39' 54"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thắng Lợi	DC	xã Chiềng Sơ	H. Sông Mã	21° 07' 10"	103° 39' 07"					F-48-64-C
pu Co	SV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 00"	103° 26' 14"					F-48-63-D
nặm Con	TV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã			21° 09' 27"	103° 29' 58"	21° 10' 35"	103° 32' 34"	F-48-64-C
bản Cù	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 23"	103° 32' 05"					F-48-64-C
bản Đuéra Luông	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 54"	103° 31' 41"					F-48-64-C
bản Đuéra Mòn	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 05"	103° 31' 22"					F-48-64-C
huổi Hia	TV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã			21° 06' 22"	103° 28' 14"	21° 07' 06"	103° 27' 17"	F-48-63-D
bản Hin Pén	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 08' 05"	103° 27' 19"					F-48-63-D
bản Hua Phảng	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 06' 23"	103° 24' 52"					F-48-63-D
bản Hua Thổng	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 07' 48"	103° 24' 58"					F-48-63-D
bản Huổi Lành	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 29"	103° 32' 26"					F-48-64-C
bản Huổi Lếch 2	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 06' 11"	103° 28' 38"					F-48-63-D
bản Huổi Pát	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 06' 47"	103° 26' 24"					F-48-63-D
bản Huổi Phảng	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 07' 22"	103° 26' 00"					F-48-63-D
pu Kéo Can	SV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 13"	103° 28' 00"					F-48-63-D
pu Kéo Mặn	SV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 50"	103° 29' 17"					F-48-63-D
pu Lọng Bàng	SV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 04' 53"	103° 28' 19"					F-48-63-D
bản Nà Lốc	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 57"	103° 30' 49"					F-48-64-C
bản Nà Tấu 1	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 05' 02"	103° 26' 26"					F-48-63-D
bản Nà Tấu 2	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 05' 23"	103° 26' 13"					F-48-63-D
núi Nặm Ủn	SV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 03"	103° 26' 59"					F-48-63-D
bản Ngam Trạng	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 03' 50"	103° 27' 34"					F-48-63-D
núi Ngam Trạng	SV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 04' 27"	103° 27' 16"					F-48-63-D
pu Nộc Cốc	SV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 27"	103° 27' 19"					F-48-63-D
bản Nộc Cốc 1	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 43"	103° 27' 10"					F-48-63-D
bản Nộc Cốc 2	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 00"	103° 27' 32"					F-48-63-D
huổi Pát	TV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã			21° 05' 55"	103° 25' 21"	21° 06' 53"	103° 27' 01"	F-48-63-D
bản Phá Thổng	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 03"	103° 26' 14"					F-48-63-D
huổi Phảng	TV	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã			21° 06' 29"	103° 24' 56"	21° 07' 11"	103° 25' 42"	F-48-63-D
bản Phiêng Nồng	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 10' 17"	103° 31' 28"					F-48-64-C
bản Púng Bàng	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 05' 02"	103° 25' 31"					F-48-63-D
bản Púng Núa	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 09' 13"	103° 28' 58"					F-48-63-D
bản Tạng Són	DC	xã Đuéra Mòn	H. Sông Mã	21° 08' 06"	103° 31' 07"					F-48-63-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huỗi Tàu	TV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã			21° 05' 01"	103° 26' 15"	21° 06' 16"	103° 26' 41"	F-48-63-D
nậm Thông	TV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã			21° 09' 01"	103° 24' 56"	21° 09' 27"	103° 29' 58"	F-48-63-D
bản Tía	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 08' 52"	103° 27' 03"					F-48-63-D
bản Trà Lầy	DC	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã	21° 08' 58"	103° 29' 56"					F-48-63-D
huỗi Trà Lầy	TV	xã Đứa Mòn	H. Sông Mã			21° 07' 55"	103° 29' 17"	21° 09' 27"	103° 29' 58"	F-48-63-D
đường tỉnh 105	KX	xã Huổi Một	H. Sông Mã			20° 59' 30"	103° 38' 37"	21° 02' 27"	103° 44' 23"	F-48-64-C, F-48-76-A
pu An Mạ Púng Bề	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 56"	103° 43' 18"					F-48-64-C
bản Bàng Búng	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 23"	103° 41' 55"					F-48-64-C
bản Cang Cói	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 54"	103° 39' 26"					F-48-64-C
pu Co Hinh	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 19"	103° 39' 03"					F-48-64-C
bản Co Kiếng	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 00"	103° 42' 16"					F-48-64-C
huỗi Co Kiếng	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			21° 00' 20"	103° 42' 32"	21° 02' 17"	103° 42' 15"	F-48-64-C
huỗi Co Mạ	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			21° 01' 38"	103° 37' 52"	21° 01' 11"	103° 39' 27"	F-48-64-C
bản Co Mạ A	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 13"	103° 38' 58"					F-48-64-C
bản Co Mạ B	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 15"	103° 39' 16"					F-48-64-C
nậm Còng	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			20° 59' 32"	103° 38' 31"	21° 02' 27"	103° 44' 38"	F-48-76-A, F-48-64-C
pu Cóp Mường	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 38"	103° 34' 30"					F-48-64-C
pu Đen Đin	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 10"	103° 37' 28"					F-48-64-C
bản Hợp Tiến	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 20"	103° 43' 11"					F-48-64-C
pu Hua Huổi	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 36"	103° 35' 29"					F-48-64-C
pu Huổi Cài	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 18"	103° 36' 26"					F-48-64-C
bản Huổi Pán	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	20° 59' 53"	103° 43' 41"					F-48-76-A
bản Kéo	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 08"	103° 44' 45"					F-48-64-C
pu Kéo Nghiêu	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 04"	103° 42' 20"					F-48-64-C
bản Khuạ Họ	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 50"	103° 39' 03"					F-48-64-C
cầu Khuạ Họ	KX	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 50"	103° 39' 10"					F-48-64-C
bản Lọng Mản	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 57"	103° 44' 49"					F-48-64-C
bản Nà Hạ	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 51"	103° 43' 28"					F-48-64-C
bản Nà Nghiêu	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 15"	103° 41' 23"					F-48-64-C
bản Nậm Pù A	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 12"	103° 41' 12"					F-48-64-C
bản Nậm Pù B	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 15"	103° 40' 17"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Nậm Sáu	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 16"	103° 37' 51"					F-48-64-C
pu Nghiêu	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 04' 11"	103° 41' 04"					F-48-64-C
bản Nong Ke	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 46"	103° 37' 02"					F-48-64-C
bản Pá Công	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 06"	103° 44' 17"					F-48-64-C
bản Pá Mẩn	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 36"	103° 41' 25"					F-48-64-C
bản Pa Tét	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 17"	103° 38' 42"					F-48-64-C
pu Pa Tét	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 06"	103° 34' 03"					F-48-64-C
huổi Pa Tét	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			21° 00' 39"	103° 37' 51"	21° 00' 17"	103° 38' 53"	F-48-64-C
pu Pa Tét Nội	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 02' 16"	103° 35' 13"					F-48-64-C
bản Pàn	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 38"	103° 44' 11"					F-48-64-C
huổi Pàn	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			21° 00' 16"	103° 44' 01"	21° 01' 47"	103° 43' 53"	F-48-64-C
huổi Phát Thổng	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			20° 58' 38"	103° 41' 37"	21° 01' 25"	103° 40' 23"	F-48-64-C, F-48-76-A
nậm Pù	TV	xã Huổi Một	H. Sông Mã			21° 02' 57"	103° 35' 48"	21° 01' 56"	103° 40' 56"	F-48-64-C
pu Púng Chu	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 10"	103° 38' 46"					F-48-64-C
bản Ta Hốc	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 01' 20"	103° 39' 41"					F-48-64-C
pu Ta Sả	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 53"	103° 41' 49"					F-48-64-C
bản Túp Phạ A	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	20° 59' 36"	103° 40' 25"					F-48-76-A
bản Túp Phạ B	DC	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 00' 08"	103° 39' 38"					F-48-64-C
pu Xe Tót	SV	xã Huổi Một	H. Sông Mã	21° 03' 16"	103° 39' 46"					F-48-64-C
bản Bon	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	21° 02' 09"	103° 48' 24"					F-48-64-D
bản Bướm Ổ	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	21° 03' 46"	103° 48' 23"					F-48-64-D
bản Bướm Pàn	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 49"	103° 47' 02"					F-48-76-B+D
huổi Co	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 55' 46"	103° 47' 56"	20° 56' 48"	103° 47' 06"	F-48-76-B+D
bản Co Phường	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 01"	103° 43' 54"					F-48-76-A
huổi Hin Táng	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 56' 28"	103° 48' 38"	20° 57' 20"	103° 47' 28"	F-48-76-B+D
huổi Hư	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 57' 01"	103° 39' 48"	20° 55' 38"	103° 43' 04"	F-48-76-A
bản Huổi Co	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 02"	103° 47' 21"					F-48-76-B+D
bản Huổi Hư	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 57' 01"	103° 42' 02"					F-48-76-A
bản Huổi Khe	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 52' 51"	103° 45' 54"					F-48-76-B+D
bản Huổi Mười	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 54' 41"	103° 45' 25"					F-48-76-B+D
huổi Khe	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 52' 38"	103° 45' 50"	20° 51' 35"	103° 45' 02"	F-48-76-A
bản Nà Dòn	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 38"	103° 47' 05"					F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huỗi Nà Dòn	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 57' 57"	103° 45' 01"	20° 58' 28"	103° 46' 22"	F-48-76-B+D
bản Nà Kham	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 57' 13"	103° 47' 14"					F-48-76-B+D
bản Nà Ngừa	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 55' 50"	103° 44' 04"					F-48-76-A
pu Pá Khoang	SV	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 55' 53"	103° 41' 19"					F-48-76-A
bản Pá Vẹ	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 55' 02"	103° 41' 44"					F-48-76-A
bản Phiêng Piềng	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 18"	103° 40' 44"					F-48-76-A
bản Phiêng Púng	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 55' 09"	103° 44' 43"					F-48-76-A
pu Sa Pa	SV	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 54' 28"	103° 41' 06"					F-48-76-A
bản Sài Khao	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 52' 32"	103° 42' 52"					F-48-76-A
huỗi Sám	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 52' 46"	103° 43' 55"	20° 54' 11"	103° 44' 09"	F-48-76-B+D
huỗi Sán	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 54' 11"	103° 44' 09"	20° 55' 06"	103° 43' 27"	F-48-76-A
bản Sĩa Khĩa	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 54' 11"	103° 42' 24"					F-48-76-A
nậm Sỏi	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 55' 28"	103° 43' 04"	20° 57' 23"	103° 47' 39"	F-48-76-A, F-48-76-B+D
bản Ta Lát	DC	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 57' 35"	103° 44' 03"					F-48-76-A
huỗi Ta Lát	TV	xã Mường Cai	H. Sông Mã			20° 57' 28"	103° 43' 17"	20° 56' 18"	103° 45' 37"	F-48-76-A, F-48-76-B+D
pu Tang Ten	SV	xã Mường Cai	H. Sông Mã	20° 56' 44"	103° 48' 21"					F-48-76-B+D
đội 6	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 57' 08"	103° 50' 53"					F-48-76-B+D
huỗi Bua	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 52' 53"	103° 49' 04"	20° 53' 30"	103° 50' 46"	F-48-76-B+D
bản Cát	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 15"	103° 51' 27"					F-48-76-B+D
huỗi Cát	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 55' 10"	103° 50' 26"	20° 56' 50"	103° 52' 19"	F-48-76-B+D
huỗi Chéo	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 53' 21"	103° 52' 17"	20° 53' 44"	103° 51' 02"	F-48-76-B+D
bản Co Cườm	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 14"	103° 50' 32"					F-48-76-B+D
bản Co Tra	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 54' 44"	103° 50' 37"					F-48-76-B+D
bản H8	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 50"	103° 54' 13"					F-48-76-B+D
bản Hát So	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 54"	103° 53' 30"					F-48-76-B+D
huỗi Hìn	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 52' 17"	103° 51' 16"	20° 52' 25"	103° 50' 33"	F-48-76-B+D
bản Hơng Dòm	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 47"	103° 51' 23"					F-48-76-B+D
bản Huỗi	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 24"	103° 52' 58"					F-48-76-B+D
bản Huỗi Bua Mèo	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 52' 55"	103° 49' 06"					F-48-76-B+D
bản Huỗi Bua Xá	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 53' 55"	103° 50' 56"					F-48-76-B+D
bản Huỗi Hìn	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 52' 45"	103° 51' 22"					F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
núi Huổi Hìn Tăng	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 17"	103° 48' 40"						F-48-76-B+D
bản Huổi Ồi	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 54' 55"	103° 48' 37"						F-48-76-B+D
bản Kéo	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 33"	103° 52' 48"						F-48-76-B+D
núi Kéo Bó	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 24"	103° 53' 38"						F-48-76-B+D
núi Kéo Co	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 30"	103° 48' 16"						F-48-76-B+D
huổi Khêm	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 55' 34"	103° 48' 44"	20° 55' 24"	103° 49' 18"		F-48-76-B+D
bản Khún	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 58' 46"	103° 49' 28"						F-48-76-B+D
bản Long Niềng	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 12"	103° 52' 17"						F-48-76-B+D
bản Lúa	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 57' 33"	103° 50' 43"						F-48-76-B+D
sông Mã	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 58' 56"	103° 48' 58"	20° 56' 42"	103° 54' 46"		F-48-76-B+D
bản Mường Tở	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 31"	103° 52' 08"						F-48-76-B+D
bản Nà Cầm	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 26"	103° 52' 04"						F-48-76-B+D
bản Nà Lửa	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 57"	103° 52' 21"						F-48-76-B+D
bản Nà Ngàn	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 54' 57"	103° 50' 47"						F-48-76-B+D
bản Nà Nồng	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 04"	103° 51' 08"						F-48-76-B+D
Non Áng	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 40"	103° 51' 32"						F-48-76-B+D
suối Nong Sáy	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 53' 59"	103° 52' 09"	20° 54' 53"	103° 51' 55"		F-48-76-B+D
huổi Ồi	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 53' 41"	103° 47' 43"	20° 55' 12"	103° 49' 34"		F-48-76-B+D
bản Phiêng Lươn	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 17"	103° 51' 05"						F-48-76-B+D
bản Phiêng Pên	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 53"	103° 53' 48"						F-48-76-B+D
nậm Pính	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 55' 22"	103° 52' 52"	20° 56' 19"	103° 52' 05"		F-48-76-B+D
nậm Pô	TV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã			20° 54' 53"	103° 51' 55"	20° 56' 19"	103° 52' 05"		F-48-76-B+D
núi Pom Pá Ban	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 28"	103° 47' 47"						F-48-76-B+D
pu Pu Luổng	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 54' 29"	103° 53' 39"						F-48-76-B+D
phủ Pu Tổng	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 53' 58"	103° 52' 47"						F-48-76-B+D
núi Sai	SV	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 55' 14"	103° 47' 13"						F-48-76-B+D
bản Yên Sơn	DC	xã Mường Hùng	H. Sông Mã	20° 56' 24"	103° 51' 42"						F-48-76-B+D
nậm Bà	TV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã			21° 13' 14"	103° 35' 18"	21° 11' 41"	103° 33' 56"		F-48-64-C
pu Co Tiềng	SV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 10' 41"	103° 34' 10"						F-48-64-C
pu Đá Đỏ	SV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 13' 14"	103° 34' 50"						F-48-64-C
huổi Ến	TV	xã Mường Lầm	H. Sông Mã			21° 13' 09"	103° 33' 31"	21° 12' 26"	103° 32' 49"		F-48-64-C
bản Hịa	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 12' 34"	103° 34' 45"						F-48-64-C
bản Huổi Ến	DC	xã Mường Lầm	H. Sông Mã	21° 13' 09"	103° 33' 35"						F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lầu	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 10' 52"	103° 33' 41"					F-48-64-C
bản Lồm Hồm	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 12' 32"	103° 36' 16"					F-48-64-C
bản Mường Cang	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 11' 52"	103° 33' 39"					F-48-64-C
bản Mường Nưa 1	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 12' 10"	103° 33' 11"					F-48-64-C
bản Mường Tợ	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 11' 26"	103° 33' 57"					F-48-64-C
bản Nà Và	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 11' 56"	103° 33' 53"					F-48-64-C
bản Ngáy	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 10' 38"	103° 33' 42"					F-48-64-C
bản Pá Ngá	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 12' 43"	103° 36' 21"					F-48-64-C
bản Pá Nhạp	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 12' 40"	103° 36' 04"					F-48-64-C
pu Pha Nhu	SV	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 12' 56"	103° 33' 41"					F-48-64-C
bản Phên	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 10' 43"	103° 32' 56"					F-48-64-C
pu Pom Bó	SV	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 11' 40"	103° 34' 22"					F-48-64-C
pu Pom Nó	SV	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 11' 28"	103° 33' 08"					F-48-64-C
pu Púa	SV	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 11' 34"	103° 32' 18"					F-48-64-C
bản Sàng	DC	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 10' 51"	103° 32' 42"					F-48-64-C
pu Sung	SV	xã Mường Lăm	H. Sông Mã	21° 12' 29"	103° 33' 03"					F-48-64-C
đường tỉnh 105	KX	xã Mường Sai	H. Sông Mã			20° 57' 03"	104° 00' 10"	21° 01' 03"	103° 58' 45"	F-48-64-D, F-48-76-B+D, F-48-77-A
bản Cọ Đưa	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	21° 00' 02"	103° 57' 26"					F-48-64-D
bản Kỳ Ninh	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 59' 48"	103° 58' 40"					F-48-76-B+D
nậm Lẹ	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			21° 01' 03"	103° 58' 44"	20° 57' 07"	104° 00' 16"	F-48-64-D, F-48-77-A, F-48-76-B+D
bản Lọng Lót	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	21° 01' 00"	103° 58' 51"					F-48-64-D
huổi Mui	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			20° 57' 33"	104° 01' 59"	20° 57' 10"	104° 00' 12"	F-48-77-A
bản Nà Hò	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 59' 17"	103° 59' 25"					F-48-76-B+D
bản Nà Un Ngoài	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	21° 00' 13"	103° 59' 25"					F-48-64-D
cầu Nậm Lẹ	KX	xã Mường Sai	H. Sông Mã	21° 00' 07"	103° 59' 16"					F-48-64-D
bản Ổ	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 57' 32"	103° 59' 49"					F-48-76-B+D
núi Pú Tóc	SV	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 57' 06"	104° 02' 56"					F-48-77-A
bản Púng Cầm	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 58' 26"	104° 00' 04"					F-48-77-A
bản Sai	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 58' 22"	103° 59' 30"					F-48-76-B+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Sui	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			20° 59' 47"	104° 01' 15"	20° 58' 05"	103° 59' 31"	F-48-77-A, F-48-76-B+D
nậm Sút	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			21° 01' 08"	104° 00' 12"	21° 00' 09"	103° 59' 15"	F-48-64-D, F-48-65-C
bản Tân Hồng	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 58' 33"	103° 59' 19"					F-48-76-B+D
bản Tiên Chung	DC	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 57' 54"	103° 59' 37"					F-48-76-B+D
huổi Văn	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			21° 00' 42"	103° 57' 51"	21° 00' 51"	103° 58' 45"	F-48-64-D
huổi Xà Lường	TV	xã Mường Sai	H. Sông Mã			20° 59' 47"	104° 01' 15"	20° 58' 19"	104° 03' 10"	F-48-77-A
phụ Xe	SV	xã Mường Sai	H. Sông Mã	20° 57' 39"	104° 04' 03"					F-48-77-A
xóm 1	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 19"	103° 43' 57"					F-48-64-C
đường tỉnh 115	KX	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 06' 57"	103° 40' 42"	21° 02' 27"	103° 44' 23"	F-48-64-C
bản Bon	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 33"	103° 41' 47"					F-48-64-C
bản Co Phưong	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 07' 03"	103° 44' 17"					F-48-64-C
huổi Cỏi	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 04' 54"	103° 46' 27"	21° 04' 49"	103° 45' 00"	F-48-64-D
núi Đản Đăm	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 07' 58"	103° 45' 32"					F-48-64-D
núi Hìn Lập	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 58"	103° 47' 15"					F-48-64-D
bản Hua Pàn	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 46"	103° 40' 56"					F-48-64-C
bản Hưng Mai	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 02' 59"	103° 44' 25"					F-48-64-C
bản Huổi Cỏi	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 58"	103° 46' 31"					F-48-64-D
suối Huổi Mé	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 05' 49"	103° 40' 44"	21° 06' 50"	103° 42' 03"	F-48-64-C
bản Huổi Sặng	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 45"	103° 43' 22"					F-48-64-C
bản Kéo	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 55"	103° 44' 49"					F-48-64-C
pu Kéo La	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 00"	103° 40' 16"					F-48-64-C
bản Lê Hồng Phong	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 02' 16"	103° 45' 13"					F-48-64-D
bản Lọng Lăn	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 42"	103° 45' 10"					F-48-64-D
sông Mã	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 07' 02"	103° 40' 49"	21° 02' 24"	103° 45' 57"	F-48-64-D
bản Mé	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 37"	103° 42' 01"					F-48-64-C
bản Mung	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 28"	103° 42' 49"					F-48-64-C
bản Nà Hìn	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 35"	103° 44' 33"					F-48-64-C
pu Nà Hìn	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 17"	103° 43' 56"					F-48-64-C
suối Nà Hìn	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 05' 54"	103° 44' 39"	21° 04' 44"	103° 44' 42"	F-48-64-C
bản Nà Là	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 53"	103° 41' 01"					F-48-64-C
bản Nà Liu	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 21"	103° 43' 37"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Lười	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 46"	103° 41' 29"					F-48-64-C
bản Nà Nghịu 1	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 03' 57"	103° 43' 58"					F-48-64-C
bản Nà Nghịu 2	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 03' 37"	103° 44' 02"					F-48-64-C
bản Nà Pàn	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 53"	103° 42' 49"					F-48-64-C
súoi Nà Pàn	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 04' 40"	103° 41' 25"	21° 04' 50"	103° 42' 56"	F-48-64-C
súoi Nậm Ủn	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 07' 29"	103° 44' 46"	21° 06' 14"	103° 42' 44"	F-48-64-C
bản Nang Cầu	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 02' 35"	103° 44' 16"					F-48-64-C
pu Ngụ	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 08' 12"	103° 43' 22"					F-48-64-C
bản Ngụ Hấu	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 07' 56"	103° 43' 31"					F-48-64-C
bản Nong Lếch	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 32"	103° 47' 48"					F-48-64-D
bản Phiêng Pồng	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 07' 14"	103° 41' 01"					F-48-64-C
bản Phiêng Tổ	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 15"	103° 46' 31"					F-48-64-D
huổi Phòng	TV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã			21° 06' 40"	103° 45' 57"	21° 04' 06"	103° 44' 14"	F-48-64-C, F-48-64-D
bản Phòng Sài	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 04' 16"	103° 44' 36"					F-48-64-C
bản Quyết Thắng	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 02' 30"	103° 45' 45"					F-48-64-D
bản Quyết Tiến	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 02' 30"	103° 45' 31"					F-48-64-D
bản Sào Và	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 40"	103° 45' 28"					F-48-64-D
bản Tây Hồ	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 24"	103° 43' 13"					F-48-64-C
pu Thăm Cọng	SV	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 00"	103° 41' 01"					F-48-64-C
bản Tiên Phong	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 06' 57"	103° 41' 53"					F-48-64-C
bản Trại Giồng	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 03' 26"	103° 44' 15"					F-48-64-C
bản Xum Cón	DC	xã Nà Nghịu	H. Sông Mã	21° 05' 27"	103° 42' 43"					F-48-64-C
bản Cang	DC	xã Nậm Mẩn	H. Sông Mã	21° 04' 58"	103° 34' 00"					F-48-64-C
bản Chá	DC	xã Nậm Mẩn	H. Sông Mã	21° 04' 39"	103° 36' 44"					F-48-64-C
pu Chá	SV	xã Nậm Mẩn	H. Sông Mã	21° 04' 41"	103° 37' 43"					F-48-64-C
huổi Chá	TV	xã Nậm Mẩn	H. Sông Mã			21° 03' 59"	103° 34' 52"	21° 04' 25"	103° 36' 45"	F-48-64-C
bản Chạy	DC	xã Nậm Mẩn	H. Sông Mã	21° 04' 57"	103° 33' 43"					F-48-64-C
bản Chu Vai	DC	xã Nậm Mẩn	H. Sông Mã	21° 03' 37"	103° 32' 09"					F-48-64-C
pu Cò Phát	SV	xã Nậm Mẩn	H. Sông Mã	21° 04' 15"	103° 36' 50"					F-48-64-C
pu Đen Đin	SV	xã Nậm Mẩn	H. Sông Mã	21° 04' 52"	103° 38' 05"					F-48-64-C
huổi Hó	TV	xã Nậm Mẩn	H. Sông Mã			21° 03' 27"	103° 34' 20"	21° 05' 04"	103° 34' 25"	F-48-64-C
bản Hòm	DC	xã Nậm Mẩn	H. Sông Mã	21° 04' 59"	103° 33' 09"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Hua Mừ	SV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 04' 19"	103° 30' 59"					F-48-64-C
bản Huổi	DC	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 04' 14"	103° 36' 13"					F-48-64-C
bản Huổi Khoang	DC	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 02' 46"	103° 31' 30"					F-48-64-C
pu Huổi Quang Lọt	SV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 03' 32"	103° 34' 52"					F-48-64-C
núi Kéo Bắc	SV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 05' 24"	103° 35' 33"					F-48-64-C
huổi Khương	TV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã			21° 05' 27"	103° 35' 49"	21° 06' 06"	103° 36' 00"	F-48-64-C
pu Luông	SV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 05' 01"	103° 39' 23"					F-48-64-C
nậm Mần	TV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã			21° 03' 36"	103° 30' 39"	21° 03' 30"	103° 40' 32"	F-48-64-C
huổi Mi	TV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã			21° 03' 07"	103° 32' 29"	21° 03' 37"	103° 32' 17"	F-48-64-C
bản Nà Cà	DC	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 05' 02"	103° 36' 13"					F-48-64-C
pu Nà Cà	SV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 04' 57"	103° 36' 51"					F-48-64-C
bản Nà Luông	DC	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 05' 13"	103° 35' 27"					F-48-64-C
núi Nậm Khoa	SV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 06' 03"	103° 33' 04"					F-48-64-C
bản Nậm Mần	DC	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 04' 53"	103° 34' 22"					F-48-64-C
bản Nhà Sáy	DC	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 05' 39"	103° 32' 21"					F-48-64-C
núi Nhà Sáy	SV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 05' 49"	103° 31' 56"					F-48-64-C
huổi Nhà Sáy	TV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã			21° 05' 11"	103° 31' 37"	21° 04' 55"	103° 33' 11"	F-48-64-C
bản Pá Ban	DC	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 03' 19"	103° 37' 19"					F-48-64-C
bản Phiêng Phé	DC	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 04' 59"	103° 34' 35"					F-48-64-C
bản Púng Hày	DC	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 04' 11"	103° 39' 10"					F-48-64-C
bản Púng Khương	DC	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 06' 00"	103° 35' 31"					F-48-64-C
núi Tin Tót	SV	xã Nậm Mần	H. Sông Mã	21° 06' 14"	103° 33' 56"					F-48-64-C
bản Bó Hụn	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 13' 07"	103° 41' 17"					F-48-64-C
huổi Cát	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 14' 25"	103° 39' 54"	21° 12' 20"	103° 39' 11"	F-48-64-C
pu Chôm Tắng	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 15' 48"	103° 40' 56"					F-48-64-A
bản Có	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 14' 26"	103° 44' 00"					F-48-64-C
bản Co Dầu	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 14' 44"	103° 40' 42"					F-48-64-C
huổi Cỏi	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 12' 20"	103° 37' 38"	21° 11' 46"	103° 39' 38"	F-48-64-C
bản Điu	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 09"	103° 39' 13"					F-48-64-C
bản Đưa	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 27"	103° 38' 56"					F-48-64-C
bản Hà	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 13' 52"	103° 43' 04"					F-48-64-C
bản Hiếm	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 06"	103° 40' 01"					F-48-64-C
nậm Hiếm	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 10' 52"	103° 41' 10"	21° 11' 13"	103° 39' 41"	F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huối Ho	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 13' 26"	103° 36' 36"	21° 13' 16"	103° 38' 05"	F-48-64-C
bản Hua Cát	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 14' 56"	103° 39' 24"					F-48-64-C
bản Huối Cát	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 14' 36"	103° 39' 20"					F-48-64-C
bản Huối Tông	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 09' 42"	103° 39' 24"					F-48-64-C
pu Kéo Lớn	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 15' 41"	103° 42' 36"					F-48-64-A
bản Lọng Nghịu	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 09' 48"	103° 41' 19"					F-48-64-C
huối Lũa	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 11' 37"	103° 36' 24"	21° 10' 34"	103° 38' 05"	F-48-64-C
bản Mện	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 31"	103° 42' 38"					F-48-64-C
bản Nà Hay	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 48"	103° 38' 41"					F-48-64-C
bản Nà Khựa	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 10' 41"	103° 38' 09"					F-48-64-C
bản Nà Lăn	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 10' 56"	103° 40' 38"					F-48-64-C
bản Nà Păn	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 14"	103° 39' 10"					F-48-64-C
bản Nà Sèo	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 25"	103° 36' 28"					F-48-64-C
núi Nà Sèo	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 10"	103° 36' 19"					F-48-64-C
bản Nà Tông	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 06"	103° 38' 51"					F-48-64-C
bản Pá Lành	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 15' 27"	103° 44' 37"					F-48-64-A
bản Pá Lầu	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 38"	103° 40' 11"					F-48-64-C
bản Pá Men	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 09' 31"	103° 42' 56"					F-48-64-C
bản Păn	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 10' 56"	103° 39' 42"					F-48-64-C
pu Phương	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 13' 40"	103° 36' 46"					F-48-64-C
nậm Pìn	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 13' 22"	103° 38' 05"	21° 11' 56"	103° 39' 28"	F-48-64-C
huối Púa	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 13' 17"	103° 40' 47"	21° 12' 06"	103° 40' 19"	F-48-64-C
nậm Quôét	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 11' 47"	103° 41' 44"	21° 11' 56"	103° 39' 28"	F-48-64-C
núi Sa Lâm	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 10' 53"	103° 41' 58"					F-48-64-C
pu Sam Sầu	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 12' 43"	103° 37' 17"					F-48-64-C
nậm Ty	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 11' 56"	103° 39' 28"	21° 10' 07"	103° 37' 45"	F-48-64-C
bản Xê	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 13' 45"	103° 42' 30"					F-48-64-C
huối Xê	TV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã			21° 14' 54"	103° 42' 19"	21° 13' 44"	103° 43' 07"	F-48-64-C
núi Xen Hìn	SV	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 10' 02"	103° 44' 05"					F-48-64-C
bản Xen Xay	DC	xã Nậm Ty	H. Sông Mã	21° 11' 56"	103° 37' 30"					F-48-64-C
bản Hàng Xía	DC	xã Pù Bấu	H. Sông Mã	21° 13' 38"	103° 26' 18"					F-48-63-D
bản Hấp	DC	xã Pù Bấu	H. Sông Mã	21° 16' 11"	103° 27' 20"					F-48-63-B
suối Huối Hấp	TV	xã Pù Bấu	H. Sông Mã			21° 15' 06"	103° 26' 14"	21° 15' 31"	103° 27' 46"	F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Huổi Kho	TV	xã Pú Bầu	H. Sông Mã			21° 12' 59"	103° 26' 14"	21° 13' 59"	103° 26' 59"	F-48-63-D
bản Huổi Lán	DC	xã Pú Bầu	H. Sông Mã	21° 17' 11"	103° 26' 52"					F-48-63-B
sông Mã	TV	xã Pú Bầu	H. Sông Mã			21° 17' 46"	103° 27' 46"	21° 16' 21"	103° 28' 04"	F-48-63-B
bản Mạ Mầu	DC	xã Pú Bầu	H. Sông Mã	21° 14' 44"	103° 26' 28"					F-48-63-B
huổi Pá Hịa	TV	xã Pú Bầu	H. Sông Mã			21° 15' 01"	103° 27' 43"	21° 15' 26"	103° 28' 03"	F-48-63-B
bản Pá Lầu	DC	xã Pú Bầu	H. Sông Mã	21° 15' 07"	103° 26' 04"					F-48-63-B
bản Pá Pao	DC	xã Pú Bầu	H. Sông Mã	21° 15' 10"	103° 26' 11"					F-48-63-D
bản Pha Hấp	DC	xã Pú Bầu	H. Sông Mã	21° 17' 15"	103° 26' 23"					F-48-63-B
núi Pha Hấp	SV	xã Pú Bầu	H. Sông Mã	21° 17' 03"	103° 26' 30"					F-48-63-B
bản Pú Bầu	DC	xã Pú Bầu	H. Sông Mã	21° 14' 52"	103° 25' 58"					F-48-63-D
đường tỉnh 115	KX	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 10' 43"	103° 34' 28"	21° 09' 10"	103° 36' 53"	F-48-64-C
bản Bang Dưới	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 26"	103° 33' 46"					F-48-64-C
bản Bang Trên	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 09"	103° 33' 34"					F-48-64-C
bản Bua	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 26"	103° 34' 08"					F-48-64-C
bản Hải Triều	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 17"	103° 36' 59"					F-48-64-C
bản Hua Mừ	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 27"	103° 32' 34"					F-48-64-C
pu Hua Ngay	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 04"	103° 32' 42"					F-48-64-C
bản Hua Sông	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 00"	103° 34' 54"					F-48-64-C
bản Hưng Mã	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 36"	103° 36' 24"					F-48-64-C
bản Huổi	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 01"	103° 36' 01"					F-48-64-C
bản Huổi Hao	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 06' 46"	103° 32' 46"					F-48-64-C
suối Huổi Hao	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 06' 35"	103° 32' 31"	21° 07' 28"	103° 32' 44"	F-48-64-C
suối Huổi Láng	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 06' 46"	103° 30' 21"	21° 07' 06"	103° 31' 42"	F-48-64-C
suối Huổi Mạt	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 08' 34"	103° 31' 59"	21° 08' 25"	103° 33' 49"	F-48-64-C
suối Huổi Páng	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 07' 00"	103° 35' 44"	21° 09' 28"	103° 36' 18"	F-48-64-C
suối Huổi Sông	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 08' 22"	103° 35' 08"	21° 09' 37"	103° 36' 09"	F-48-64-C
suối Lạn Pát	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 08' 20"	103° 36' 39"	21° 09' 12"	103° 36' 55"	F-48-64-C
bản Lẹ	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 10' 13"	103° 35' 23"					F-48-64-C
bản Lụng Há	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 06' 49"	103° 34' 18"					F-48-64-C
bản Nà Dĩa	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 10' 06"	103° 34' 55"					F-48-64-C
bản Nà Đưa	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 43"	103° 35' 11"					F-48-64-C
bản Nà Hạ	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 59"	103° 35' 38"					F-48-64-C
bản Nà Lán	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 35"	103° 33' 16"					F-48-64-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Mừ	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 46"	103° 34' 25"					F-48-64-C
bản Nà Nong	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 20"	103° 34' 18"					F-48-64-C
núi Nà Sèo	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 10' 43"	103° 36' 33"					F-48-64-C
suoối Nặm Mừ	TV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã			21° 07' 06"	103° 31' 42"	21° 07' 28"	103° 32' 44"	F-48-64-C
bản Pá Pao	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 58"	103° 33' 34"					F-48-64-C
bản Pải	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 45"	103° 35' 27"					F-48-64-C
bản Pằng	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 04"	103° 36' 13"					F-48-64-C
núi Phòng Không	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 35"	103° 30' 30"					F-48-64-C
bản Pọng	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 08' 41"	103° 34' 05"					F-48-64-C
núi Pu Bĩa Lô	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 11' 23"	103° 35' 52"					F-48-64-C
pu Pu Sèo Ô	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 10' 59"	103° 35' 17"					F-48-64-C
pu Pu Sọt	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 16"	103° 32' 59"					F-48-64-C
bản Púng	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 02"	103° 35' 50"					F-48-64-C
bản Sòng	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 09' 31"	103° 35' 42"					F-48-64-C
pu Tang Sồn	SV	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 07' 57"	103° 30' 46"					F-48-64-C
bản Tau Hay	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 10' 28"	103° 34' 36"					F-48-64-C
bản Tin Tộc	DC	xã Yên Hưng	H. Sông Mã	21° 06' 17"	103° 33' 46"					F-48-64-C
bản Bằng Tạng	DC	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 19"	103° 33' 36"					F-48-76-A
bản Cang Nưa	DC	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 15"	103° 32' 34"					F-48-76-A
bản Cang Tợ	DC	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 12"	103° 32' 51"					F-48-76-A
pu Cò Cọ	SV	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 51"	103° 33' 24"					F-48-76-A
pu Cò Cồng	SV	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 59' 58"	103° 34' 02"					F-48-76-A
pu Cò Hạ	SV	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 58' 30"	103° 33' 42"					F-48-76-A
huối Co Phương	TV	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp			20° 57' 08"	103° 28' 12"	20° 56' 29"	20° 57' 08"	F-48-75-B
bản Dømm	DC	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 05"	103° 33' 12"					F-48-76-A
pu Đẳng Tẩn	SV	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 55' 50"	103° 28' 36"					F-48-75-B
huối Đẳng Tẩn	TV	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp			20° 54' 53"	103° 29' 28"	20° 55' 49"	20° 54' 53"	F-48-75-B, F-48-76-A
bản Huối Dømm	DC	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 56' 41"	103° 32' 22"					F-48-76-A
huối Huối Hìn	TV	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp			20° 57' 34"	103° 32' 24"	20° 56' 41"	20° 57' 34"	F-48-76-A
pu Huối Men	SV	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 56' 35"	103° 33' 22"					F-48-76-A
huối Huối Men	TV	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp			20° 55' 52"	103° 32' 35"	20° 56' 35"	20° 55' 52"	F-48-76-A
pu Huối Na	SV	xã Dømm Cang	H. Sốp Cộp	20° 57' 19"	103° 27' 52"					F-48-75-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Huối Nặm Sơ	SV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	21° 00' 43"	103° 34' 10"					F-48-64-C
bản Huối Nó	DC	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 57' 57"	103° 35' 18"					F-48-76-A
huối Huối Nó	TV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp			20° 59' 02"	103° 36' 03"	20° 57' 34"	20° 59' 02"	F-48-76-A
huối Huối Ôn	TV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp			20° 55' 29"	103° 33' 23"	20° 56' 39"	20° 55' 29"	F-48-76-A
huối Huối Phá Thoóng	TV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp			20° 55' 28"	103° 28' 34"	20° 56' 18"	20° 55' 28"	F-48-75-B
pu Huối Ven	SV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 55' 46"	103° 31' 01"					F-48-76-A
bản Huối Yên	DC	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 56' 14"	103° 29' 51"					F-48-75-B
bản Long Phát	DC	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 57' 29"	103° 35' 34"					F-48-76-A
bản Men	DC	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 56' 28"	103° 33' 42"					F-48-76-A
pu Na Han	SV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 57' 13"	103° 31' 25"					F-48-76-A
bản Na Khá	DC	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 57' 05"	103° 33' 40"					F-48-76-A
bản Na Pháy	DC	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 57' 06"	103° 34' 40"					F-48-76-A
bản Naà Liu	DC	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 58' 00"	103° 34' 55"					F-48-76-A
huối Nặm Dømm	TV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp			20° 56' 34"	103° 28' 48"	20° 57' 02"	20° 56' 34"	F-48-75-B
huối Nặm Pát	TV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp			20° 59' 03"	103° 34' 14"	20° 57' 15"	20° 59' 03"	F-48-76-A
huối Nhà Xay	TV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp			20° 56' 18"	103° 27' 56"	20° 56' 34"	20° 56' 18"	F-48-75-B
bản Pá Hốc	DC	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 56' 58"	103° 29' 27"					F-48-75-B
pu Pá Hốc	SV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 58' 54"	103° 34' 05"					F-48-76-A
bản Pát	DC	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 57' 25"	103° 34' 39"					F-48-76-A
pu Pom Cọ	SV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 55' 32"	103° 32' 07"					F-48-76-A
huối Tiếng Nén	TV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp			20° 57' 06"	103° 29' 13"	20° 56' 28"	20° 57' 06"	F-48-75-B
bản Tín Tốc	DC	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 58' 45"	103° 34' 51"					F-48-76-A
huối Trang Chốc	TV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp			20° 56' 33"	103° 30' 37"	20° 56' 08"	20° 56' 33"	F-48-76-A
pu Tre Phai	SV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 57' 23"	103° 33' 58"					F-48-76-A
pu Xá Nọi	SV	xã Dømm Càng	H. Sốp Cộp	20° 55' 12"	103° 29' 32"					F-48-75-B
Đồn Biên phòng 453	KX	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 48' 09"	103° 42' 41"					F-48-76-A
pu Bá Thông	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 45' 58"	103° 39' 19"					F-48-76-A
huối Buồn	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 46' 35"	103° 42' 54"	20° 47' 44"	103° 42' 14"	F-48-76-A
bản Càng Cỏi	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 47' 43"	103° 43' 54"					F-48-76-A
huối Chạy	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 47' 47"	103° 39' 15"	20° 48' 05"	103° 40' 24"	F-48-76-A
pu Chưn	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 51' 53"	103° 43' 28"					F-48-76-A
huối Chưn	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 48' 06"	103° 45' 51"	20° 48' 01"	103° 43' 25"	F-48-76-A
bản Co Hạ	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 48' 40"	103° 40' 05"					F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Co Muồng	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 45' 26"	103° 41' 34"					F-48-76-A
bản Cống	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 50' 25"	103° 43' 57"					F-48-76-A
huổi Hĩa	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 48' 40"	103° 46' 31"	20° 49' 25"	103° 46' 55"	F-48-76-B+D
huổi Hiều	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 48' 41"	103° 41' 36"	20° 48' 39"	103° 42' 56"	F-48-76-A
huổi Hoi	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 47' 10"	103° 43' 15"	20° 47' 51"	103° 42' 24"	F-48-76-A
bản Huổi Lè	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 50' 12"	103° 45' 53"					F-48-76-B+D
bản Huổi Pá	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 46' 39"	103° 46' 21"					F-48-76-B+D
súoi It Dương	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 46' 37"	103° 41' 47"	20° 47' 02"	103° 42' 23"	F-48-76-A
bản Khả	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 48' 01"	103° 40' 56"					F-48-76-A
huổi Khe	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 51' 17"	103° 46' 17"	20° 51' 26"	103° 44' 46"	F-48-76-B+D
súoi Khi	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 44' 57"	103° 46' 45"	20° 45' 59"	103° 44' 07"	F-48-76-B+D
huổi Le	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 49' 23"	103° 47' 10"	20° 50' 25"	103° 44' 56"	F-48-76-B+D
huổi Liên	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 50' 17"	103° 47' 28"	20° 49' 31"	103° 46' 40"	F-48-76-B+D
huổi Men	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 51' 07"	103° 43' 09"	20° 51' 40"	103° 44' 27"	F-48-76-A
huổi Mu Nâu	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 49' 19"	103° 44' 24"	20° 49' 46"	103° 43' 38"	F-48-76-A
bản Mường Lạn	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 48' 01"	103° 42' 32"					F-48-76-A
bản Nà Ấn	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 46' 48"	103° 44' 08"					F-48-76-A
bản Nà Khi	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 46' 04"	103° 44' 24"					F-48-76-A
bản Nà Vạc	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 45' 06"	103° 43' 30"					F-48-76-A
bản Nậm Lạn	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 44' 03"	103° 40' 15"					F-48-76-C
súoi Nậm Lạn	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 42' 35"	103° 39' 26"	20° 47' 57"	103° 40' 40"	F-48-76-A, F-48-76-C
súoi Nhọt Huổi Lẹ	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 49' 58"	103° 47' 49"	20° 49' 23"	103° 47' 10"	F-48-76-B+D
pu Nhọt Nậm Lạn	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 44' 16"	103° 36' 22"					F-48-76-C
bản Nong Phụ	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 46' 13"	103° 39' 03"					F-48-76-A
súoi Noong Phụ	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 46' 56"	103° 39' 52"	20° 47' 19"	103° 40' 50"	F-48-76-A
bản Pá Kạch	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 42' 58"	103° 42' 52"					F-48-76-C
súoi Pắc Nhung	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 48' 35"	103° 41' 00"	20° 48' 51"	103° 40' 24"	F-48-76-A
bản Phiêng Pen	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 49' 00"	103° 43' 02"					F-48-76-A
bản Pú Hao	DC	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 50' 04"	103° 46' 13"					F-48-76-B+D
núi Puôm Dím	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 50' 42"	103° 43' 05"					F-48-76-A
pu Puốp	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 51' 19"	103° 43' 55"					F-48-76-A
huổi Quang Nâu	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 48' 52"	103° 44' 31"	20° 48' 54"	103° 43' 00"	F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Sai Liên	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 39' 56"	103° 41' 51"					F-48-76-C
núi Sai Liên	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 40' 36"	103° 42' 55"					F-48-76-C
núi Sam Tam	SV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp	20° 42' 19"	103° 40' 16"					F-48-76-C
sườn Sĩ Đan	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 49' 37"	103° 41' 42"	20° 49' 34"	103° 43' 09"	F-48-76-A
nằm Soi	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 45' 59"	103° 44' 07"	20° 50' 27"	103° 44' 01"	F-48-76-A
sườn Vạc	TV	xã Mường Lạn	H. Sốp Cộp			20° 44' 18"	103° 44' 15"	20° 45' 12"	103° 43' 31"	F-48-76-C
huối Áng	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 32"	103° 12' 45"	20° 53' 00"	103° 18' 16"	F-48-75-A
huối Bá Nậm	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 50"	103° 25' 46"	20° 54' 50"	103° 25' 38"	F-48-75-B
huối Cá Tấp	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 58' 23"	103° 21' 25"	20° 57' 52"	103° 19' 45"	F-48-75-B
bản Châm Hỳ	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 59' 12"	103° 20' 00"					F-48-75-B
pu Châm Hỳ	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 59' 21"	103° 23' 21"					F-48-75-B
huối Châm Hỳ	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 59' 08"	103° 23' 02"	20° 59' 29"	103° 17' 56"	F-48-75-B
huối Chiềng	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 54' 04"	103° 16' 45"	20° 54' 10"	103° 18' 14"	F-48-75-B
pu Chông Pá To	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 53' 50"	103° 24' 24"					F-48-75-B
pu Há Đa	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 55' 14"	103° 25' 10"					F-48-75-B
huối Hó Pủa Thông	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 54' 11"	103° 22' 58"	20° 54' 25"	103° 22' 58"	F-48-75-B
huối Hủa Nọ	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 35"	103° 25' 00"	20° 54' 45"	103° 25' 08"	F-48-75-B
núi Huối Áng	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 52' 26"	103° 16' 34"					F-48-75-B
bản Huối Làn	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 54' 52"	103° 18' 53"					F-48-75-B
bản Huối Luông	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 49' 51"	103° 22' 55"					F-48-75-B
núi Huối Nậm	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 51' 40"	103° 14' 16"					F-48-75-A
bản Huối Phúc	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 53' 01"	103° 20' 10"					F-48-75-B
pu Huối Púng	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 56' 46"	103° 17' 22"					F-48-75-B
pu Huối Ứn	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 56' 50"	103° 17' 55"					F-48-75-B
pu Kéo An Mạ	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 58' 24"	103° 22' 24"					F-48-75-B
pu Kéo Lôm	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 55' 46"	103° 26' 54"					F-48-75-B
nằm Khún	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 55' 19"	103° 24' 00"	20° 54' 15"	103° 22' 26"	F-48-75-B
huối Làn	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 54' 01"	103° 20' 10"	20° 55' 05"	103° 19' 00"	F-48-75-B
pu Làn Lành	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 52' 51"	103° 24' 29"					F-48-75-B
núi Làn Lành	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 52' 45"	103° 24' 14"					F-48-75-B
bản Liềng	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 55' 49"	103° 19' 07"					F-48-75-B
huối Luông	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 50' 06"	103° 24' 03"	20° 48' 44"	103° 22' 40"	F-48-75-B
bản Mat	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 55' 24"	103° 21' 17"					F-48-75-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huối Mạt	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 57' 54"	103° 24' 24"	20° 55' 30"	103° 21' 00"	F-48-75-B
bản Nà Chôm	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 48' 42"	103° 22' 48"					F-48-75-B
pu Nà Liêng	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 56' 20"	103° 20' 14"					F-48-75-B
nậm Nậm	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 54' 15"	103° 22' 26"	20° 55' 14"	103° 21' 46"	F-48-75-B
huối Nậm Khún	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 55' 19"	103° 24' 00"	20° 54' 15"	103° 22' 26"	F-48-75-B
bản Nậm Pùn	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 58' 02"	103° 19' 32"					F-48-75-B
pu Nọng Xôm Tạng	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 55' 32"	103° 26' 02"					F-48-75-B
huối Nưm	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 52' 14"	103° 14' 02"	20° 52' 07"	103° 18' 44"	F-48-75-A
huối Ổ	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 52' 30"	103° 22' 05"	20° 53' 10"	103° 22' 47"	F-48-75-B
bản Pá Khoang	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 48' 51"	103° 24' 57"					F-48-75-B
núi Pá Lông	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 52' 49"	103° 25' 51"					F-48-75-B
huối Pá Lông	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 39"	103° 24' 34"	20° 54' 15"	103° 22' 26"	F-48-75-B
huối Phá Thổng	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 57' 25"	103° 22' 30"	20° 56' 08"	103° 21' 52"	F-48-75-B
nậm Phung	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 48' 45"	103° 26' 16"	20° 48' 46"	103° 24' 54"	F-48-75-B
núi Pom Cháng Kha	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 50' 20"	103° 26' 08"					F-48-75-B
nậm Pùn	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 48' 02"	103° 25' 43"	20° 59' 43"	103° 17' 17"	F-48-75-B
huối Tau	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 16"	103° 20' 56"	20° 54' 04"	103° 22' 29"	F-48-75-B
bản Xam Quảng	DC	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 52' 07"	103° 20' 48"					F-48-75-B
huối Xam Quảng	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 53' 26"	103° 19' 48"	20° 54' 04"	103° 18' 24"	F-48-75-B
núi Xảo Hòn	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	20° 51' 28"	103° 26' 07"					F-48-75-B
huối Xi Nà	TV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp			20° 55' 21"	103° 16' 35"	20° 55' 45"	103° 18' 42"	F-48-75-B
phủ Xôm Khôi	SV	xã Mường Lèo	H. Sốp Cộp	21° 00' 59"	103° 20' 53"					F-48-63-D
huối Ban	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 55' 43"	103° 39' 05"	20° 54' 11"	103° 37' 39"	F-48-76-A
huối Bon	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 07"	103° 35' 55"	20° 53' 26"	103° 37' 10"	F-48-76-A
nậm Ca	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 34"	103° 37' 13"	20° 55' 45"	103° 36' 59"	F-48-76-A
huối Ca	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 47' 59"	103° 31' 31"	20° 53' 34"	103° 37' 13"	F-48-76-A
pu Chạy	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 47' 11"	103° 37' 45"					F-48-76-A
huối Cò	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 19"	103° 35' 28"	20° 53' 52"	103° 36' 21"	F-48-76-A
huối Cọ	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 46"	103° 35' 15"	20° 53' 52"	103° 36' 21"	F-48-76-A
bản Co Đưa	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 24"	103° 38' 53"					F-48-76-A
pu Cò Hạ	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 47' 26"	103° 38' 34"					F-48-76-A
pu Co Mần	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 41"	103° 34' 51"					F-48-76-A
pu Gia Thầu	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 55' 01"	103° 35' 43"					F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Hin Cáp	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 52' 40"	103° 36' 58"					F-48-76-A
bản Hóc	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 57"	103° 37' 20"					F-48-76-A
bản Huổi Ca	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 52' 08"	103° 35' 49"					F-48-76-A
pu Huổi Cháp	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 47' 52"	103° 38' 29"					F-48-76-A
bản Huổi Dương	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 49' 49"	103° 35' 21"					F-48-76-A
bản Huổi Hùm	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 17"	103° 37' 25"					F-48-76-A
bản Huổi Lầu	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 17"	103° 41' 04"					F-48-76-A
bản Huổi Niếng	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 51' 27"	103° 36' 44"					F-48-76-A
bản Huổi Pốt	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 55' 34"	103° 38' 43"					F-48-76-A
bản Huổi Vén	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 39"	103° 38' 47"					F-48-76-A
núi Huổi Xét	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 26"	103° 35' 14"					F-48-76-A
huổi Lầu	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 12"	103° 41' 22"	20° 52' 38"	103° 38' 10"	F-48-76-A
bản Lọng Ôn	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 52' 54"	103° 40' 16"					F-48-76-A
pu Luông	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 51' 43"	103° 36' 01"					F-48-76-A
huổi Luông	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 54' 25"	103° 39' 33"	20° 54' 40"	103° 37' 09"	F-48-76-A
huổi Men	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 50' 28"	103° 40' 50"	20° 51' 07"	103° 43' 91"	F-48-76-A
pu Mèo	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 51' 52"	103° 34' 25"					F-48-76-A
huổi Mít	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 54' 15"	103° 34' 51"	20° 54' 11"	103° 37' 05"	F-48-76-A
huổi Mọt	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 56' 26"	103° 38' 18"	20° 55' 15"	103° 36' 52"	F-48-76-A
bản Mường Và	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 30"	103° 36' 50"					F-48-76-A
tháp Mường Và	KX	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 52"	103° 36' 45"					F-48-76-A
bản Nà Cang	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 52' 30"	103° 39' 32"					F-48-76-A
bản Nà Khoang	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 51' 47"	103° 38' 38"					F-48-76-A
bản Nà Lửa	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 52' 15"	103° 38' 36"					F-48-76-A
bản Nà Mòn	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 50' 18"	103° 39' 18"					F-48-76-A
bản Nà Mọt	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 55' 21"	103° 37' 07"					F-48-76-A
bản Nà Nghè	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 03"	103° 37' 54"					F-48-76-A
bản Nà Vén	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 53' 14"	103° 37' 31"					F-48-76-A
nậm Niếng	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 46' 22"	103° 32' 10"	20° 52' 24"	103° 36' 40"	F-48-76-A
bản Nong Lanh	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 57"	103° 36' 45"					F-48-76-A
bản Pá Khoang	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 56' 00"	103° 39' 18"					F-48-76-A
bản Pá Vai	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 47' 42"	103° 30' 50"					F-48-76-A
suối Pha Lọng	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 51' 38"	103° 41' 36"	20° 51' 13"	103° 42' 56"	F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Phé	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 32"	103° 39' 57"	20° 52' 42"	103° 38' 39"	F-48-76-A
huổi Púng	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 52' 41"	103° 34' 50"	20° 51' 52"	103° 35' 31"	F-48-76-A
huổi Si Đan	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 49' 32"	103° 40' 57"	20° 50' 28"	103° 40' 50"	F-48-76-A
bản Sóm Pỏi	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 55' 42"	103° 36' 55"					F-48-76-A
nậm Sủ	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 50' 19"	103° 39' 08"	20° 53' 30"	103° 37' 15"	F-48-76-A
bản Tắc Tề	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 49' 31"	103° 39' 40"					F-48-76-A
núi Tênh Hươn	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 50' 23"	103° 37' 24"					F-48-76-A
bản Tổng	DC	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 54' 00"	103° 36' 54"					F-48-76-A
pu Trà Lầy	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 55' 13"	103° 36' 04"					F-48-76-A
pu Ván	SV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp	20° 50' 51"	103° 35' 38"					F-48-76-A
huổi Vén	TV	xã Mường Và	H. Sốp Cộp			20° 53' 41"	103° 39' 10"	20° 53' 09"	103° 37' 38"	F-48-76-A
đường tỉnh 105	KX	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 53' 14"	103° 25' 37"	20° 55' 48"	103° 35' 26"	F-48-76-A
bản Cang	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 46"	103° 34' 18"					F-48-76-A
bản Cang Kéo	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 49' 01"	103° 30' 18"					F-48-76-A
núi Cang Kéo	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 49' 24"	103° 28' 35"					F-48-75-B
bản Co Hóc	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 16"	103° 33' 14"					F-48-76-A
núi Hua Khún	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 53' 42"	103° 26' 09"					F-48-75-B
bản Hua Lạnh	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 52' 52"	103° 27' 18"					F-48-75-B
huổi Huổi Cẩn	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 49' 03"	103° 30' 50"	20° 53' 57"	103° 33' 08"	F-48-76-A
bản Huổi Hĩa	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 52' 07"	103° 27' 24"					F-48-75-B
núi Huổi Hĩa	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 24"	103° 30' 06"					F-48-76-A
huổi Huổi Hĩa	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 52' 05"	103° 27' 17"	20° 53' 24"	103° 28' 43"	F-48-75-B
huổi Huổi Hôn	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 54' 33"	103° 32' 55"	20° 54' 08"	103° 33' 03"	F-48-76-A
bản Lạnh	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 14"	103° 33' 43"					F-48-76-A
bản Lạnh Bánh	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 53' 51"	103° 32' 15"					F-48-76-A
bản Lọng Tông	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 30"	103° 35' 12"					F-48-76-A
núi Mỏ Lùng	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 18"	103° 35' 47"					F-48-76-A
bản Nà Han	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 04"	103° 32' 50"					F-48-76-A
bản Nà Nong	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 46"	103° 34' 36"					F-48-76-A
núi Nậm Khún	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 07"	103° 26' 48"					F-48-75-B
bản Nậm Lạnh	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 53' 54"	103° 30' 54"					F-48-76-A
huổi Nậm Lạnh	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 53' 09"	103° 26' 56"	20° 55' 39"	103° 35' 35"	F-48-75-B, F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nậm Tấu	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 50' 17"	103° 27' 17"					F-48-75-B
suối Nậm Tấu	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 50' 17"	103° 29' 18"	20° 53' 46"	103° 31' 48"	F-48-76-A
núi Pá Ban	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 43"	103° 34' 56"					F-48-76-A
bản Pá Vai	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 48' 34"	103° 29' 12"					F-48-75-B
núi Phá Thông	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 53' 15"	103° 25' 36"					F-48-75-B
suối Phá Thông	TV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp			20° 51' 40"	103° 28' 47"	20° 52' 52"	103° 31' 19"	F-48-75-B, F-48-76-A
bản Phổng	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 17"	103° 34' 52"					F-48-76-A
núi Pu Cong	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 02"	103° 33' 13"					F-48-76-A
bản Púng Tông	DC	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 53' 55"	103° 33' 19"					F-48-76-A
núi Săn Púng	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 45"	103° 28' 31"					F-48-75-B
núi Trang Khang	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 54' 50"	103° 26' 33"					F-48-75-B
núi Xả Trường	SV	xã Nậm Lạnh	H. Sốp Cộp	20° 55' 37"	103° 34' 29"					F-48-76-A
Đồn Biên phòng 445	KX	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 35"	103° 28' 52"					F-48-75-B
nậm Ban	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			21° 00' 45"	103° 27' 13"	20° 57' 57"	103° 32' 56"	F-48-63-D, F-48-76-A
bản Bánh	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	21° 00' 04"	103° 28' 57"					F-48-75-B
nậm Bó	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			20° 56' 18"	103° 26' 06"	20° 58' 57"	103° 27' 33"	F-48-75-B
bản Cọ	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 59"	103° 31' 35"					F-48-76-A
nậm Cộp	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			21° 03' 06"	103° 29' 31"	21° 00' 10"	103° 29' 15"	F-48-63-D
huổi Hịa	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			21° 01' 40"	103° 28' 07"	21° 00' 16"	103° 28' 13"	F-48-63-D
huổi Hìn	TV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp			20° 57' 22"	103° 30' 53"	20° 57' 34"	103° 32' 24"	F-48-76-A
bản Huổi Cộp	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	21° 01' 29"	103° 29' 45"					F-48-63-D
bản Huổi Hìn	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 57' 53"	103° 31' 53"					F-48-76-A
pu Huổi Hìn	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 57' 52"	103° 28' 55"					F-48-75-B
pu Huổi Ít	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 01"	103° 32' 30"					F-48-76-A
pu Huổi Mạt	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 57' 31"	103° 25' 13"					F-48-75-B
pu Huổi Phai	SV	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 22"	103° 33' 10"					F-48-76-A
bản Kéo	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 44"	103° 31' 54"					F-48-76-A
bản Khá	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	21° 00' 36"	103° 28' 10"					F-48-63-D
bản Lầu	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 58' 05"	103° 32' 23"					F-48-76-A
bản Liêng	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 13"	103° 31' 10"					F-48-76-A
bản Lùn	DC	xã Púng Bánh	H. Sốp Cộp	20° 59' 20"	103° 30' 46"					F-48-76-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huỗi Lùn	TV	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp			21° 01' 28"	103° 31' 32"	20° 59' 06"	103° 30' 51"	F-48-76-A
bản Nà Liền	DC	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp	20° 59' 48"	103° 29' 00"					F-48-75-B
bản Nghiêu	DC	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp	21° 00' 25"	103° 28' 33"					F-48-63-D
pu Pá Hèo Mẹo	SV	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp	20° 58' 03"	103° 27' 39"					F-48-75-B
bản Phá Thổng	DC	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp	20° 58' 02"	103° 25' 35"					F-48-75-B
bản Phái	DC	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp	20° 58' 32"	103° 32' 38"					F-48-76-A
huỗi Phái	TV	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp			21° 00' 20"	103° 33' 16"	20° 59' 35"	103° 32' 02"	F-48-64-C
bản Phiêng Ban	DC	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp	20° 58' 54"	103° 28' 09"					F-48-75-B
huỗi Púa	TV	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp			20° 58' 57"	103° 27' 33"	20° 59' 52"	103° 29' 25"	F-48-75-B
bản Púng	DC	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp	20° 59' 39"	103° 30' 02"					F-48-75-B
bản Púng Cướm	DC	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp	20° 59' 22"	103° 26' 41"					F-48-75-B
pu Sang	SV	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp	20° 56' 19"	103° 25' 10"					F-48-75-B
pu Tang Cầu	SV	xã Púng Bính	H. Sốp Cộp	20° 57' 48"	103° 32' 19"					F-48-76-A
pu Chổng Sựa	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 03' 46"	103° 26' 00"					F-48-63-D
huỗi Chưa	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 03' 48"	103° 21' 34"	21° 03' 39"	103° 19' 51"	F-48-63-D
bản Hìn Chá	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 04' 33"	103° 19' 20"					F-48-63-D
huỗi Hìn Chá	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 05' 18"	103° 19' 48"	21° 04' 28"	103° 19' 11"	F-48-63-D
bản Huỗi My	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 05' 32"	103° 17' 26"					F-48-63-D
pu Huỗi My	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 04' 36"	103° 17' 32"					F-48-63-D
bản Huỗi Phô	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 04' 33"	103° 18' 28"					F-48-63-D
bản Huỗi Sang	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 03' 01"	103° 25' 09"					F-48-63-D
bản Nậm Tĩa	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 24"	103° 24' 21"					F-48-63-D
suối Nậm Tĩa	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 02' 15"	103° 26' 15"	21° 04' 44"	103° 17' 07"	F-48-63-D
bản Phá Thổng	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 01' 36"	103° 21' 43"					F-48-63-D
huỗi Phá Thổng	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 00' 59"	103° 23' 06"	21° 02' 38"	103° 21' 22"	F-48-63-D
pu Phua Ha	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 05' 37"	103° 18' 32"					F-48-63-D
dãy Pu Ha	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 04' 57"	103° 20' 43"					F-48-63-D
bản Pú Sút	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 40"	103° 18' 41"					F-48-63-D
pu Pú Sút	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 21"	103° 18' 50"					F-48-63-D
huỗi Púng Báng	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 03' 44"	103° 24' 41"	21° 02' 40"	103° 22' 40"	F-48-63-D
bản Sam Kha	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 46"	103° 22' 48"					F-48-63-D
phủ Sam Kha	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 03' 33"	103° 20' 58"					F-48-63-D
pu Sam Sầu	SV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 54"	103° 26' 51"					F-48-63-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Sang	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 03' 30"	103° 25' 23"	21° 02' 15"	103° 24' 24"	F-48-63-D
huổi Sút	TV	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp			21° 01' 10"	103° 19' 50"	21° 01' 27"	103° 17' 24"	F-48-63-D
bản Ten Lán	DC	xã Sam Kha	H. Sốp Cộp	21° 02' 35"	103° 19' 11"					F-48-63-D
đường tỉnh 105	KX	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp			20° 55' 48"	103° 35' 26"	20° 59' 30"	103° 38' 37"	F-48-76-A
bản Ban	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 50"	103° 35' 41"					F-48-76-A
bản Cang Mường	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 25"	103° 35' 50"					F-48-76-A
bản Co Hinh	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 17"	103° 36' 59"					F-48-76-A
pu Có Lím	SV	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 20"	103° 34' 43"					F-48-76-A
bản Co Phòng	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 55' 58"	103° 36' 16"					F-48-76-A
bản Hua Mường	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 13"	103° 35' 38"					F-48-76-A
pu Huổi Hay	SV	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 55' 51"	103° 35' 50"					F-48-76-A
bản Huổi Kháng	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 10"	103° 35' 15"					F-48-76-A
bản Huổi Pe	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 44"	103° 35' 26"					F-48-76-A
bản Lá Mường	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 34"	103° 35' 43"					F-48-76-A
bản Nà Dia	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 17"	103° 36' 28"					F-48-76-A
bản Nà Lốc	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 08"	103° 35' 52"					F-48-76-A
bản Nà Nó	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 37"	103° 36' 04"					F-48-76-A
bản Nà Sài	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 18"	103° 36' 12"					F-48-76-A
sườn Nậm Công	TV	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp			20° 56' 56"	103° 34' 43"	20° 59' 32"	103° 38' 31"	F-48-76-A
bản Pá Hóc	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 16"	103° 39' 13"					F-48-76-A
pu Pá Tét	SV	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 59' 25"	103° 36' 12"					F-48-76-A
bản Pe	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 33"	103° 35' 19"					F-48-76-A
bản Pom Kháng	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 57' 02"	103° 35' 36"					F-48-76-A
bản Sốp Nậm	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 56' 40"	103° 36' 18"					F-48-76-A
bản Tà Cọ	DC	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp	20° 58' 06"	103° 37' 55"					F-48-76-A
huổi Tà Cọ	TV	xã Sốp Cộp	H. Sốp Cộp			20° 57' 42"	103° 39' 09"	20° 58' 09"	103° 37' 48"	F-48-76-A
tiểu khu 17	DC	TT. Thuận Châu	H. Thuận Châu	21° 26' 08"	103° 41' 36"					F-48-64-A
tổ 18	DC	TT. Thuận Châu	H. Thuận Châu	21° 25' 53"	103° 42' 01"					F-48-64-A
tổ 20	DC	TT. Thuận Châu	H. Thuận Châu	21° 25' 50"	103° 42' 14"					F-48-64-A
bản Đồng	DC	TT. Thuận Châu	H. Thuận Châu	21° 26' 31"	103° 41' 12"					F-48-64-A
sườn Bản Bông	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 16' 26"	103° 48' 22"	21° 15' 37"	103° 49' 11"	F-48-64-B
bản Búa	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 09"	103° 48' 34"					F-48-64-B
bản Buồng	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 15' 49"	103° 49' 01"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huỗi Có Nậm	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 16' 26"	103° 47' 04"	21° 16' 15"	103° 45' 31"	F-48-64-B
bản Dắt	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 32"	103° 48' 11"					F-48-64-B
bản Hang Bon	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 46"	103° 48' 05"					F-48-64-B
bản Hiêm	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 16"	103° 48' 41"					F-48-64-B
bản Hoi	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 54"	103° 47' 57"					F-48-64-B
núi Hua Búa Luông	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 18' 14"	103° 47' 35"					F-48-64-B
bản Hua Lành	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 14' 37"	103° 45' 43"					F-48-64-D
núi Hua Nu	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 52"	103° 46' 02"					F-48-64-B
huỗi Huổi Bay	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 14' 16"	103° 48' 17"	21° 15' 38"	103° 48' 30"	F-48-64-B, F-48-64-D
núi Huổi Bô	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 15' 31"	103° 47' 00"					F-48-64-B
huỗi Huổi Láng	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 13' 41"	103° 46' 32"	21° 15' 24"	103° 44' 42"	F-48-64-A, F-48-64-B, F-48-64-D
núi Huổi Lít	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 40"	103° 45' 26"					F-48-64-B
huỗi Huổi Lít	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 17' 12"	103° 45' 55"	21° 16' 35"	103° 45' 45"	F-48-64-B
suối Huổi Nhộp	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 17' 42"	103° 47' 05"	21° 16' 26"	103° 48' 22"	F-48-64-B
huỗi Huổi Pàng	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 13' 46"	103° 47' 15"	21° 14' 16"	103° 48' 17"	F-48-64-D
bản Khoang	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 06"	103° 49' 13"					F-48-64-B
huỗi Kia Luông	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 13' 35"	103° 47' 52"	21° 13' 46"	103° 48' 21"	F-48-64-D
huỗi Kia Nọi	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 13' 26"	103° 47' 23"	21° 14' 07"	103° 48' 24"	F-48-64-D
bản Lầm A	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 03"	103° 48' 43"					F-48-64-B
bản Lầm B	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 17"	103° 48' 52"					F-48-64-B
bản Léch Lè	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 15' 55"	103° 48' 54"					F-48-64-B
bản Pá Lầu	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 14' 39"	103° 45' 14"					F-48-64-D
bản Phát	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 15' 53"	103° 49' 24"					F-48-64-B
huỗi Phát Thông	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 15' 12"	103° 46' 05"	21° 15' 50"	103° 45' 08"	F-48-64-B
bản Phé	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 00"	103° 48' 05"					F-48-64-B
bản Pùa	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 13"	103° 47' 42"					F-48-64-B
núi Săn Hồn Huổi	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 19"	103° 49' 07"					F-48-64-B
huỗi Tập	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 14' 27"	103° 46' 56"	21° 15' 12"	103° 46' 05"	F-48-64-B, F-48-64-D
phủ Tát Lít	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 22"	103° 45' 30"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tây Lãng	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 17' 08"	103° 47' 00"					F-48-64-B
núi Ten Háy	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 14"	103° 47' 27"					F-48-64-B
núi Ten Háy Quốc	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 37"	103° 49' 59"					F-48-64-B
núi Ten Sam Xấu	SV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 14' 26"	103° 47' 31"					F-48-64-D
bản Thân Nội	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 18' 05"	103° 47' 15"					F-48-64-B
bản Tó Té	DC	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu	21° 16' 49"	103° 48' 12"					F-48-64-B
huổi Túp Côn	TV	xã Bản Lầm	H. Thuận Châu			21° 17' 12"	103° 46' 52"	21° 16' 35"	103° 45' 45"	F-48-64-B
huổi Bề	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 27' 16"	103° 54' 17"	21° 26' 51"	103° 54' 55"	F-48-64-B
bản Bó	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 38"	103° 49' 55"					F-48-64-B
núi Cây Con Khỉ	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 39"	103° 48' 19"					F-48-64-B
bản Cha	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 09"	103° 53' 43"					F-48-64-B
núi Chom Lòi Luông	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 31"	103° 52' 41"					F-48-64-B
bản Cọ Củ	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 10"	103° 51' 06"					F-48-64-B
bản Đồng Mạ	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 15"	103° 50' 27"					F-48-64-B
huổi Gím	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 26' 51"	103° 54' 55"	21° 26' 26"	103° 56' 28"	F-48-64-B
núi Kéo Lộc	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 32"	103° 49' 39"					F-48-64-B
núi Kéo Nội	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 49"	103° 49' 24"					F-48-64-B
nằm Khiêng	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 28' 11"	103° 50' 06"	21° 29' 39"	103° 47' 26"	F-48-64-B
phủ Lán Lanh	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 27"	103° 48' 39"					F-48-64-B
núi Lòi Luông	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 50"	103° 47' 41"					F-48-64-B
bản Lọng Cu	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 29' 23"	103° 48' 35"					F-48-64-B
bản Lót	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 14"	103° 55' 01"					F-48-64-B
núi Lương Khô	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 27"	103° 52' 06"					F-48-64-B
bản Măn	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 29"	103° 54' 52"					F-48-64-B
pu Măn	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 18"	103° 48' 51"					F-48-64-B
huổi May	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 27' 23"	103° 53' 24"	21° 27' 38"	103° 51' 58"	F-48-64-B
bản Mười	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 13"	103° 50' 50"					F-48-64-B
sườn Nà Càng Pa	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 28' 10"	103° 50' 43"	21° 28' 11"	103° 50' 06"	F-48-64-B
bản Nà Hóc	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 36"	103° 54' 43"					F-48-64-B
sườn Nà Pan	TV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu			21° 27' 42"	103° 54' 13"	21° 27' 19"	103° 54' 53"	F-48-64-B
bản Nà Sài	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 12"	103° 51' 38"					F-48-64-B
bản Nà Sánh	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 19"	103° 48' 27"					F-48-64-B
bản Nà Ten	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 52"	103° 55' 48"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Viêng	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 48"	103° 49' 05"					F-48-64-B
bản Nong Bon	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 44"	103° 49' 08"					F-48-64-B
bản Nong Sàng	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 49"	103° 48' 18"					F-48-64-B
núi Pá Lay Lương	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 42"	103° 50' 20"					F-48-64-B
bản Phai Khon	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 43"	103° 55' 14"					F-48-64-B
đồi Phiêng Bử	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 10"	103° 55' 25"					F-48-64-B
núi Pom Chiêng Purn	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 19"	103° 55' 31"					F-48-64-B
núi Pom Co Ca	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 25' 41"	103° 54' 34"					F-48-64-B
núi Pom Đen Đin	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 38"	103° 51' 00"					F-48-64-B
núi Pom Đen Ong	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 45"	103° 49' 52"					F-48-64-B
núi Pom Nà Lán	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 05"	103° 52' 44"					F-48-64-B
núi Pom Ngụ Lương	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 52"	103° 47' 53"					F-48-64-B
núi Pom Xay	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 24"	103° 55' 33"					F-48-64-B
núi Pú Cút	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 48"	103° 52' 59"					F-48-64-B
đồi Pú Măn	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 15"	103° 54' 43"					F-48-64-B
pu Quai Càng Kéo	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 01"	103° 53' 01"					F-48-64-B
bản Săn	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 27' 32"	103° 52' 41"					F-48-64-B
núi Săn Co Bay	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 48"	103° 51' 18"					F-48-64-B
bản Sỏi	DC	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 28' 08"	103° 48' 56"					F-48-64-B
núi Sư Khẩu Sura Ton	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 26' 30"	103° 50' 02"					F-48-64-B
núi Ten Pom Po	SV	xã Bó Mười	H. Thuận Châu	21° 25' 43"	103° 49' 05"					F-48-64-B
quốc lộ 6	KX	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu			21° 23' 58"	103° 46' 08"	21° 21' 22"	103° 48' 26"	F-48-64-B
bản Bắc Cường	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 37"	103° 47' 03"					F-48-64-B
sườn Ban	TV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu			21° 21' 48"	103° 46' 21"	21° 23' 57"	103° 46' 07"	F-48-64-B
núi Bôm Chập	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 39"	103° 46' 25"					F-48-64-B
núi Bôm Mệt	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 20' 50"	103° 47' 30"					F-48-64-B
bản Chăn	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 29"	103° 45' 27"					F-48-64-B
đèo Chiềng Pắc	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 30"	103° 46' 53"					F-48-64-B
núi Co Cao	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 47"	103° 47' 11"					F-48-64-B
bản Co Kham	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 52"	103° 46' 39"					F-48-64-B
núi Co Pục	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 18"	103° 46' 55"					F-48-64-B
bản Co Trạng	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 16"	103° 46' 10"					F-48-64-B
núi Huổi Cường	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 49"	103° 46' 06"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Huồi Mi Chốc	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 33"	103° 48' 11"					F-48-64-B
núi Kéo Búa Non	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 59"	103° 48' 40"					F-48-64-B
núi Kéo Hạng Nộc	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 56"	103° 44' 16"					F-48-64-A
bản Kéo Pháy	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 34"	103° 46' 35"					F-48-64-B
núi Lán Nanh	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 54"	103° 47' 26"					F-48-64-B
bản Lầy	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 01"	103° 45' 03"					F-48-64-B
sườn Lầy	TV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu			21° 22' 39"	103° 43' 44"	21° 21' 54"	103° 45' 31"	F-48-64-A, F-48-64-B
bản Lồm Hượn	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 13"	103° 47' 23"					F-48-64-B
núi Lọng Hượn	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 13"	103° 47' 20"					F-48-64-B
bản Mé	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 11"	103° 47' 46"					F-48-64-B
bản Nà Hón	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 11"	103° 46' 20"					F-48-64-B
bản Nà Ne	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 14"	103° 46' 31"					F-48-64-B
núi Nà Nong Hón	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 55"	103° 45' 44"					F-48-64-B
bản Nà Tới	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 59"	103° 46' 18"					F-48-64-B
bản Nam Tiến	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 36"	103° 48' 03"					F-48-64-B
bản Nong Săn	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 17"	103° 46' 26"					F-48-64-B
bản Noong Ô	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 22"	103° 47' 02"					F-48-64-B
núi Pá Khoang	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 36"	103° 43' 36"					F-48-64-A
bản Pú Cá	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 23' 27"	103° 46' 08"					F-48-64-B
núi Pu Lôm	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 21"	103° 44' 59"					F-48-64-B
núi Săn Bản Xả	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 17"	103° 43' 55"					F-48-64-A
núi Tà Lý	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 56"	103° 48' 57"					F-48-64-B
bản Tát	DC	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 12"	103° 46' 49"					F-48-64-B
sườn Tát	TV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu			21° 21' 06"	103° 47' 15"	21° 21' 48"	103° 46' 21"	F-48-64-B
núi Tới	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 22' 16"	103° 46' 46"					F-48-64-B
núi Tre Búa	SV	xã Bon Phặng	H. Thuận Châu	21° 21' 33"	103° 46' 41"					F-48-64-B
đường tỉnh 108	KX	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 20' 57"	103° 35' 39"	21° 25' 04"	103° 40' 28"	F-48-64-A
cầu Bản Nhộp	KX	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 24' 16"	103° 40' 09"					F-48-64-A
nằm Bôm	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 26' 53"	103° 37' 56"	21° 25' 17"	103° 40' 16"	F-48-64-A
bản Có	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 24"	103° 38' 16"					F-48-64-A
núi Cờ Pia	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 22' 03"	103° 36' 22"					F-48-64-A
bản Cùn Lum	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 05"	103° 39' 15"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cùn Ten	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 19"	103° 39' 02"					F-48-64-A
núi Dấu Mỹ	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 23' 45"	103° 35' 30"					F-48-64-A
pu Hạng Khăn	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 22' 56"	103° 38' 25"					F-48-64-A
bản Hòm	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 58"	103° 38' 43"					F-48-64-A
bản Hòm A	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 47"	103° 37' 55"					F-48-64-A
bản Hòm B	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 35"	103° 37' 47"					F-48-64-A
núi Hủa Huổi	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 24' 40"	103° 37' 09"					F-48-64-A
bản Hủa Ty A	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 21' 21"	103° 35' 56"					F-48-64-A
bản Hủa Ty B	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 21' 00"	103° 35' 59"					F-48-64-A
núi Huổi Bản Khem	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 28' 33"	103° 38' 18"					F-48-64-A
suoối Huổi Búa	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 27' 39"	103° 37' 00"	21° 26' 35"	103° 36' 46"	F-48-64-A
suoối Huổi Láng	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 25' 15"	103° 37' 51"	21° 25' 26"	103° 39' 05"	F-48-64-A
suoối Huổi Liệp	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 22' 33"	103° 37' 52"	21° 22' 36"	103° 39' 13"	F-48-64-A
suoối Huổi Mện	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 25' 29"	103° 37' 55"	21° 25' 59"	103° 38' 48"	F-48-64-A
bản Huổi Nhộp	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 22' 50"	103° 35' 44"					F-48-64-A
núi Huổi Nhộp	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 23' 12"	103° 35' 41"					F-48-64-A
bản Huổi Pu	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 23' 11"	103° 38' 52"					F-48-64-A
núi Huổi Sặng	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 51"	103° 38' 37"					F-48-64-A
suoối Huổi Sĩa	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 21' 29"	103° 37' 14"	21° 20' 06"	103° 37' 38"	F-48-64-A
pu Huổi Sòi	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 57"	103° 37' 39"					F-48-64-A
suoối Huổi Sòi	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 27' 08"	103° 38' 47"	21° 26' 20"	103° 38' 27"	F-48-64-A
núi Huổi Thăm	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 20' 31"	103° 37' 58"					F-48-64-A
bản Ít Cang	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 14"	103° 36' 17"					F-48-64-A
suoối Ít Cang	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 24' 15"	103° 35' 30"	21° 26' 10"	103° 36' 16"	F-48-64-A
bản Khem A	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 28' 16"	103° 37' 21"					F-48-64-A
bản Khem B	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 28' 02"	103° 37' 25"					F-48-64-A
bản Lái Cang	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 34"	103° 38' 49"					F-48-64-A
bản Lái Lọng	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 29"	103° 38' 53"					F-48-64-A
bản Lái Ten	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 40"	103° 38' 46"					F-48-64-A
núi Lóng Nọi	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 22' 14"	103° 37' 46"					F-48-64-A
bản Lừu	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 44"	103° 38' 01"					F-48-64-A
bản Mỏ	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 24' 59"	103° 39' 48"					F-48-64-A
bản Nà Lét	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 50"	103° 39' 06"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Tắm	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 37"	103° 36' 56"					F-48-64-A
bản Nà Trạng	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 11"	103° 38' 46"					F-48-64-A
bản Nhộp	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 24' 44"	103° 40' 15"					F-48-64-A
súoi Nhộp	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 22' 28"	103° 36' 26"	21° 23' 58"	103° 40' 08"	F-48-64-A
pu Nô Ngua 1+2	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 11"	103° 36' 34"					F-48-64-A
súoi Nong Lào	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 20' 56"	103° 36' 30"	21° 20' 06"	103° 37' 38"	F-48-64-A
núi Nồng Lông	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 49"	103° 35' 42"					F-48-64-A
bản Pá Hóc	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 46"	103° 37' 22"					F-48-64-A
pòm Pha Té	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 34"	103° 38' 32"					F-48-64-A
huổi Phái Pẩn	SV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 53"	103° 38' 25"					F-48-64-A
bản Phiềng Hàm	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 23' 09"	103° 38' 31"					F-48-64-A
bản Pòm Khoáng A	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 34"	103° 39' 18"					F-48-64-A
bản Pòm Khoáng B	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 21"	103° 39' 27"					F-48-64-A
bản Pọng	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 26' 22"	103° 38' 28"					F-48-64-A
bản Pu Ca	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 49"	103° 38' 51"					F-48-64-A
huổi Tát	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 25' 55"	103° 38' 01"	21° 26' 09"	103° 38' 32"	F-48-64-A
bản Ten Mường	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 25' 02"	103° 39' 34"					F-48-64-A
bản Tịm A	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 30"	103° 37' 15"					F-48-64-A
bản Tịm B	DC	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu	21° 27' 21"	103° 37' 27"					F-48-64-A
nậm Ty	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 20' 06"	103° 37' 38"	21° 20' 39"	103° 39' 13"	F-48-64-A
súoi Viêng	TV	xã Chiềng Bôm	H. Thuận Châu			21° 24' 12"	103° 35' 01"	21° 26' 14"	103° 35' 49"	F-48-64-A
đường tỉnh 107	KX	xã Chiềng La	H. Thuận Châu			21° 31' 39"	103° 42' 26"	21° 30' 49"	103° 43' 33"	F-48-52-C
núi Búa Hẹt	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 29' 38"	103° 41' 42"					F-48-64-A
bản Cát	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 18"	103° 40' 44"					F-48-52-C
bản Hươn Kho	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 18"	103° 41' 41"					F-48-52-C
bản Lả Lôm	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 30' 33"	103° 42' 29"					F-48-52-C
núi Lán Luông	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 34"	103° 42' 06"					F-48-52-C
núi Lôi Luông	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 30' 42"	103° 40' 31"					F-48-52-C
bản Lọng Cạo	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 19"	103° 41' 25"					F-48-52-C
núi Lọng Phủ Nhứt	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 48"	103° 41' 44"					F-48-52-C
bản Nong Lanh	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 18"	103° 42' 51"					F-48-52-C
bản Nưa	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 00"	103° 41' 55"					F-48-52-C
núi Pom Cát	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 38"	103° 40' 05"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pom Me	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 32' 07"	103° 41' 19"					F-48-52-C
núi Pom Pu Púa	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 29' 36"	103° 40' 11"					F-48-64-A
núi Pom Púa	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 32' 07"	103° 40' 05"					F-48-52-C
núi Pom Thẩm Chè Bề	SV	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 05"	103° 42' 41"					F-48-52-C
bản Pu Mầu	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 30' 46"	103° 42' 16"					F-48-52-C
bản Song	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 29' 52"	103° 40' 31"					F-48-64-A
bản Tầu	DC	xã Chiềng La	H. Thuận Châu	21° 31' 07"	103° 41' 37"					F-48-52-C
bản Bàng Mạn	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 25' 39"	103° 40' 16"					F-48-64-A
bản Bó Nưa	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 47"	103° 40' 27"					F-48-64-A
núi Bó Nưa	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 34"	103° 39' 48"					F-48-64-A
bản Bó Tở	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 55"	103° 40' 45"					F-48-64-A
bản Bóm Bao	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 28' 38"	103° 42' 03"					F-48-64-A
bản Bóm Lầu	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 28' 47"	103° 43' 18"					F-48-64-A
núi Búa Kết	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 24' 48"	103° 40' 23"					F-48-64-A
pu Cầm	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 29' 02"	103° 42' 10"					F-48-64-A
huối Cáy	TV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu			21° 27' 33"	103° 41' 28"	21° 27' 24"	103° 42' 36"	F-48-64-A
bản Cự	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 28' 28"	103° 41' 10"					F-48-64-A
bản Hán	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 29' 13"	103° 40' 42"					F-48-64-A
núi Huối Rang	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 28' 24"	103° 42' 18"					F-48-64-A
bản Hường	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 25' 44"	103° 41' 34"					F-48-64-A
núi Lan Cạn	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 29' 04"	103° 41' 11"					F-48-64-A
núi Lông Bay	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 27' 23"	103° 41' 20"					F-48-64-A
bản Lông Mòn	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 25' 07"	103° 40' 41"					F-48-64-A
bản Lụng Khoang	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 29' 04"	103° 43' 44"					F-48-64-A
bản Nà Bon	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 25' 57"	103° 40' 44"					F-48-64-A
bản Nà Cài	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 17"	103° 40' 45"					F-48-64-A
bản Nà Nghè	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 25' 30"	103° 40' 43"					F-48-64-A
bản Nà Tong	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 27' 36"	103° 41' 57"					F-48-64-A
bản Nong Hay	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 27' 27"	103° 42' 07"					F-48-64-A
bản Pán	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 43"	103° 40' 55"					F-48-64-A
bản Phiêng Xá	DC	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 26' 08"	103° 40' 43"					F-48-64-A
huối Ướt	TV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu			21° 26' 23"	103° 39' 28"	21° 26' 23"	103° 40' 51"	F-48-64-A
núi Xà Le	SV	xã Chiềng Ly	H. Thuận Châu	21° 29' 22"	103° 41' 53"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bán Chao	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 29' 21"	103° 46' 43"					F-48-64-B
núi Dao	SV	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 32' 25"	103° 44' 22"					F-48-52-C
bán Huổi Lán	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 32' 21"	103° 46' 45"					F-48-52-D
núi Lý	SV	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 32' 01"	103° 43' 31"					F-48-52-C
bán Mện	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 30' 18"	103° 44' 53"					F-48-52-C
bán Mùa	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 29' 52"	103° 46' 05"					F-48-64-B
suối Muội	TV	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu			21° 29' 06"	103° 46' 59"	21° 31' 55"	103° 43' 06"	F-48-52-C, F-48-52-D, F-48-64-B
bán Nà Cưa	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 31' 15"	103° 44' 06"					F-48-52-C
núi Ngâm	SV	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 28' 29"	103° 45' 59"					F-48-64-B
bán Ngâm Nưa	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 31' 13"	103° 44' 33"					F-48-52-C
bán Ngâm Tở	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 31' 24"	103° 44' 21"					F-48-52-C
bán Nong Cạn	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 31' 06"	103° 47' 20"					F-48-52-D
núi Pá Sỏi	SV	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 28' 43"	103° 46' 04"					F-48-64-B
bán Pù	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 28' 57"	103° 47' 38"					F-48-64-B
núi Pử Ướt	SV	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 28' 39"	103° 47' 30"					F-48-64-B
bán Quảy	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 30' 18"	103° 46' 45"					F-48-52-D
bán Sảng	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 28' 40"	103° 46' 44"					F-48-64-B
bán Tam	DC	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 30' 04"	103° 46' 00"					F-48-52-D
núi Tênh Hươn	SV	xã Chiềng Ngâm	H. Thuận Châu	21° 30' 45"	103° 44' 16"					F-48-52-C
tổ 1	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 25' 08"	103° 45' 40"					F-48-64-B
núi Bu Ca	SV	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 23' 13"	103° 45' 43"					F-48-64-B
núi Búa Mu	SV	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 31"	103° 45' 25"					F-48-64-B
núi Bướm Bon	SV	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 23' 55"	103° 47' 27"					F-48-64-B
bán Co Cại	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 20"	103° 45' 59"					F-48-64-B
núi Co Kẹ	SV	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 25' 07"	103° 46' 20"					F-48-64-B
núi Khẩu Côm	SV	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 26"	103° 46' 30"					F-48-64-B
huổi Lai	TV	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu			21° 23' 23"	103° 43' 33"	21° 24' 19"	103° 45' 51"	F-48-64-A, F-48-64-B
núi Long Kiến	SV	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 28"	103° 47' 29"					F-48-64-B
bán Long Mên	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 23' 51"	103° 45' 30"					F-48-64-B
bán Mấy	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 07"	103° 45' 20"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Máy Đường	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 50"	103° 45' 38"					F-48-64-B
bản Nà Khoang	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 23' 45"	103° 45' 24"					F-48-64-B
bản Nà Lính	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 51"	103° 45' 56"					F-48-64-B
núi Nà Ngựa	SV	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 23' 33"	103° 43' 30"					F-48-64-A
bản Nong Sa	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 38"	103° 45' 52"					F-48-64-B
bản Ten	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 14"	103° 46' 06"					F-48-64-B
núi Xen Cắm	SV	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 01"	103° 44' 05"					F-48-64-A
bản Xi Măng 1	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 23' 59"	103° 46' 12"					F-48-64-B
bản Xi Măng 2	DC	xã Chiềng Pắc	H. Thuận Châu	21° 24' 07"	103° 46' 10"					F-48-64-B
núi Cang Kéo	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 32' 16"	103° 39' 02"					F-48-52-C
bản Chồ	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 28' 56"	103° 39' 49"					F-48-64-A
bản Hán	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 54"	103° 39' 35"					F-48-52-C
bản Hung Nhân	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 11"	103° 38' 26"					F-48-52-C
suối Huổi Hìn	TV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu			21° 29' 30"	103° 39' 30"	21° 28' 44"	103° 39' 41"	F-48-64-A
bản Huổi Nọi	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 09"	103° 38' 24"					F-48-52-C
bản Huổi Tát	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 17"	103° 36' 43"					F-48-52-C
núi Huổi Tát	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 11"	103° 36' 48"					F-48-52-C
bản Kén	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 29"	103° 39' 11"					F-48-52-C
núi Kéo Lồm	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 20"	103° 38' 54"					F-48-52-C
núi Lồm É	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 47"	103° 37' 27"					F-48-52-C
bản Lồm Hồm	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 21"	103° 38' 43"					F-48-52-C
núi Lọng Huống	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 41"	103° 38' 28"					F-48-64-A
bản Lọng Phẳng	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 28"	103° 37' 59"					F-48-52-C
bản Muồng	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 09"	103° 39' 32"					F-48-64-A
bản Nà Khoang	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 26"	103° 39' 36"					F-48-64-A
bản Nà Neo	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 55"	103° 39' 02"					F-48-52-C
bản Nà Ta	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 48"	103° 39' 28"					F-48-64-A
núi Nà Thăm	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 32' 07"	103° 39' 35"					F-48-52-C
bản Nà Trại	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 38"	103° 38' 05"					F-48-52-C
bản Ngà	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 36"	103° 39' 12"					F-48-64-A
bản Nong Lào	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 32' 08"	103° 38' 58"					F-48-52-C
núi Pú Cở	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 42"	103° 39' 04"					F-48-52-C
bản Sai Trong	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 31' 20"	103° 37' 33"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tạng Phát	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 29' 58"	103° 39' 10"					F-48-64-A
núi Thảm Hẹ	SV	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 32' 22"	103° 39' 41"					F-48-52-C
bản Trọ	DC	xã Chiềng Pha	H. Thuận Châu	21° 30' 37"	103° 37' 47"					F-48-52-C
đường tỉnh 108	KX	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 20' 57"	103° 35' 39"	21° 17' 58"	103° 32' 16"	F-48-64-A
núi Bản Cát	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 18' 06"	103° 33' 40"					F-48-64-A
núi Bản Mớ	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 18' 22"	103° 33' 31"					F-48-64-A
súoi Cạn	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 19' 01"	103° 32' 32"	21° 17' 39"	103° 34' 02"	F-48-64-A
bản Cát	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 17' 52"	103° 34' 05"					F-48-64-A
súoi Cát	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 19' 13"	103° 34' 27"	21° 17' 50"	103° 34' 14"	F-48-64-A
núi Chả Lay A	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 10"	103° 31' 16"					F-48-64-A
súoi Chả Lay A	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 19' 44"	103° 31' 21"	21° 19' 01"	103° 32' 32"	F-48-64-A
bản Chả Lay A	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 20' 42"	103° 30' 49"					F-48-64-A
bản Chả Lay B	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 19' 50"	103° 32' 56"					F-48-64-A
núi Chín Đinh	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 38"	103° 34' 03"					F-48-64-A
bản Co Mạ	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 46"	103° 30' 38"					F-48-64-A
núi Co Mạ	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 23' 25"	103° 31' 11"					F-48-64-A
núi Cò Muồng	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 26"	103° 25' 53"					F-48-63-B
bản Co Nghè A	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 49"	103° 29' 53"					F-48-63-B
bản Co Nghè B	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 23' 05"	103° 30' 32"					F-48-64-A
núi Cửa Rừng	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 15"	103° 34' 43"					F-48-64-A
súoi Cửa Rừng	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 22' 14"	103° 34' 42"	21° 23' 07"	103° 32' 31"	F-48-64-A
huối Dền	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 21' 59"	103° 27' 21"	21° 23' 45"	103° 25' 24"	F-48-63-B
núi Gốc Cây	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 20' 23"	103° 35' 06"					F-48-64-A
bản Hát Xiển	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 20' 15"	103° 25' 30"					F-48-63-B
bản Hua Lương	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 08"	103° 35' 26"					F-48-64-A
súoi Hua Lương	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 20' 57"	103° 35' 38"	21° 23' 07"	103° 32' 31"	F-48-64-A
núi Hua Ty	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 18' 59"	103° 36' 34"					F-48-64-A
nậm Hua Ty	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 20' 50"	103° 35' 35"	21° 20' 06"	103° 37' 38"	F-48-64-A
bản Huối Dân	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 44"	103° 26' 37"					F-48-63-B
bản Huối Tinh	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 37"	103° 25' 38"					F-48-63-B
núi Lá Mèo	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 31"	103° 35' 46"					F-48-64-A
bản Lào Hạ	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 23' 03"	103° 29' 08"					F-48-63-B
súoi Mơ	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 22' 49"	103° 25' 42"	21° 23' 04"	103° 25' 08"	F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mớ	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 19' 06"	103° 32' 27"					F-48-64-A
núi Mua Nhía Hua	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 23' 04"	103° 29' 25"					F-48-63-B
huối Nắng	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 18' 23"	103° 35' 17"	21° 17' 50"	103° 34' 14"	F-48-64-A
bản Noong Vai	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 18' 58"	103° 33' 25"					F-48-64-A
bản Pá Ấu	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 59"	103° 24' 42"					F-48-63-B
bản Pá Chả	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 28"	103° 27' 04"					F-48-63-B
suối Pá Chả	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 23' 16"	103° 35' 25"	21° 23' 11"	103° 34' 47"	F-48-64-A
núi Pá Mơ	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 37"	103° 25' 48"					F-48-63-B
núi Pá Ớ	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 46"	103° 25' 18"					F-48-63-B
bản Pá Pháy	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 02"	103° 27' 07"					F-48-63-B
bản Pha Khuông	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 42"	103° 31' 23"					F-48-64-A
suối Pha Khuông	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 20' 17"	103° 32' 17"	21° 19' 29"	103° 32' 36"	F-48-64-A
phủ Pha Tinh	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 20' 29"	103° 28' 50"					F-48-63-B
bản Pô Mậu	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 31"	103° 26' 02"					F-48-63-B
núi Sa Nhá	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 21' 43"	103° 26' 18"					F-48-63-B
bản Sa Nhá A	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 03"	103° 27' 24"					F-48-63-B
bản Sa Nhá B	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 20' 46"	103° 25' 38"					F-48-63-B
pu Sam Sầu	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 19' 52"	103° 34' 16"					F-48-64-A
bản Sênh Thàng	DC	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 22' 20"	103° 28' 38"					F-48-63-B
suối Ta Chán	TV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu			21° 18' 47"	103° 33' 59"	21° 17' 39"	103° 34' 02"	F-48-64-A
núi Trong Chùa	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 18' 39"	103° 33' 16"					F-48-64-A
núi Trống Chùa Ta	SV	xã Cò Mạ	H. Thuận Châu	21° 17' 32"	103° 33' 12"					F-48-64-A
bản Cá Chùa	DC	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 17' 37"	103° 29' 30"					F-48-63-B
bản Co Cái	DC	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 17' 01"	103° 30' 44"					F-48-64-A
bản Co Nhừ	DC	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 18' 04"	103° 29' 48"					F-48-63-B
bản Co Tông	DC	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 17' 41"	103° 30' 10"					F-48-64-A
suối Hà Khúa	TV	xã Co Tông	H. Thuận Châu			21° 19' 40"	103° 30' 58"	21° 18' 14"	103° 28' 43"	F-48-63-B, F-48-64-A
bản Hà Khúa A	DC	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 18' 30"	103° 29' 01"					F-48-63-B
bản Hà Khúa B	DC	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 18' 30"	103° 29' 08"					F-48-63-B
suối Nậm Phổng	TV	xã Co Tông	H. Thuận Châu			21° 17' 19"	103° 30' 30"	21° 17' 04"	103° 29' 32"	F-48-63-B, F-48-64-A
bản Pá Cháo A	DC	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 17' 52"	103° 29' 47"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pá Cháo B	DC	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 17' 21"	103° 29' 32"					F-48-63-B
núi Pá Dừa	SV	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 19' 20"	103° 31' 08"					F-48-64-A
suối Pá Dừa	TV	xã Co Tông	H. Thuận Châu			21° 18' 58"	103° 31' 22"	21° 17' 38"	103° 30' 40"	F-48-64-A
bản Pá Hốc	DC	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 17' 35"	103° 31' 50"					F-48-64-A
núi Pá Hốc	SV	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 17' 50"	103° 32' 29"					F-48-64-A
suối Pá Hốc	TV	xã Co Tông	H. Thuận Châu			21° 17' 07"	103° 32' 13"	21° 17' 38"	103° 30' 40"	F-48-64-A
núi Thảm Xét	SV	xã Co Tông	H. Thuận Châu	21° 19' 20"	103° 28' 21"					F-48-63-B
bản Đồng Cự	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 27' 28"	103° 27' 47"					F-48-63-B
nậm É	TV	xã É Tông	H. Thuận Châu			21° 26' 28"	103° 30' 06"	21° 26' 19"	103° 26' 50"	F-48-63-B, F-48-64-A
bản Hát Lẹ	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 27' 04"	103° 30' 55"					F-48-64-A
huổi Hèm	TV	xã É Tông	H. Thuận Châu			21° 28' 15"	103° 28' 48"	21° 27' 36"	103° 27' 58"	F-48-63-B
bản Huổi Lanh A	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 28' 35"	103° 28' 17"					F-48-63-B
bản Huổi Lương	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 29' 22"	103° 27' 20"					F-48-63-B
bản Huổi Mạ	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 28' 05"	103° 29' 15"					F-48-63-B
phủ Huổi Mạ	SV	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 28' 27"	103° 28' 38"					F-48-63-B
bản Long Nậm	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 26' 26"	103° 28' 46"					F-48-63-B
huổi Mạ	TV	xã É Tông	H. Thuận Châu			21° 27' 42"	103° 29' 39"	21° 27' 12"	103° 28' 06"	F-48-63-B
bản Nà Hèm	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 27' 41"	103° 28' 05"					F-48-63-B
bản Nà Lanh	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 28' 40"	103° 27' 32"					F-48-63-B
bản Nà Mãnh	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 26' 31"	103° 29' 03"					F-48-63-B
bản Nà Sỏi	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 28' 01"	103° 27' 37"					F-48-63-B
bản Nà Tông	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 26' 32"	103° 26' 58"					F-48-63-B
bản Nà vàng	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 30' 51"	103° 27' 50"					F-48-51-D
suối Nậm Cá	TV	xã É Tông	H. Thuận Châu			21° 29' 33"	103° 26' 57"	21° 27' 37"	103° 27' 52"	F-48-63-B
bản Nong Lạnh A	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 27' 24"	103° 28' 13"					F-48-63-B
bản Nong Lạnh B	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 27' 11"	103° 27' 41"					F-48-63-B
huổi Púa	TV	xã É Tông	H. Thuận Châu			21° 28' 28"	103° 28' 25"	21° 27' 59"	103° 27' 32"	F-48-63-B
bản Ten	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 26' 40"	103° 28' 45"					F-48-63-B
bản Ten Muống	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 27' 17"	103° 28' 19"					F-48-63-B
bản Thảm Ôn	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 29' 12"	103° 27' 02"					F-48-63-B
bản Tợ	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 27' 03"	103° 28' 27"					F-48-63-B
bản Xam Phổng	DC	xã É Tông	H. Thuận Châu	21° 28' 23"	103° 27' 29"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bãi Kĩa	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 32' 47"	103° 52' 37"					F-48-52-D
bản Bó Luom Me Sim	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 31' 01"	103° 55' 26"					F-48-52-D
bản Cang	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 30' 21"	103° 55' 09"					F-48-52-D
bản Co Khết	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 29' 52"	103° 54' 58"					F-48-64-B
bản Co Phưong	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 30' 28"	103° 53' 13"					F-48-52-D
sông Đà	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 33' 28"	103° 49' 06"	21° 29' 51"	103° 59' 32"	F-48-52-D, F-48-64-B
dãy núi Đen Đin	SV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 31' 58"	103° 50' 28"					F-48-52-D
bản Huổi Lồng Ten Kim	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 32' 12"	103° 54' 27"					F-48-52-D
bản Ít Khết	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 32' 10"	103° 49' 44"					F-48-52-D
bản Kéo Co Muồng	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 31' 39"	103° 53' 03"					F-48-52-D
huổi Khết	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 32' 50"	103° 49' 11"	21° 33' 08"	103° 49' 38"	F-48-52-D
bản Khôm Hĩa	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 30' 58"	103° 55' 55"					F-48-52-D
dãy núi Khon Kén	SV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 31' 45"	103° 53' 46"					F-48-52-D
huổi Lẹ	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 31' 13"	103° 51' 08"	21° 32' 33"	103° 51' 29"	F-48-52-D
suối Lụ	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 32' 10"	103° 49' 48"	21° 32' 46"	103° 50' 36"	F-48-52-D
suối Màng	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 31' 39"	103° 53' 08"	21° 32' 27"	103° 54' 07"	F-48-52-D
suối Mông Luống	TV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu			21° 30' 37"	103° 54' 59"	21° 31' 16"	103° 55' 40"	F-48-52-D
bản Pá Màng	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 32' 26"	103° 54' 00"					F-48-52-D
bản Pá Vinh	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 29' 41"	103° 58' 18"					F-48-64-B
dãy núi Sam Ka	SV	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 30' 44"	103° 52' 32"					F-48-52-D
bản Tái	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 30' 12"	103° 57' 43"					F-48-52-D
bản Ten Khoang	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 33' 02"	103° 49' 44"					F-48-52-D
bản Ten Pá Hu	DC	xã Liệp Tè	H. Thuận Châu	21° 32' 26"	103° 51' 17"					F-48-52-D
núi Cán Tỷ	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 12"	103° 27' 36"					F-48-63-B
bản Cán Tỷ A	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 06"	103° 27' 14"					F-48-63-B
bản Cán Tỷ B	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 23' 37"	103° 26' 36"					F-48-63-B
núi Chả Bá Khôm	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 30"	103° 34' 51"					F-48-64-A
núi Cha Mai	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 06"	103° 32' 50"					F-48-64-A
bản Cha Mai A	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 26' 30"	103° 32' 19"					F-48-64-A
bản Cha Mai B	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 27' 18"	103° 32' 22"					F-48-64-A
bản Co Nhừ	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 41"	103° 31' 58"					F-48-64-A
huổi Đen	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 22' 58"	103° 26' 05"	21° 23' 45"	103° 25' 24"	F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huồi Dầu	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 22' 50"	103° 27' 06"	21° 22' 58"	103° 26' 05"	F-48-63-B
nậm É	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 28' 00"	103° 32' 23"	21° 27' 22"	103° 31' 14"	F-48-64-A
bản Hà Tàu	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 54"	103° 30' 30"					F-48-64-A
núi Hua Viêng	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 23' 43"	103° 34' 26"					F-48-64-A
bản Kéo Hẹ	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 06"	103° 29' 43"					F-48-63-B
pu Khảo	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 14"	103° 32' 43"					F-48-64-A
khe Thên Thăng	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 23' 10"	103° 28' 46"	21° 23' 18"	103° 28' 30"	F-48-63-B
bản Long Hẹ	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 13"	103° 29' 23"					F-48-63-B
bản Nà Nôm	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 45"	103° 25' 19"					F-48-63-B
dây Nà Nur	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 42"	103° 25' 33"					F-48-63-B
bản Nậm Búa	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 26' 16"	103° 33' 41"					F-48-64-A
suối Nậm Búa	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 27' 02"	103° 33' 18"	21° 28' 00"	103° 32' 23"	F-48-64-A
bản Nậm Nhữ	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 35"	103° 29' 55"					F-48-63-B
suối Nậm Nhữ	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 24' 38"	103° 30' 08"	21° 26' 22"	103° 29' 24"	F-48-63-B, F-48-64-A
suối Nồng Cốc	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 24' 01"	103° 34' 22"	21° 26' 46"	103° 33' 44"	F-48-64-A
bản Nồng Cốc A	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 27"	103° 33' 57"					F-48-64-A
bản Nồng Cốc B	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 37"	103° 34' 10"					F-48-64-A
núi Nồng Cốc Nội	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 53"	103° 34' 54"					F-48-64-A
bản Pá Púa	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 07"	103° 25' 53"					F-48-63-B
bản Pá Uối	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 16"	103° 31' 31"					F-48-64-A
suối Pá Uối	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 24' 03"	103° 33' 27"	21° 24' 17"	103° 31' 29"	F-48-64-A
bản Phiêng Mat	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 23' 30"	103° 30' 18"					F-48-64-A
suối Pó Châu	TV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu			21° 25' 48"	103° 32' 45"	21° 27' 02"	103° 33' 18"	F-48-64-A
bản Pú Chăn	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 41"	103° 28' 28"					F-48-63-B
bản Pú Chưn	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 26' 15"	103° 28' 04"					F-48-63-B
núi Sam Sầu	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 39"	103° 30' 25"					F-48-64-A
núi Tà Con	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 44"	103° 26' 44"					F-48-63-B
bản Ta Khom	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 25' 47"	103° 27' 04"					F-48-63-B
núi Ta Khom	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 41"	103° 25' 53"					F-48-63-B
núi Trống Dênh	SV	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 24' 07"	103° 30' 44"					F-48-64-A
bản Viêng	DC	xã Long Hẹ	H. Thuận Châu	21° 26' 12"	103° 35' 43"					F-48-64-A
bản Bó	DC	xã Muối Nọi	H. Thuận Châu	21° 20' 39"	103° 48' 50"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Bón Quang Tầu	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 21' 45"	103° 50' 05"					F-48-64-B
núi Bua Chay	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 20' 33"	103° 46' 35"					F-48-64-B
núi Chổi	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 20' 52"	103° 49' 54"					F-48-64-B
núi Co Ke	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 20' 51"	103° 48' 48"					F-48-64-B
bán Cống	DC	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 21' 14"	103° 49' 04"					F-48-64-B
bán Đồng Hưng	DC	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 21' 21"	103° 49' 48"					F-48-64-B
núi Hua Co Nhương	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 20' 22"	103° 47' 41"					F-48-64-B
núi Kéo Bai	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 21' 32"	103° 48' 51"					F-48-64-B
núi Lán Đanh	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 20' 28"	103° 49' 16"					F-48-64-B
núi Lũng Ớt	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 20' 27"	103° 49' 59"					F-48-64-B
núi Lung Xả	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 20' 57"	103° 49' 27"					F-48-64-B
bán Muối Nội	DC	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 19' 51"	103° 49' 24"					F-48-64-B
bán Nà Sa	DC	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 19' 53"	103° 48' 51"					F-48-64-B
bán Ngưỡng	DC	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 20' 13"	103° 48' 35"					F-48-64-B
bán Phiêng Bông	DC	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 21' 14"	103° 48' 39"					F-48-64-B
núi Phông Khổng	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 21' 48"	103° 49' 39"					F-48-64-B
núi Quai Nội	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 20' 03"	103° 46' 40"					F-48-64-B
bán Sảng	DC	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 19' 08"	103° 48' 28"					F-48-64-B
núi Tát Dương	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 18' 15"	103° 48' 54"					F-48-64-B
núi Ten Sáng	SV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 19' 17"	103° 47' 41"					F-48-64-B
bán Thán	DC	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 19' 46"	103° 48' 09"					F-48-64-B
huối Thán	TV	xã Muối Nội	H. Thuận Châu			21° 20' 03"	103° 47' 01"	21° 20' 31"	103° 48' 50"	F-48-64-B
bán Xang	DC	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 18' 52"	103° 48' 02"					F-48-64-B
bán Xang	DC	xã Muối Nội	H. Thuận Châu	21° 19' 40"	103° 47' 45"					F-48-64-B
bán Bánh Ó	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 20' 53"	103° 24' 13"					F-48-63-B
bán Bóm Kham	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 22' 52"	103° 23' 52"					F-48-63-B
núi Chom Cầu	SV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 21' 39"	103° 23' 28"					F-48-63-B
bán Cón Ong	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 51"	103° 23' 46"					F-48-63-B
núi Háng Ba	SV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 19' 52"	103° 24' 34"					F-48-63-B
bán Háng Dưa Dưới	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 19' 28"	103° 24' 30"					F-48-63-B
bán Háng Dưa Trên	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 19' 20"	103° 23' 48"					F-48-63-B
bán Hát Lướt	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 21' 38"	103° 24' 23"					F-48-63-B
bán Hát Pàng	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 20' 50"	103° 24' 48"					F-48-63-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Hát Pàng	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 19' 43"	103° 22' 52"	21° 20' 49"	103° 25' 10"	F-48-63-B
suối Huổi Na	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 23' 45"	103° 25' 24"	21° 23' 21"	103° 24' 16"	F-48-63-B
bản Lào	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 23' 41"	103° 23' 36"					F-48-63-B
bản Nà Cầu	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 21"	103° 22' 50"					F-48-63-B
bản Nà Cha	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 21' 12"	103° 23' 27"					F-48-63-B
bản Nà Hát A	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 13"	103° 23' 08"					F-48-63-B
bản Nà Hát B	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 02"	103° 23' 22"					F-48-63-B
bản Nà La A	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 23' 35"	103° 24' 17"					F-48-63-B
bản Nà La B	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 23' 21"	103° 24' 27"					F-48-63-B
bản Nà Làng	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 14"	103° 22' 19"					F-48-63-B
núi Nà Làng	SV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 23' 58"	103° 21' 12"					F-48-63-B
bản Nà Pa	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 22' 46"	103° 24' 02"					F-48-63-B
sông Nậm Bám	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 25' 31"	103° 20' 26"	21° 24' 17"	103° 22' 10"	F-48-63-B
suối Nậm Bám	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 24' 17"	103° 22' 10"	21° 23' 43"	103° 24' 05"	F-48-63-B
suối Nậm Hủa	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 25' 42"	103° 24' 37"	21° 22' 04"	103° 23' 54"	F-48-63-B
nậm Hủa	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 22' 04"	103° 23' 54"	21° 19' 37"	103° 25' 53"	F-48-63-B
suối Nậm Ún	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 22' 50"	103° 22' 10"	21° 22' 10"	103° 23' 09"	F-48-63-B
bản Nậm Ún	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 22' 29"	103° 22' 09"					F-48-63-B
bản Pá Ban	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 25' 07"	103° 20' 20"					F-48-63-B
bản Pá Chóng	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 22' 10"	103° 23' 40"					F-48-63-B
suối Pá Ó	TV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu			21° 22' 06"	103° 24' 30"	21° 22' 05"	103° 23' 54"	F-48-63-B
bản Pá Sàng	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 24' 49"	103° 24' 06"					F-48-63-B
bản Phên	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 23' 51"	103° 21' 45"					F-48-63-B
bản Thẩm Đón	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 25' 13"	103° 20' 24"					F-48-63-B
bản Thẩm Tọ	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 25' 34"	103° 21' 23"					F-48-63-B
núi Thẩm Tọ	SV	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 25' 34"	103° 21' 17"					F-48-63-B
bản Tư Làng Dưới A	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 19' 56"	103° 22' 13"					F-48-63-B
bản Tư Làng Dưới B	DC	xã Mường Bám	H. Thuận Châu	21° 20' 11"	103° 22' 38"					F-48-63-B
quốc lộ 6	KX	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 34' 04"	103° 31' 11"	21° 32' 06"	103° 36' 32"	F-48-52-C
huổi Cã	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 32' 55"	103° 33' 53"	21° 31' 27"	103° 34' 16"	F-48-52-C
bản Cang Kéo	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 55"	103° 34' 44"					F-48-52-C
bản Chập	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 16"	103° 34' 34"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Chiềng	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 31' 27"	103° 34' 16"	21° 29' 16"	103° 33' 47"	F-48-64-A, F-48-52-C
bản Chiềng Ve A	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 18"	103° 34' 46"					F-48-52-C
bản Chiềng Ve B	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 29"	103° 34' 35"					F-48-52-C
bản Co Cại	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 11"	103° 34' 24"					F-48-52-C
núi Cưu Kẹp	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 36"	103° 36' 25"					F-48-52-C
nậm Èt	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 33' 30"	103° 31' 15"	21° 31' 40"	103° 33' 07"	F-48-52-C
bản Hát Lụ	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 28' 11"	103° 31' 29"					F-48-64-A
nậm Hét	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 29' 16"	103° 33' 47"	21° 26' 00"	103° 32' 23"	F-48-64-A
núi Hoàng Nhày	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 58"	103° 36' 22"					F-48-52-C
bản Hua Công	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 30"	103° 31' 10"					F-48-52-C
núi Huát	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 37"	103° 33' 01"					F-48-52-C
bản Huổi Ai	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 33' 30"	103° 32' 04"					F-48-52-C
bản Huổi Cả	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 07"	103° 33' 59"					F-48-52-C
núi Huổi Có	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 46"	103° 29' 29"					F-48-51-D
núi Kiếng	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 27"	103° 35' 57"					F-48-52-C
bản Kiếng A	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 41"	103° 35' 11"					F-48-52-C
bản Kiếng B	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 53"	103° 35' 10"					F-48-52-C
núi Len Muông	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 54"	103° 31' 01"					F-48-52-C
bản Long Hia	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 31"	103° 32' 53"					F-48-52-C
bản Nà Dên	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 07"	103° 34' 56"					F-48-52-C
bản Nà Đốc	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 19"	103° 34' 49"					F-48-52-C
bản Nà Hà	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 50"	103° 33' 10"					F-48-52-C
bản Nà Lầu	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 23"	103° 33' 36"					F-48-52-C
bản Nà Lầu	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 00"	103° 33' 39"					F-48-52-C
bản Nà Lê	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 34"	103° 33' 38"					F-48-52-C
bản Nà Lụ	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 29' 54"	103° 34' 26"					F-48-64-A
bản Nà Săng	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 17"	103° 33' 12"					F-48-52-C
bản Nà Vai	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 54"	103° 34' 03"					F-48-52-C
bản Nậm Nong	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 28' 37"	103° 32' 04"					F-48-64-A
bản Pá Đông	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 07"	103° 30' 44"					F-48-52-C
bản Pá Khôm	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 34' 02"	103° 31' 12"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pá Lông	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 30' 26"	103° 30' 55"	21° 29' 05"	103° 30' 12"	F-48-64-A, F-48-52-C
bản Pá Ờ	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 29' 40"	103° 32' 50"					F-48-64-A
bản Phạ	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 07"	103° 33' 53"					F-48-52-C
bản Phát	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 30' 27"	103° 34' 33"					F-48-52-C
núi Po Giôn	SV	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 10"	103° 35' 53"					F-48-52-C
bản Pom Mè	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 40"	103° 34' 14"					F-48-52-C
bản Tan	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 23"	103° 33' 17"					F-48-52-C
bản Tin Tốc Nưa	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 21"	103° 32' 43"					F-48-52-C
bản Tin Tốc Tơ	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 32' 13"	103° 32' 57"					F-48-52-C
bản Tum	DC	xã Mường É	H. Thuận Châu	21° 31' 59"	103° 32' 47"					F-48-52-C
nậm Tum	TV	xã Mường É	H. Thuận Châu			21° 31' 08"	103° 31' 48"	21° 31' 27"	103° 34' 16"	F-48-52-C
suối Bản Khiêng	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 30' 35"	103° 49' 58"	21° 28' 43"	103° 51' 39"	F-48-52-D, F-48-64-B
suối Bản Lạn	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 30' 57"	103° 47' 31"	21° 28' 16"	103° 50' 48"	F-48-52-D, F-48-64-B
suối Bản Sát	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 30' 55"	103° 49' 58"	21° 30' 22"	103° 48' 38"	F-48-52-D
bản Bon	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 18"	103° 55' 49"					F-48-64-B
bản Cù	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 20"	103° 48' 50"					F-48-52-D
bản Đưa A	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 20"	103° 51' 15"					F-48-64-B
bản Đưa B	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 27' 59"	103° 54' 55"					F-48-64-B
bản Hà	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 11"	103° 50' 33"					F-48-52-D
bản Hang	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 08"	103° 51' 31"					F-48-64-B
bản Hăng	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 38"	103° 52' 06"					F-48-64-B
hang Hìn Tu	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 57"	103° 52' 16"					F-48-64-B
bản Hóc	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 45"	103° 56' 06"					F-48-64-B
bản Hồng	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 01"	103° 51' 42"					F-48-64-B
bản Hua Sát	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 40"	103° 48' 49"					F-48-52-D
bản Hụn	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 15"	103° 52' 50"					F-48-64-B
bản Khiêng	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 50"	103° 51' 44"					F-48-64-B
bản Lạn	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 03"	103° 48' 59"					F-48-52-D
núi Lán Lanh	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 20"	103° 53' 08"					F-48-64-B
bản Nam	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 19"	103° 52' 15"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Năm Tắc	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 27' 38"	103° 51' 58"	21° 28' 13"	103° 50' 57"	F-48-64-B
bản Nghịu	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 46"	103° 48' 00"					F-48-52-D
bản Nhóc	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 45"	103° 50' 31"					F-48-64-B
bản Nong Sàng	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 49"	103° 53' 53"					F-48-64-B
bản Nuông	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 18"	103° 50' 21"					F-48-52-D
bản Ổ	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 36"	103° 49' 29"					F-48-64-B
kéo Pá Pát	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 29"	103° 49' 11"					F-48-64-B
bản Phiêng Phé	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 53"	103° 51' 31"					F-48-64-B
bản Pơ	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 33"	103° 52' 05"					F-48-64-B
núi Pom Lạn Phá	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 55"	103° 48' 46"					F-48-64-B
núi Pom Pá Sàng	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 27' 31"	103° 55' 52"					F-48-64-B
bản Phòng	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 44"	103° 53' 00"					F-48-64-B
bản Pục	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 33"	103° 51' 03"					F-48-64-B
suối Quảng Vụ	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 28' 19"	103° 55' 21"	21° 27' 29"	103° 57' 00"	F-48-64-B
bản Sào Và	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 03"	103° 53' 25"					F-48-64-B
bản Sát	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 30' 30"	103° 48' 34"					F-48-52-D
pu Tào	SV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 03"	103° 49' 32"					F-48-64-B
bản Thông	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 11"	103° 50' 00"					F-48-64-B
bản Tộn	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 28' 10"	103° 52' 22"					F-48-64-B
bản Tún	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 48"	103° 50' 32"					F-48-64-B
suối Vinh	TV	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu			21° 28' 45"	103° 57' 03"	21° 29' 31"	103° 57' 53"	F-48-64-B
bản Xe	DC	xã Mường Khiêng	H. Thuận Châu	21° 29' 50"	103° 50' 45"					F-48-64-B
huổi Bai	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 16' 49"	103° 42' 39"	21° 17' 27"	103° 44' 49"	F-48-64-A
suối Bai	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 17' 32"	103° 40' 34"	21° 16' 49"	103° 42' 39"	F-48-64-A
bản Ban	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 15' 52"	103° 42' 09"					F-48-64-A
huổi Ban	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 04"	103° 44' 49"	21° 19' 01"	103° 43' 54"	F-48-64-A
núi Bàn Đồ Tông	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 49"	103° 45' 42"					F-48-64-B
núi Bia Đồ Huổi Nhép	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 32"	103° 42' 08"					F-48-64-A
bản Biên	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 22' 27"	103° 42' 31"					F-48-64-A
suối Biên	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 22' 00"	103° 42' 45"	21° 21' 38"	103° 42' 14"	F-48-64-A
huổi Búa	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 28"	103° 40' 51"	21° 19' 17"	103° 40' 36"	F-48-64-A
pu Bùa Nang	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 16' 12"	103° 43' 58"					F-48-64-A
núi Hua Pá En	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 29"	103° 45' 39"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Huổi Kép	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 07"	103° 39' 11"					F-48-64-A
pu Huổi Lành	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 17' 59"	103° 40' 48"					F-48-64-A
núi Huổi Liêng Lọ	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 22' 17"	103° 43' 55"					F-48-64-A
bản Huổi Xưa	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 03"	103° 37' 54"					F-48-64-A
bản ít Kuông	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 20"	103° 45' 08"					F-48-64-B
bản ít Mạn	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 58"	103° 44' 01"					F-48-64-A
núi Kéo Cẩn Lán	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 03"	103° 45' 16"					F-48-64-B
núi Kéo Sái	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 58"	103° 46' 45"					F-48-64-B
suối Kép	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 18' 29"	103° 37' 40"	21° 19' 14"	103° 40' 09"	F-48-64-A
suối Khẩu Cầm	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 36"	103° 43' 29"	21° 20' 00"	103° 42' 50"	F-48-64-A
nậm Lầu	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 57"	103° 40' 34"	21° 21' 26"	103° 41' 48"	F-48-64-A
núi Len Đin	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 48"	103° 45' 36"					F-48-64-B
bản Lọng Chọc	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 22' 27"	103° 42' 22"					F-48-64-A
bản Lọng Lầu	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 51"	103° 43' 41"					F-48-64-A
pu Luông	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 16' 58"	103° 39' 14"					F-48-64-A
huổi Luông	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 05"	103° 41' 23"	21° 18' 27"	103° 41' 50"	F-48-64-A
bản Mỏ	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 03"	103° 46' 43"					F-48-64-B
bản Nà Há	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 38"	103° 44' 17"					F-48-64-A
suối Nà Hè	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 21' 47"	103° 43' 57"	21° 19' 16"	103° 43' 36"	F-48-64-A
bản Nà ít	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 22"	103° 44' 36"					F-48-64-A
bản Nà Kẹ	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 46"	103° 46' 04"					F-48-64-B
bản Nà Nọi	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 53"	103° 44' 03"					F-48-64-A
bản Nà Tông	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 37"	103° 44' 26"					F-48-64-A
núi Nậm Lầu	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 19"	103° 42' 20"					F-48-64-A
bản Nậm Lầu	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 00"	103° 42' 46"					F-48-64-A
bản Nong	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 21"	103° 42' 30"					F-48-64-A
núi Nong Mọt	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 23' 01"	103° 42' 29"					F-48-64-A
bản Nong Ten	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 20' 16"	103° 46' 12"					F-48-64-B
bản Pa O	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 16' 55"	103° 44' 48"					F-48-64-A
núi Pá Trá	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 23' 25"	103° 42' 33"					F-48-64-A
bản Pài	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 46"	103° 45' 04"					F-48-64-B
huổi Phai	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 22' 14"	103° 42' 23"	21° 21' 25"	103° 42' 07"	F-48-64-A
suối Phai	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 21' 25"	103° 42' 07"	21° 20' 00"	103° 42' 50"	F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phúc	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 53"	103° 43' 02"					F-48-64-A
phủ Pom Bao	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 23' 16"	103° 43' 19"					F-48-64-A
bản Táng	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 38"	103° 43' 19"					F-48-64-A
núi Tênh Hướn Nà Kẹ	SV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 18' 43"	103° 46' 31"					F-48-64-B
bản Thẩm Phé	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 21' 32"	103° 39' 27"					F-48-64-A
suối Thẩm Phé	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 21' 35"	103° 39' 59"	21° 20' 39"	103° 39' 13"	F-48-64-A
nậm Ty	TV	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu			21° 20' 06"	103° 37' 38"	21° 15' 24"	103° 44' 42"	F-48-64-A, F-48-64-B
bản Xa Hòn	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 16' 56"	103° 40' 28"					F-48-64-A
bản Xanh	DC	xã Nậm Lầu	H. Thuận Châu	21° 19' 09"	103° 45' 37"					F-48-64-B
đường tỉnh 107	KX	xã Nong Lay	H. Thuận Châu			21° 30' 49"	103° 43' 32"	21° 27' 54"	103° 44' 56"	F-48-52-C, F-48-64-A
bản Bó Mạ	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 30' 05"	103° 43' 52"					F-48-52-C
bản Co Kham	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 30' 21"	103° 43' 43"					F-48-52-C
bản Co Quên	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 30' 14"	103° 43' 41"					F-48-52-C
bản Cửa Hàng	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 52"	103° 43' 58"					F-48-64-A
bản Huổi Púa	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 51"	103° 44' 04"					F-48-64-A
bản Khuổi Khôm	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 24"	103° 44' 16"					F-48-64-A
bản Liên Minh A	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 16"	103° 44' 26"					F-48-64-A
bản Liên Minh B	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 00"	103° 44' 45"					F-48-64-A
bản Lọng Hém	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 28"	103° 44' 02"					F-48-64-A
bản Lụng Muông	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 53"	103° 44' 35"					F-48-64-A
núi Mã Khẩu	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 50"	103° 43' 21"					F-48-64-A
khe Me Tay	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 56"	103° 44' 13"					F-48-64-A
bản Noong Giăng	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 11"	103° 44' 55"					F-48-64-A
bản Noong Lay	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 34"	103° 44' 24"					F-48-64-A
bản Phiêng Phở	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 26"	103° 44' 07"					F-48-64-A
bản Quyết Thắng A	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 30' 00"	103° 43' 01"					F-48-64-A
bản Quyết Thắng B	DC	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 30' 09"	103° 43' 15"					F-48-64-A
hang Thẩm Pháng	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 28"	103° 44' 16"					F-48-64-A
núi Thẩm Pháng	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 25"	103° 44' 45"					F-48-64-A
phố Xa Lẻ	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 29' 27"	103° 42' 42"					F-48-64-A
hang Xường In	SV	xã Nong Lay	H. Thuận Châu	21° 28' 40"	103° 45' 03"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bó	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 14' 10"	103° 34' 11"					F-48-64-C
núi Chăn Trầu	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 17' 12"	103° 32' 42"					F-48-64-A
huối Còi	TV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu			21° 14' 26"	103° 34' 07"	21° 14' 44"	103° 34' 07"	F-48-64-C
núi Đá Đảnh	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 13' 35"	103° 34' 15"					F-48-64-C
bản Hà Dụ	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 15' 39"	103° 31' 36"					F-48-64-A
bản Hua Dấu	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 15' 47"	103° 30' 38"					F-48-64-A
bản Hua Ngáy	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 15' 32"	103° 31' 51"					F-48-64-A
sườn Huối Ngáy	TV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu			21° 15' 37"	103° 32' 44"	21° 14' 37"	103° 31' 46"	F-48-64-A, F-48-64-C
bản Ká Ké	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 25"	103° 32' 42"					F-48-64-A
huối Ngang	TV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu			21° 16' 15"	103° 31' 39"	21° 15' 29"	103° 32' 31"	F-48-64-A
núi Nhà Thờ	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 23"	103° 30' 57"					F-48-64-A
núi Pá Lông Lớn	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 15' 55"	103° 31' 27"					F-48-64-A
núi Pá Lông Nhỏ	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 23"	103° 31' 39"					F-48-64-A
bản Pá Ní	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 13' 57"	103° 33' 05"					F-48-64-C
bản Pá Nột	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 23"	103° 32' 02"					F-48-64-A
sườn Pha Lón	TV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu			21° 16' 00"	103° 32' 40"	21° 16' 26"	103° 33' 22"	F-48-64-A
núi Pú Ma	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 14' 44"	103° 32' 47"					F-48-64-C
núi Pú Pá Khum	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 14' 26"	103° 33' 22"					F-48-64-C
mỏm núi San Co Lìn	SV	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 10"	103° 33' 24"					F-48-64-A
bản Sáu Mè	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 14' 50"	103° 33' 43"					F-48-64-C
bản Tịa Tậu	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 16' 40"	103° 31' 24"					F-48-64-A
bản Tinh Lá	DC	xã Pá Lông	H. Thuận Châu	21° 13' 57"	103° 34' 12"					F-48-64-C
quốc lộ 6	KX	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu			21° 34' 04"	103° 31' 12"	21° 32' 00"	103° 37' 58"	F-48-52-C
núi Chông Cua	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 35' 51"	103° 38' 22"					F-48-52-C
núi Chông Sai	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 36' 05"	103° 37' 57"					F-48-52-C
núi Con Linh	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 35' 35"	103° 38' 51"					F-48-52-C
núi Cứu Co Ban	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 52"	103° 35' 31"					F-48-52-C
bản Đồng Quan	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 41"	103° 37' 20"					F-48-52-C
núi Hua Lái	SV	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 34' 48"	103° 31' 49"					F-48-52-C
bản Huối Giếng	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 35' 29"	103° 37' 43"					F-48-52-C
bản Khau Lay	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 38"	103° 36' 59"					F-48-52-C
bản Kiến Xương	DC	xã Phổng Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 18"	103° 37' 42"					F-48-52-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Kinh	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 59"	103° 36' 01"					F-48-52-C
suối Lá Bay	TV	xã Phông Lái	H. Thuận Châu			21° 33' 56"	103° 32' 46"	21° 33' 13"	103° 36' 03"	F-48-52-C
bản Lá Bay	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 28"	103° 33' 43"					F-48-52-C
bản Lá Cang	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 40"	103° 34' 23"					F-48-52-C
bản Lá Lè	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 13"	103° 34' 57"					F-48-52-C
bản Lóm Púa	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 22"	103° 37' 58"					F-48-52-C
bản Long On	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 11"	103° 36' 23"					F-48-52-C
núi Long Quai	SV	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 37' 54"	103° 34' 30"					F-48-52-C
núi Lung Cạy	SV	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 36' 32"	103° 36' 20"					F-48-52-C
bản Mạn Giắt	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 35' 20"	103° 36' 52"					F-48-52-C
bản Mò Cống	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 34' 09"	103° 35' 41"					F-48-52-C
bản Nà Ngựa	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 59"	103° 32' 05"					F-48-52-C
bản Pá Chập	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 59"	103° 36' 34"					F-48-52-C
bản Pe	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 14"	103° 36' 58"					F-48-52-C
bản Phao Lao	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 36' 30"	103° 36' 49"					F-48-52-C
bản Phiêng Hồ	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 35' 12"	103° 32' 48"					F-48-52-C
núi Phiêng Hồ	SV	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 37' 18"	103° 34' 36"					F-48-52-C
bản Phiêng Luông	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 36' 11"	103° 34' 48"					F-48-52-C
núi Tang Khái	SV	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 33' 52"	103° 37' 24"					F-48-52-C
núi Thảm Dương	SV	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 31"	103° 36' 00"					F-48-52-C
bản Thư Vũ	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 49"	103° 37' 40"					F-48-52-C
bản Tiên Hưng	DC	xã Phông Lái	H. Thuận Châu	21° 32' 11"	103° 38' 05"					F-48-52-C
bản Bĩa	DC	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 20"	103° 40' 35"					F-48-64-A
bản Công	DC	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 57"	103° 40' 07"					F-48-64-A
bản Công	DC	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 31"	103° 40' 32"					F-48-64-A
bản Dừm	DC	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 10"	103° 40' 13"					F-48-64-A
huổi Dừm	TV	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu			21° 28' 44"	103° 39' 41"	21° 28' 28"	103° 39' 53"	F-48-64-A
núi Hay Té	SV	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 04"	103° 39' 01"					F-48-64-A
núi Huổi Chồn	SV	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 30"	103° 40' 35"					F-48-64-A
núi Lán Lăm	SV	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 10"	103° 40' 18"					F-48-64-A
huổi Lằng	TV	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu			21° 28' 12"	103° 38' 19"	21° 27' 36"	103° 40' 11"	F-48-64-A
bản Lằng Luông	DC	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 36"	103° 39' 52"					F-48-64-A
bản Lằng Nọi	DC	xã Phông Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 02"	103° 39' 43"					F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
sườn Muối	TV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu								F-48-64-A
bản Nà Lọ	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 36"	103° 39' 51"						F-48-64-A
bản Nà Nọi	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 17"	103° 39' 39"						F-48-64-A
bản Nà Thái	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 47"	103° 40' 11"						F-48-64-A
bản Nà Xa	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 04"	103° 40' 05"						F-48-64-A
bản Nong Pồng	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 44"	103° 38' 52"						F-48-64-A
núi Pha Té	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 10"	103° 39' 05"						F-48-64-A
bản Phiêng Cại	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 18"	103° 39' 58"						F-48-64-A
núi Pu Muồng	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 53"	103° 39' 17"						F-48-64-A
núi Bà Chả	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 26' 48"	103° 35' 42"						F-48-64-A
nậm Búa	TV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu			21° 26' 46"	103° 33' 44"	21° 26' 14"	103° 35' 49"		F-48-64-A
núi Cà Mon	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 21"	103° 34' 25"						F-48-64-A
núi Chập	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 43"	103° 35' 09"						F-48-64-A
núi Huổi Hưm	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 38"	103° 36' 48"						F-48-64-A
bản Huổi Ít	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 54"	103° 34' 23"						F-48-64-A
bản Kẹ	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 18"	103° 36' 17"						F-48-64-A
bản Kéo Sáo	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 28"	103° 37' 58"						F-48-64-A
bản Lấp	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 20"	103° 36' 04"						F-48-64-A
nậm Lấp	TV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu			21° 29' 00"	103° 35' 49"	21° 28' 52"	103° 34' 27"		F-48-64-A
bản Long Dồm	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 28"	103° 34' 59"						F-48-64-A
bản Lũa	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 09"	103° 36' 39"						F-48-64-A
nậm Mằm	TV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu			21° 30' 06"	103° 37' 25"	21° 28' 52"	103° 34' 27"		F-48-52-C, F-48-64-A
bản Mầu Thái	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 23"	103° 35' 02"						F-48-64-A
bản Mầu Xá	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 48"	103° 35' 31"						F-48-64-A
bản Muồng Mỏ	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 30' 16"	103° 37' 05"						F-48-52-C
bản Nà Ban	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 30' 02"	103° 36' 11"						F-48-52-C
bản Nà Khoang	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 51"	103° 35' 53"						F-48-64-A
bản Nà Lằm	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 29' 45"	103° 36' 29"						F-48-64-A
núi Nà Luông	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 30' 44"	103° 36' 43"						F-48-52-C
bản Nghịu	DC	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 28' 00"	103° 36' 56"						F-48-64-A
núi Nỏ Ngua 1	SV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu	21° 27' 31"	103° 36' 24"						F-48-64-A
sườn Nồng Cốc Nọi	TV	xã Phổng Lặng	H. Thuận Châu			21° 26' 23"	103° 34' 33"	21° 26' 45"	103° 34' 23"		F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pá Sàng	SV	xã Phông Lập	H. Thuận Châu	21° 27' 45"	103° 33' 44"					F-48-64-A
bản Pá Sàng	DC	xã Phông Lập	H. Thuận Châu	21° 28' 09"	103° 33' 43"					F-48-64-A
núi Pá Va	SV	xã Phông Lập	H. Thuận Châu	21° 30' 35"	103° 36' 09"					F-48-52-C
phủ Sheo	SV	xã Phông Lập	H. Thuận Châu	21° 27' 49"	103° 35' 52"					F-48-64-A
bản Ta Tú	DC	xã Phông Lập	H. Thuận Châu	21° 27' 31"	103° 35' 24"					F-48-64-A
súoi Thác	TV	xã Phông Lập	H. Thuận Châu			21° 27' 27"	103° 35' 22"	21° 26' 50"	103° 34' 42"	F-48-64-A
bản Ca Năng	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 20"	103° 41' 41"					F-48-64-A
bản Co Mạn	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 16"	103° 40' 53"					F-48-64-A
bản Co Tra	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 35"	103° 41' 32"					F-48-64-A
núi Cút	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 23"	103° 42' 54"					F-48-64-A
bản Dòm	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 08"	103° 42' 25"					F-48-64-A
súoi Dòm	TV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu			21° 23' 31"	103° 43' 22"	21° 24' 22"	103° 41' 54"	F-48-64-A
huối Giang	TV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu			21° 22' 06"	103° 40' 19"	21° 23' 27"	103° 41' 25"	F-48-64-A
núi Hua Huối Huống	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 56"	103° 41' 24"					F-48-64-A
súoi Huối Buồm	TV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu			21° 23' 35"	103° 42' 17"	21° 24' 10"	103° 41' 46"	F-48-64-A
súoi Huối Liệp	TV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu			21° 22' 36"	103° 39' 13"	21° 23' 34"	103° 41' 14"	F-48-64-A
huối Huối Nhộp	TV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu			21° 23' 58"	103° 40' 08"	21° 24' 33"	103° 42' 01"	F-48-64-A
núi Long Co Phát	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 16"	103° 41' 01"					F-48-64-A
núi Long Pá Pao	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 10"	103° 40' 19"					F-48-64-A
bản Nà Hại	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 22"	103° 41' 48"					F-48-64-A
bản Nà Lọng	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 12"	103° 42' 09"					F-48-64-A
bản Nà Mát	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 18"	103° 41' 50"					F-48-64-A
bản Nong Ổ	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 36"	103° 40' 28"					F-48-64-A
bản Phạ Ten	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 34"	103° 41' 30"					F-48-64-A
bản Pom Quang	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 10"	103° 41' 40"					F-48-64-A
núi Pu Chơi	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 28"	103° 40' 34"					F-48-64-A
bản Púng Long	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 39"	103° 41' 20"					F-48-64-A
bản Púng Mè	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 52"	103° 41' 10"					F-48-64-A
bản Púng Ten	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 43"	103° 41' 33"					F-48-64-A
núi Sam Lam	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 25"	103° 42' 16"					F-48-64-A
núi Ten Tong	SV	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 23' 51"	103° 43' 33"					F-48-64-A
bản Tra	DC	xã Púng Tra	H. Thuận Châu	21° 24' 04"	103° 41' 42"					F-48-64-A
quốc lộ 6	KX	xã Thôn Mòn	H. Thuận Châu			21° 25' 57"	103° 41' 55"	21° 25' 38"	103° 43' 35"	F-48-64-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khe Búa Phé	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 26' 04"	103° 43' 23"					F-48-64-A
bản Cẩm	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 55"	103° 42' 03"					F-48-64-A
núi Cây Thông	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 26' 33"	103° 42' 05"					F-48-64-A
bản Chùn	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 34"	103° 44' 03"					F-48-64-A
bản Hua Cọ	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 20"	103° 42' 03"					F-48-64-A
núi Huổi Dọi	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 51"	103° 41' 39"					F-48-64-A
núi Kơ Ưu	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 56"	103° 43' 55"					F-48-64-A
bản Lọng Cại	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 48"	103° 43' 09"					F-48-64-A
bản Lụa	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 35"	103° 43' 10"					F-48-64-A
bản Mé	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 31"	103° 42' 15"					F-48-64-A
bản Mòn	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 28"	103° 42' 24"					F-48-64-A
bản Nà Càng	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 46"	103° 42' 28"					F-48-64-A
bản Nà Cánh	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 49"	103° 42' 15"					F-48-64-A
bản Nà Nam	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 03"	103° 43' 00"					F-48-64-A
bản Nà Tỷ	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 53"	103° 42' 16"					F-48-64-A
sườn Nhộp	TV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu			21° 24' 33"	103° 42' 01"	21° 25' 39"	103° 43' 35"	F-48-64-A
bản Nong Chiêng	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 26' 23"	103° 42' 50"					F-48-64-A
núi Nong Quái	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 26' 08"	103° 42' 54"					F-48-64-A
bản Nong Quang	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 40"	103° 42' 59"					F-48-64-A
bản Pá	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 42"	103° 42' 25"					F-48-64-A
bản Pẹn	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 12"	103° 42' 27"					F-48-64-A
bản Phé	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 45"	103° 42' 31"					F-48-64-A
núi Phở Cũ	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 04"	103° 43' 22"					F-48-64-A
bản Púa	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 03"	103° 42' 20"					F-48-64-A
cầu Suối Muội	KX	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 35"	103° 43' 25"					F-48-64-A
núi Tàng Lá	SV	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 25' 30"	103° 41' 45"					F-48-64-A
bản Thôm	DC	xã Thôm Mòn	H. Thuận Châu	21° 24' 57"	103° 42' 46"					F-48-64-A
đường tỉnh 107	KX	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu			21° 27' 54"	103° 44' 56"	21° 26' 09"	103° 45' 40"	F-48-64-A, F-48-64-B
đồi Bả Ngòi	SV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 28' 26"	103° 45' 29"					F-48-64-B
sườn Bản Bay	TV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu			21° 25' 00"	103° 48' 28"	21° 26' 53"	103° 46' 30"	F-48-64-B
núi Bản Hinh	SV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 04"	103° 46' 03"					F-48-64-B
bản Bay A	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 25' 06"	103° 48' 28"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bay B	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 25' 20"	103° 48' 05"					F-48-64-B
bản Bon	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 24' 21"	103° 48' 13"					F-48-64-B
bản Búa Có	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 27' 02"	103° 45' 28"					F-48-64-B
núi Cây Đa	SV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 24' 05"	103° 48' 02"					F-48-64-B
núi Chưong Xết	SV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 23' 44"	103° 48' 21"					F-48-64-B
bản Cọ A	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 27"	103° 45' 55"					F-48-64-B
bản Cọ B	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 37"	103° 46' 01"					F-48-64-B
phố Co Muồng	SV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 27' 48"	103° 47' 22"					F-48-64-B
núi Đán Đanh	SV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 25' 57"	103° 48' 35"					F-48-64-B
bản Hinh	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 11"	103° 45' 43"					F-48-64-B
bản Huối Táp	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 25' 53"	103° 46' 57"					F-48-64-B
bản Lào	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 22"	103° 46' 11"					F-48-64-B
bản Lê A	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 31"	103° 46' 18"					F-48-64-B
bản Lê B	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 37"	103° 46' 26"					F-48-64-B
bản Lê C	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 41"	103° 46' 30"					F-48-64-B
sườn Muội	TV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu			21° 26' 53"	103° 46' 30"	21° 27' 22"	103° 46' 23"	F-48-64-B
bản Nà Cây	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 40"	103° 46' 31"					F-48-64-B
bản Noong Hùm	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 39"	103° 45' 42"					F-48-64-B
bản Phé A	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 59"	103° 46' 22"					F-48-64-B
bản Phé B	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 52"	103° 46' 06"					F-48-64-B
bản Phé C	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 27' 01"	103° 45' 57"					F-48-64-B
bản Phiêng Phai	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 49"	103° 45' 37"					F-48-64-B
eo Phố Mì	SV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 27' 58"	103° 45' 46"					F-48-64-B
núi Quái Tôm	SV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 28' 08"	103° 45' 23"					F-48-64-B
bản Sen To	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 54"	103° 45' 24"					F-48-64-B
núi Thẩm Tấu	SV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 24' 49"	103° 49' 23"					F-48-64-B
bản Thum	DC	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 26' 56"	103° 46' 34"					F-48-64-B
núi Xi Quang	SV	xã Tông Cọ	H. Thuận Châu	21° 27' 58"	103° 46' 49"					F-48-64-B
tiểu khu 2	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 30"	103° 45' 45"					F-48-64-B
tiểu khu 3	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 15"	103° 45' 40"					F-48-64-B
tiểu khu 4	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 37"	103° 45' 27"					F-48-64-B
tiểu khu 6	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 55"	103° 45' 42"					F-48-64-B
tiểu khu 7	DC	xã Tông Lạnh	H. Thuận Châu	21° 25' 44"	103° 45' 30"					F-48-64-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bai	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 57"	103° 45' 35"					F-48-64-B
sườn Bản Dẹ	TV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu			21° 27' 24"	103° 42' 36"	21° 25' 52"	103° 44' 37"	F-48-64-A
núi Cẩm Phong	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 26' 33"	103° 45' 28"					F-48-64-B
núi Cây Cọ	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 24' 55"	103° 44' 10"					F-48-64-A
bản Cú	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 40"	103° 44' 27"					F-48-64-A
bản Cuồng Mường	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 40"	103° 45' 09"					F-48-64-B
bản Dẹ	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 27' 01"	103° 42' 33"					F-48-64-A
bản Hua Nà	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 46"	103° 43' 41"					F-48-64-A
núi Huổi Phay	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 27' 45"	103° 43' 26"					F-48-64-A
núi Kéo Hẹ	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 26' 16"	103° 45' 21"					F-48-64-B
núi Kha Luông	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 24' 39"	103° 45' 15"					F-48-64-B
bản Lạnh	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 26' 12"	103° 43' 51"					F-48-64-A
bản Nà Lạn	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 31"	103° 44' 09"					F-48-64-A
núi Na Pạn	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 15"	103° 43' 29"					F-48-64-A
núi Pá Khem	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 26' 55"	103° 43' 57"					F-48-64-A
núi Pắc Hạ	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 09"	103° 45' 01"					F-48-64-B
bản Pằn Nà	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 41"	103° 44' 35"					F-48-64-A
núi Quai Tôm	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 27' 22"	103° 43' 59"					F-48-64-A
bản Tàng	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 26' 04"	103° 45' 11"					F-48-64-B
bản Thăm	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 47"	103° 44' 48"					F-48-64-A
hang Thăm Luông	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 20"	103° 44' 49"					F-48-64-A
núi Thăm Tào	SV	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 27' 37"	103° 43' 11"					F-48-64-A
bản Tôm	DC	xã Tổng Lãnh	H. Thuận Châu	21° 25' 41"	103° 44' 50"					F-48-64-A
đường tỉnh 101	KX	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ			20° 51' 57"	104° 48' 44"	20° 50' 10"	104° 48' 42"	F-48-78-B
núi Cây Đa	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 51' 25"	104° 47' 43"					F-48-78-B
bản Chiềng Lè	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 12"	104° 50' 57"					F-48-78-B
núi Co Nghe	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 49' 07"	104° 52' 01"					F-48-78-B
núi Coóc	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 52"	104° 47' 59"					F-48-78-B
bản Không 1	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 49' 37"	104° 49' 37"					F-48-78-B
bản Không 2	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 49' 53"	104° 49' 40"					F-48-78-B
bản Mường Khoa	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 23"	104° 48' 09"					F-48-78-B
núi Nà Cáy	SV	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 51' 18"	104° 51' 59"					F-48-78-B
bản Nà Đổ	DC	xã Chiềng Khoa	H. Vân Hồ	20° 50' 03"	104° 48' 56"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Páng 1	DC	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ	20° 50' 34"	104° 51' 49"					F-48-78-B
bản Páng 2	DC	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ	20° 50' 22"	104° 52' 04"					F-48-78-B
bản Phú Khoa	DC	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ	20° 51' 26"	104° 47' 00"					F-48-78-B
núi Phu Luông	SV	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ	20° 51' 08"	104° 47' 32"					F-48-78-B
núi Pu Luông	SV	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ	20° 51' 19"	104° 50' 21"					F-48-78-B
núi Pu Ten	SV	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ	20° 51' 51"	104° 49' 13"					F-48-78-B
núi Pu Tùng	SV	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ	20° 51' 25"	104° 50' 58"					F-48-78-B
súoi Tầm Ba	TV	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ			20° 49' 49"	104° 45' 36"	20° 49' 59"	104° 48' 30"	F-48-78-B
súoi Tân	TV	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ			20° 49' 59"	104° 48' 30"	20° 49' 50"	104° 52' 50"	F-48-78-B
súoi Tiên	TV	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ			20° 50' 45"	104° 52' 14"	20° 50' 28"	104° 51' 56"	F-48-78-B
bản Tin Tốc	DC	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ	20° 50' 24"	104° 47' 27"					F-48-78-B
khu Trung Tâm	DC	xã Chiềng Khoa	H. Văn Hồ	20° 50' 08"	104° 48' 35"					F-48-78-B
bản A Lang	DC	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ	20° 44' 56"	104° 42' 07"					F-48-78-C
núi Bó Nặm	SV	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ	20° 46' 14"	104° 41' 02"					F-48-78-A
đốc Cờ Măng	SV	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ	20° 43' 30"	104° 40' 44"					F-48-78-C
bản Dúp Kén	DC	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ	20° 44' 04"	104° 39' 54"					F-48-78-C
bản Khò Hồng	DC	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ	20° 43' 18"	104° 40' 26"					F-48-78-C
bản Láy	DC	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ	20° 44' 47"	104° 41' 09"					F-48-78-C
bản Nà Sàng	DC	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ	20° 45' 09"	104° 43' 22"					F-48-78-A
bản Nặm Dén	DC	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ	20° 45' 17"	104° 41' 32"					F-48-78-A
súoi Quanh	TV	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ			20° 43' 39"	104° 39' 13"	20° 43' 43"	104° 43' 06"	F-48-78-C, F-48-78-D
súoi Sài Lương	TV	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ			20° 43' 00"	104° 40' 59"	20° 42' 52"	104° 42' 47"	F-48-78-C
bản Súoi Quanh	DC	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ	20° 44' 15"	104° 40' 13"					F-48-78-C
bản Xa Lai	DC	xã Chiềng Xuân	H. Văn Hồ	20° 45' 26"	104° 40' 57"					F-48-78-A
tiểu khu 1	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 45' 04"	104° 58' 54"					F-48-78-B
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ			20° 45' 01"	104° 59' 59"	20° 47' 48"	104° 54' 58"	F-48-78-B
súoi Bồng	TV	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ			20° 47' 10"	104° 54' 45"	20° 46' 46"	104° 57' 04"	F-48-78-B
bản Bồng Hà	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 47' 15"	104° 56' 15"					F-48-78-B
bản Bưót	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 43' 47"	104° 59' 06"					F-48-78-D
súoi Càng	TV	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ			20° 47' 43"	104° 58' 21"	20° 48' 12"	104° 57' 08"	F-48-78-B
bản Cò Bà	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 44' 50"	104° 59' 00"					F-48-78-D
bản Cò Hào	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 45' 30"	104° 56' 53"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đin Đanh	SV	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 44' 02"	104° 59' 28"					F-48-78-D
núi Hang Kia	SV	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 43' 29"	104° 59' 15"					F-48-78-D
núi In Kia	SV	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 47' 37"	104° 54' 48"					F-48-78-B
phủ Khì Nác	SV	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 48' 15"	104° 55' 19"					F-48-78-B
bản Leo	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 47' 20"	104° 55' 31"					F-48-78-B
bản Nà Bai	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 45' 12"	104° 56' 28"					F-48-78-B
bản Niên	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 46' 21"	104° 56' 55"					F-48-78-B
súoi Pha	TV	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ			20° 47' 10"	105° 01' 18"	20° 47' 43"	104° 58' 21"	F-48-79-A-c, F-48-78-B
bản Pha Nè	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 46' 31"	104° 57' 41"					F-48-78-B
bản Phủ Mẫu 1	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 45' 38"	104° 57' 12"					F-48-78-B
bản Phủ Mẫu 2	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 45' 28"	104° 57' 48"					F-48-78-B
bản Piềng Chà	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 48' 17"	104° 58' 39"					F-48-78-B
bản Pò Puộc	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 47' 33"	105° 00' 06"					F-48-79-A-c
bản Súoi Mực	DC	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 47' 17"	104° 59' 13"					F-48-78-B
súoi Tà Linh	TV	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ			20° 46' 27"	104° 56' 41"	20° 47' 43"	104° 58' 21"	F-48-78-B
núi Tam Chắt	SV	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ	20° 48' 20"	105° 00' 38"					F-48-79-A-c
súoi Tốp	TV	xã Chiềng Yên	H. Văn Hồ			20° 48' 48"	104° 57' 19"	20° 48' 25"	104° 58' 43"	F-48-78-B
sông Đà	TV	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ			21° 01' 48"	104° 51' 08"	20° 58' 39"	104° 54' 13"	F-48-66-D-c, F-48-78-B-b
bản Lẩn	DC	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ	20° 59' 27"	104° 52' 23"					F-48-78-B
súoi Nàng	TV	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ			21° 00' 33"	104° 51' 06"	21° 01' 48"	104° 51' 08"	F-48-66-D-c
bản Ngậm	DC	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ	20° 58' 07"	104° 52' 14"					F-48-78-B
súoi Ngậm	TV	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ			20° 58' 00"	104° 52' 00"	20° 59' 19"	104° 53' 42"	F-48-78-B-b
đồi Ông Cao	SV	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ	20° 58' 30"	104° 53' 34"					F-48-78-B-b
núi Sạn Khóm	SV	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ	20° 57' 28"	104° 50' 51"					F-48-78-B
núi Sạn Tây	SV	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ	20° 59' 18"	104° 50' 52"					F-48-78-B
bản Súoi Nậu	DC	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ	20° 59' 54"	104° 51' 35"					F-48-78-B
bản Tà Phú	DC	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ	20° 59' 40"	104° 53' 01"					F-48-78-B-b
núi Tạng Bưóm	SV	xã Liên Hòa	H. Văn Hồ	20° 59' 14"	104° 52' 42"					F-48-78-B-b
quốc lộ 6	KX	xã Lóng Luông	H. Văn Hồ			20° 44' 56"	104° 55' 26"	20° 47' 34"	104° 49' 46"	F-48-78-D, F-48-78-B
bản Co Châm	DC	xã Lóng Luông	H. Văn Hồ	20° 45' 29"	104° 54' 15"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Co Lóng	DC	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 46' 25"	104° 52' 16"					F-48-78-B
bản Co Tằng	DC	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 46' 15"	104° 54' 00"					F-48-78-B
bản Lóng Bon	DC	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 47' 50"	104° 50' 09"					F-48-78-B
núi Lóng Bon	SV	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 48' 28"	104° 49' 09"					F-48-78-B
bản Lũng Luông	DC	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 48' 56"	104° 49' 29"					F-48-78-B
bản Lóng Xá	DC	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 45' 47"	104° 49' 03"					F-48-78-B
núi Ông Thông	SV	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 46' 57"	104° 53' 00"					F-48-78-B
bản Pa Kha	DC	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 46' 44"	104° 50' 54"					F-48-78-B
bản Săn Cái	DC	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 46' 32"	104° 51' 48"					F-48-78-B
bản Suối Bon	DC	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 47' 46"	104° 49' 47"					F-48-78-B
bản Tà Dế	DC	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 45' 43"	104° 49' 34"					F-48-78-B
bản Tân Lập	DC	xã Lũng Luông	H. Văn Hồ	20° 46' 49"	104° 50' 30"					F-48-78-B
bản Chột	DC	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 50' 22"	104° 55' 15"					F-48-78-B
núi Cỏ Có	SV	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 51' 42"	104° 53' 35"					F-48-78-B
bản Cóm	DC	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 49' 18"	104° 55' 49"					F-48-78-B
núi Hu Nụ	SV	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 51' 31"	104° 54' 35"					F-48-78-B
bản Khả Nhài	DC	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 50' 46"	104° 53' 42"					F-48-78-B
suối Men	TV	xã Mường Men	H. Văn Hồ			20° 48' 40"	104° 55' 33"	20° 48' 12"	104° 57' 08"	F-48-78-B
bản Nà Pa	DC	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 49' 49"	104° 54' 56"					F-48-78-B
núi Pa Háng	SV	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 51' 50"	104° 53' 56"					F-48-78-B
bản Pha Lý	DC	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 48' 34"	104° 53' 57"					F-48-78-B
núi Pu Chột	SV	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 50' 34"	104° 55' 52"					F-48-78-B
dãy núi Pu Hao	SV	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 48' 50"	104° 53' 04"					F-48-78-B
bản Suối Mỏ	DC	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 48' 21"	104° 54' 24"					F-48-78-B
bản Suối Van	DC	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 49' 37"	104° 55' 14"					F-48-78-B
suối Tân	TV	xã Mường Men	H. Văn Hồ			20° 49' 50"	104° 52' 50"	20° 49' 33"	104° 57' 34"	F-48-78-B
núi Thẩm Dương	SV	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 51' 02"	104° 54' 56"					F-48-78-B
bản Ui	DC	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 49' 51"	104° 53' 47"					F-48-78-B
bản Uông	DC	xã Mường Men	H. Văn Hồ	20° 50' 57"	104° 52' 47"					F-48-78-B
bản Chiềng Ban	DC	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 53' 20"	104° 55' 48"					F-48-78-B-b
sông Đà	TV	xã Mường Tè	H. Văn Hồ			20° 55' 47"	104° 56' 42"	20° 54' 53"	104° 57' 34"	F-48-78-B-b
núi Đổng	SV	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 55' 42"	104° 55' 53"					F-48-78-B
bản Hăng	DC	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 53' 50"	104° 53' 37"					F-48-78-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hang Vàng	SV	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 55' 14"	104° 55' 07"					F-48-78-B
bản Hào	DC	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 54' 02"	104° 52' 53"					F-48-78-B-b
bản Hinh	DC	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 55' 01"	104° 55' 42"					F-48-78-B-b
bản Hua Pù	DC	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 52' 52"	104° 53' 13"					F-48-78-B-b
núi Lung Co Phai	SV	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 54' 57"	104° 53' 42"					F-48-78-B-b
bản Mường Tè	DC	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 53' 46"	104° 54' 18"					F-48-78-B-b
bản Nhung	DC	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 53' 33"	104° 55' 02"					F-48-78-B-b
sườn Nhung	TV	xã Mường Tè	H. Văn Hồ			20° 52' 49"	104° 54' 32"	20° 53' 27"	104° 54' 57"	F-48-78-B-b
bản Pơ Tào	DC	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 54' 40"	104° 56' 41"					F-48-78-B-b
núi Pu Mọ	SV	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 53' 08"	104° 52' 49"					F-48-78-B-b
bản Săn Hiêng	DC	xã Mường Tè	H. Văn Hồ	20° 52' 56"	104° 54' 18"					F-48-78-B-b
sườn Sơ Vín	TV	xã Mường Tè	H. Văn Hồ			20° 54' 08"	104° 52' 15"	20° 53' 07"	104° 56' 16"	F-48-78-B, F-48-78-B-b
bản Coọng	DC	xã Quang Minh	H. Văn Hồ	20° 51' 13"	104° 58' 18"					F-48-78-B
sông Đà	TV	xã Quang Minh	H. Văn Hồ			20° 54' 53"	104° 57' 34"	20° 52' 34"	104° 59' 22"	F-48-78-B-b
núi Hiêng	SV	xã Quang Minh	H. Văn Hồ	20° 51' 53"	104° 54' 18"					F-48-78-B
núi Ke Sẻ	SV	xã Quang Minh	H. Văn Hồ	20° 53' 45"	104° 56' 35"					F-48-78-B
bản Lôm	DC	xã Quang Minh	H. Văn Hồ	20° 54' 21"	104° 57' 22"					F-48-78-B-b
núi Muồng	SV	xã Quang Minh	H. Văn Hồ	20° 52' 41"	104° 56' 03"					F-48-78-B-b
Nà Bai	DC	xã Quang Minh	H. Văn Hồ	20° 52' 57"	104° 56' 54"					F-48-78-B-b
sườn Ngùi	TV	xã Quang Minh	H. Văn Hồ			20° 52' 06"	104° 56' 01"	20° 52' 53"	104° 56' 59"	F-48-78-B
sườn Sơ Vín	TV	xã Quang Minh	H. Văn Hồ			20° 53' 07"	104° 56' 16"	20° 53' 25"	104° 58' 45"	F-48-78-B-b
núi Tái	SV	xã Quang Minh	H. Văn Hồ	20° 54' 02"	104° 56' 48"					F-48-78-B-b
bản To Ngùi	DC	xã Quang Minh	H. Văn Hồ	20° 52' 05"	104° 55' 52"					F-48-78-B
bản Bền Khũa	DC	xã Song Khũa	H. Văn Hồ	20° 56' 07"	104° 55' 32"					F-48-78-B-b
bản Co Hó	DC	xã Song Khũa	H. Văn Hồ	20° 56' 14"	104° 53' 39"					F-48-78-B-b
bản Co Súc	DC	xã Song Khũa	H. Văn Hồ	20° 55' 37"	104° 51' 13"					F-48-78-B
sông Đà	TV	xã Song Khũa	H. Văn Hồ			20° 58' 39"	104° 54' 13"	20° 55' 47"	104° 56' 42"	F-48-78-B-b
núi Đà Bon	SV	xã Song Khũa	H. Văn Hồ	20° 55' 38"	104° 56' 08"					F-48-78-B-b
núi Đà Bóm	SV	xã Song Khũa	H. Văn Hồ	20° 55' 44"	104° 50' 14"					F-48-78-B
núi Đạt Mạt	SV	xã Song Khũa	H. Văn Hồ	20° 57' 38"	104° 54' 14"					F-48-78-B-b
sườn Khũa	TV	xã Song Khũa	H. Văn Hồ			20° 55' 52"	104° 50' 48"	20° 56' 18"	104° 55' 53"	F-48-78-B, F-48-78-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
núi Lang Linh	SV	xã Song Khùa	H. Văn Hồ	20° 57' 07"	104° 50' 53"						F-48-78-B
bản Lóng Khùa	DC	xã Song Khùa	H. Văn Hồ	20° 56' 01"	104° 52' 56"						F-48-78-B-b
pu Pu Môn	SV	xã Song Khùa	H. Văn Hồ	20° 57' 00"	104° 52' 04"						F-48-78-B
bản Song Hưng	DC	xã Song Khùa	H. Văn Hồ	20° 56' 41"	104° 52' 47"						F-48-78-B-b
bản Tà Lạc	DC	xã Song Khùa	H. Văn Hồ	20° 56' 10"	104° 51' 51"						F-48-78-B
bản Tầm Phế	DC	xã Song Khùa	H. Văn Hồ	20° 56' 37"	104° 52' 25"						F-48-78-B
bản Tàu Dầu	DC	xã Song Khùa	H. Văn Hồ	20° 55' 38"	104° 53' 47"						F-48-78-B-b
bản Un	DC	xã Song Khùa	H. Văn Hồ	20° 55' 29"	104° 54' 47"						F-48-78-B-b
bản Âm	DC	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	20° 56' 57"	104° 49' 27"						F-48-78-B
bản Bó	DC	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	21° 01' 43"	104° 46' 05"						F-48-66-D-c
bản Chiềng Đa	DC	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	20° 57' 03"	104° 47' 38"						F-48-78-B
núi Co Pàng	SV	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	20° 56' 30"	104° 49' 45"						F-48-78-B
sông Đà	TV	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ			21° 02' 01"	104° 48' 05"	21° 01' 48"	104° 51' 08"		F-48-66-D-c
súoi Khẩu	TV	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ			21° 00' 38"	104° 46' 45"	21° 01' 30"	104° 47' 47"		F-48-66-D-c
bản Khoang Phiêng	DC	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	21° 00' 25"	104° 48' 37"						F-48-66-D-c
bản Khoang Tưỡng	DC	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	21° 00' 06"	104° 48' 48"						F-48-66-D-c
súoi Lồi	TV	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ			20° 59' 06"	104° 49' 05"	21° 02' 01"	104° 48' 05"		F-48-78-B, F-48-66-D-c
bản Nà Lồi	DC	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	21° 00' 56"	104° 47' 53"						F-48-66-D-c
súoi Nà Lồi	TV	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ			20° 57' 33"	104° 49' 03"	20° 59' 06"	104° 49' 05"		F-48-78-B
súoi Nùng	TV	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ			21° 00' 09"	104° 50' 27"	21° 01' 51"	104° 50' 31"		F-48-66-D-c
bản Pư La	DC	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	20° 57' 29"	104° 49' 29"						F-48-78-B
bản Pư Ta	DC	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	21° 01' 14"	104° 47' 13"						F-48-66-D-c
núi San Dao	SV	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	20° 59' 01"	104° 50' 26"						F-48-78-B
bản Súoi Khẩu	DC	xã Suối Bàng	H. Văn Hồ	21° 00' 37"	104° 46' 45"						F-48-66-D-c
súoi A Lang	TV	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ			20° 39' 18"	104° 38' 40"	20° 38' 27"	104° 40' 56"		F-48-78-C
bản Bún	DC	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 39' 15"	104° 43' 04"						F-48-78-C
bản Cột Mốc	DC	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 39' 01"	104° 38' 58"						F-48-78-C
núi Cùm Pheo	SV	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 39' 06"	104° 50' 39"						F-48-78-D
pha Dòn	SV	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 39' 38"	104° 50' 06"						F-48-78-D
bản Đồng Tà Lào	DC	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 39' 01"	104° 48' 35"						F-48-78-D
bản Láy	DC	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 38' 46"	104° 41' 56"						F-48-78-C
núi Luống	SV	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 38' 30"	104° 38' 44"						F-48-78-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nam	TV	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ			20° 38' 50"	104° 41' 13"	20° 38' 45"	104° 40' 41"	F-48-78-C
suối Nậm Con	TV	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ			20° 40' 40"	104° 45' 48"	20° 38' 52"	104° 48' 49"	F-48-78-D
bản Ngà	DC	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 38' 50"	104° 45' 23"					F-48-78-D
dãy Pha Luông	SV	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 40' 23"	104° 37' 57"					F-48-78-C
suối Quanh	TV	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ			20° 36' 31"	104° 41' 09"	20° 38' 15"	104° 41' 45"	F-48-78-C
bản Suối Con	DC	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 39' 46"	104° 40' 05"					F-48-78-C
bản Tây Tà Lào	DC	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 39' 25"	104° 47' 21"					F-48-78-D
núi Viêng	SV	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 38' 28"	104° 49' 00"					F-48-78-D
bản Xa Lai	DC	xã Tân Xuân	H. Văn Hồ	20° 35' 39"	104° 44' 34"					F-48-78-C
đường tỉnh 101	KX	xã Tô Múa	H. Văn Hồ			20° 53' 14"	104° 49' 01"	20° 54' 24"	104° 51' 44"	F-48-78-B
bản Bó Mông	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 54' 30"	104° 51' 28"					F-48-78-B
bản Cho Đáy	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 52' 29"	104° 51' 15"					F-48-78-B
bản Co Cài	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 55' 35"	104° 49' 35"					F-48-78-B
mỏm Co Nghe	SV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 52' 02"	104° 51' 03"					F-48-78-B
núi Co Phuy	SV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 55' 53"	104° 49' 51"					F-48-78-B
núi Cù Lùn	SV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 54' 21"	104° 48' 52"					F-48-78-B
bản Đạo	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 54' 01"	104° 48' 50"					F-48-78-B
bản Đá Mài	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 52' 09"	104° 52' 21"					F-48-78-B
núi Đá Trắng	SV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 52' 28"	104° 52' 05"					F-48-78-B
bản Ké Xiên	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 55' 01"	104° 49' 50"					F-48-78-B
bản Khảm	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 53' 26"	104° 51' 48"					F-48-78-B
núi Khau Cườn	SV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 55' 01"	104° 50' 40"					F-48-78-B
bản Khua Ngừa	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 53' 17"	104° 49' 44"					F-48-78-B
bản Liên Hưng	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 54' 19"	104° 49' 18"					F-48-78-B
pu Mẫu	SV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 54' 46"	104° 52' 01"					F-48-78-B
bản Mến	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 53' 20"	104° 49' 17"					F-48-78-B
núi Mỏ Bấu	SV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 52' 03"	104° 52' 48"					F-48-78-B
bản Pán	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 52' 50"	104° 49' 55"					F-48-78-B
suối Páng	TV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ			20° 52' 43"	104° 49' 35"	20° 51' 44"	104° 50' 56"	F-48-78-B
pu Pộc	SV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 54' 17"	104° 51' 28"					F-48-78-B
bản Sài Lương	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 54' 36"	104° 50' 02"					F-48-78-B
suối Sơ Vin	TV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ			20° 55' 22"	104° 49' 47"	20° 54' 08"	104° 52' 15"	F-48-78-B
bản Suối Liếm	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 53' 05"	104° 50' 45"					F-48-78-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phủ Ten	SV	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 52' 55"	104° 49' 19"					F-48-78-B
bản Tong Kiêng	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 54' 49"	104° 49' 38"					F-48-78-B
tiểu khu Trung Tâm	DC	xã Tô Múa	H. Văn Hồ	20° 53' 30"	104° 49' 50"					F-48-78-B
quốc lộ 6	KX	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ			20° 47' 33"	104° 48' 16"	20° 48' 39"	104° 44' 27"	F-48-78-B, F-48-78-A
tiểu khu 56	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 47' 51"	104° 46' 16"					F-48-78-B
hồ Bó Nhàng	TV	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 46' 57"	104° 45' 14"					F-48-78-B
bản Bó Nhàng 1	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 46' 34"	104° 44' 30"					F-48-78-B
bản Bó Nhàng 2	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 45' 56"	104° 45' 12"					F-48-78-B
bản Chiềng Đi 1	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 47' 20"	104° 42' 45"					F-48-78-A
bản Chiềng Đi 2	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 47' 09"	104° 43' 27"					F-48-78-A
bản Hang Trùng 1	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 47' 57"	104° 46' 18"					F-48-78-B
bản Hang Trùng 2	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 47' 36"	104° 46' 39"					F-48-78-B
bản Hua Tạt	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 46' 46"	104° 46' 43"					F-48-78-B
bản Pa Chê	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 47' 44"	104° 45' 23"					F-48-78-B
bản Pa Cốp	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 46' 01"	104° 46' 15"					F-48-78-B
núi Pa Pách	SV	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 46' 38"	104° 41' 29"					F-48-78-A
núi Pa Yếng	SV	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 49' 14"	104° 47' 33"					F-48-78-B
núi Pha Đán	SV	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 46' 15"	104° 47' 35"					F-48-78-B
núi Pha Dong	SV	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 48' 56"	104° 46' 38"					F-48-78-B
núi Sao Đỏ	SV	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 49' 19"	104° 46' 53"					F-48-78-B
hồ Sao Đỏ	TV	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 48' 36"	104° 45' 32"					F-48-78-B
tiểu khu Sao Đỏ 1	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 48' 25"	104° 45' 51"					F-48-78-B
tiểu khu Sao Đỏ 2	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 48' 14"	104° 45' 24"					F-48-78-B
pu Sơ Linh	SV	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 48' 21"	104° 42' 23"					F-48-78-A
bản Suối Lìn	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 48' 34"	104° 47' 14"					F-48-78-B
bản Thường Cường	DC	xã Văn Hồ	H. Văn Hồ	20° 47' 09"	104° 41' 28"					F-48-78-A
suối Bùn	TV	xã Xuân Nha	H. Văn Hồ			20° 42' 52"	104° 42' 47"	20° 42' 42"	104° 45' 20"	F-48-78-C, F-48-78-D
bản Chiềng Nưa	DC	xã Xuân Nha	H. Văn Hồ	20° 42' 11"	104° 45' 48"					F-48-78-D
suối Lấp	TV	xã Xuân Nha	H. Văn Hồ			20° 42' 26"	104° 50' 24"	20° 41' 46"	104° 49' 29"	F-48-78-D
bản Mường An	DC	xã Xuân Nha	H. Văn Hồ	20° 44' 39"	104° 47' 18"					F-48-78-D
bản Nà An	DC	xã Xuân Nha	H. Văn Hồ	20° 44' 10"	104° 47' 47"					F-48-78-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Hiêng	DC	xã Xuân Nha	H. Văn Hồ	20° 42' 10"	104° 46' 32"					F-48-78-D
bản Pù Lầu	DC	xã Xuân Nha	H. Văn Hồ	20° 41' 08"	104° 48' 27"					F-48-78-D
suối Sa Lau	TV	xã Xuân Nha	H. Văn Hồ			20° 44' 27"	104° 46' 22"	20° 39' 48"	104° 49' 02"	F-48-78-C, F-48-78-D
bản Tụn	DC	xã Xuân Nha	H. Văn Hồ	20° 41' 34"	104° 47' 17"					F-48-78-D
tiểu khu 1	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 02' 55"	104° 17' 39"					F-48-65-D
tiểu khu 2	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 03' 01"	104° 17' 50"					F-48-65-D
tiểu khu 3	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 02' 39"	104° 18' 04"					F-48-65-D
tiểu khu 4	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 03' 03"	104° 18' 10"					F-48-65-D
tiểu khu 5	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 03' 07"	104° 18' 20"					F-48-65-D
tiểu khu 6	DC	TT. Yên Châu	H. Yên Châu	21° 03' 03"	104° 17' 23"					F-48-65-D
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 08' 15"	104° 12' 02"	21° 05' 54"	104° 14' 14"	F-48-65-C
bản Chai	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 57"	104° 13' 37"					F-48-65-C
bản Chũm	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 07' 40"	104° 13' 18"					F-48-65-C
núi Co Hay	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 09' 09"	104° 11' 56"					F-48-65-C
núi Co Lưu	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 10' 21"	104° 12' 46"					F-48-65-C
huổi Dăng	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 10' 23"	104° 13' 34"	21° 10' 47"	104° 12' 55"	F-48-65-C
bản Đông Tấu	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 35"	104° 13' 50"					F-48-65-C
suối Hịt	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 09' 01"	104° 12' 40"	21° 05' 45"	104° 13' 51"	F-48-65-C
suối Hủa Mì	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 09' 42"	104° 12' 01"	21° 09' 01"	104° 12' 40"	F-48-65-C
phủ Huát	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 55"	104° 15' 49"					F-48-65-D
bản Huổi Phù	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 40"	104° 13' 03"					F-48-65-C
bản Huổi Siều	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 46"	104° 17' 50"					F-48-65-D
bản Hươn	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 07' 23"	104° 13' 29"					F-48-65-C
bản Kéo Bó	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 10' 55"	104° 13' 24"					F-48-65-C
núi Khum Đin	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 08' 31"	104° 12' 09"					F-48-65-C
bản Lương Mế	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 06"	104° 14' 00"					F-48-65-C
suối Mo	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 06' 14"	104° 16' 02"	21° 06' 07"	104° 14' 18"	F-48-65-D, F-48-65-C
bản Nà Păn	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 07' 19"	104° 14' 15"					F-48-65-C
suối Nà Po	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 06' 47"	104° 16' 42"	21° 06' 36"	104° 18' 28"	F-48-65-D
bản Nặm Ún	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 11"	104° 13' 32"					F-48-65-C
bản Nhóm	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 08' 01"	104° 12' 59"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nóc Ên	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 07' 59"	104° 11' 49"					F-48-65-C
kéo Pa Măn	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 05' 53"	104° 12' 13"					F-48-65-C
núi Pa Măn	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 06' 13"	104° 12' 22"					F-48-65-C
bản Púng Khoai	DC	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 10' 11"	104° 12' 44"					F-48-65-C
phủ Sắn Đán	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 08' 08"	104° 12' 25"					F-48-65-C
Póm Sô Cồ	SV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu	21° 07' 01"	104° 12' 05"					F-48-65-C
súoi Thoang	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 09' 26"	104° 14' 11"	21° 08' 20"	104° 14' 20"	F-48-65-C
huối Thoang	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 07' 47"	104° 16' 47"	21° 07' 42"	104° 14' 37"	F-48-65-D, F-48-65-C
súoi Vạt	TV	xã Chiềng Đông	H. Yên Châu			21° 09' 45"	104° 12' 50"	21° 05' 45"	104° 13' 51"	F-48-65-C
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 02' 25"	104° 21' 10"	21° 00' 05"	104° 24' 01"	F-48-65-D
súoi Ban	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			20° 59' 59"	104° 22' 31"	21° 00' 15"	104° 23' 22"	F-48-77-B, F-48-65-D
bản Bó Kiếng	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 03' 02"	104° 25' 12"					F-48-65-D
súoi Bón	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			20° 59' 36"	104° 22' 28"	20° 59' 59"	104° 22' 31"	F-48-77-B
súoi Cán	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 00' 04"	104° 21' 12"	21° 01' 12"	104° 22' 11"	F-48-65-D
bản Cang	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 00' 02"	104° 20' 46"					F-48-65-D
bản Chi Đầy	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 02' 40"	104° 26' 01"					F-48-65-D
bản Co Sáy	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 03' 24"	104° 23' 21"					F-48-65-D
huối Đậu	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			20° 59' 13"	104° 22' 36"	21° 00' 11"	104° 23' 33"	F-48-77-B, F-48-65-D
núi Đen Mường	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 00' 35"	104° 26' 04"					F-48-65-D
bản Hang Hóc	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 56"	104° 25' 54"					F-48-65-D
bản Hát Sét	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 24"	104° 22' 57"					F-48-65-D
bản Huối Lắc	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 59"	104° 21' 41"					F-48-65-D
bản Huối Mông	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 00' 13"	104° 23' 42"					F-48-65-D
bản Huối Thôn	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 41"	104° 23' 27"					F-48-65-D
bản Huối Toi	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 00' 58"	104° 22' 42"					F-48-65-D
súoi Lắc	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 02' 23"	104° 22' 21"	21° 01' 58"	104° 21' 34"	F-48-65-D
núi Lán Kéo Tong	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 58' 45"	104° 20' 34"					F-48-77-B
núi Lán Lọng	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 58' 05"	104° 20' 44"					F-48-77-B
núi Lén	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 59' 54"	104° 21' 45"					F-48-77-B
súoi Liệp	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 00' 13"	104° 22' 28"	21° 00' 50"	104° 23' 07"	F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
suối Ma Can	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu								F-48-65-D
bản Mường Thương	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 03' 38"	104° 22' 12"						F-48-65-D
bản Nà Ngà	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 00' 53"	104° 23' 28"						F-48-65-D
bản Nà Phiêng	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 47"	104° 21' 19"						F-48-65-D
suối Ngà	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 01' 43"	104° 25' 10"	21° 00' 46"	104° 23' 25"		F-48-65-D
bản Pá Hóc	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 59' 22"	104° 22' 20"						F-48-77-B
núi Pa Lọ	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 59' 05"	104° 20' 13"						F-48-77-B
núi Pa No	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 58' 44"	104° 22' 12"						F-48-77-B
núi Pia	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 58' 04"	104° 21' 28"						F-48-77-B
suối Sáp	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 00' 05"	104° 23' 59"	21° 02' 29"	104° 21' 12"		F-48-65-D
bản Tà Vài	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 02' 14"	104° 21' 31"						F-48-65-D
cầu Tà Vài	KX	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 59"	104° 21' 34"						F-48-65-D
suối Tát	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 02' 48"	104° 21' 56"	21° 02' 04"	104° 21' 31"		F-48-65-D
núi Thảm Choong	SV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	20° 58' 52"	104° 19' 40"						F-48-77-B
huối Thón	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 01' 28"	104° 23' 49"	21° 01' 01"	104° 23' 46"		F-48-65-D
huối Thương	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			21° 03' 07"	104° 25' 10"	21° 04' 03"	104° 23' 45"		F-48-65-D
suối Tòi	TV	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu			20° 59' 43"	104° 21' 30"	21° 00' 53"	104° 22' 30"		F-48-77-B, F-48-65-D
bản Văng Lũng	DC	xã Chiềng Hặc	H. Yên Châu	21° 01' 13"	104° 22' 15"						F-48-65-D
pom Cũ Tháo	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	20° 59' 59"	104° 17' 32"						F-48-65-D
núi Đán Đẳng	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	20° 59' 20"	104° 18' 24"						F-48-77-B
núi Đin Đông	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 00' 58"	104° 17' 22"						F-48-65-D
bản Hiêm	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 22"	104° 20' 12"						F-48-65-D
suối Huối Phưọt	TV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu			21° 01' 37"	104° 20' 06"	21° 02' 01"	104° 20' 24"		F-48-65-D
núi Kéo Sừa	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 00' 28"	104° 20' 05"						F-48-65-D
bản Mế	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 22"	104° 18' 52"						F-48-65-D
bản Na Đông	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 41"	104° 18' 31"						F-48-65-D
hồ Nặm Tùm	TV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 00' 48"	104° 18' 50"						F-48-65-D
bản Ngòang	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 02' 09"	104° 18' 54"						F-48-65-D
Pom Pom Bó	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 02"	104° 19' 55"						F-48-65-D
Pom Pom Ke	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 07"	104° 18' 36"						F-48-65-D
bản Pút	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 12"	104° 19' 18"						F-48-65-D
Pom Sẻ Phi	SV	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 00' 44"	104° 19' 13"						F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tùm	DC	xã Chiềng Khoi	H. Yên Châu	21° 01' 37"	104° 19' 06"					F-48-65-D
Đồn Biên phòng 461	KX	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 50"	104° 10' 03"					F-48-77-A
đường tỉnh 103A	KX	xã Chiềng On	H. Yên Châu			21° 00' 12"	104° 11' 45"	20° 56' 56"	104° 08' 06"	F-48-65-C, F-48-77-A
bản A La	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 19"	104° 09' 47"					F-48-77-A
núi Co Hóc	SV	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 59' 52"	104° 07' 24"					F-48-77-A
suối Co Nồi	TV	xã Chiềng On	H. Yên Châu			21° 00' 26"	104° 07' 27"	21° 00' 27"	104° 10' 24"	F-48-65-C
bản Co Tôm	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 56' 50"	104° 12' 59"					F-48-77-A
suối Co Tôm	TV	xã Chiềng On	H. Yên Châu			20° 57' 02"	104° 12' 59"	20° 57' 43"	104° 13' 43"	F-48-77-A
bản Đin Chi	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 51"	104° 08' 30"					F-48-77-A
núi Ha Húi	SV	xã Chiềng On	H. Yên Châu	21° 00' 46"	104° 07' 28"					F-48-65-C
pu Ka Chiềng	SV	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 51"	104° 07' 21"					F-48-77-A
suối Keo Đồn	TV	xã Chiềng On	H. Yên Châu			21° 00' 02"	104° 12' 36"	20° 59' 53"	104° 13' 09"	F-48-65-C
bản Keo Đồn	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 59' 40"	104° 08' 44"					F-48-77-A
bản Khuáng	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 27"	104° 08' 06"					F-48-77-A
bản Nà Cái	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 08"	104° 08' 18"					F-48-77-A
bản Nà Dạ	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 59' 20"	104° 09' 18"					F-48-77-A
suối Nà Dạ	TV	xã Chiềng On	H. Yên Châu			20° 59' 28"	104° 08' 58"	20° 58' 49"	104° 10' 20"	F-48-77-A
bản Nà Đit	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 58' 44"	104° 10' 22"					F-48-77-A
suối Nà Đit	TV	xã Chiềng On	H. Yên Châu			20° 58' 49"	104° 10' 20"	20° 59' 17"	104° 12' 05"	F-48-77-A
núi Nà Khẩu Gù	SV	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 57' 25"	104° 12' 41"					F-48-77-A
bản Suối Cút	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 57' 30"	104° 11' 03"					F-48-77-A
bản Ta Liễu	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	21° 00' 41"	104° 07' 56"					F-48-65-C
bản Trăm Hóc	DC	xã Chiềng On	H. Yên Châu	20° 59' 50"	104° 11' 04"					F-48-77-A
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu			21° 04' 03"	104° 14' 51"	21° 02' 59"	104° 16' 54"	F-48-65-C, F-48-65-D
bản Bong	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 21"	104° 15' 57"					F-48-65-D
bản Chiềng Phú	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 49"	104° 16' 06"					F-48-65-D
bản Chiềng Thi	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 29"	104° 15' 57"					F-48-65-D
suối Cốc	TV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu			21° 02' 49"	104° 15' 20"	21° 02' 59"	104° 16' 12"	F-48-65-D
núi Cột Cờ	SV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 05' 17"	104° 15' 33"					F-48-65-D
núi Dây Keo Luông	SV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 05' 41"	104° 17' 35"					F-48-65-D
núi Đạn Ngựa	SV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 02' 21"	104° 14' 05"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đôn	SV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 06' 04"	104° 16' 55"					F-48-65-D
núi Kho Luông	SV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 02' 24"	104° 16' 27"					F-48-65-D
núi Lam Săn	SV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 07"	104° 14' 08"					F-48-65-C
bản Na Xanh	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 01"	104° 16' 02"					F-48-65-D
bản Ngựa	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 59"	104° 14' 58"					F-48-65-C
sườn Ngựa	TV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu			21° 04' 32"	104° 15' 16"	21° 03' 43"	104° 15' 14"	F-48-65-D
Ngựa Mới	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 51"	104° 15' 19"					F-48-65-D
Ngựa Thèn	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 38"	104° 15' 06"					F-48-65-D
núi Pam Se	SV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 10"	104° 14' 54"					F-48-65-C
bản Phát	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 14"	104° 16' 42"					F-48-65-D
núi Pom Khán	SV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 02' 39"	104° 15' 02"					F-48-65-D
dãy núi Sóng Khăm Pôm	SV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 06' 17"	104° 16' 47"					F-48-65-D
bản Tát Héo	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 05' 42"	104° 16' 38"					F-48-65-D
núi Thăm Bưng	SV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 06' 09"	104° 18' 03"					F-48-65-D
bản Thàn	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 04' 19"	104° 16' 38"					F-48-65-D
bản Tô Pang	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 04' 31"	104° 15' 53"					F-48-65-D
sườn Tô Pang	TV	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu			21° 05' 11"	104° 15' 50"	21° 03' 10"	104° 16' 43"	F-48-65-D
bản Xốp Sạng	DC	xã Chiềng Păn	H. Yên Châu	21° 03' 02"	104° 16' 23"					F-48-65-D
quốc lộ 6	KX	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu			21° 05' 54"	104° 14' 14"	21° 04' 03"	104° 14' 51"	F-48-65-C
sườn Bời	TV	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu			21° 05' 41"	104° 14' 39"	21° 04' 22"	104° 14' 39"	F-48-65-C
bản Búng Mo	DC	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu	21° 05' 44"	104° 14' 12"					F-48-65-C
bản Chiềng Kim	DC	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu	21° 05' 23"	104° 14' 17"					F-48-65-C
bản Chiềng Săng	DC	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu	21° 05' 05"	104° 13' 48"					F-48-65-C
bản Đán	DC	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu	21° 04' 30"	104° 14' 32"					F-48-65-C
Huổi Lưu	DC	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu	21° 03' 21"	104° 13' 50"					F-48-65-C
huổi Lưu	TV	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu			21° 03' 12"	104° 13' 59"	21° 04' 16"	104° 13' 55"	F-48-65-C
bản Mai Ngập	DC	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu	21° 04' 28"	104° 13' 40"					F-48-65-C
huổi Me	TV	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu			21° 04' 01"	104° 13' 05"	21° 04' 16"	104° 13' 55"	F-48-65-C
sườn Mo	TV	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu			21° 05' 53"	104° 14' 19"	21° 05' 23"	104° 14' 07"	F-48-65-C
sườn Mú	TV	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu			21° 05' 05"	104° 12' 24"	21° 04' 45"	104° 13' 57"	F-48-65-C
sườn Vạt	TV	xã Chiềng Săng	H. Yên Châu			21° 05' 45"	104° 13' 51"	21° 03' 55"	104° 14' 47"	F-48-65-C
Đồn Biên phòng 465	KX	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 53' 13"	104° 22' 05"					F-48-77-B
bản Bó Him	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 51' 20"	104° 24' 56"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Buộm	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 51' 31"	104° 21' 30"					F-48-77-B
núi Chua Lót	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 48' 28"	104° 25' 28"					F-48-77-B
bản Co Lắc	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 53' 30"	104° 21' 06"					F-48-77-B
suối Co Mai	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 51' 13"	104° 20' 25"	20° 53' 29"	104° 20' 22"	F-48-77-B
suối Cúng	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 48' 55"	104° 24' 03"	20° 49' 24"	104° 25' 39"	F-48-77-B
bản Đê A	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 53' 04"	104° 22' 29"					F-48-77-B
bản Đin Chi	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 50' 36"	104° 22' 54"					F-48-77-B
suối Đin Chi	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 50' 04"	104° 23' 31"	20° 50' 41"	104° 23' 02"	F-48-77-B
suối Mơ Tươi	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 51' 46"	104° 22' 34"	20° 53' 25"	104° 22' 30"	F-48-77-B
suối Nắng Góng	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 53' 01"	104° 20' 03"	20° 53' 29"	104° 20' 22"	F-48-77-B
huổi Ngum	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 49' 45"	104° 22' 54"	20° 50' 41"	104° 23' 26"	F-48-77-B
núi On	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 49' 36"	104° 24' 58"					F-48-77-B
bản Pa Kha 1	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 52' 00"	104° 23' 21"					F-48-77-B
bản Pa Kha 2	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 52' 02"	104° 23' 45"					F-48-77-B
bản Pa Kha 3	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 52' 26"	104° 24' 57"					F-48-77-B
bản Pa Khôm	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 51' 08"	104° 21' 15"					F-48-77-B
suối Pá Khôm	TV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu			20° 50' 19"	104° 21' 56"	20° 51' 46"	104° 22' 34"	F-48-77-B
núi Phiêng Xăng	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 52' 52"	104° 21' 36"					F-48-77-B
bản Pom Khốc	DC	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 49' 17"	104° 23' 54"					F-48-77-B
phủ Sặng	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 49' 26"	104° 23' 25"					F-48-77-B
núi Trung Cu Mai	SV	xã Chiềng Tương	H. Yên Châu	20° 52' 28"	104° 20' 01"					F-48-77-B
đường tỉnh 103	KX	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu			20° 56' 48"	104° 20' 00"	20° 55' 45"	104° 26' 26"	F-48-77-B
núi Đá Đỏ	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 54' 32"	104° 22' 37"					F-48-77-B
núi Hóm Hỉnh	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 52' 57"	104° 25' 00"					F-48-77-B
núi Huổi Diên	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 56' 44"	104° 22' 07"					F-48-77-B
núi Kéo Nghe	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 55' 02"	104° 25' 45"					F-48-77-B
núi Khăm Chơi	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 58' 04"	104° 22' 08"					F-48-77-B
núi Lao Nhi	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 53' 04"	104° 24' 47"					F-48-77-B
núi Lũng Chương	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 55' 37"	104° 24' 39"					F-48-77-B
núi Mây Tan	SV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 54' 23"	104° 23' 02"					F-48-77-B
bản Mồ Than	DC	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 56' 09"	104° 22' 00"					F-48-77-B
bản Mơ Tươi	DC	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu	20° 53' 50"	104° 22' 42"					F-48-77-B
suối Mơ Tươi	TV	xã Lóng Phiêng	H. Yên Châu			20° 53' 25"	104° 22' 30"	20° 55' 08"	104° 23' 59"	F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Na Mùa	DC	xã Lũng Phiêng	H. Yên Châu	20° 54' 17"	104° 20' 28"					F-48-77-B
núi Nóc	SV	xã Lũng Phiêng	H. Yên Châu	20° 56' 19"	104° 18' 35"					F-48-77-B
bản Phá Cúng	DC	xã Lũng Phiêng	H. Yên Châu	20° 55' 45"	104° 26' 17"					F-48-77-B
núi Pha Cúng	SV	xã Lũng Phiêng	H. Yên Châu	20° 56' 14"	104° 25' 20"					F-48-77-B
bản Tà Vàng	DC	xã Lũng Phiêng	H. Yên Châu	20° 54' 45"	104° 24' 40"					F-48-77-B
bản To Bướng	DC	xã Lũng Phiêng	H. Yên Châu	20° 56' 11"	104° 24' 17"					F-48-77-B
bản Yên Thi	DC	xã Lũng Phiêng	H. Yên Châu	20° 54' 59"	104° 25' 18"					F-48-77-B
bản Đảo	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	20° 59' 26"	104° 31' 21"					F-48-78-A
bản Khẩu Khoang	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 42"	104° 26' 37"					F-48-65-D
bản Lựm	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 36"	104° 29' 01"					F-48-65-D
bản Luông	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 28"	104° 28' 57"					F-48-65-D
huổi Luông	TV	xã Mường Lựm	H. Yên Châu			21° 01' 45"	104° 27' 12"	21° 00' 52"	104° 31' 01"	F-48-65-D, F-48-66-C-c
bản Na Băng	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 27"	104° 29' 37"					F-48-65-D
bản Na Hát	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 21"	104° 29' 22"					F-48-65-D
huổi Na Hu	TV	xã Mường Lựm	H. Yên Châu			21° 00' 41"	104° 30' 10"	21° 01' 04"	104° 30' 14"	F-48-66-C-c
bản Na Lắng	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 01' 23"	104° 29' 54"					F-48-65-D
bản Ôn Ốc	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	21° 00' 05"	104° 28' 28"					F-48-65-D
bản Pá Khôm	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	20° 58' 58"	104° 29' 19"					F-48-77-B
núi Pá Nay	SV	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	20° 59' 39"	104° 31' 28"					F-48-78-A
bản Pha Đét	DC	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	20° 59' 12"	104° 29' 34"					F-48-77-B
núi Song Song	SV	xã Mường Lựm	H. Yên Châu	20° 58' 35"	104° 28' 50"					F-48-77-B
đội 4	DC	xã Phiêng Khoái	H. Yên Châu	20° 57' 29"	104° 15' 10"					F-48-77-B
đường tỉnh 103	KX	xã Phiêng Khoái	H. Yên Châu			21° 00' 43"	104° 14' 01"	20° 56' 48"	104° 20' 00"	F-48-65-C, F-48-77-B
bản Ái 1	DC	xã Phiêng Khoái	H. Yên Châu	20° 58' 48"	104° 14' 35"					F-48-77-A
núi Bả Tiếng	SV	xã Phiêng Khoái	H. Yên Châu	20° 59' 00"	104° 13' 04"					F-48-77-A
bản Bó Rôm	DC	xã Phiêng Khoái	H. Yên Châu	20° 55' 45"	104° 17' 49"					F-48-77-B
bản Bó Sinh	DC	xã Phiêng Khoái	H. Yên Châu	20° 54' 59"	104° 17' 51"					F-48-77-B
núi Chôm Cạp	SV	xã Phiêng Khoái	H. Yên Châu	21° 00' 37"	104° 13' 57"					F-48-65-C
suối Cò Ho	TV	xã Phiêng Khoái	H. Yên Châu			20° 56' 07"	104° 16' 21"	20° 57' 24"	104° 15' 50"	F-48-77-B
bản Co Mon	DC	xã Phiêng Khoái	H. Yên Châu	20° 57' 34"	104° 14' 53"					F-48-77-A
bản Cồn Huốt 1	DC	xã Phiêng Khoái	H. Yên Châu	20° 57' 42"	104° 17' 44"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cồn Huốt 2	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 50"	104° 16' 59"					F-48-77-B
bản Con Khảm	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 05"	104° 15' 54"					F-48-77-B
đốc Cổng Trời	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 59' 58"	104° 14' 38"					F-48-77-A
sườn Đan Đón	TV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu			20° 58' 43"	104° 17' 04"	20° 57' 57"	104° 18' 25"	F-48-77-B
bản Hang Cẩn	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 54' 29"	104° 18' 42"					F-48-77-B
bản Hang Môn 1	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 40"	104° 20' 22"					F-48-77-B
bản Huổi Sai	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 28"	104° 21' 06"					F-48-77-B
bản Keo Muông	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 12"	104° 17' 08"					F-48-77-B
bản Kim Chung 1	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 57' 25"	104° 18' 53"					F-48-77-B
bản Kim Chung 2	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 59"	104° 19' 10"					F-48-77-B
bản Kim Chung 3	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 57' 06"	104° 19' 37"					F-48-77-B
pu Lan Long	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 28"	104° 16' 47"					F-48-77-B
bản Lao Khố 1	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 54' 50"	104° 14' 47"					F-48-77-A
bản Na Nhươi	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 59' 07"	104° 14' 52"					F-48-77-A
bản Na Nù	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 56"	104° 16' 11"					F-48-77-B
sườn Nậm Pàn	TV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu			20° 56' 05"	104° 14' 24"	20° 59' 43"	104° 13' 21"	F-48-77-A, F-48-77-B
bản Páo Cửa	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	21° 00' 11"	104° 15' 04"					F-48-65-D
núi Pha Bĩa	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 55' 56"	104° 23' 33"					F-48-77-B
bản Pha Bìn	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 55' 52"	104° 19' 06"					F-48-77-B
sườn Phà Tộc	TV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu			20° 56' 08"	104° 14' 13"	20° 57' 19"	104° 14' 15"	F-48-77-A
đồi Phòng Không	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 18"	104° 16' 03"					F-48-77-B
núi Pom Chi Pịa	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 59"	104° 14' 40"					F-48-77-A
núi Sang Đá	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 57' 41"	104° 13' 08"					F-48-77-A
núi Tà Ến	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 38"	104° 23' 06"					F-48-77-B
bản Tà Ến	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 53"	104° 16' 58"					F-48-77-B
bản Tén Luông	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 58' 47"	104° 13' 42"					F-48-77-A
núi Thẩm Bớt	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 55' 31"	104° 18' 42"					F-48-77-B
bản Thanh Yên 1	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 59' 35"	104° 14' 57"					F-48-77-A
bản Thanh Yên 2	DC	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 59' 17"	104° 15' 31"					F-48-77-A
núi Trước Lò Ngòi	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 55' 55"	104° 20' 11"					F-48-77-B
núi Tung Phun	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 56' 40"	104° 15' 04"					F-48-77-B
núi Xua Lai	SV	xã Phiêng Khoài	H. Yên Châu	20° 54' 04"	104° 26' 12"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 6	KX	xã Sập Vạt	H. Yên Châu			21° 03' 03"	104° 18' 41"	21° 02' 25"	104° 21' 10"	F-48-65-D
bản Bật	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 57"	104° 18' 48"					F-48-65-D
bản Đông	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 37"	104° 18' 19"					F-48-65-D
bản Hìn Nam	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 40"	104° 18' 33"					F-48-65-D
bản Khá	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 56"	104° 20' 48"					F-48-65-D
bản Khoóng	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 03' 13"	104° 18' 23"					F-48-65-D
cụm dân cư Lao	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 03' 19"	104° 20' 20"					F-48-65-D
núi Lôm Giên	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 05' 13"	104° 20' 06"					F-48-65-D
bản Mệt	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 57"	104° 20' 07"					F-48-65-D
bản Nà Khái	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 03' 05"	104° 18' 50"					F-48-65-D
bản Na Pa	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 05' 27"	104° 21' 06"					F-48-65-D
súoi Na Pa	TV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu			21° 06' 36"	104° 18' 28"	21° 05' 23"	104° 21' 23"	F-48-65-D
bản Nghè	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 51"	104° 19' 15"					F-48-65-D
bản Nhung	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 06' 37"	104° 19' 22"					F-48-65-D
bản Noóng Khéo	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 06' 43"	104° 18' 37"					F-48-65-D
bản Pá Pách	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 06' 16"	104° 20' 57"					F-48-65-D
bản Pá Sang	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 06' 20"	104° 20' 10"					F-48-65-D
núi Pá Se	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 06' 30"	104° 21' 32"					F-48-65-D
núi Pom Khẩu Mỏ	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 03' 50"	104° 21' 19"					F-48-65-D
núi Pom Khẩu Than	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 17"	104° 19' 26"					F-48-65-D
bản Sai	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 48"	104° 19' 46"					F-48-65-D
núi Sắn Soi	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 04' 23"	104° 19' 10"					F-48-65-D
súoi Sập	TV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu			21° 02' 29"	104° 21' 12"	21° 05' 27"	104° 22' 46"	F-48-65-D
núi Thăm Sứa	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 05' 53"	104° 22' 15"					F-48-65-D
bản Thín	DC	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 43"	104° 20' 31"					F-48-65-D
huổi Thương	TV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu			21° 03' 46"	104° 22' 11"	21° 04' 20"	104° 21' 09"	F-48-65-D
núi Trường Pháng	SV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 03"	104° 20' 50"					F-48-65-D
súoi Vạt	TV	xã Sập Vạt	H. Yên Châu			21° 02' 26"	104° 18' 03"	21° 03' 09"	104° 20' 24"	F-48-65-D
cầu sắt Yên Châu	KX	xã Sập Vạt	H. Yên Châu	21° 02' 53"	104° 19' 05"					F-48-65-D
quốc lộ 6	KX	xã Tú Nang	H. Yên Châu			21° 00' 05"	104° 24' 01"	20° 55' 06"	104° 28' 53"	F-48-65-D, F-48-77-B
súoi Bùn	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 59' 01"	104° 25' 12"	20° 58' 55"	104° 24' 35"	F-48-77-B
bản Chiềng Ban 1	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 40"	104° 26' 10"					F-48-77-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chiềng Ban 2	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 27"	104° 26' 13"					F-48-77-B
bản Cồ Nồng	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 57' 24"	104° 24' 35"					F-48-77-B
bản Cốc Cù	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 59"	104° 23' 08"					F-48-77-B
cụm dân cư Cốc Đưa	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 59' 00"	104° 24' 32"					F-48-77-B
bản Cốc Lắc	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 58"	104° 26' 47"					F-48-77-B
núi Đồng Tinh	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 39"	104° 28' 05"					F-48-77-B
núi Đản Cháp	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 30"	104° 25' 56"					F-48-77-B
bản Đồng Khùa	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 57' 56"	104° 25' 31"					F-48-77-B
núi Hai Cây Thông	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 54' 45"	104° 27' 52"					F-48-77-B
bản Hua Đán	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 55' 16"	104° 27' 26"					F-48-77-B
núi Khóc Tuy	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 55' 54"	104° 29' 24"					F-48-77-B
bản Lắc Kén	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	21° 00' 06"	104° 24' 05"					F-48-65-D
suối Lắc Kén	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			21° 00' 21"	104° 25' 50"	21° 00' 05"	104° 24' 00"	F-48-65-D
bản Nà Khoang	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 56"	104° 25' 43"					F-48-77-B
cụm dân cư Nà Nghịu	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 27"	104° 26' 00"					F-48-77-B
núi On Úc	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 08"	104° 26' 53"					F-48-77-B
núi Pá Puốc	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 22"	104° 24' 35"					F-48-77-B
núi Pá Quan	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 57' 57"	104° 28' 21"					F-48-77-B
huối Pánh	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 58' 09"	104° 26' 20"	20° 57' 07"	104° 26' 25"	F-48-77-B
huối Pha	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 59' 06"	104° 23' 17"	20° 59' 39"	104° 24' 09"	F-48-77-B
suối Pha	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 58' 35"	104° 23' 31"	20° 59' 01"	104° 24' 26"	F-48-77-B
suối Sập	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 55' 02"	104° 28' 50"	21° 00' 05"	104° 23' 59"	F-48-77-B, F-48-65-D
suối So Lung	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 57' 50"	104° 24' 09"	20° 57' 28"	104° 24' 41"	F-48-77-B
bản Suối Bùn	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 58' 48"	104° 24' 16"					F-48-77-B
cầu Tà Lằng	KX	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 12"	104° 27' 53"					F-48-77-B
bản Tà Lằng Cao	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 55' 46"	104° 28' 46"					F-48-77-B
bản Tà Lằng Thấp	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 56' 15"	104° 27' 55"					F-48-77-B
núi Tiên Pan	SV	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 53' 14"	104° 27' 34"					F-48-77-B
bản Tin Tộc	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 57' 10"	104° 24' 56"					F-48-77-B
huối To Bường	TV	xã Tú Nang	H. Yên Châu			20° 56' 38"	104° 24' 06"	20° 57' 49"	104° 25' 26"	F-48-77-B
bản Trung Tâm	DC	xã Tú Nang	H. Yên Châu	20° 57' 32"	104° 25' 58"					F-48-77-B
núi Buộc Mú	SV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 01' 17"	104° 16' 05"					F-48-65-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lòng Co Sắn	TV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu			21° 01' 52"	104° 16' 59"	21° 02' 08"	104° 17' 35"	F-48-65-D
pom Đán Lắng	SV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 04' 25"	104° 18' 08"					F-48-65-D
huổi Hé	TV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu			21° 03' 44"	104° 17' 30"	21° 03' 00"	104° 18' 10"	F-48-65-D
bản Huổi Hẹ	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 03' 29"	104° 17' 58"					F-48-65-D
bản Huổi Qua	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 02' 12"	104° 17' 43"					F-48-65-D
bản Kho Vàng	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 02' 34"	104° 17' 39"					F-48-65-D
phủ Khù	SV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 05' 28"	104° 18' 41"					F-48-65-D
bản Khúm Hiền	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 01' 25"	104° 17' 12"					F-48-65-D
bản Mường Vạt	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 02' 54"	104° 17' 17"					F-48-65-D
bản Na Cóc	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 02' 45"	104° 17' 04"					F-48-65-D
bản Nà Và	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 03' 14"	104° 17' 13"					F-48-65-D
phủ Nhúng Ngỏ	SV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 05' 47"	104° 18' 57"					F-48-65-D
huổi Va	TV	xã Viêng Lán	H. Yên Châu			21° 04' 14"	104° 17' 03"	21° 03' 25"	104° 17' 06"	F-48-65-D
bản Xốp Hẹ	DC	xã Viêng Lán	H. Yên Châu	21° 03' 04"	104° 18' 22"					F-48-65-D
đường tỉnh 103	KX	xã Yên Sơn	H. Yên Châu			21° 03' 14"	104° 11' 43"	21° 00' 43"	104° 14' 01"	F-48-65-C
đường tỉnh 104	KX	xã Yên Sơn	H. Yên Châu			21° 04' 05"	104° 11' 45"	21° 00' 12"	104° 11' 45"	F-48-65-C
bản Bó Phương	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 03' 36"	104° 12' 35"					F-48-65-C
bản Chiềng Hưng	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 03' 39"	104° 11' 42"					F-48-65-C
bản Chiềng Yên	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 02' 53"	104° 11' 11"					F-48-65-C
bản Chờ Lồng	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 03' 02"	104° 11' 50"					F-48-65-C
bản Cò Chia	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 00' 27"	104° 13' 36"					F-48-65-C
núi Co Noi	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 00' 38"	104° 10' 12"					F-48-65-C
núi Cuống Lối	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 00' 52"	104° 13' 43"					F-48-65-C
bản Đán	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 01' 08"	104° 11' 02"					F-48-65-C
suối Keo Đôn	TV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu			20° 59' 43"	104° 11' 54"	21° 00' 02"	104° 12' 36"	F-48-77-A F-48-65-C
bản Kim Sơn 1	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	20° 59' 55"	104° 12' 10"					F-48-77-A
bản Kim Sơn 2	DC	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 00' 37"	104° 11' 34"					F-48-65-C
suối Nậm Pàn	TV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu			20° 59' 58"	104° 13' 14"	21° 03' 53"	104° 11' 05"	F-48-77-A F-48-65-C
phủ Phú San Liêm	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 01' 57"	104° 13' 20"					F-48-65-C
núi Siêng	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 02' 14"	104° 13' 03"					F-48-65-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tam Nôi	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 02' 32"	104° 10' 10"					F-48-65-C
núi Tôm Tăm	SV	xã Yên Sơn	H. Yên Châu	21° 02' 54"	104° 11' 25"					F-48-65-C

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc